**Nguyễn Đình Cống**

**HỌC LÀM**

**PHẢN BIỆN**

NHÀ XUẤT BẢN xxxxxxx

HÀ NỘI- 2021

MỤC LỤC

Lời nói đâu

**A- Vài điều cơ bản**

I- TƯ DUY PHẢN BIỆN

1.1- Nhận thức và tư duy

1.2- Các cấp độ tư duy

1.3- Thế nào là tư duy phản biện

1.4- Ý nghĩa của việc phản biện

II- PHƯƠNG PHÁP SUY LUẬN

2.1- Đại cương về Logic

2.2- Khái niệm

2.3- Phán đoán và suy luận

2.4- Quy luật cơ bản của Logic

2.5- Suy luận diễn dịch

2,6- Suy luận quy nạp

2.7- Những sai lầm

2.8- Ngụy biện

III-CẦN HỌC VÀ LÀM NHỮNG Gì

3.1- Khả năng phản biện

3.2- Những điều cần học

3.3- Làm phản biện

3.4- Phát hiện và phản bác ngụy biện

3.5- Đạo đức của người làm phản biện

**B- Một số bài phản biện**

Lời phi lộ

1-Phản biện Bài của Báo Thanh niên

2-Phản biện vài thành ngữ và câu nói nổi tiếng

3-Phản biện ý kiến về sách “Những lời trăng trối”

4-Phản biện sách “Sức mạnh của cái đúng”

5-Phản biên sách Phê phán

6-Phản biện về đại học tại chức

7-Phản biện về đào tạo tiến sĩ

8-Phản biện về đổi mới toàn diện giáo dục

9-Phản biện về làm và thi hành luật

10-Phản biện về lương hưu

11-Phản biện về học tập tư tưởng Hồ Chí Minh

12-Phản biện bài Quốc tế ca

13-Phản biện lời kết tội

14-Phản biện về ăn quả uống nước

15-Bắt đầu phản biện nhầm lẫn của Mác

16-Phản biện ý kiến của ông Trần Đại Quang về phong trào thi đua

17-Phản biện việc học lý luận chính trị

18- Phản biện nhân thức nhầm của cựu Chủ tich nước

19-Trao đỏi với cựu Chủ tịch nước Trương Tấn Sang

20-Phản biện Quy định nêu gương

21-Phản biện 19 điều cấm đảng viên

22-Một số ngụy biện về quan hệ với Trung Quốc

23-Phản biện bài báo của Lê Văn An

24-Phản biện về chống lật sử

25-Vạch ra ngụy biện của một bài báo

26-Phản biện phong trào thi đua

**C- Phụ lục- Các bài đọc thêm**

1-Bài diễn văn hay nhất

2-Xử lý thông tin

3-HIểu biết thêm về con người

4-Học suy nghĩ

5- Giác ngộ kẻ định giết mình

6-Thuyết phục người canh giữ

7-Phản biện trong sách Tam Quốc

8-Phản biên của người chăn trâu

9-Vài bài phản biện của Phan Khôi

**Lời nói đầu**

Phản biện là một hoạt động cần thiết trong xã hội.

Để đánh giá các luận văn, luận án, công trình khoa học cần có phản biện. Những chủ trương, chính sách, luật pháp khi được phản biện đầy đủ sẽ tăng mức độ chính xác và hiệu quả. Cao hơn là phản biện các lý thuyết khoa học, các học thuyết chính trị. Ngay trong cuộc sống thường ngày, giữa những người thân, bạn bè, đồng nghiệp, giữa cấp trên và cấp dưới không phải bao giờ các ý kiến, các quan điểm đều được thống nhất. Lúc này nếu biết cách phản biện thì có thể tìm được tiếng nói chung, còn không thì dễ phát sinh cãi cọ, mâu thuẩn.

Không chỉ những việc quan trọng, những vấn đề về khoa học, những ý kiến bất đồng cần phản biện mà nhiều thông tin hàng ngày cũng rất cần phản biện để loại bỏ tin giả, bịa đặt, để ngăn ngừa và xử lý sự dối trá, lừa bịp.

Phản biện về khoa học, về các vấn đề chính trị, xã hội là việc khó, cần trình độ chuyên môn, biết phương pháp và trung thực, là nhiệm vụ của các trí thức có trách nhiệm. Phản biện những thông tin hàng ngày thì nhiều người làm được với điều kiện có suy nghĩ, biết cách làm. Không phải chỉ những người có tri thức cao biết làm phản biện mà những người ít học, ngay cả trẻ con đều có thể và cần làm phản biện.

Trong những nền giáo dục khai phóng trẻ em đã được học và thực hành phản biện. Lớn lên các em trở thành những con người năng động, sáng tạo.

Ngược lại trong nền giáo dục áp đặt, dù ở gia đình hay nhà trường, trẻ bị ngăn cấm phản biện người bề trên, chúng lớn lên thành những người chỉ biết vâng lời, chỉ biết thừa hành máy móc. Tuy vậy, một số em nhờ có những hạt giống tích cực bẩm sinh mà vượt qua được sự áp đặt, trở thành những trẻ tự chủ, có tính năng động, biết phản biện và sáng tạo. Những em đó một thời bị mang tiếng ngang bướng, bất trị, cá biệt, một số bị vùi dập, nhưng rồi có nhiều em sẽ trưởng thành, làm được những kỳ công.

Phản biện là cần, là con dao sắc để đẽo gọt, tạo ra thông tin đúng và đẹp, nhưng nếu không biết dùng thì có thể làm hỏng nó, làm đứt tay, chảy máu.

Phản biện cũng giống như nhiều phẩm chất khác, được hình thành và phát triển từ hai nguồn: Tiên thiên và hậu thiên. Tiên thiên là phần có trước khi sinh ra nhờ di truyền và bào thai hấp thụ được khí tinh hoa của trời đất. Hậu thiên là phần có sau do học tập, được giáo dục, rút kinh nghiệm.

Tài liệu này chủ yếu trình bày những vấn để liên quan đến hậu thiên.

Hồi Quân chủ, tuy vua nói gì mọi người phải nghe, nói ngược lại là phạm tội khi quân, bị giết. Tuy vậy ở nhiều triều đại vẫn có chức gián quan để phản biện việc làm sai trái của vua. Là minh quân vua sẽ lắng nghe, còn không phải minh quân thì những lời phản biện chỉ được lưu giữ trong sử sách. Đó là trường hợp của Chu Văn An, của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Đầu thế kỷ 20 ở Việt Nam xuất hiện nhà phản biện nổi tiếng Phan Khôi (1887-1959). Ông đã viết nhiều bài phê phán các quan điểm và công việc của Triều đình, của nhà nước bảo hộ, của Nho giáo, của truyền thống và phong tục, của một số cá nhân. (Lại Nguyên Ân là nhà văn có nhiều sưu tập về ông).

Bút chiến là một dạng phản biện qua lại. Từ năm 1935 đến 1939 ở Việt nam đã có cuộc bút chiến giữa phái “Nghệ thuật vị nghệ thuật” do Hoài Thanh làm chủ soái và phái “Nghệ thuật vị nhân sinh” do Hải Triều dẫn dắt.

Trong văn học có hoạt động phê bình, một dạng của phản biện. Gần đây những phản biện của Hoàng Tuấn Công về các sai sót, nhầm lẫn trong một số Từ điển gây được nhiều chú ý.

Phản biện không đồng nhất với tranh luận hoặc đối thoại, khác với hùng biện. Các hoạt động này có những điểm giống nhau, nhưng cơ bản khác nhau, chúng nhằm vào những mục tiêu khác nhau.

Sách này gồm 3 phần:

A-Vài điều cơ bản-Trình bày hiểu biết về phản biện mà tác giả đã học được.

B-Một số bài phản biện của tác giả.

C-Phụ lục- Một vài câu chuyện và bài liên quan đến phản biện của tác giả và thu thập được.

Mong ước của tác giả là góp phần nâng cao sự hiểu biết và thực hành phản biện cho những người quan tâm mà chưa có được sự thành thạo cần thiết.

Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng chắc rằng khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được sự phê bình, góp ý của các bậc thức giả và của bạn đọc. Ý kiến xin gửi vào Email : ndcong37@gmail.com

**A**

**VÀI ĐIỀU CƠ BẢN**

**I**

**Tư duy phản biện**

* 1. **NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY**

Con người được tạo nên bởi sự kết hợp của phần hữu hình và vô hình. Phần hữu hình là từ các nguyên tử, phân tử vật chất, cấu tạo nên các tế bào, từ đó tạo nên các bộ phận của cơ thể. Phần vô hình bao gồm các tầng hào quang, hệ thống các luân xa cùng những tư tưởng, tình cảm. Quan trọng nhất của phần vô hình là Tâm thức được hợp từ hai nguồn là ý thức và tiềm thức.

Ý thức liên quan đến hoạt động của bộ não. Tiềm thức gồm những thông tin chứa trong một trung tâm, Duy Thức Luận của Phật giáo gọi là Tàng Thức, tiếng Phạn là A Lại Da Thức.

Ý thức được hình thành trong não do sự tiếp nhận thông tin từ các giác quan và từ hoạt động của não.

Thông tin trong tiềm thức có từ ba nguồn. Thứ nhất là từ tiên thiên. Thứ hai là các tầng hào quang tiếp nhận sóng tâm linh. Thứ ba là thông tin từ bộ não tự động truyền vào Tàng thức. Bình thường bộ não không biết được thông tin và sự hoạt động của tiềm thức.

Nếu cho rằng nhận thức là những điều người ta biết được, hiểu được, suy nghĩ về nó thì nhận thức chỉ bao gồm một phần của Tâm thức.

Suy nghĩ (Tư duy) là chức năng quan trọng của não. Việc học trong suốt cuộc đời một phần là thu nhận kiến thức, nhưng chủ yếu là học cách suy nghĩ. Có kiến thức là cần nhưng biết suy nghĩ đúng còn cần hơn, nó giúp tạo trí thông minh, tạo khẳ năng ứng phó với mọi tác động.

Khi có một ý nghĩ xảy ra trong não thì có thể là do cảm nhận hoặc do tư duy. Cảm nhận đến từ tiềm thức, nó tạo nên cảm xúc, phản ảnh vào ý thức một cách tức thời. Khi người ta bình tĩnh, thoải mái thì nhiều khi cảm nhận là đúng. Nhưng khi người ta bị xúc động, mất bình tĩnh thì cảm nhận thường có lệch lạc.

Trong mọi trường hợp cần phải có tư duy lý tính.

**1.2-CÁC CẤP ĐỘ TƯ DUY**

Người ta tư duy khi cần làm rõ một sự vật, một thông tin nào đó, bằng cách đặt và trả lới các câu hỏi : ai, cái gì, ở đâu, bao giờ, như thế nào, từ đâu ra, tại sao như vậy, sẽ đi đến đâu, giải quyết thế nào v.v…

Tư duy của con người có thể từ những thứ nhỏ nhặt, tầm thường như nghĩ về hạt bụi, lá cây, giọt nước, đến việc làm ăn, học hành, sinh sống, quan hệ xã hội, cho đến những việc quốc gia đại sự, việc của thế giới, của vũ trụ.

Tư duy được phân loại theo một số cách. Theo đối tượng có tư duy ngôn ngữ và tư duy hình ảnh. Theo hình thức có tư duy so sánh, tư duy phân tích, tư duy tổng hợp.

Tư duy ngôn ngữ sử dụng các mệnh đề, các câu để phán đoán, để suy luận. Đó là loại tư duy thông thường nhất. Tư duy hình ảnh dựa và khả năng tưởng tượng, đó là hoạt động chủ yếu của các họa sĩ, các nhà thiết kế.

Theo cấp độ tư duy có các mức từ thấp đến cao. Đó là tư duy kinh nghiệm, tư duy logic, tư duy sáng tạo. Tư duy kinh nghiệm là những suy nghĩ, dựa vào kinh nghiệm và kiến thức phổ thông tích lũy được từ cuộc sống. Tư duy logic dựa vào những kiến thức khoa học để suy luận. Tư duy sáng tạo là nghĩ ra được những điều mới lạ, chưa từng có.

Tư duy phản biện là mức cao của tư duy logic.

Tư duy đột phá là đỉnh cao của tư duy sáng tạo.

**1.3- THẾ NÀO LÀ TƯ DUY PHẢN BIỆN**

Đối tượng phản biện, đơn giản là một câu nói, một ý kiến, một việc làm, trung bình là một bài luận, bài phát biểu, bài báo, cao hơn một chút là một quyển sách, một tác phẩm khoa học, một nghị quyết hoặc chủ trương đường lối nào đó, cao hơn nữa là các học thuyết về khoa học, chính tri. Gọi chung lại là đối tượng hoặc thông tin. Người đưa ra, công bố thông tin được gọi là **chủ thể** (của thông tin)

Phản biện một thông tin là dùng trí tuệ để xem xét thông in đó một cách kỹ càng, toàn diện, đầy đủ mọi khía cạnh để xem nó đúng sai, hay dở như thế nào. Tư duy phản biện thuộc loại tư duy phân tích.

Tiêu chuẩn để xem xét là việc đối chiếu nó với thực tế, vận dụng nó vào thực tế. Tuy vậy thực tế diễn ra muôn hình ngàn vẻ. Phải lựa chọn những thực tế đã được kiểm chứng.

Với những thông tin tương đối phức tạp trở lên cần so sánh đối chiếu với những đối tượng tương tự, phải vận dụng những chân lý phổ quát.

Để phản biện phải dựa vào tư duy lý tính, không thể vội vàng dựa vào cảm tính.

Phản biện cần chỉ ra chỗ đúng, chỗ hay của đối tượng, nhưng cần hơn là chỉ ra được những thiếu sót, những bất đồng. Để làm việc này cần những chứng cứ rõ ràng, những lập luận chính xác, chặt chẽ, có sức thuyết phục.

Chỉ ra chỗ bất đồng có nghĩa là nêu ý kiến ngược lại. Nhưng nói ngược lại hoặc nói khác đi chưa phải là phản biện nếu chỉ mới nêu ra nội dung. Phản biện là phải dựa trên lập luận và chứng cứ.

Nghi ngờ cũng chưa phải là phản biện. Nó chỉ là bắt đầu để xem xét có cần phản biện hay không.

Phản biện thông tin A trong trường hợp vắng mặt chủ thể thì A giữ nguyên trạng thái mà không có thay đổi gì kịp thời. Vì vậy phản biện khác với tranh luận, khi mà hai bên trao đi đổi lại các ý kiến.

Cũng không thể xem hiện tượng gàn, nói ngang, cãi chầy cãi cối là phản biện.

Sau khi nhận được phản biện của B về thông tin A, chủ thế của nó có thể chấp nhận hoặc phản bác. Phản bác từng phần hoặc toàn bộ. Đó là phản biện lại.

Vậy người thứ ba, khi có thông tin về A và phản biện bất đồng của B thì chớ vội tin vào bên nào cả. Đó là hai nguồn thông tin trái chiều. Người thứ ba có thể phản biện lại thông tin do B đưa ra.

Một điều quan trọng là “tự phản biện”. Đó là việc tự mình hoặc nhờ cậy sự giúp đỡ của người khác phản biện thông tin mà mình sẽ công bố.

**1.4-Ý NGHĨA CỦA VIỆC PHẢN BIỆN**

Làm phản biện có hai ý nghĩa lớn. Một là chỉ ra được chỗ đúng hoặc sai, hay hoặc dở của một thông tin để cho mình và những người khác hiểu đúng hơn về thông tin đó. Từ chỗ phản biện thông tin sẽ tiến đến có cách nhìn toàn diện hơn về chủ thể. Hai là qua việc làm phản biện một cách nghiêm túc mình sẽ học hỏi thêm được những điều mà trước đây chưa biết, nâng cao được nhận thức và trí tuệ, cũng là dịp để rèn luyện, củng cố những đức tính tốt trong xử thế và nghiên cứu khoa học.

Phản biện thông tin, nhưng không phải bất kỳ thông tin nào nhận được cũng cần phản biện. Có nhiều thông tin chỉ nghe qua, xem qua cho biết mà không cần phản biện vì rằng ngoài mục đích và ý nghĩa tốt việc phản biện còn làm cho ta tốn thời gian, đặc biệt là khi muốn phản biện những điều không thuộc chuyên sâu của mình.

Các thể chế độc tài thường chỉ thích nghe ca ngợi mà không hoặc ít thích nghe phản biện. Một xã hội mà không có phản biện thường lâm vào cảnh trì trệ, thoái hóa.

**II**

**Phương pháp suy luận**

**2.1- ĐẠI CƯƠNG VỀ LOGIC**

Logic học là khoa học về tư duy, bao gồm các hình thức tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận) các quy luật và nguyên tắc của tư duy, các phương pháp tư duy chính xác.

Những nghiên cứu ban đầu về tư duy đã xuất hiện ở Ấn Độ cách nay trên 5 ngàn năm, nhưng người đặt nền móng cho Logic học hiện đại là Aristote (384-322 trCN), thời Hy Lạp cổ đại.

Logic của Aristote và những thế hệ tiếp theo là logic hình thức (cổ điển). Hiện nay, ngoài logic hình thức còn có những logic khác như logic biện chứng, logic toán, logic triết, logic trò chơi, logic mờ. Sự phát triển của công nghệ thông tin, của máy tính một phần nhờ vào thành tựu của logic học.

Logic hình thức gần giống như Toán hoc, phải dựa vào các Tiên đề, mà tiên đề chỉ được công nhận, không chứng mịnh, Với 5 tiên đề Euclid người ta đã xây dựng nên lâu đài hình học đồ sộ. Tuy vậy Lobasepski đã sửa đổi tiên đề về đường thẳng song song để xây dựng nên Hình học phi Euclid, có những ứng dụng để nghiên cứu Vũ trụ.

Trong những tiên đề của logic hình thức (quy luật, quy tắc) có những tiên đề mà khi vận dụng cho đời sống thực tế cần cân nhắc, vì nếu vận dụng một cách máy móc sẽ không phù hợp. Thí dụ quy luật cơ bản số 3 (luật triệt tam) nói rằng : “Một vật chỉ có 2 trạng thái (có hoặc không, đúng hoặc sai) chứ không thể có trạng thái thứ ba”. Điều này nhiều lúc không áp dụng được cho thực tế vì nhiều việc trong đời sống không phải chỉ có một trong hai trạng thái mà có thể có đồng thời hoặc có các trạng thái trung gian khác. Đó là nguyên nhân làm xuất hiện Logic mờ.

**2-2 KHÁI NIỆM**

**2.2.1- Khái niệm là gì**

Trong tiếng Việt từ “ khái niệm” được dùng theo một số nghĩa: nghĩa thông thường và nghĩa khoa học. Nghĩa thông thường được ghép với chữ “về” thành cụm từ “ khái niệm về”…, được hiểu là nhận thức sơ bộ, sự hiểu chung chung, đại khái về đối tượng, sự vật được xem xét, thí dụ: Khái niệm về từ trường, khái niệm về dòng điện v.v…Nghĩa khoa học, là một thuật ngữ dùng trong logic học, để nhận thức. Mỗi môn khoa học gồm một hệ thống các khái niệm. Thí dụ môn Hình học có các khái niệm: Điểm, đường thẳng, mặt phẳng, góc, đường phân giác v.v…; môn Điện học có các khái niệm: Điện tích, dòng điện, điện thế, điện trở, điện dung v.v…; môn Sức bền vật liệu có các khái niệm vật thể, liên kết, tải trọng, phản lực, nội lực, ứng suất, biến dạng v.v…Mỗi môn khoa học, ngoài các khái niệm riêng rẽ thì còn gồm các liên kết giữa các khái niệm để tạo thành các định luật, định lý, công thức v.v…

Cần phân biệt đối tượng thực và khái niệm. Đối tượng thực tồn tại khách quan còn khái niệm là thuộc nhận thức của chúng ta về nó, khái niệm là cái ở trong đầu chúng ta. Khái niệm là toàn bộ hiểu biết đã khái quát những dấu hiệu bản chất về một đối tượng hoặc hiện tượng ( sau khi đã gạt bỏ những thứ không cần thiết, thứ yếu )

**2.2.2 – Các bộ phận của một khái niệm**

Mỗi khái niệm gồm 3 bộ phận : nội dung, tên gọi, định nghĩa.

Nội dung khái niệm gồm 2 phần : nội hàm và ngoại diên

Nội hàm gồm các dấu hiệu bản chất, phân biệt khái niệm này với khái niệm khác.

Ngoại diên là các dạng thể hiện, các hình thức tồn tại.

Thí dụ khái niệm dòng điện: Nội hàm là sự dịch chuyển có định hướng của điện tích, ngoại diên gồm dòng một chiều, dòng xoay chiều, dòng trong dây dẫn, dòng trong chất lỏng v.v…; khái niệm hình tam giác: Nội hàm là hình gồm 3 cạnh khép kín, ngoại diên gồm tam giác thường, tam giác cân, tam giác đều, tam giác vuông; khái niệm ứng suất: Nội hàm là nội lực tại một điểm, ngoại diên gồm có ứng suất pháp, ứng suất tiếp, ứng suất chính, ứng suất phẳng, ứng suất khối…

Tuỳ thuộc vào nội dung, một khái niệm có thể là khái niệm cụ thể hoặc khái niệm trừu tượng.

Tên của khái niệm do người ta đặt ra để gọi, để phân biệt các khái niệm với nhau. Tên gọi thường do một người nào đó đặt ra đầu tiên (thường là người tìm ra khái niệm đó), mọi người dùng, lâu trở thành quen. Một số tên gọi được dịch từ tiếng nước ngoài, khi dịch như vậy cũng tương tự như đặt tên cho khái niệm theo ngôn ngữ khác. Khi đặt tên cho khái niệm người ta có xu hướng tìm các từ để thể hiện bản chất của nó hoặc có một ý nghĩa nào đấy. Tuy vậy cũng thường gặp một số tên gọi mà ban đầu chưa có ý nghĩa gì rõ ràng nhưng dùng mãi thành quen, trong số này có nhiều tên nước ngoài được phiên âm ( ôxy, parabôn, laptôp…).

Định nghĩa dùng để hiểu đúng khái niệm. Mỗi khái niệm cần được định nghĩa rõ ràng, chính xác, ngắn gọn. Có một số cách định nghĩa khác nhau tuỳ thuộc loại khái niệm.

Thường thì người ta dựa vào nội hàm, kể ra các dấu hiệu bản chất và đặc trưng của đối tượng đến mức cần và đủ. Thí dụ, định nghĩa dòng điện là sự chuyển động định hướng của điện tích, tam giác là hình có 3 cạnh khép kín v.v…

Một cách định nghĩa hay được dùng là theo lối dây chuyền. Đầu tiên định nghĩa A, dựa vào A để định nghĩa B, dựa vào B định nghĩa C…, trong đó cái được định nghĩa gọi là “ giống”, cái được dựa vào gọi là “ loài”. Như vậy là thông qua loài để định nghĩa giống. Thí dụ đã có định nghĩa hình đa giác (hình phẳng có nhiều cạnh khép kín) , định nghĩa hình tứ giác là đa giác có 4 cạnh, định nghĩa hình thoi là tứ giác có các cạnh bằng nhau, hình bình hành là tứ giác có các cạnh song song, hình chữ nhật là hình bình hành có các góc vuông… Định nghĩa được dựa vào loài và chỉ ra đặc điểm của giống. Cách định nghĩa như vậy giống với cách chứng minh các định lý trong hình học, trong đó có những điều được công nhận ngay từ đầu mà không chứng minh (các tiên đề). Cũng tương tự, có thể gặp một số khái niệm đầu tiên rất khó định nghĩa cho thật chính xác, người ta chỉ có thể đưa ra một số dấu hiệu và công nhận như một “ tiên đề” để từ đó định nghĩa các khái niệm khác.

Một số khái niệm có thể định nghĩa theo cách phát sinh, thí dụ : Hình tròn là hình phẳng tạo bởi một điểm chuyển động cách đều một tâm cho trước.

Còn có một vài cách định nghĩa khác nữa và mỗi khái niệm có thể được định nghĩa theo một số cách khác nhau, nhưng dù theo cách nào thì định nghĩa cũng phải rõ ràng, cân đối, không được dùng cách phủ định và không được vòng quanh (là dùng A để định nghĩa B và dùng B để định nghĩa A). Thí dụ có thể định nghĩa hình vuông theo các cách sau : 1- Là hình tứ giác có các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau. 2- Là hình chữ nhật có các cạnh bằng nhau. 3- Là hình thoi có các góc vuông.

Các định nghĩa của khái niệm thường được cho trong các từ điển giải nghĩa, tuy vậy phải là từ điển chuyên ngành mới cho được định nghĩa tương đối chính xác, đầy đủ còn trong các từ điển phổ thông, khi giải thich các thuật ngữ chuyên sâu thường chỉ cho định nghĩa sơ lược. Định nghĩa các khái niệm có chuyên môn sâu thường được cho trong các tài liệu chuyên ngành.

**2.2.3- Các cách tiếp cận với khái niệm**

Có hai cách: cách của người nghiên cứu phát hiện ra và cách của người kế tục hoặc học tập.

Người phát hiện, trước hết là tìm ra bản chất, nội dung của khái niệm, họ mô tả, đặt tên rồi đưa ra định nghĩa và trình bày cách dùng. Ban đầu định nghĩa có thể chưa được hoàn thiện, về sau sẽ được chính xác hoá dần dần.

Người kế tục hoặc học tập trước hết gặp tên khái niệm, tìm hiểu định nghĩa rồi mới nắm được nội dung.

Tên các khái niệm thường là khác nhau trong các ngôn ngữ. Thí dụ tiếng Việt là “cái bàn”, tiếng Anh là “table”, tiếng Nga là “xtôl” . Tuy vậy khi nghe bằng ngôn ngữ nào trong đầu người nghe cũng hình thành một khái niệm giống nhau (miễn là hiểu được ngôn ngữ ấy).

Về tên gọi, có thể gặp một khái niệm nhưng có các tên gọi khác nhau trong cùng một ngôn ngữ. Việc này thường là do các người khác nhau dịch một thuật ngữ nước ngoài thành các từ hoặc cụm từ khác nhau, cũng có thể do các nhóm người khác nhau dùng các từ theo thói quen và chưa thống nhất được. Thí dụ cũng đồ vật ấy người vùng này gọi là cái bát, người vùng khác gọi là cái chén, cũng con vất ấy người gọi là cào cào, người gọi là châu chấu.

Cũng thường gặp các khái niệm khác nhau nhưng có tên gọi gần giống nhau hoặc giống nhau, đó là hiện tượng đồng âm trong ngôn ngữ. Để tránh việc dùng nhầm khái niệm (hoặc tên) cần phải có định nghĩa và thống nhất thuật ngữ khi bắt đầu công việc nghiên cứu hoặc thảo luận.

**2.2.4- Thao tác trên khái niệm**

Một khái niệm có thể được phân chia (thu hẹp) hoặc mở rộng. Đó là một số thao tác trên khái niệm.

Phân chia là đem một khái niệm có ngoại diên rộng (gọi là loài) phân thành một số khái niệm có ngoại diên hẹp hơn (gọi là giống) trên cùng một dấu hiệu bản chất. Thí dụ loài động vật có xương sống được phân thành các giống bò sát, ếch nhái, cá, chim, có vú v.v..

Mở rộng khái niệm là thao tác ngược lại với phân chia. Các khái niệm có cùng bản chất được mở rộng đến mức tối đa sẽ thành “phạm trù”. Thuật ngữ phạm trù được dùng trong môn Lôgic học hình thức, trong các giáo trình thông thường ít dùng. Phạm trù được xác định nhờ thao tác mở rộng khái niệm đến mức tối đa. Thí dụ mở rộng các khái niệm nội lực, ngoại lực, mômen , tải trọng…đến mức tối đa sẽ có phạm trù “lực”, các đường parabôn, hyperbôn, tròn, enlip, hình sin…đều thuộc phạm trù “đường cong”. Phạm trù là tập hợp các sự vật có cùng bản chất. Mỗi môn khoa học được xây dựng nên từ hệ thống các khái niệm và các phạm trù.

**2.3- PHÁN ĐOÁN VÀ SUY LUẬN**

**2.3.1- Phán đoán**

Phán đoán là mệnh đề liên kết các khái niệm. Dạng cơ bản gồm hai khái niệm, một đóng vai trò chủ từ (hoặc chủ ngữ) ký hiệu S, khái niệm khác đóng vai trò vị từ (hoặc vị ngữ), ký hiệu P. Có những dạng phán đoán cơ bản như sau :

Tất cả S là P- phán đoán khẳng định toàn bộ, ký hiệu bằng chữ A.

Một số S là P- phán đoán khẳng định bộ phận, ký hiệu I.

Mọi S không là P- phán đoán phủ định toàn bộ, ký hiệu E.

Một số S không là P- phán đoán phủ định bộ phận, ký hiệu O.

S có thể là P, không thể là P- phán đoán nghi ngờ.

Phán đoán do người nghiên cứu đưa ra, có dạng trực tiếp và gián tiếp.

Phán đoán trực tiếp dựa trên việc thu nhận thông tin từ các sự vật tồn tại ngoài ý thức. Thường là do quan sát sự vật, hiện tượng rồi rút ra. Tùy theo trình độ và ý thức của chủ thế mà phán đoán có thể là đúng (chân thật) hoặc sai (giả dối).

Phán đoán gián tiếp là kết quả được rút ra từ suy luận.

**2.3.2- Suy luận**

Suy luận là thao tác lôgic để từ một hoặc một vài phán đoán đã được công nhận làm luận cứ để suy ra một kết luận (là một phán đoán mới). Mỗi suy luận gồm ba phần: Luận cứ, Luận chứng và Luận đề.

Luận cứ là những chứng cứ, những phán đoán được dựa vào để suy luận, chúng đóng vai trò Tiên đề.

Luận chứng là cách lập luận, cách chứng minh, là việc vận dụng các quy luật, quy tắc của logic để suy luận.

Luận đề (hoặc Kết đề) là kết luận được rút ra từ suy luận. Nó có thể được công nhận khi toàn bộ quá trình suy luận là đúng, chặt chẽ, nó bị bác bỏ khi trong quá trình suy luận phạm phải sai lầm (trong luận cứ, trong luận chứng hoặc cả hai).

Suy luận có hai phương pháp chính là Quy nạp và Diễn dịch.

**2.4 – QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA LOGIC**

Lôgic hình thức có bốn quy luật cơ bản, được trình bày tóm tắt như sau :

1-Quy luật đồng nhất : Mọi vật phải đồng nhất với chính nó.

Vật ở đây là khái niệm, phán đoán hoặc suy luận. Trong quá trình lập luận thì một vật phải được dùng theo cùng một nghĩa, không được thay đổi, lẫn lộn, đánh tráo.

Một cách diễn tả khác: Mọi tư tưởng phản ảnh cùng một đối tượng, trong cùng một quan hệ thì phải đồng nhất với chính nó.

2- Quy luật cấm mâu thuẩn: Một vật không thể vừa có vừa không có cùng một lúc.

Diễn tả khác : Một phán đoán không thể vừa là chân thật vừa là giả dối. Hoặc: Hai phán đoán trái ngược nhau không thể đồng thời là chân thực.

3- Quy luật bài trung (triệt tam): Một vật có hoặc không có (phải hoặc không phải là…) chứ không có trường hợp thứ ba.

Diễn tả khác: Một phán đoán chỉ có thể là chân thật hoặc giả dối chứ không thể có giá trị thứ ba nào khác.

4- Quy luật lý do đầy đủ: Tất cả những gì tồn tại đều có lý do để tồn tại.

Diễn tả khác: Một tư tưởng được coi là chân thực khi có lý do đầy đủ làm căn cứ.

Các quy luật trên đây dùng làm cơ sở cho việc suy luận. Trong các sách về logic đều gọi là quy luật, nhưng chúng không giống như các quy luật trong Vật Lý (đúng hoàn toàn, không có ngoại lệ) mà giống như Hệ Tiên đề trong toán học.

Ngoài 4 quy luật cơ bản thì trong suy luận còn cần tuân thủ các quy tắc cho tiên đề và kết đề.

**2.5- SUY LUẬN DIỄN DỊCH**

Diễn dịch là cách suy luận đi từ tổng quát đến trường hợp riêng, từ nguyên lý tới hậu quả của nguyên lý ấy. Có hai cách diễn dịch là trực tiếp và gián tiếp.

Diễn dịch trực tiếp là cách đi thẳng từ một phán đoán tiên đề đến kết luận mà không dùng các bước trung gian. Thí dụ: Ngôi nhà này đặt trực tiếp trên nền đất yếu, ngôi nhà sẽ bị lún.

Quy tắc của diễn dịch trực tiếp là: Nếu phán đoán ở tiên đề không phải là toàn bộ thi kết luận cũng không phải là toàn bộ.

Diễn dịch gián tiếp là cách dùng từ hai phán đoán trở lên làm tiên đề, suy luận qua một vài bước trung gian. Thường gặp kiểu luận ba đoạn (tam đoạn luận).

Luận ba đoạn gồm 3 thuật ngữ và 3 mệnh đề. Ba thuật ngữ gồm S, P và M, trong đó S và P là thành phần chính, M là trung gian Ba mệnh đề gồm hai tiên đề liên kết giữa M với S và P và mệnh đề thứ ba là kết đề. Trong kết đề thì S là chủ từ, P là vị từ còn trong hai tiên đề thì S, P và M có thể là chủ từ hoặc vị từ của phán đoán, chủ từ đứng trước. Tiên đề chứa M và P là tiên đề lớn, tiên đề chứa M và S là tiên đề nhỏ. Kết đề chỉ ra quan hệ S-P. Mỗi mệnh đề có thể thuộc một trong bốn dạng phán đoán : A, I, E, O.

Thí dụ : - Mọi sinh vật (M) đều phải chết (P)– ( tiên đề 1 ); ( M -- P)

- Ông Beo (S) là một sinh vật ( M) - ( tiên đề 2 ); (S—M)

- Ông Beo (S) sẽ phái chết (P) - ( kết đề ); (S- -P)

Tiên đề 1 là lớn, trong đó mọi sinh vật (M) là chủ ngữ, chết (P) là vị ngữ. Tiên đề 2 là nhỏ, trong đó ông Beo (S) là chủ ngữ, sinh vật (M) là vị ngữ.

Có bốn dạng tam đoạn luận tùy theo tương quan giữa M với S và P thể hiện trong hai mệnh đề đầu tiên:

Dang 1 : (M—P) và (S—M)

Dạng 2 : (P—M) và (S—M)

Dạng 3 : (M—P) và (M—S)

Dạng 4 : (P—M) và (M—S)

Tam đoạn luận có các quy tắc (Qt) sau :

Qt 1- Có 3 mệnh đề và 3 danh từ logic S, P, M

Qt 2- M phải có ít nhất 1 lần là phán đoán A (khẳng định toàn thể)

Qt 3- Nếu S hoặc P không là A ở tiên đề thì không thể là A ở kết luận.

Qt 4- Nếu cả 2 tiên đề là phủ định (E, O) thì không thể kết luận.

Qt 5- Nếu một trong hai phán đoán tiên đề là phủ định thì kết luận là phủ định.

Qt 6-Nếu cà hai phán đoán tiên đề là bộ phận thì không thể lết luận.

Qt 7- Nếu một trong hai phán đoán tiên đề là bộ phận thì kết luận là bộ phận.

Qt 8- Nếu cả hai phán đoán tiên đề là khẳng định thì kết luận là khẳng định

Nếu quy tắc bị vi phạm thì không thể công nhận kết luận.

Thí dụ : A nhỏ thua C (S—M) , B nhỏ thua C (P--M ). Vậy A bằng B.

Kết luận không được công nhận vì đã vi phạm Qt 4 hoặc Qt 6.

Thí dụ khác : Mọi loài chim đều biết bay (P--M). Bồ câu là một loài chim (S--M). Vậy bồ câu biết bay. Kết luận không được công nhận (tuy đúng với thực tế, do ngẫu nhiên) vì tiên đề trên là giả dối, không phải mọi loài chim đều biết bay. Nếu thay bồ câu bằng đà điểu, chim cánh cụt, chim Kiwi thì rõ ràng là không đúng.

Khi nói ngay rằng: “Chim bồ câu trưởng thành biết bay” thì đó là một phán đoán đúng, cần gì phải suy luận.

Ngoài cách suy luận kiểu ba đoạn còn một số cách khác, thường là dạng ba đoạn rút gọn hoặc ba đoạn mở rộng.

**2.6- SUY LUẬN QUY NẠP**

Quy nạp là cách suy luận đi từ những cái riêng (đặc thù) đến cái chung (tổng quát). Đó là cách “khái quát hoá”. Có hai cách quy nạp là hoàn toàn và không hoàn toàn.

Quy nạp hoàn toàn là cách suy luận đi từ tất cả những trường hợp riêng đã biết đến một kết luận chung. Quy nạp không hoàn toàn (hoặc quy nạp phóng đại) là cách suy luận đi từ một số trường hợp riêng đã biết đến một kết luận chung cho đối tượng vượt qua tổng số những trường hợp đã biết.

Quy nạp hoàn toàn có độ tin cậy chắc chắn còn quy nạp không hoàn toàn có độ tin cậy không cao. Để tăng độ tin cậy của quy nạp không hoàn toàn cần nêu thêm những chứng minh bổ trợ.

Diễn dịch và quy nạp tuy khác nhau nhưng có mối quan hệ biện chứng với nhau, bổ sung cho nhau.

**2.7- NHỮNG SAI LẦM**

Sai lầm trong suy luận có thể do cố ý hoặc vô tình.

Sai lầm cố ý là do chủ động của người nghiên cứu và họ tìm cách giấu diếm. Đó là sự lừa bịp mà chủ yếu là ngụy biện. Phát hiện loại sai lầm này là việc của cộng đồng khoa học.

Lừa bịp là việc ngụy tạo ra luận cứ không có thực hoặc cố tình loại bỏ một số luận cứ có thực để chứng minh luận điểm theo chủ quan. Lừa bịp cũng có thể là cố tình vi phạm các quy luật hoặc quy tắc của logic. Lừa bịp để nhằm đạt một mục đích không trong sáng nào đó.

Sự bịp bợm trong việc ngụy tạo ra tế bào gốc và sinh sản vô tính của một nhà sinh vật học Hàn Quốc năm 2008 là một dẫn chứng sinh động trong nghiên cứu khoa học. Một thí dụ khác: Cần điều tra hoặc làm tổng kết một sự kiện nào đó có hai mặt X và T. Nếu người thực hiện không thực sự khách quan, không tôn trọng nguyên tắc khoa học mà đã có chủ ý là T, thế rồi chỉ thu thập dữ liệu loại T mà cố tình loại bỏ phần lớn dữ liệu loại X, để rút ra kết luận. Cách làm này là phổ biến của “bệnh thành tích rởm” trong phong trào thi đua hoặc nhằm để tuyên truyền, là mưu mô và hành động của những kẻ lợi dụng khoa học để thu vén lợi ích cá nhân hoặc phục vụ cho một ý đồ đen tối. Những chứng cứ họ đưa ra toàn bộ hoặc phần lớn là có thật, có thể kiểm chứng nhưng là một sự thật đã bị cố tình cắt xén, đã bị che dấu, mà cái phần bị che, bị cắt này lại là phần quan trọng hơn, chủ chốt hơn. Có một câu châm ngôn nổi tiếng sau đây dùng để mô tả việc trên: “ Một phân của cái bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng một phần của sự thật nhiều khi là dối trá”.

Khi mà sự lừa bịp thành công sẽ làm sai lệch nhận thức của nhiều người và có thể kéo theo hậu quả tai hại.

Sai lầm vô tình là do thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng, thiếu kinh nghiệm hoặc thiếu trách nhiệm. Thường thường gặp sai lầm trong luận cứ và luận chứng dẫn đến sai trong kết quả (luận đề), cũng có thể phạm sai lầm ngay trong luận đề.

Sai trong luận cứ thể hiện ở một số dạng như: dùng khái niệm mơ hồ, dùng thiếu hoặc thừa dữ liệu, dùng dữ liệu hoặc phán đoán không chân thật (bị đánh lừa), xét sai tương quan, dùng giả thiết quá thô thiển, dùng lập luận vòng quanh.

Khái niệm mơ hồ là khái niệm không được định nghĩa rõ ràng, có thể hiểu và vận dụng theo các cách khác nhau. Trong phương pháp dùng toán nếu dùng ký hiệu trùng nhau có thể gây nhầm lẫn khi thao tác. Trong logic học có thuật ngữ “đánh tráo khái niệm” là chỉ việc lợi dụng hiện tượng đồng âm trong tên gọi để làm lẫn lộn các khái niệm khác nhau, không tôn trọng quy luật cơ bản số 1.

Dùng thiếu dữ liệu hoặc dùng dữ liệu (phán đoán) không chân thật, nếu cố ý thì đó là lừa bịp, nếu vô tình thì có thể dẫn đến kết luận sai. Thí dụ có hai nguyên nhân N1 và N2 cùng tác động để gây ra kết quả B, trong đó N1 là rõ ràng, N2 bị ẩn giấu. Nếu chỉ biết đến N1, bỏ sót N2, hoặc quá quan tâm tới N1 mà coi nhẹ N2 thì đã là thiếu sót, kết quả kém tin cậy. Tuy vậy khi chỉ dừng lại ở B thì sai lầm còn hạn chế, còn khi từ B suy luận tiếp ra C, D thì có khi sai lầm sẽ tăng lên, đặc biệt là cái bị bỏ sót N2 lại có tác dụng quan trọng. Sở dĩ N2 bị bỏ sót là vì nó ở dạng ẩn, trừu tượng chứ không tường minh như N1.

Trong toán học cũng như trong đời sống thường dùng mệnh đề “ điều kiện cần và đủ để… là….”, Nếu chỉ quan tâm tới điều kiện cần mà quên điều kiện đủ thì không thể chấp nhận kết quả của chứng minh hoặc suy luận; hoăc chỉ chú ý tới điều kiện đủ mà ít quan tâm tới điều kiện cần cũng phạm sai lầm.

Dữ liệu sai là do nhầm lẫn khi thu thập, phần lớn là sai sót ngẫu nhiên. Trong quá trình sắp xếp và xử lý cần kịp thời phát hiện và để riêng ra, nếu cứ dùng chúng một cách bình thường dễ dẫn đến kết quả không chính xác.

Xét nhầm tương quan. Thí dụ nguồn S làm phát sinh đồng thời B và C nhưng người quan sát vì lý do nào đó mà chỉ thấy B và C mà không thấy S. Cứ hễ thấy B là thấy C xuất hiện, từ đó cho rằng B là nguyên nhân gây ra C.

Sai lầm ở luận chứng là sai trong quá trình suy luận, chứng minh vì vi phạm các quy tắc logic, nhầm trong giải toán, nhầm trong việc xác định khoảng giới hạn của các tham số v.v…. Sai trong phép diễn dịch thường là do dùng tiên đề giả dối, vi phạm quy tắc suy luận. Sai trong phép quy nạp thường là do “khái quát hoá vội vàng”, chỉ mới dựa vào một ít trường hợp riêng đã vội rút ra kết luận.

Sai lầm kiểu suy luận vòng quanh là từ N suy ra B rồi lại dùng B để chứng minh N.

Sai lầm trong luận đề là do chủ quan, thiếu năng lực mà đề ra giả thuyết không đúng, tuy vậy không kịp thời phát hiện ra để sửa đổi mà vẫn cố tìm cách chứng minh. Cúng có thể do mưu mô xảo trá, tạo ra ngụy biện.

**2.8- NGỤY BIỆN**

Có vài cách định nghĩa ngụy biện:

+ Ngụy biện là việc dùng những lý lẽ bề ngoài có vẻ là đúng, nhưng thật ra là sai, để rút ra kết luận xuyên tạc sự thật.

+ Ngụy biện là việc sử dụng các lập luận một cách sai lầm, không hợp lý, vi phạm các quy tắc logic trong suy luận. Một lý luận ngụy biện có thể có ý lừa đảo .

‎ **+** Ngụy biện là cách đưa ra kết luận giả dối dựa trên một số suy luận hoặc chứng minh tưởng như là đúng đắn, chặt chẽ nhưng thật ra là sai lạc. Giả dối là biến cái đúng thành sai và ngược lại.

Ngụy biện là dối trá, lừa bịp ở mức cao vì nó cũng dựa vào suy luận của lý trí, cũng tỏ ra tuân theo các phương pháp của logic, nhưng ẩn giấu những vi phạm quy tắc, rất khó phát hiện. Ngụy biện rất dễ đánh lừa được những người nhẹ dạ cả tin, những người ít chịu dùng tư duy phản biện.

Có hai loại ngụy biện: cố ý và vô tình.

Ngụy biện cố ý đã được trình bày qua ở mục 2.7 (sai lầm cố ý)

Kẻ ngụy biện cố ý thường có trình độ khá cao về lý luận, nhưng không trung thực, nhiều lúc họ dùng hùng biện, dùng danh vị khoa học, dùng chức tước để che đậy sự ngụy biện, để mê hoặc lòng người.

Ngụy biện vô tình là do trình độ non kém, họ tin vào những ngụy biện do người khác phát ra rồi nhắc lại một cách máy móc hoặc do họ tự nghĩ ra trên cơ sở non yếu về trí tuệ, họ không có khả năng biết được điều dối trá bị ẩn giấu.

Ngụy biện được thể hiện rất đa dạng, phong phú, dưới muôn hình ngàn vẻ. Nói chung kẻ ngụy biện biết khai thác, lợi dụng một số điểm yếu về trí tuệ, về tâm lý của con người để lừa dối.

Sau đây nêu ra vài kiểu thường gặp:

1-Lợi dụng sự đồng tình của đám đông.

2-Lợi dụng lòng thương hại.

3-Lợi dung uy thế: Học vị, chức tước, quyền lực.

4-Lợi dụng những chỗ chưa chặt chẽ trong lập luận, ngụy tạo ra cách lập luận.

5-Lợi dụng nặc danh hoặc giữ bí mật.

6- Khái quát hóa vội vàng.

7-Bóp méo, xuyên tạc quan điểm của người khác, gắp lửa bỏ tay người.

8-Lạm dụng ngôn từ, đánh tráo khái niệm.

9- Dùng lẫn lộn các tiên đề mâu thuẩn (trong phép tam đoạn luận).

10-Nói càn: Bạn cũng vậy, ai mà chẳng thế.

11-Công kích cá nhân.

12-Lãng tránh chủ đề, dùng luận cứ vụn vặt.

13-So sánh khập khiểng.

14-Vin vào truyền thống.

Có tác giả nêu thêm và kê ra 24 kiểu. Cũng có tác giả chia nhỏ thành 48 kiểu. Triệu Truyền Đống còn kể ra trong sách Phương Pháp Biện luận-Thuật Hùng Biện 120 cách ngụy biện khác nhau.

Vạch ra và phản bác được các ngụy biện là việc làm cần thiết và tương đối khó khi làm phản biện (xem mục 3.4)

III

**Cần học và làm những gì**

**3.1- KHẢ NĂNG PHẢN BIỆN**

Khả năng phản biện của mỗi người đến từ hai nguồn : Tiên thiên và hậu thiên (đã viết ở Lời nói đầu). Tiên thiên là hạt giống, đóng vai trò quyết định, nhưng không thể can thiệp, rất khó cải thiện. Hậu thiên được hình thành từ lúc còn rất bé, trước hết nhờ sự giáo dục của gia đình, nhờ sự học tập và thực hành của bản thân, nhờ ảnh hưởng của nhà trường và xã hội. Hậu thiên đóng vai trò quan trọng.

Trong giáo dục gia đình, ông bà, cha mẹ cần hết sức để ý phát hiện xu hướng của trẻ và khuyến khích động viên. Trẻ có hạt giống tốt về phản biện thường thể hiện bằng những lời cãi lại người lớn và bạn bè khi chúng nhận thấy có gì đó vô lý. Chúng thường làm ngược lại những việc bị ép buộc, vì thế bị quát mắng, phê phán, bị quy là ngang bướng, mất dạy. Cha mẹ và giáo viên ít khi để ý tìm hiểu và khuyến khích khả năng phản biện của trẻ, thường chỉ muốn chúng ngoan ngoãn tuân theo mọi ý kiến. Việc này làm thui chột những hạt giống yếu, làm phát sinh mâu thuẩn khi gặp hạt giống khỏe của những trẻ có bản lĩnh cao.

Để tạo được những thế hệ công dân có nhiều khả năng sáng tạo thì giáo dục gia đình và nhà trường rất cần theo phương châm “Giáo dục khai phóng”, hướng dẫn, khuyến khích tư duy phản biện ngay từ khi trẻ bắt đầu biết suy nghĩ, loại bỏ kiểu giáo dục áp đặt theo khuôn mẫu.

Môi trường gia đình và xã hội ảnh hưởng rất mạnh đến xu hướng tư duy của trẻ. Điều khó khăn hiện nay là nhiều bậc cha mẹ và giáo viên đã được đào tạo theo kiểu dập khuôn, ít có khả năng phản biện. Họ phải tự nhận ra điều đó để tự hoàn thiện và đặc biệt là không đem những điều bất lợi đó áp đặt cho con trẻ. Như thế mới có thể tạo ra được khả năng phản biện cho số đông của xã hội.

**3.2- NHỮNG ĐIỀU CẦN HỌC**

Để có được khả năng phản biện cần học nhiều thứ.

Muốn phản biện thông tin trong lĩnh vực nào, ngoài việc có tư duy phản biện còn cần thông thạo, hiểu biết sâu sắc kiến thức về lĩnh vực đó.

Phản biện phải dựa vào suy luận logic, theo dân gian là có lý, có lẽ. Khả năng này một phần do bẩm sinh, được bổ sung và hoàn thiện bằng logic hình thức, logic biện chứng. Vậy phải học logic. Trong một vài trường đại học có dạy môn này. Ngoài ra có thể tự học.

Kiến thức chuyên môn về một lĩnh vực là mênh mông, tùy trình độ học vấn và nghiên cứu mà mỗi người nắm được một phần nào đó. Học kiến thức là cần nhưng học phương pháp, học suy nghĩ còn cần hơn. Kiến thức là hữu hình, phương pháp là vô hình.

Để có được một bài phản biện sắc sảo, thuyết phục còn cần học cách viết văn. Đó là loại văn khoa học, văn nghị luận.

Ngoài yêu cầu chung là câu văn đúng ngữ pháp và đẹp, văn khoa học cần chính xác, rõ ràng, súc tích.

Đúng ngữ pháp thể hiện ở chỗ mỗi câu phải có thành phần chính (chủ ngữ, vị ngữ). Không viết ra những câu cụt, chỉ có thành phần phụ (trạng ngữ, bổ ngữ …) dù cho thành phần đó có dài đến đâu.

Câu văn đẹp đọc lên nghe xuôi tai, dễ nắm bắt được nội dung, không quá dài, không dùng lặp lại một số từ nếu không thật sự cần thiết theo chủ ý.

Chính xác là yêu cầu cơ bản. Mỗi câu phải đư­ợc hiểu theo một ý duy nhất, không dùng ẩn dụ, không dùng nghĩa bóng, không thể hiểu và giải thích theo các cách khác nhau.

Thí dụ câu sau đây: A thích B hơn C .

Câu này có thể hiểu theo 3 cách, tác giả định diễn đạt cách nào cần viết rõ ra, mặc dù có dài hơn .

- A và C cùng thích B, như­ng A thích hơn, hoặc A thích B hơn là C thích B.

- A thích cả B và C như­ng thích B hơn, hoặc A thích B hơn là thích C.

- A thích để cho B hơn C, hoặc A thích việc ( thấy ) B hơn đư­ợc C.

Sự rõ ràng hoặc trong sáng thể hiện ở chỗ ý tứ mạch lạc, diễn đạt hợp theo quy luật t­ư duy, không lộn xộn, rối rắm. Không cần cái gì cũng phải giải trình thật rõ, tuy vậy những người mà tác giả hư­ớng tới cần hiểu đư­ợc những điều tác giả trình bày.

Sự súc tích (ngắn gọn) thể hiện ở chỗ biết chọn lựa nội dung và ngôn từ, chỉ giữ lại những ý cần thiết, dùng những câu, chữ thật sự chuẩn xác, không đư­a thêm những ý thừa, câu chữ thừa, không trình bày những điều mà nhiều người đã biết rõ. Chỉ trình bày những vấn đề có nội dung khoa học, không thể hiện những điều thuộc tình cảm, ý chí.

Để phản biện có lúc còn cần dùng lời nói. Vì vậy ngoài khẳ năng viết còn cần tập luyện khả năng nói, đặc biệt là nói trước công chúng, nói một cách rõ ràng, gãy gọn, ý tứ và ngôn ngữ trong sáng. Nếu học và nắm được nghệ thuật hùng biện thì cáng tốt.

Cần học suốt đời, học có người hướng dẫn và quan trọng là tự học, học trong sách, học trên mạng Internet, học trong cuộc sống.

Việc học không phải bao giờ cũng suôn sẻ mà nhiều khi gặp vướng mắc. Thế thì cần kết hợp với hỏi. Hỏi thầy, hỏi bạn, tìm câu trả lời trong Từ điển, trong tài liệu chuyên ngành, vào mạng Google.

Học là để thực hành. Có thực hành thành công thì việc học mới có ý nghĩa, có giá trị.

**3.3-LÀM PHẢN BIỆN**

Có hai tình huống phản biện: Trực diện và vắng mặt. Phản biện trực diện khi đối mặt với chủ thể, chủ yếu là dùng lời nói và có tính bị động. Phản biện vắng mặt khi chỉ đề cập đến thông tin mà không trực tiếp với chủ thể, việc làm chủ động và có thể sắp xếp thời gian.

Phản biện trực diện cần bình tĩnh, tự tin, lắng nghe chăm chú để hiểu rõ ý chính, cơ bản điều cần phản biện. Hết sức tránh để cảm xúc chen vào, lấn át lý trí. Khi nghe được điều gì đó gây nên cảm xúc mạnh thì chớ vội phản ứng lại ngay. Hãy lấy lại và giữ bình tĩnh, hãy dùng lý trí đẻ phân tích, sau đó nếu thật cần mới nói lời phản biện. Phản biện trực diện rất cần khả năng linh hoạt của tư duy, rất cần khả năng diễn đạt bằng lời nói.

Phản biện vắng mặt trước hết cần đặt câu hỏi: Có cần và có muốn phản biện không. Nếu không thì cho qua, quên đi được càng tốt.

Cần phân biệt hai loại: Phản biện theo yêu cầu và phản biện theo ý thích.

Phản biện theo yêu cầu và đã được nhận lời là nhiệm vụ phải hoàn thành. Trong quá trình phản biện công khai (không phải là phản biện kín), gặp chỗ nào chưa rõ có thể trao đổi với chủ thể, yêu cầu giải thích.

Phản biện theo ý thích là trường hợp: “Giữa đời gặp phải thông tin không vừa ý, muốn chấn chỉnh”. Không phải là nhiệm vụ vì thế cần cân nhắc kỹ.

Làm phản biện bắt đầu bằng sự nghi ngờ mức độ chính xác của thông tin. Thử đảo ngược kết luận xem có nghe được hay không. Kế đến đặt ra và trả lời các câu hỏi liên quan đến thông tin đó: Việc gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, ai trình bày, mục tiêu của việc đưa tin, nguyên nhân, chứng cứ v.v…

Không phải tất cả các câu hỏi đều có thể trả lời ngay, mà cần suy nghĩ, tìm kiếm, xác minh. Phải tránh lối mòn của tư duy cảm tính.

Khi chưa quen với việc phản biện thì tập dần. Ban đầu chỉ nên tiến hành với thông tin đơn giản để rút kinh nghiệm.

Phản biện, trước hết là những ý nghĩ trong đầu, sau phải thể hiện thành văn bản (hoặc lời nói). Trên cơ sở của văn bản cần tiến hành soát xét các ý và câu văn. Đó là việc tự phản biện. Phần lớn phải sửa chữa, điều chỉnh nhiều lần mới có được một bài phản biện có giá trị.

Trong trường hợp chủ thể của thông tin là chỗ quen biết thì trong qúa trình làm phản biện nên trao đổi để tránh những hiểu nhầm có thể mắc phải.

Không nên nhầm phản biện với hùng biện. Hùng biện chủ yếu dùng lời nói hấp dẫn, đầy sinh lực, lôi cuốn với nội dung rõ ràng, với thái độ thân thiện và tôn trọng. Phản biện và hùng biện có mục đích và cách thể hiện khác nhau, nhưng trong hùng biện có thể có phản biện và trong phản biện trực diện rất cần đến hùng biên.

**3.4- PHÁT HIỆN VÀ PHẢN BÁC NGỤY BIỆN**

Để phát hiện được ngụy biện một cách kịp thời không hề dễ. Phải khá thành thạo về các phương pháp suy luận, phải có được nhạy cảm trong đánh giá.

Để phát hiện ngụy biện thì trước hết cần hiểu thế nào là ngụy biên, ngoài phần lý thuyêt cần tham khảo một số bài về phản bác ngụy biện để có ấn tượng.

Đầu tiên cần xem kỹ thông tin, xem kết luận không đáng tin ở điểm nào, dựa vào luận cứ nào, lập luận thế nào để rút ra kết luận đó. Về luận cứ cần đối chiếu thực tế. Về lập luận đối chiếu với những quy tắc của logic. Khi đã phát hiện được điều mà người ta dựa vào đó để ngụy biện thì sẽ xuất hiện cách phản bác.

Để phản bác điều nào phải trích ra nguyên văn, đầy đủ điều đó. Tốt nhất là dẫn ra toàn bộ thông tin hoặc tối thiểu phải cung cấp nguồn để những ai muốn kiểm chứng có thể dễ dàng tra cứu. Việc cắt xén hoặc không trích dẫn rồi vu vạ cho chủ thể những điều mà họ không chủ trương là việc làm xảo trá, vô đạo đức.

**3.5-ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CÁCH NGƯỜI PHẢN BIỆN**

Đạo đức cơ bản của người làm phản biện là trung thực, khách quan, không để cho càm tình cá nhân xen vào. Chủ yếu là phản biện thông tin chứ không nhận xét về chủ thể.

Phản biện là dùng trí tuệ, dùng lập luận để chỉ ra cái đúng cái sai, điều hay diều dở trong thông tin, không phải nói ngang, phê bừa, không được nhân việc phản biện một thông tin rồi kéo dây cà dây muống ra những việc không liên quan đến thông tin đó.

Phản biện chủ yếu hướng vào nội dung thông tin. Còn đối với chủ thể thì sao?.

Tốt nhất là chỉ phản biện thông tin mà đặt con người sang một bên. Tuy vậy thông tin gắn với chủ thể, người đưa ra thông tin đó. Phản biện thông tin khó tránh khỏi đụng chạm đến chủ thể, nhưng phải hạn chế trong phạm vi quan điểm liên quan mật thiết đến thông tin. Không được phép nhân cơ hội phản biện thông tin mà công kích cá nhân, mà nói xấu, bôi nhọ.

Khi gặp một thông tin mà mình nghi ngờ tính chính xác nhưng chưa đủ kiến thức để phản biện thì chỉ nên nêu ra nghi ngờ đó mà chưa vội kết luận gì cả. Nếu muốn phản biện, muốn đưa ra kết luận thì phải tìm chứng cứ và lập luận, phải xem đi, xét lại chứ không thể vội vàng. Khen ai mà khen sai thì đã mang tiếng bợ đỡ, nịnh hót. Chê ai mà chê sai thì không những mang tiếng bịa đặt, vu cáo mà còn có thể gây thù chuốc oán, tự làm hại mình.

Trung thực còn thể hiện ỏ chỗ biết thì nhận là biết để có thể phát biểu ý kiến, không biết nhận là không biết để im lặng mà lắng nghe. Là nhà khoa học, được mời phản biện luận án hoặc công trình nghiên cứu, khi nó phù hợp với kiến thức thì có thể nhận làm, còn khi không thật phù hợp thì phải từ chối, không được phép nhận làm phản biện xằng rồi chỉ có thể nêu ra những lời chung chung, chủ yếu nhận xét về hình thức. Nhận xét về hình thức cũng cần, đó là việc của biên tập chứ không phải là việc chủ yếu của người phản biện nội dung.

Phản biện là việc làm công khai, minh bạch, tốt nhất là để chủ thể biết được phản biện đó. Không làm phản biện theo lối nói sau lưng người ta.

Nói rằng phản biện thông tin chứ không đánh giá chủ thể. Có thể không cần biết chủ thể là ai, nhưng cũng rất nên biết chủ thể thuộc loại nào, bạn bè, đồng nghiêp hay là thế lực đối lập.

Trong việc phê bình, nhận xét, người ta đề cao thái độ “Đắc nhân tâm”. Rất cần đắc nhân tâm thông thường với bạn bè đồng nghiệp. Nhưng đối với thế lực đối lập cần phải có kiểu đắc nhân tâm khác.

Có những người tuy đối lập về quan điểm, đường lối, mà họ là những người thông minh, có thiện chi nên đối với họ những lời phản biện, thậm chí những chỉ trích gay gắt đều được họ lắng nghe. Nhưng có những kẻ vừa đối lập về quan điểm, vừa kém trí tuệ lại thích độc đoán nên rất căm thù mọi lời phê phán, góp ý, họ chỉ mở rộng lỗ tai để nghe lời tụng ca. Với loại sau, dùng đắc nhân tâm thông thường trong việc phản biện là không có ích lợi gì mà nhiều khi còn gây nên phản tác dụng. Với loại này có lẽ phải dùng biện pháp chủ yếu là chỉ trich, đấu tranh.

Tôi khá tâm đắc với câu phát biểu của Lưu Á Châu, đại ý như sau : “Moi móc, phê phán những thói tật của hàng xóm, bạn bè là kém về đạo đức. Nhưng biết vach ra những sai lầm của Học thuyết khoa học, của đường lối chính trị là Nhà triết học”.(Lưu Á Châu là Thượng tướng không quân của Trung quốc”).

Để làm phản biện còn đòi hỏi đức tính kiên nhẫn, thận trọng, bình tĩnh, không vội vàng, hấp tấp. Có những điều, mới xem qua tưởng là sai, nhưng khi xem kỹ lại mới thấy là đúng, và ngược lại. Đặc biệt có những tác giả thâm thúy, họ không viết ra tường minh trên giấy những ý tưởng sâu kín mà chúng được ẩn giấu giữa các hàng chữ, đàng sau những câu văn.

Người phản biện cần đức tính khiêm tốn. Phản biện được là giỏi, nhưng còn có nhiều người giỏi hơn. Phản biện ý kiến người khác là cần, nhưng tự phản biện còn cần hơn. Làm được một việc nào đó hơi khác biệt rồi tự khoe là giỏi, rồi kiêu ngạo là hạng người kém trí tuệ chứ không phải trí thức lương thiện.

**B**

**MỘT SỐ BÀI PHẢN BIỆN**

**Lời phi lộ**

Từ khi về hưu tôi mới bắt đầu học và viết phản biện theo ý muốn. Hình như trong tiên thiên của tôi đã có hạt giống phản biện nhưng nó ngủ yên. Trước đấy tôi cũng đã viết nhiều phản biện các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các công trình nghiên cứu khoa học, nhưng nghĩ rằng đó là nhiệm vụ chứ không phải theo sở thích.

Vào tháng 11 năm 2005 trường Đại học Xây dựng dính vào một sự cố. Báo Thanh niên đăng bài của phóng viên Vũ Cô : “Chuyện buồn của một ông tiến si”. Bài báo lên án lãnh đạo nhà trường đã đối xử bất công với tiến sĩ Trần Đức, không cho ông làm giảng dạy và nghiên cứu mà lại bắt đi làm việc kiểm tra các lớp học hàng ngày, đếm số sinh viên trong từng lớp. Bài báo đã tạo nên một phản ứng mạnh trong xã hội. Nhiều báo hàng ngày cùng nhau ném đá tới tấp. Cán bộ và sinh viên của trường, những người biết rõ sự thật của việc này vô cùng bức xúc.

Chủ nhiêm khoa Lê Ngọc Hồng viết bài thanh minh với những lập luận yếu ớt, kêu gọi mọi người bình tĩnh tìm hiểu đúng sự thật. Hiệu trưởng Nguyễn Văn Hùng viết bài giải thích với những lời lẽ chưa đủ sức thuyết phục. Các bài đó chưa đáp ứng được mong đợi của cán bộ và sinh viên.

Tôi được một số thầy cô giáo khuyến khích viết một bài tranh luận cho ra nhẽ. Đem ý đó bàn với vài người bạn, tôi nhận được lời khuyên không nên dây vào làm gì. Họ tưởng rằng tôi sẽ tranh luận với phóng viên. Nhưng không phải, tôi chủ trương không tranh luận với ai cả. Vì thế tôi viết bài gửi cho báo Thanh niên yêu cầu đăng. Nhưng họ đã không đăng. Tôi đành phải công bố trên các phương tiện khác. Bài của tôi đã được cán bộ trong trường đánh giá cao. Những người bạn trước đây khuyên tôi đừng dây vào cũng tán thành cách viết.

Từ đó tôi cảm nhận được khả năng phản biện của mình và bắt đầu viết những bài phản biện theo ý muốn. Đó là khi tiếp nhận được những văn bản, những ý kiến mà tôi cảm nhận được có chỗ nhầm lẫn hoặc ngụy biện. Cũng là nhờ việc tôi đã nghiên cứu và giảng dạy môn “Phương pháp luận nghiên cứu khoa học” cho các nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ, cho các lớp cao học. Tôi đã viết sách về Phương pháp luận nghiên cứu.

Cho đến nay, trong vòng 10 năm tôi đã viết trên trăm bài phản biện về các chủ đề khác nhau, phần nhiều thuộc vấn đề nhạy cảm. Dưới đây tôi chỉ chọn ra vài chục bài. Những bài đó tôi đã công bố trên Facebook cá nhân hoặc trên các báo mạng (như Tiếng Dân, Boxitvn, Dân quyền…).

**I-Phản biện một bài của Báo Thanh niên**

**1-Tóm lược bài của Báo Thanh niên**

Tên bài : Chuyện buồn của một ông tiến sĩ

Thời gian : Khoảng đầu tháng 11 năm 2005.(không nhớ rõ ngày).

Khi định đưa bài phản biện vào sách này tôi đã bỏ nhiều công để tìm lại bài báo, nhưng không tìm được. Chỉ xin tóm lược nội dung theo trí nhớ.

Tác giả là Vũ, phóng viên, hàng xóm của ông tiến sĩ Trần Đức. Qua câu chuyện kể của ông Trần mà Vũ biết như sau: Ông từng là Phó giáo sư ở trường Đại học Xây dựng. Hai năm trước ông được nhận sang Ucraina làm và bảo vệ học vị Tiến sĩ khoa học, cao hơn tiến sĩ bình thường. Khi trở lại nhận công tác ở Đại học Xây dựng, lãnh đạo trường không bố trí ông làm giảng dạy theo nguyện vọng và khả năng mà bắt ông làm Thanh tra đào tạo. Hàng ngày ông đi kiểm tra các lớp xem các thầy dạy có đúng thời khóa biểu không, sinh viên đi học có đông đủ không.

Khi Vũ tỏ ra thông cảm với ông và bất bình đối với lãnh đạo nhà trường, thổ lộ sẽ viết bài phê phán thì ông Trần ngăn lại, nói rằng không nên viết ra những chuyện như vậy vì ông muốn bảo vệ uy tín cho Trường. Tuy thế, không theo được yêu cầu của ông Trần, phóng viên cứ viết bài đăng báo. Kết luận của bài báo là Trường Đại học Xây dựng đã nêu một thí dụ về lãng phí chất xám.

**2-Thư ngỏ gửi ông Tổng biên tập Báo Thanh niên**

Thưa ông

Tôi là Nguyễn Đình Cống, sinh năm 1937, giáo sư trường Đại học Xây dựng. Tôi viết thư này mong trao đổi một vài ý kiến về câu chuyện liên quan đến PGS-TSKH Trần Đức mà bản báo quan tâm và đã gây ra dư luận xôn xao trong cả nước. Riêng ở Đại học Xây dựng, nhiều người, đặc biệt là các giáo sư, cho rằng bài báo “Chuyện buồn của một ông tiến sĩ” của Vũ Cô đăng báo Thanh Niên là một sự hấp tấp không đáng có. Nhận định trong bài báo: “Trường Đại học Xây dựng là một ví dụ về tình trạng lãng phí chất xám…” là một nhận định hồ đồ, sai lầm mang tính bịa đặt.

Ý kiến của tôi gồm ba vấn đề sau.

1-Ông Trần Đức ở Đại học Xây dựng

Trước khi nghỉ hưu tôi là Chủ nhiệm khoa, là cấp trên của Bộ môn Sức bền vật liệu, nơi quản lý trực tiếp ông Trần trước đây. Đã nhiều lần tôi nghe cán bộ và sinh viên phản ảnh, phàn nàn về một số phát ngôn và việc làm của ông không phù hợp với vai trò người thầy và môi trường sư phạm. Tôi cũng đã vài lần gặp ông, nghe trình bày, trao đổi ý kiến và giúp đỡ ông trong một số việc. Tôi nhận xét ông là người có một ít khả năng trong nghiên cứu lý thuyết, biết cách tạo lập quan hệ với một số cơ sở nghiên cứu ở nước ngoài, nhưng ông có một số nhược điểm như không có quan hệ, không hợp tác với đội ngũ khoa học trong trường, không có được tín nhiệm của tập thể bộ môn.

Thời gian đầu những nhược điểm của ông Trần chưa thể hiện rõ ràng. Mọi người ít để ý đến. Ông có một vài bài báo khoa học được công bố, được bầu là Phó giáo sư. Nhưng từ sau khi có chức danh đó thì ông càng ngày càng bộc lộ nhược điểm đến mức nhiều cán bộ trong bộ môn thấy rất khó chịu. Ngoài ra một số người còn nhận thấy ở ông một vài biểu hiện thiếu thận trọng trong khoa học.

Để làm một người thầy thì ngoài kiến thức chuyên môn còn rất cần năng lực sư phạm, đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy dùng ông làm người nghiên cứu lý thuyết thì được, còn làm thầy giáo là có phần gượng ép.

Công tác giữa chừng thì ông xin được sang Ucraina làm và bảo vệ luận án Tiến sĩ khoa học. Khi trở về lại Đại học Xây dựng, Bộ môn cũ đã từ chối tiếp nhận ông. Tôi không hề ngạc nhiên khi nhận thông tin này.

Lãnh đạo trường đã gợi ý ông chọn bộ môn khác hoặc chuyển sang trường khác nhưng ông đã không làm và đề nghị tạm bố trí công tác. Trường có Ban thanh tra đào tạo, trước đấy do giáo sư Dương Học Hải làm Trưởng ban. Nay GS Hải đã nghỉ hưu, chưa có ai thay, nên lãnh đạo tạm giao cho ông Trần. Làm Trưởng ban, nghĩa là làm lãnh đạo công tác thanh tra. Đáng ra ông chủ yếu ngồi tại văn phòng, nhận và xử lý thông tin. Việc đi kiểm tra trực tiếp các lớp học đã có nhân viên là giáo vụ các khoa, chỉ thỉnh thoảng và khi rất cần Trưởng ban mới phải đến tận một lớp nào đó. Thế mà ông không biết làm công việc của mình, lại muốn tỏ ra có quyền lực nên hàng ngày đi khắp các lớp. Không có ai buộc ông phải hàng ngày đi đếm số lượng sinh viên.

Có vài lần tôi viết nhận xét cho ông Trần để xin Bộ Giáo dục đi dự hội thảo khoa học ở nước ngoài. Để giúp ông tôi chỉ nhận xét những mặt tốt, có khi còn hơi quá một chút. Phải chăng tôi đã phạm sai lầm.

Ông có bằng Tiến sĩ khoa học, nhưng tài năng đến đâu, trong lĩnh vực nào còn cần xem xét. Ở nước ta hiện nay người có năng lực ứng với bằng cấp là hơi ít. Một người có thực tài thường chủ động và sáng tạo trong mọi công việc. Chưa ai thấy ông có một sáng kiến cải tiến hoặc hoạt động nào đem lại hiệu quả cho một việc quan trọng là thanh tra đào tạo.

Ông Trần có bằng TSKH, có chức danh PGS, nhưng ở trường Đại học cũng như nhiều cơ quan chuyên môn khác người ta quen nhìn nhận cán bộ theo năng lực thực sự, còn danh vị và bằng cấp chỉ để giới thiệu khi thật cần mà thôi.

Để chứng minh ông Trần có tài, báo Thanh niên đưa ra lời của Phó Chủ tịch Hội đồng chấm luận án đánh giá công trình của ông. Chúng tôi, những giáo sư đã từng chấm hàng chục luận án tiến sĩ nhận thấy rằng, giữa lời đánh giá luận án và khả năng thực của một người có khoảng cách, có khi khá xa. Vậy không thể dùng đánh giá luận án để thay cho đánh giá con người. Mà cũng lạ, khắp thế giới Hội đồng chấm luận án chỉ có Chủ tịch, không có Phó Chủ tịch. Không biết từ đâu mà ở Ucraina lại có chức đó. Thật hay giả?.

Ông Trần cho rằng không được làm giảng dạy thì tài năng sẽ bị thui chột theo năm tháng. Đó là suy nghĩ tầm thường, nói cho những người bình thường nghe. Hỏi có ai ngăn cản được một người có tài tự nghiên cứu.

2-Về bài báo của Vũ Cô

Những hiện tượng liên quan đến ông Trần có một phần là sự thật, dó là một số biểu hiện bề ngoài. Còn những phần khác của sự thật chưa được đề cập tới, mà đó mới là phần chứa đựng bản chất. Phóng viên Vũ Cô đã dựa vào một vài luận cứ thô thiển và thiếu sót để suy luận, rồi đưa ra kết luận hàm hồ rằng trường Đại học Xây dựng lãng phí chất xám. Vũ Cô đã phạm vào lỗi ngụy biện, gây ra hậu quả nghiêm trọng cho uy tín của Trường.

Vũ Cô và Báo Thanh niên nhân sự việc ông Trần, muốn đưa ra hiện tượng lãng phí chất xám để cảnh tỉnh xã hội. Ý đồ có thể tốt, nhưng cách làm sai vì quá vội vàng. Mà đàng sau sự vội vàng ấy liệu có ẩn chưa một ý đồ thiếu trong sáng nào đó hay không. Sẽ là đúng phương pháp hơn khi phóng viên chịu khó điều tra thêm từ cán bộ và sinh viên của trường. Ý đồ dù có tốt mà cách làm sai thì hành động tích cực càng gây ra hậu quả xấu cho mọi phía. Còn nếu ý đồ không trong sáng thì hậu quả càng nặng nề.

Vũ Cô tưởng nhầm rằng bài báo của mình đề cao được ông Trần, giúp ông thực hiện được mong muốn, nhưng kết quả hoàn toàn ngược lại. Vũ Cô viết rằng ông Trần không muốn đưa sự việc lên báo vì sợ ảnh hưởng đến uy tín của trường. Tôi cho rằng ông còn sợ một điều khác lớn hơn, quan trọng hơn là phần còn lại của sự thật sẽ có người đem ra công luận. Thế mà Vũ Cô không biết cho nỗi sợ đó và không lường trước được tác hại do mình gây nên. Bài báo đã đặt ông Trần vào thế rất khó xử ở Đại học Xây dựng. Về việc này ông Tổng biên tập cần nghiêm túc và thận trọng xem xét lại.

3-Đề nghị với Báo Thanh niên

Khi Báo tự tin rằng động cơ và việc làm của mình là đúng, là tốt thì nên tiếp tục giúp đỡ ông Trần bằng cách giới thiệu cho công luận biết rõ tài năng của ông một cách cụ thể hơn để các cơ sở khoa học hoặc sản xuất đến ký hợp đồng hoặc nhận ông làm cán bộ, tạo cho ông điều kiện phát triển tài năng. Tôi đã hỏi lãnh đạo Trường Đại học Xây dựng, họ sẵn sàng để ông chuyển công tác khỏi trường.

Nhưng sẽ thiết thực hơn khi giúp được ông Trần biết tự đánh giá mình một cách đúng đắn, tránh được hoang tưởng, lúc đó ông mới có thể đóng góp gì đó cho xã hội

**II - PHẢN BIỆN VÀI THÀNH NGỮ HOẶC CÂU NÓI NỔI TIẾNG**

Có một số thành ngữ hoặc câu nói nổi tiếng được dùng khá phổ biến. Nhiều người tưởng nhầm đó là chân lý hoặc có độ chính xác khá cao, có thể dùng cho mọi người, mọi lúc, mọi nơi. Thực ra chúng chỉ đúng được một phần nào đó hoặc có những ý không chính xác. Tôi phân tích, chỉ ra những điều đó, hy vọng có thể gợi ý cho những ai quan tâm.

**1-Thành ngữ Gần mực thì đen**

Thành ngữ trên được diễn ra bài ca dao:

Thói thường gần mực thì đen.

Anh em bạn hữu phải nên chọn người.

Những người lêu lổng chơi bời.

Cùng là lười biếng ta thời tránh xa.

Một số thành ngữ tương tự: Ở với bầu thì tròn, ở với ống thì dài, Đáo giang tùy khúc nhập gia tùy tục.

Những thành ngữ vừa kể xét quan hệ giữa chủ thể là ta và khách thể (mực, bầu, ống, giang, gia) mà khách thể giữ chủ động, tạo ảnh hưởng, còn chủ thể bị động và biến đổi theo (đen, tròn, dài, tùy khúc, tùy tục). Những thành ngữ này chỉ đúng cho một số chủ thể nào đó, là những người quen với sự lệ thuộc vào khách quan hoặc là những người “khôn”, biết thuận theo hoàn cảnh.

Không chơi với bạn xấu, sợ bị ảnh hưởng, việc giúp các bạn ấy sửa chữa tính cách đã có người khác, vậy nếu ta có bản lĩnh, có thể chơi với bạn để giúp họ tốt lên hay không. Nên lắm chứ, đặc biệt khi người bạn đó, ngoài vài tính cách xấu còn có một số mặt tốt mà mình cần.

Tôi đã có người bạn, có kinh nghiệm sống với hàng xóm từng bị nhiều người xa lánh. Năm 1975, lúc Trường Đại học Xây dựng đóng ở Hương Canh, anh ấy rất ngại ở nhà tập thể “tranh tre nứa lá” nên muốn mua một nhà trong xóm dân để gia đình đông người ở riêng. Tìm được một nhà ở xóm Ngoại Trạch, khá gần trường. Nhiều bạn bè biết tin ra sức can ngăn, vì xung quanh nhà ấy có vài gia đình thuộc loại bất hảo, thường xuyên gây sự to tiếng với nhau, mất đoàn kết. Ban đầu anh rất băn khoăn, nhưng rồi đọc được đoạn Khổng Tử trả lời học trò có ý như sau: “Trong một xóm làng có những thói quen xấu, khi có người chính trực đến ở, người đó có thể giúp xóm làng cải biến được”. Anh tự tin mua nhà và dọn đến ở. Kết quả, bằng lòng tốt, việc thiện, nhường nhịn, anh đã cảm hóa được các gia đính xung quanh, tạo được sự đoàn kết, thân ái. Như thế là gần mực nên đã làm cho nó bớt đen.

**2-Thành ngữ Suy bụng ta ra bụng người**

Dù rằng bụng ta chứa điều ác, điều xấu, tham lam, ích kỷ hoặc chứa điều thiện, điều tốt mà suy cho người thì chỉ đúng cho vài đối tượng này hoặc đối tượng kia mà thôi.

Trong suy luận quy nạp thì đây thuộc lỗi “Khái quát hóa vội vàng”, không thể đem áp dụng rộng rãi, tùy tiện.

Bụng ta là của ta, bụng người là của người. trong hai bụng ấy có vài điểm giống nhau nhưng có vô số điểm khác nhau. Vậy suy bụng ta ra bụng người chỉ là trường hợp cá biệt chứ không phải phổ biến. Nếu cứ máy móc áp dụng cho mọi hoàn cảnh, mọi người thì rồi có lúc bị hố to.

**3-Chuyện Sơn tinh Thủy tinh**

Lại nghe trong thủa Lạc Hùng  
Mị châu có ả tư phong khác thường,  
Gần xa nức tiếng cung trang.  
Thừa long ai kẻ đông sàng sánh vai?  
Bỗng đàu vừa thấy hai người,  
Một Sơn tinh với một loài Thủy tinh,  
Cầu hôn đều gửi tấc thành,  
Hùng vương mới phán sự tình một hai.  
Sính nghi ước kịp ngày mai,  
Ai mau chân trước, định lời hứa anh.  
Trống lầu vừa mới tan canh,  
Kiệu hoa đã thấy Sơn tinh chực ngoài.  
Ước sao lại cứ như lời,  
Xe loan trăm cỗ đưa người nghi gia.  
Cung đàn tiếng địch xa xa,  
Vui về non Tản, oán ra bể Tần.  
Thủy tinh lỡ bưởc chậm chân,  
Đùng đùng nổi giận, đem ân làm thù.  
Mưa tuôn gió thổi mịt mù,  
Ào ào rừng nọ, ù ù núi kia,  
Sơn thần hóa phép cũng ghê,  
Lưới giăng dòng Nhị, phên che non Đoài.  
Núi cao sông cũng còn dài,  
Năm năm báo oán, đời đời đánh nhau.

Người ta có ý trách cứ Thủy tinh và ca ngợi cuộc chiến đấu của Sơn tinh mà lờ đi chuyện “Thiên vị” trong việc Hùng Vương đặt điều kiện cho “Sinh nghi ước kịp ngày mai”. Những thứ như voi chin ngà, gà chin cựa, ngựa chin hồng mao thì Sơn tinh có thể kiếm được còn Thủy tinh xem như đã bị loại. Sự thiên vị phải chăng đã tồn tại lâu dài trong đầu của những người có quyền thế.

Hùng vương có quyền đòi sính lế theo ý muốn hoặc chọn ngay Sơn tinh mà từ chối Thủy tinh. Như thế mới là minh bạch. Còn bày chuyện thi tài hoặc nêu điều kiện có tính thên vị thì không nên.

**4- Câu ca dao: Bầu ơi..**

Bầu ơi thương thương lấy bí cùng.

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Và :

Nhiễu điều phủ lấy giá gương.

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Nhiều người viện dẫn các câu đó để minh chứng cho tình cảm Đồng bào, biết yêu thương và đùm bọc nhau.

Hình như không phải thế mà đây là những lời kêu gọi khi người ta thấy “Tình thương cần có” cúa đồng bào đã bị sứt mẻ, đã bị kém đi. Nó thể hiện ở cụm từ “thương lấy” và “phải thương”. Khi một người cha hoặc mẹ thấy các con thương yêu nhau thì không cần phài dạy “Anh chị em chúng mày phải thương yêu nhau”.

Mà hình như lời kêu gọi có vẻ thống thiết.

**5-Câu Quạ xứ nào cũng đen…**

Câu “Quạ xứ nào cũng đen, địa chủ xứ nào cũng gian ác” được phổ biến rất rộng rãi trong Cải cách ruộng đất.

Thực tế không hoàn toàn đúng như thế. Đây là lỗi ngụy biện bằng so sánh khập khiểng, dùng hiện tượng tự nhiên áp đặt cho nhân sinh. Địa chủ có kẻ gian ác, nhưng cũng có những người nhân hậu, tử tế.

Câu trên do một kẻ quyền thế và kém trí tuệ ở Trung quốc đưa ra, dạy cho lãnh đạo của Việt Nam để họ dạy lại cho dân Việt nhằm khoét sâu hận thù giai cấp. Lãnh đạo học được rồi ra sức truyền bá cho nông dân thông quá các đội cải cách. Văn nghệ sĩ, trí thức thi nhau nói theo, phổ biến, ca ngợi, vì nói khác đi sẽ bị quy kết và bị đấu tố.

**6- Đoạn văn: Trời có bốn mùa…**

Trời có bốn mùa: Xuân hạ thu đông

Đất có bốn phương: Đông tây nam bắc

Người có bốn đức: Cần kiệm liêm chính

Thiếu một mùa không thành Trời. Thiếu một phương không thành Đát. Thiếu một đức không thành người lương thiện.

Đây là loại ngụy biện dùng cách so sánh khập khiểng. Ừ thì cứ đưa ngay ra phán đoán: Người lương thiện cần có bốn đức là cần kiệm liêm chính, thiếu một đức là chưa hoàn hảo. Cần gì phải viện dẫn Trời Đất. Viện dẫn như vậy vừa thể hiện sự thiếu tự tin, vừa phạm sai lầm trong suy luận diễn dịch.

**7- Nếu bạn bắn vào quá khứ**

“Nếu bạn bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào bạn bằng đại bác”.

Câu trên được nhiều người dùng, nhưng nó mắc phải một lỗi về logic mà ít người nhận thấy. Phải chăng ý muốn sâu xa cho rằng không nên bắn váo quá khứ và tương lai thông minh hơn bạn. Cứ tạm xem bạn, quá khứ, tương lai là một thế kỷ thì suy ra: Thế kỷ 19 bắn vào 18 bằng súng lục thì 20 sẽ bản vào 19 bằng đại bác, 21 thả bom vào 20 và rồi 22 sẽ dùng vũ khí hạt nhân.

Thế thì tương lai ngu hơn hiện tại chứ có phải thông minh hơn đâu. Kiểu suy luận như vậy là nhằm khoét sâu hận thù chứ không phải khuyên khích lòng độ lượng.

**8- Chớ hỏi Tổ quốc**

“Chớ hỏi Tổ quốc đã làm gì cho bạn mà hãy tự hỏi bạn đã làm gì cho Tổ quốc”.

Câu này phạm một lỗi logic là lập lờ, đánh tráo khái niệm, nhưng được nhiều người ca ngợi. Lãnh đạo lớn tuổi dùng để răn dạy thanh niên, các bạn trẻ dùng để tự động viên và thể hiện mình.

Tổ quốc là một khái niệm trừu tượng, nó tồn tại trong nhận thức mỗi người. Tổ quốc là một hình tượng để mọi người yêu mến, tôn thờ. Tổ quốc không hề làm gí cho bất kỳ ai cả. Hỏi Tổ quốc là câu hỏi vô nghĩa. Thế thì hỏi ai?. Ai mới có thể làm gì cho bạn?. Đó là Chính quyền hoặc cụ thể hơn là những người nắm quyền hành nhà nước.

Trong câu có hai từ Tổ quốc thì từ trước đã bị đánh tráo khái niệm.

**9- Là người tôi sẽ chết cho quê hương**

Đó là lời trong bài hát “Tự nguyện”. Nó nói lên tinh thần dám hy sinh của các bạn trẻ, nhưng trong đó chứa đựng sự huênh hoang không phải cách.

Chết vì quê hương là sự hy sinh cao cả, nhưng là bất đắc dĩ, không ai muốn. Khi quê hương bị xâm phạm thì cần chiến đấu bảo vệ nó. Sự hy sinh là khó tránh, không phải là điều mong muốn. Đáng ra nên viết: “Là người tôi sẽ chiến đấu để bảo vẹ quê hương, dù có phải chết cũng vui lòng” hoặc: “Nếu phải chết tôi chọn cái chết để bảo vệ quê hương”

Chết để bảo vệ quê hương là sự hy sinh đáng tôn trọng, nhưng đáng mong ước hơn là sống để góp phần xây dựng quê hương.

**III- PHẢN BIỆN Ý KIẾN VỀ SÁCH NHỮNG LỜI TRĂNG TRỐI**

**1-Giới thiệu**

Năm 1991 triết gia, giáo sư Trần Đức Thảo được Nhà nước cho sang Pháp để làm một số việc được giao. Trong thời gian ở Pháp ông đã gặp vài người bạn, kể cho họ nghe những thăng trầm cuộc đời. Ông kể rằng trước đây là một người ủng hộ Chủ nghiã Mác, nhưng rồi sự thật phủ phàng đã làm ông phản tĩnh. Ông đang viết một quyển sách vạch ra những sai lầm của Mác một cách sâu sắc với những luận cứ triết học chắc chắn. Ông chưa viết xong thì bị đột tử.

Phan Ngọc Khuê đã thu băng và giữ lại được các buổi trò chuyện, dựa vào đó viết quyển sách “Trần Đức Thảo- Những lời trăng trối”. Sách được in và phát hành ở nước ngoài. Một số bản được lọt về trong nước.

Bên cạnh những ý kiến tán đồng, ca ngợi quyển sách thì cũng có ý kiên phản biện, trong đó đáng kể nhất là bài viết của Tiến sĩ luật Huy Hà. Sau khi đọc kỹ quyển sách và bài của TS Huy Hà tôi viết phản biện lại. Đó là phản biện của người thứ ba.

**2- Bài của TS Huy Hà**

**BẢO VỆ ‘CON NGƯỜI THẬT’ CỦA NHÀ TRIẾT HỌC TRẦN ĐỨC THẢO**

**Tiến sĩ Huy Hà gửi cho BBC ( Tôi-NĐ Cống đã rút gọn và lược bỏ vài tên riêng).**

Trước hết, bất cứ độc giả thông thường dễ dàng nhận thấy cuốn sách 'Trần Đức Thảo - Những lời trăn trối' không phải là hồi ký của Trần Đức Thảo. Đơn giản là đã gọi là 'hồi ký' thì phải có bản thảo của chính Trần Đức Thảo. Thế nhưng đã không có bất cứ bản thảo hồi ký nào của ông. Bản thân BBC Tiếng Việt cũng thừa nhận cuốn sách này chỉ là "ghi lại lời ông Trần Đức Thảo".

Tiếp đó, với tư cách là một người có quan hệ gần gũi với Trần Đức Thảo, tôi thấy cuốn sách 'Trần Đức Thảo - Những lời trăn trối' là một sự xuyên tạc có chủ ý triết gia duy nhất này của Việt Nam (tính đến thời điểm hiện tại), hơn thế nữa, được giới triết học quốc tế ngưỡng mộ.

**Thời gian sống cùng Trần Đức Thảo**

Thực vậy, tôi và vợ tôi, đã có thời gian sống cùng Trần Đức Thảo tại Nhà khách Sứ quán Việt Nam ở Paris, số 2 Le Verrier, cho đến khi ông mất vào cuối tháng 4 năm 1993. Năm 1992, với tư cách cán bộ Bộ ngoại giao Việt Nam, tôi trở lại Paris để học tại Học viện quốc tế quản lý hành chính công (IIAP), trực thuộc Thủ tướng Pháp, nay là Trường quốc gia hành chính (ENA). Việc vợ chồng tôi thuê một phòng tại Nhà khách này không chỉ vì đó là nơi tôi đã ở trong lần du học trước đó mà còn vì cách trường có hai trăm mét, tại số 2 đại lộ l'Observatoire.

Ngay ngày đầu tiên tôi đã gặp Trần Đức Thảo. Số là tôi từ ngoài đường vào thì thấy một cụ già gầy gò, hai tai nút đầy bông, đang hổn hển kéo lên thang gác một xe đẩy nhỏ buộc một bịch nước đóng chai. Ngạc nhiên vì không thấy ai giúp ông, tôi liền nói: "Bác để cháu mang lên cho" và đưa bịch nước đó lên phòng của ông ở tầng 2.

Đó là một căn phòng bề bộn sách và bản thảo, đặc biệt là rất bẩn và hôi, bông dính mủ rải rác khắp nơi. Mọi chỉ dấu cho thấy chỉ có mình ông ở đây. Vẻ cảm động, ông hỏi tôi: "Cháu tên gì?".

Tôi trả lời: "Cháu tên Huy Hà" rồi hỏi lại: "Bác tên gì?". "Tôi là Trần Đức Thảo", ông rành mạch. Tôi sững người: "Trần Đức Thảo! Cháu đã nghe tiếng bác từ lâu. Bác là nhà triết học. Cháu còn biết bác là nạn nhân của vụ án 'Nhân văn Giai phẩm'. Bố cháu …, cậu cháu…. Các ông ấy nói nhiều về bác lắm".

Trần Đức Thảo nói ngay: "Ai chứ bố cậu và Xuân thì tôi thân lắm" rồi hỏi thăm về bố tôi (Cậu Xuân đã mất từ năm 1985). Sau này tôi mới biết là vào đầu năm 1991, ngay trước khi Trần Đức Thảo đi Pháp, bố tôi cùng chú ruột tôi …, Tiến sĩ triết học, Trưởng khoa của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh) và con chú tôi là Luật sư Song Hà, đã đến thăm ông tại nhà ở 200 Đề Thám, TP Hồ Chí Minh. Nhân dịp này, bố tôi đã tặng ông bài thơ 'Gửi thế kỷ 20' với đề tặng "Kính tặng Anh Trần Đức Thảo, nhà triết học suy tư cùng thế kỷ".

Thế là tôi trở thành chỗ tin cậy của triết gia họ Trần không chỉ trong chuyện "hậu cần" mà còn cả trong những việc ông đang làm ở Paris. Ông cho tôi biết vì sao và bằng cách nào ông sang được Pháp.

Ông cũng chia sẻ với tôi những gì ông đã và đang làm và dự định của ông cho thời gian tới. Còn hiện tại, ông nhờ tôi bán những bản tóm tắt những đề tài triết học mà ông sẽ thuyết trình tại Nhà Việt Nam hay Đại học Paris 7 với giá 20 francs (hồi đó khoảng hơn 3 USD) một tập để có tiền sống qua ngày...

Trần Đức Thảo đã ký tặng tôi một bản như vậy. Chính qua những cuộc trò chuyện tay đôi với ông cả ở nhà lẫn trên đường phố mà tôi hiểu được khá cặn kẽ con người cũng như suy tư của ông. Khi nghe tôi kể về tình cảnh đến thảm thương cũng như dự định nghiên cứu của Trần Đức Thảo, Jean Dupèbe, Giáo sư của tôi tại Đại học Paris 7, cựu sinh viên Trường Sư phạm nơi Trần Đức Thảo đã từng học, kêu lên: "Trần Đức Thảo là thầy của tất cả chúng tôi, tại nước Pháp này! Tôi sẽ phải làm cái gì đó để giúp Giáo sư Thảo". Ngay sau đó, Jean Dupèbe đã vận động Hội cựu sinh viên Trường sư phạm lập ra một khoản trợ cấp cho ông.

Tóm lại, Trần Đức Thảo coi tôi như "thủ túc" của ông. Chị Hiền và bà Bích Hồng, cùng ở Nhà khách, là những người có mặt khi ông hấp hối tại chính căn buồng của ông, thuật lại với vợ tôi: "Khi hấp hối, bác Thảo kêu: "Huy ơi, Huy ơi?" thì mọi người thưa rằng: "Huy đang đi thực tập ngoại giao tại Sénégal. sắp về rồi". Bác Thảo không nói gì nữa, rồi mất".

Trở lại cuốn sách 'Trần Đức Thảo - Những lời trăn trối', sách mô tả Trần Đức Thảo gọi người quản lý Nhà khách là "đồng chí Hào". Thế nhưng tên của người quản lý này là "Hảo". Chỉ riêng chi tiết này thôi cũng đã cho thấy cuốn sách là bất khả tín. Ngoài ra, cả tôi lẫn vợ tôi chưa từng nghe Trần Đức Thảo gọi ông Hảo hay bất cứ ai khác là "đồng chí" trên đất Paris này.

Về học thuật, Trần Đức Thảo là một nhà Marxist. Để khỏi chứng minh dài dòng, tôi lấy Trần Đức Thảo để định nghĩa Trần Đức Thảo.

Trong 'Tiểu sử Trần Đức Thảo' tự biên, ông viết: "Tháng 8 năm 1951 tôi công bố cuốn "Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng" do Nhà xuất bản Minh Tân phát hành. Cuốn sách này đánh dấu sự chuyển biến của tôi từ Hiện tượng học đến chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trên thực tế tôi mới chỉ đạt tới ngưỡng cửa của Chủ nghĩa Mác. Tôi đã đi đến nhận biết được chân lý của những cơ sở lý luận của học thuyết duy vật biện chứng, nhưng chưa nắm được đầy đủ những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, đặc biệt là về chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong hành trình của tôi, tôi đã được đưa đến Chủ nghĩa Mác qua 2 con đường: Thứ nhất, đó là cuộc đấu tranh đòi tự do cho dân tộc dẫn đến chủ nghĩa xã hội; Thứ hai, việc nghiên cứu triết học và lịch sử triết học đã cho tôi thấy rằng chỉ có duy nhất Chủ nghĩa Mác-Lênin mới vạch ra con đường đúng đắn để giải quyết những vấn đề cơ bản về phần lý luận khoa học".

**Trần Đức Thảo tán thành "chủ nghĩa xã hội"**

Tóm lại, Trần Đức Thảo tán thành "chủ nghĩa xã hội" theo học thuyết Mác-Lênin và khẳng định cuộc đấu tranh đòi tự do cho dân tộc Việt Nam dẫn đến chủ nghĩa xã hội.

Còn sau đây là một số "quan điểm" của Trần Đức Thảo mà bài 'Trần Đức Thảo nghĩ gì về đế quốc và 30/04?' trích ra từ 'Trần Đức Thảo - Những lời trăn trối'.

*-Ý thức hệ xã hội chủ nghĩa, do Lênin tuỳ tiện khai triển tư tưởng Marx là phương cách giam hãm các dân tộc chư hầu của thời Sa hoàng vào trong một gông cùm kiểu mới, với cái tên đẹp hơn: "khối các nước xã hội chủ nghĩa anh em… Bắc Kinh cũng đối xử với Tây Tạng, với Triều Tiên, với cả ta, theo tâm thức bành trưởng đế quốc như thế, cũng dưới chiêu bài "khối các nước xã hội chủ nghĩa anh em", giữa hai "láng giềng hữu hảo, môi hở răng lạnh"!...*

Hẳn để thuyết phục người đọc về tính xác thực của những "quan điểm" nêu trên, những quan điểm phủ nhận hoặc hoàn toàn lạ lẫm với sự theo đuổi chủ nghĩa Marx, chủ nghĩa xã hội và cuộc đấu tranh đòi tự do cho dân tộc Việt Nam của Trần Đức Thảo được thể hiện qua các văn bản do chính ông công bố, Phan Ngọc Khuê vẫn trong cuốn sách này đã hơn một lần dẫn ra cái gọi là "tâm sự" của triết gia theo đó ông đang chú tâm hoàn tất một cuốn sách có tính "phản tỉnh".

*-Ai cũng cần đọc sách này để thấy, để hiểu thảm hoạ đã đến với mỗi con người chúng ta như thế nào. Sách như thế thì làm sao có thể viết được ở quê nhà. Chúng nó thì đánh cho vỡ đầu ấy chứ! Ha! Ha! Ha…! Chừng nào cuốn sách của tôi được in ra thì tất cả những thắc mắc mà các bạn ở Paris này nêu ra từ trước tới nay sẽ được giải đáp cho bằng hết. Và tôi đang gấp rút biên soạn nó…*

Vậy thì, nếu quả những "tâm sự" trên của Trần Đức Thảo mà Phan Ngọc Khuê "ghi lại" là có thật, thì trong di cảo của ông, nếu không có một bản thảo theo đúng nghĩa cho một cuốn sách "phản tỉnh" như vậy thì chí ít phải có bản thảo thể hiện không ít thì nhiều sự "phản tỉnh" ấy của ông. Thế nhưng thực tế cho thấy đã không có bất cứ bản thảo nào như vậy.

Thứ nhất, Trần Đức Thảo cho tôi biết ông gửi lưu trữ một số bài viết của ông cho một cơ quan lưu trữ tại Paris (có trả phí bảo quản). Sau khi Trần Đức Thảo mất, cơ quan lưu trữ này gửi thư thông báo ông Thảo còn nợ một số tiền bảo quản tài liệu. Chính tôi đã thanh toán số tiền này và cơ quan lưu trữ đã gửi những bài viết của ông cho tôi. Những bài viết này của Trần Đức Thảo có một bản tiểu sử do ông tự biên soạn và vài bản thảo khác thuần túy triết học, không liên quan đến thời sự, càng không chứa đựng những quan điểm "phản tỉnh" như Phan Ngọc Khuê mô tả.

**Trần Đức Thảo tán thành "chủ nghĩa xã hội" theo học thuyết Mác-Lênin và khẳng định cuộc đấu tranh đòi tự do cho dân tộc Việt Nam dẫn đến chủ nghĩa xã hội.**

Thứ hai, bố tôi, trong một chuyến công tác tại Pháp vào đầu năm 1993, có thăm Trần Đức Thảo ngay tại Nhà khách Sứ quán. Tại buổi gặp và trò chuyện này giữa hai ông, tôi đã có mặt và đã có chụp ảnh kỷ niệm (đăng kèm bài này). Ông Thảo đã không bày tỏ với bố tôi bất cứ quan điểm nào có tính "xét lại" chứ đừng nói gì đến "phản tỉnh" mặc dù hai ông rất thân tình với nhau. Sau khi Trần Đức Thảo mất, chính bố tôi là người đã đề xuất Nhà nước Việt Nam tặng Huân chương Độc lập cho ông và Nhà nước Việt Nam đã thực hiện điều này trước khi tang lễ của ông được tổ chức.

Thứ ba, sau khi Trần Đức Thảo mất, sứ quán Việt Nam đã gửi toàn bộ tài liệu trong đó có các bản thảo của Trần Đức Thảo có trong buồng ông tại Nhà khách Sứ quán về Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Chú ruột tôi.... Tiến sĩ triết học Trưởng khoa của Học viện này (chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh) như trên đã nói, là người gần gũi với Trần Đức Thảo từ năm 1960, được giao toàn bộ tài liệu này để nghiên cứu. Ông đã cho tôi xem tất cả khối tài liệu này (mà một phần đáng kể là bằng tiếng Pháp) hiện lưu giữ tại nhà ông. Ông cũng nhiều lần trao đổi với tôi về Trần Đức Thảo với mong muốn tôi hợp tác viết sách về nhà triết học Marxist này. Đã không một bản thảo nào trong số tài liệu đó thể hiện cách nhìn phủ nhận những gì Trần Đức Thảo đã viết và công bố.

Cho dù tôi không phải là người tán thành mọi quan điểm của Trần Đức Thảo nhưng tôi sẽ bảo vệ đến cùng con người vốn dĩ của ông.

**3- Phản biện lại bài của TS Huy Hà**

TS Huy nêu một số dẫn chứng để kết luận cuốn sách của tác giả Phan Ngọc Khuê *“Trần Đức Thảo - Những lời trăng trối” là một sự xuyên tạc có chủ ý triết gia duy nhất này của Việt Nam”.*

Nội dung chủ yếu của sách “Những lời trăng trối” cho rằng GS Trần Đức Thảo gần suốt đời tưởng là Mác đúng, việc xây dựng CNXH là hợp quy luật, nhưng cuối đời đã phản tỉnh, phát hiện ra Mác đã sai, CNXH là không tưởng, GS Thảo đang viết một cuốn sách chứng minh điều đó. Sách chưa viết xong thì GS đột ngột qua đời.

TS Huy đã dựa vào những dẫn chứng sau để bác bỏ Phan Ngọc Khuê :

Dẫn chứng 1- TS Huy và cha ông, cậu ruột, chú ruột là chỗ thân tình với GS Thảo, Huy cùng vợ đã có thời gian sống gần ông Thảo, ở cùng nhà tại Paris, thế mà cả 4 người chưa bao giờ nghe ông Thảo nói gì về sự phản tỉnh.

Dẫn chứng 2- TS Huy viết : “*Chính qua những cuộc trò chuyện tay đôi với ông cả ở nhà lẫn trên đường phố mà tôi hiểu được khá cặn kẽ con người cũng như suy tư của ông” .GS* Thảo xem Huy như thủ túc , Ông cũng chia sẻ với Huy những gì đã và đang làm và dự định của ông cho thời gian tới. Khi sắp lìa đời, ông còn gọi Huy ơi, Huy ơi.

3- GS Thảo có gửi lưu trữ một số bài viết cho một cơ quan tại Paris và sau khi ông chết, sứ quán Việt Nam đã gửi toàn bộ tài liệu trong đó có các bản thảo của ông về nước. Trong 2 nguồn vừa kể không một bản thảo nào thể hiện sự phản tỉnh, cho là Mác sai.

4-Tên của cán bộ ở nhà khách sứ quán là Hảo, nhưng sách của ông Khuê gọi là Hào. TS Huy viết :” *Chỉ riêng chi tiết này thôi cũng đã cho thấy cuốn sách là bất khả tín.”*

5-TS Huy dựa vào “ Trần Đức Thảo- tiểu sử tự biên” để khẳng định GS Thảo là nhà Macxit chân chính.

6- Cuốn sách “ Những lời trăng trối” không phải Hồi ký mà chỉ là “ Ghi lại lời ông Trần Đức Thảo”

TS Huy kết luận : “*Trần Đức Thảo tán thành "chủ nghĩa xã hội" theo học thuyết Mác-Lênin và khẳng định cuộc đấu tranh đòi tự do cho dân tộc Việt Nam dẫn đến chủ nghĩa xã hội”,* đồng thời cho rằng sách của Phan Ngọc Khuê chứa nhiều xuyên tạc.

Theo tôi thì cả 6 dẫn chứng trên chưa đủ để rút ra kết luận gì cả.

Dẫn chứng 1- Chưa nghe nói. Hai người, rất có thể là thân mật đấy nhưng chưa đủ độ tin cậy để nói một điều quá quan trọng. Chưa nghe A nói về B, không có nghĩa là A không nghĩ tới B. Vợ chồng, cha mẹ và con cái, là người nhà, rất thân nhau, nhưng có những chuyện người ta nói với bạn đáng tin, đáng gửi gắm, mà không nói vói người nhà. Về suy luận không thể dựa vào điều chưa biết để rút ra kết luận. Hơn nữa GS Thảo có thể cho rằng Huy và những người thân của Huy đang là cán bộ cấp cao của chế độ, không đáng tin để tâm sự về việc phản tĩnh.

Dẫn chứng 2-TS Huy đã hiểu tường tận về GS Thảo. Đây là một suy luận mang đầy tính chủ quan. A trao đổi với C , với V nhiều điều tâm sự, điều đó không thể cho rằng A đã nói mọi điều bí mật, mọi suy nghĩ thầm kín. Qua những cuộc trò chuyện tay đôi có thể hiểu được quan điểm của đối tác trong câu chuyện ấy còn về chuyện khác thì chưa chắc. Việc TS Huy cho rằng đã hiểu được khá cặn kẽ con người cũng như suy tư của GS Thảo chỉ mới là phán đoán chủ quan. Đáng lẽ sau khi đọc Phan Ngọc Khuê, TS Huy nên kiểm tra lại phán đoán của mình thì đã vội làm ngược lại.

3- Không tìm thấy lưu trử. Việc không tìm thấy tài liệu trong 2 nguồn lưu trữ chỉ mới là bằng chứng để nghi ngờ, chưa đủ bằng chứng để kết luận “Tài liệu có hay không”. Biết đâu ô Thảo chưa kịp gửi vào Lưu trử, biết đâu, theo một chỉ thị nào đó, tài liệu đã bị tách riêng, không nằm trong số được gửi về nước cho Học Viện chính trị quốc gia. (Nên nhớ chúng ta đang ở đâu và các mưu lược của nhà cầm quyền). Nghi ngờ là cần, nhưng muốn biết sự thật phải kiểm chứng. Từ nghi ngờ dẫn ngay đến kết luận là sai về phương pháp. Những người làm khoa học chân chính không ai làm thế.

4- Tên Hảo hay Hào. Sự nhầm lẫn này là quá nhỏ, có thể xẩy ra. Từ sự nhầm này mà cho rằng “ *Cuốn sách của Phan Ngọc Khuê là bất khả tín*”. Đó là một quy chụp quá nặng nề và không khoa học. Nếu để minh xác tên một tác giả, một nhân vật lịch sử hoặc một tội phạm mà nhầm giữa Hảo và Hào là nguy hiểm, nhưng ở đây là về một con người có nhân thân và địa chỉ rõ ràng.

5- Tiểu sử tự biện- Trước khi phản tỉnh, ô Thảo vẫn nhầm, tưởng là Mác đúng, ông tự cho mình là người Macxit. Dựa vào tài liệu viết ra trước lúc phản tỉnh để kết luận bản chất của người ta sau khi đã phản tỉnh là một cách “lập lờ đánh lận”, một trong những thủ đoạn ngụy biện.

6- Không phải hồi ký- Có ai cho quyển “Những lời trăng trối” là hồi ký đâu. Tác giả Phan Ngọc Khuê thuật lại cả quá trình trao đổi với GS Thảo và cam kết giữ lại các băng ghi âm làm chứng. Trong các luận cứ về tranh tụng thì lời tường thuật của đương sự vẫn được xem là một nguồn. TS Huy có quyền nghi ngờ thông tin do P N Khuê đưa ra và nếu muốn biết sự thật thì phải tìm cách kiểm chứng. Chỉ có những kiểm chứng chặt chẽ mới có cơ sở để kết luận thông tin do Phan Ngọc Khuê cung cấp là thật hay giả.

TS Huy khẳng định rằng TS *“Sẽ bảo vệ đến cùng con người vốn dĩ của ông Thảo”.* Tôi rất hoan nghênh việc này, nhưng trước hết phải làm rõ “ con ngườiì vốn dĩ” như thế nào”. Tôi đề nghị TS hãy tìm cách liên lạc với ông Phan Ngọc Khuê, trao đổi chân thành. Nếu như TS khẳng định ông Khuê bịa đặt, xúc phạm đến thần tượng của minh, TS cần kiện ra tòa án ở Mỹ hoặc ở Pháp để được phân xử, còn không sẽ bị mang tiếng vu cáo, bôi nhọ ông Khuê.

Ngược lại, nếu những điều ông Khuê viết ra có đủ bằng chứng, thì bài báo của TS Vũ đã xúc phạm đến ông. Để thể hiện lòng chân thành và khoan dung ông Khuê nên liên lạc với TS Vũ để cung cấp thông tin. Nếu TS Vũ cứ khăng khăng bảo lưu ý kiến thì ông nên kiện ra tòa để đòi tôn trọng danh dự.

Việc kiện này, dù ai là nguyên đơn, sẽ giúp hiểu đúng về nhà triết học Trần Đức Thảo. Ngoài ra nếu ông Khuê thắng kiện, làm rõ sự phản tỉnh của Trần Đức Thảo thì còn có đóng góp cho nhân dân Việt Nam và thế giới nhận thức về Chủ nghĩa Mác.

**IV- Phản biện sách Sức mạnh của cái đúng**

**1-Giới thiệu**

Đó là quyển sách của Nguyễn Trần Bạt, được nhiều người đánh giá cao.

Trong vài chục năm trở lại đây Nguyễn Trần Bạt nổi lên như một trí thức làm kinh doanh rất thành đạt. Ông sinh năm 1946 tại Nghệ An, năm 1963 vào quân đội, năm 1973 tốt nghiệp Đại học Xây dựng. Năm 1984 thôi việc nhà nước, năm 1989 thành lập Công ty tư vấn về đầu tư và chuyển giao công nghệ- InvestConsult Group. Hiện nay Công ty hoạt động trên nhiều nước, có doanh thu nhiều triệu đô la mỗi năm. Ông Bạt là người nổi tiếng trong các lĩnh vực: doanh nhân, luật sư, nhà tư vấn, học giả. Ngoài thành tích về kinh tế, ông được giới trẻ rất hâm mộ vì những buổi nói chuyện, trả lời phỏng vấn và in hơn chục quyển sách về rất nhiều vấn đề nhằm hướng dẫn, động viên thanh niên trên con đường lập nghiệp.

Tôi kính phục kiến thức, ý chí, quan hệ và sự đóng góp của ông Bạt. Tôi đã từng say sưa đọc các sách của ông bàn về văn hóa, con người, tri thức, kinh tế, đạo đức, tự do, dân chủ, khoa học, giáo dục, cải cách v.v… và công nhận rằng sách của ông đã giúp tôi hệ thống hóa một số suy nghĩ còn rời rạc, giúp phát hiện một vài nhận thức mới. Thế nhưng gần đây đọc sách “ SỨC MẠNH CỦA CÁI ĐÚNG”, NXB Hội nhà văn- 2018, tôi gặp một vài quan điểm khó chấp nhận, liên quan đến chính trị, thời cuộc. Những vấn đề này không mới, chắc rằng có xuất hiện trong những sách tôi đã đọc, nhưng trước đây tôi không để ý.

Ông Bạt luôn nhận mình “Không phải là người đối lập. Khi viết sách ông chủ trương vì sự tiến bộ, vì trăn trở với tương lai đất nước, làm hết mình để giải độc cho thế hệ trẻ v.v”….Nhưng tôi nhận thấy trong sách ông có vài điểm bất đồng, đó là nhận thức về Mác, về cách mạng, về sự lãnh đạo của ĐCS VN, về vai trò của trí thức và vài điều lẻ tẻ. Tôi xin nêu ra một cách vắn tắt để những ai quan tâm có thể tham khảo và thảo luận. Riêng với ông Bạt, nếu ông vui lòng chấp nhận trao đổi kỹ hơn, tôi xin sẵn sàng gặp trực tiếp để nói chuyện như giữa những người bạn.

Trong các phản biện dưới đây tôi có trích vài câu trong sách “ Sức mạnh của cái đúng”, con số đặt trong ngoặc (…) ghí số trang có câu được trích.

**2-Về Mác và chủ nghĩa Mác Lê**

Ông Bạt tỏ ra vẫn một lòng tin vào Mác và Chủ nghĩa Mác Lê (CNML). Ông nhận xét “*Chủ nghĩa Mác hấp dẫn ở phương pháp luận của nhận thức (386)*”. Về vấn đề này ông còn viết : “ *Tôi có hai hệ thống tín hiệu để suy nghĩ tạo cảm hứng. Một là luận lý…(187)”.*

Rất nhiều người cũng một thời bị hấp dẫn bởi những lập luận rất hay, rất chặt chẽ của Mác, nhưng rồi đã phát hiện ra sự ngụy biện trong đó. Luận lý ông Bạt nói đến, theo cách hiểu thông thường gồm Luận cứ, Luận chứng và Luận đề. Dựa vào luận cứ, dùng luận chứng để chứng minh nhằm rút ra kết luận, là luận đề. Lập luận rất hay, rất chặt chẽ, rất hấp dẫn của Mác nằm ở phần luận chứng. Đó là phần được nhiều người quan tâm và Mác, bằng phép biện chứng đã mê hoặc được nhiều người. Ít người để ý phân tích luận cứ. Có phân tích sâu vào luận cứ mới tìm ra sai lầm và ngụy biện của Mác, từ đó dẫn tới sai cơ bản về luận đề (Tôi đã trình bày trong loạt bài : Một số nhầm lẫn của Mác; Ngụy biện của CNML; Chất đất sét trong các hòn đá tảng của Mác).

Ông Bạt viết : “*Mác là nhà triết học xây dựng được hệ thống tư tưởng toàn diện và chắc chắn đến mức những ai trở thành đệ tử của nó đều không ra khỏi nó được. (*362). Và : “ *Trần Đức Thảo là người rất mê Marxist…*(386)”. Viết như thế phải chăng là chủ quan vì có thể dẫn ra nhiều người nổi tiếng trong nước và trên thế giới đã từng là đệ tử của CN Mác, nhưng rồi đã phản tỉnh khi nhận ra những sai lầm cơ bản của nó. Riêng Trần Đức Thảo, vào cuối đời, ông Thảo đã phản tỉnh và cho rằng Mác là thủ phạm chính của mọi tai họa cho nhân loại do cách mạng vô sản gây nên. (Theo “Trần Đức Thảo- Những lời trăng trối”, chương 14- Nêu đích danh thủ phạm- Sách của Phan Ngọc Khuê).

Ông Bạt cho rằng ông đã thành công lớn trong việc giải thích Mác khi viết : “*Nhiều anh em nói với tôi rằng họ đọc nhiều về Mác, nhưng cũng không hiểu lắm, đến khi họ đọc những phân tích của tôi về Mác là họ hiểu ra ngay.”* Ông còn viết : “*Chúng ta còn cái vướng là chưa Việt hóa được cả các nguyên lý của CNML…( 25)”*

Sau khi Liên xô và Đông Âu sụp đổ, sau khi Quốc hội Châu Âu kết tội phong trào cộng sản và quan trọng nhất là thực tế nhem nhuốc của xã hội Việt Nam do ĐCS gây ra mà ông Bạt, một trí thức có hiểu biết rất rộng vẫn ca ngợi hết lời CN Mác làm tôi khó hiểu. Tôi đề ra 2 giả thuyết sau

1-Ông Bạt hiểu CN Mác rất kỹ, ông nguyện bảo vệ và phát triển nó. Như vậy thì đáng khâm phục, đáng tôn trọng. Tôi cũng nghiên cứu CN Mác và cho rằng nó phạm sai lầm ngay từ gốc. Tôi ao ước được có dịp trao đổi với một người nào rất giỏi về CN Mác để tham khảo ý kiến của họ, đặng tìm ra chỗ sai của mình. Tôi đã vài lần đề nghị được đối thoại với Hội đồng lý luận trung ương, nhưng không được chấp nhận. Nếu ông Bạt vui lòng đối thoại với tôi thì tôi vô cùng biết ơn.

2- Ông Bạt đã phần nào biết được những thiếu sót, sai lầm của CN Mác, nhưng vì một lý do nào đó mà chưa tiện nói ra. Hoặc giả ông cho rằng: “*Trong mọi xã hội đều tồn tại tầng lớp dưới thấp kém, nghèo đói, luôn có nguy cơ trở thành giai cấp vô sản, cho nên CN Mác vẫn có giá trị, nó chính là công cụ triết học của tầng lớp dưới (363)”.*

Ông Bạt chủ trương viết sách vì sự tiến bộ và giải độc cho thế hệ trẻ. Không rõ ông quan niệm thế hệ trẻ đang bị đầu độc như thế nào. Tôi nghĩ rằng họ đang bị đầu độc nhiều thứ mà nguy hiểm nhất là về chính trị. Trong trường học và sinh hoạt đoàn thể, họ bị tẩy não, bị nhồi sọ, bị đầu độc bằng CNML đã tỏ ra có nhiều sai lầm, có nhiều độc hại. Thế thì việc ca ngợi CNML tiến bộ ở đâu, giải độc ở đâu hay là phản lại những ý tưởng tốt đẹp do ông đề ra.

**3- Về thể chế chính trị, sự lãnh đạo của ĐCS**

Nhiều nhà hoạt động dân chủ, bất đồng chính kiến ở trong và ngoài nước cho rằng ở VN hiện nay đang tồn tại thể chế độc tài toàn trị ủa ĐCS. Thể chế này làm phát sinh và nuôi dưỡng tham nhũng, mua quan bán tước, từ đó lại sinh ra rất nhiều tệ nạn nguy hiểm khác. Vì vậy muốn cho xã hội phát triển thì việc cần thiết đầu tiên là cải cách ( hoặc đổi mới) thể chế, xây dựng nền dân chủ với tam quyền phân lập. Ông Bạt cũng hình như nhận thấy điều này và thỉnh thoảng có nhắc đến, ông viết : “ *Đầu tiên là cải cách kinh tế,…, sau đó đến cải cách chính trị* (20)“. Ông còn dẫn lời của TBT : “ *đổi mới chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế* (32)”.

Tuy vậy trong nhiều chỗ ông Bạt tỏ ra bảo vệ thể chế, bảo vệ và ca ngợi sự lãnh đạo của Đảng. Xin đọc những câu sau: “*Không có sự thay đổi thể chế mà chỉ có sự cải cách để thay đổi dần dần các mặt tiêu cực của thể chế mà thôi (23)….Dù chúng ta có một xã hội chưa trong sạch lắm, nhưng rõ ràng Đảng ta có một ý chí trong sạch (30)…Ý chí chính trị của Đảng và Nhà nước thống nhất với ý chí chính trị của xã hội, đó là điều quan trọng nhất (31)” …Đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng, kêu gọi mọi tầng lớp xã hội đoàn kết xung quanh Đảng và coi đó là tiền đề của mọi thành công trong bối cảnh đất nước hiện nay ( 8) …Nếu quần chúng không còn gắn bó với Đảng thì họ trở thành những người dân không đáng yêu, tức là một xã hội không đáng yêu (240)…Việc TBT Nguyễn Phú Trọng tự tin nói về nhân quyền trên đất nước Mỹ làm người dân VN vô cùng tự hào (30)…(Tổng thống Phi lip pin ) Duterte làm sao ứng xử giỏi bằng các nhà lãnh đạo VN….làm sao so được với các nhà chính trị buộc phải xử lý vấn đề Trung quốc cho hàng nghìn năm sau (268)*…*Quyết đoán về lý luận thì chúng ta đã có những nhà chính trị quyết đoán, kiên nhẫn (384)*

Nguyễn Trần Bạt chắc có nhận thấy sự mất lòng tin vào Đảng, vào chế độ của đa số người dân nên tỏ ra lo ngại. Ông viết : “ *Thách thức lớn nhất là sự mất mát ý chí chính trị, và cần phải lấy lại ngay (31)…Tôi xin chúc những nhà lãnh đạo của chúng ta giữ vững ý chí chính trị (34 )…Người VN đã trưởng thành và khôn ngoan đến mức độ, anh là ai, không quan trọng, miễn là anh ủng hộ VN 2 thứ : Phát triển và ổn định chính trị, tức là không động chạm đến địa vị cầm quyền của ĐCS VN (271)…Chúng ta không thừa nhận ĐCSVN là người cầm quyền chính trị và là chủ sở hữu nhà nước của nó thì chúng ta không còn chuyện gì để nói (283)… Tuyệt đối không đùa với sinh mệnh chính* *trị của Đảng (222)…Đảng này mà sụp đổ thì mọi lẽ phải lặt vặt không có xu nhỏ giá trị nào (224)…”*

Ông Bạt nhận là người không phải đối lập, viết sách vì trăn trở với tương lai đất nước, một cách phi chính trị ( 287). Tôi tôn trọng sự không đối lập, nhưng cho rằng đối lập hay không đối lập không quyết định phẩm chất và giá trị con người. Điều quan trọng hơn là tuệ giác và trung thực. Tôi cảm phục khi ông Bạt cho rằng cần phi chính trị hóa nền giáo dục. Tôi tán thành ý kiến rằng ĐCS VN đang tạm giữ được ổn định chính trị. Họ cho rằng đó là điều kiện vô cùng quan trọng để phát triển. Nhưng tôi nghĩ hơi khác, cho rằng ổn định chính trị là một phần cần thiết để ổn định xã hội và để phát triển thì ổn định xã hội là quan trọng hơn nhiều. Thế mà dưới sự lãnh đạo của ĐCS VN xã hội đang mất ổn định nhiều mặt.

Tôi đồng ý rằng giữ được ổn định chính trị là tốt, nhưng để có sự ổn định đó người ta đã gây ra bao tai họa. Có một câu sau, tưởng là nghịch lý, nhưng lại là chân lý “Tốt là kẻ thù của cái tốt hơn”. Ông Bạt nghĩ đến cái tốt tạm thời cho dân tộc, sao không nghĩ đến cái tốt hơn. Phải chăng như thế là trăn trở với tương lai đất nước.

Chắc rằng ông Bạt cũng thấy không thể kéo dài mãi thể chế toàn trị của đảng, nhưng ông dự đoán (hoặc mong ước) nó còn kéo dài. Ông viết : “ *Tôi cho rằng…để ra khỏi những khó khăn về chính trị phải mất một thế ký (276)…Hai trăm năm nữa người Việt mới có đủ điều kiện để ý thức được về các giá trị ấy (254)…”* (các giá trị nhân bản ).

Tôi nhận thấy ông Bạt khá bằng lòng và có phần ca ngợi chế độ hiện hành và thế lực lãnh đạo. Tôi nghĩ, để làm người đối lập, phản biện thì nhất thiết phải có ý kiến phản bác lại một cái gì đó của chính quyền. Còn làm người không đối lập, chỉ cần không phản bác là đủ, liệu có cần ca ngợi những điều mập mờ.

**4- Về trí thức**

Bàn về trí thức VN, có nhiều ý kiến đánh giá khác nhau, khen chê đủ cả. Văn bản chính thức có NQ 27-NQTƯ tháng 8 năm 2008 về xây dựng đội ngũ trí thức. Trong năm 2018 nhiều tổ chức của Đảng mở hội thảo đánh giá 10 năm thực hiện NQ 27. Tôi có một số ý kiến phản biện NQ này, nhưng ở đây chỉ xin bàn đến vài ý kiến trong sách của Nguyễn Trần Bạt.

Ông Bạt cho rằng quan trọng phải có tiêu chuẩn để nhận diện trí thức, vì nếu tiêu chuẩn không rõ ràng thì: “*tức là cổ vũ cho một bộ phận trí thức nhạy cảm và đủ năng lực để biến hình, biến màu, trở thành kẻ cơ hội sớm nhất và giỏi nhất. Những người cầm quyền nếu không đủ tinh khôn, không đủ kinh nghiệm sẽ rất dễ nhầm lẫn những kẻ đội lốt trí thức với trí thức chân chính (350)”.*

Trong đoạn vừa trích có 3 loại trí thức : Trí thức chân chính, trí thức nhạy cảm (thiếu chân chính) và kẻ đội lốt trí thức (trí thức dổm hoặc kém chất lượng). Ông Bạt đưa ra tiêu chuẩn để nhận diện trí thức là “Tính độc lập” (351), thể hiện trên 4 khía cạnh. Độc lập đối với nhau tạo nên sáng tạo, tranh luận. Độc lập với nhà cầm quyền tạo nên phản biện. Đối lập với văn hóa ngoại lai tạo nên sự lựa chọn. Độc lập, đối diện với quá khứ tạo ra động lực của sự phát triển và năng lực phỏng đoán tương lai.

Tôi không phản bác những ý kiến trên, chỉ bổ sung vài ý. Ông Bạt cho rằng những người cầm quyền nếu không đủ tinh khôn…, tôi lại thấy hiện nay lắm kẻ cầm quyền thừa ranh ma, lắm thủ đoạn tạo ra và sử dụng bọn trí thức dổm. Ông Bạt cho rằng cần dựa vào tính độc lập…, tôi thấy đó chỉ mới là một phần trong điều kiện đủ, trong đó còn cần thêm sự trung thực. Ngoài ra còn điều kiện cần mà chủ yếu là khả năng trí tuệ. Bốn tiêu chuẩn độc lập ông bạt nêu ra chỉ là phụ.

Ông Bạt viết: “ *Trí thức là những người chịu trách nhiệm lớn nhất đối với sự phát triển, đối với vận mệnh của dân tộc (354)…,Việc tạo ra cuộc cách mạng là của giới chính trị, nhưng hàn gắn vết nứt của CM để tạo ra sự đồng thuận xã hội là việc của giới trí thức (13)…Phát triển gắn liền với việc tìm kiếm ra phương thức thay đổi một cách từ tốn tất cả các nhược điểm của một nến chính trị. Đấy là công việc của giới trí thức (20)…*”.. Việc giới trí thức có và cần đóng góp vào các công việc vừa kể là đúng, nhưng cho rằng đó là trách nhiệm chính của họ là không chuẩn. Nếu trí thức phải gánh phần trách nhiệm chính thì phải chăng chính quyền, lãnh đạo chỉ chịu trách nhiệm phụ hoặc phối hợp mà thôi. Không!. Trách nhiệm chính phải là của chính quyền, của lãnh đạo. Sự đóng góp của trí thức chỉ là phần quan trọng.

Ông Bạt có nhận xét: *“Làm giàu kho trí tuệ của dân tộc là nhiệm vụ của giới trí thức, còn lựa chọn cái gì trong đó để đưa ra dùng là nhiệm vụ của giới chính trị (359)*. Đúng ra, lựa chọn cái gì là nhiệm vụ của giới chính trị cầm quyền. Giới này mới chịu trách nhiệm chính. Khi cho rằng trách nhiệm chính thuộc về trí thức là đã làm nghiêng lệch vai trò của họ.

Khi đưa ra khẩu hiệu : “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, có người đã bình luận: Thế chính quyền và lãnh đạo làm gì, phải chăng là ngồi chơi, xơi nước.

**5- Bình luận**

Trong quyển sách Sức mạnh của cái đúng, ngoài các điều đã trình bày ở các mục trên, tôi còn phát hiện một số chi tiết bất đồng khác, chưa viết ra đây. Ngoài ra tôi cũng biết có vài người phản biện ông Bạt. Phạm Hồng Sơn nhận xét: Đọc Nguyễn Trần Bạt xen kẽ những điểm tích cực, có lợi cho xã hội và người dân là những ý kiến, quan điểm không đúng, nguy hiểm cho tiến bộ xã hội hiện nay. Ví dụ quan điểm của ông về Nhà nước toàn trị, về nhân quyền, về chỗ đứng của NCKH XH.(bài: Hơn hai sai lầm nguy hiểm của ông Nguyễn Trần Bạt**-** trang Ba Samngày 4/ 9 , 2012). Trung Nguyễn viết bài “Phản hồi Nguyễn Trần Bạt về hòa giải và hòa hợp” , đăng Báo Tiếng Dân ngày 15/5/2018),

Nguyễn Trần Bạt, ngoài doanh nhân thành đạt còn là một học giả nổi tiếng, có rất nhiều người hâm mộ, đặc biệt là các bạn trẻ. Phương châm của ông khi viết là trong sáng, tốt đẹp, đáng phục. Thế nhưng sao lại có những phản biện không mong muốn. Tôi chép lại nhận xét của Phạm Hồng Sơn: “Đọc Nguyễn Trần Bạt xen kẽ những điểm tích cực, có lợi cho xã hội và người dân là những ý kiến, quan điểm không đúng, nguy hiểm cho tiến bộ xã hội hiện nay”. Xin bổ sung rằng phần tích cực, có lợi chiếm trên 95%, phần nguy hiểm chỉ là số ít và rải rác, nhưng gây tác dụng không nhỏ. Trong rất đông người hâm mộ ông Bạt liệu đã có mấy ai phát hiện ra các quan điểm mà phản biện cho là không đúng, nguy hiểm. Phản biện cho là không đúng, nhưng bản thân ông Bạt thì sao. Ông có thực sự tin những điều viết ra là hoàn toàn đúng, là kết quả của sự chiêm nghiệm sâu sắc, là xuất phát từ trái tim, hay là ông viết như vậy vì một áp lực nào đấy về tâm lý.

Nếu như ông Bạt từ trong sâu thẳm của tâm hồn, từ nhận thức chính xác, chặt chẽ, đã qua thử thách mà cho rằng Mác đúng, rằng con đường mà ĐCS VN đang dẫn dắt dân tộc là không thể khác, rằng lãnh đạo ĐCS thực sự có tài năng… thì đó là quyền cá nhân của ông, xin được tôn trọng. Chỉ muốn cảnh báo để ông biết, có những phản biện không đồng tình, cho rằng nó nguy hiểm cho tiến bộ xã hội. Những điều đó nếu do tuyên giáo của Đảng phổ biến thì người ta cho là chuyện bình thường, nhưng khi do học giả nổi tiếng Nguyễn Trần Bạt nói ra thì tác dụng sẽ khác. Vừa tác động trực tiếp đến người nghe, người đọc, vừa làm luận cứ cho những dư luận viên, làm tuyên truyền cho Đảng.

Về áp lực tâm lý. Tôi không phải nhà kinh doanh nên không dám nói đã hiểu hết những áp lực từ phía chính quyền mà nhà kinh doanh phải chịu, đặc biệt là đối với những nhà kinh doanh lớn, trong phạm vi rộng như ông Bạt. Tôi chỉ liên hệ cá nhân mình đã chịu áp lực như thế nào. Tôi đang giảng dạy rất thành công các môn Phương pháp luận NCKH và sáng tạo, Kết cấu công trình cho các lớp đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ, dạy môn Phong thủy và Các kỹ năng mềm cho nhiều đối tượng. Tôi được nhiều nơi mời dạy, ký họp đồng làm khoa học. Thế nhưng chỉ vì việc tôi có vài bất đồng với Đảng mà mọi lời mời, mọi hợp đồng đều bị xóa, thậm chí khi Trường ĐHXD kỷ niệm 50 năm thành lập vào năm 2016, bảo vệ còn được lệnh không cho tôi vào trường khi tôi mang vài quyển sách để tặng hoặc bán cho các sinh viên cũ về dự. Đấu tranh mãi họ mới cho tôi vào gặp sinh viên cũ với điều kiện chỉ được đi tay không.Trong suốt buổi tôi ở trường luôn có một bảo vệ theo dõi sát.

Trường hợp ông Bạt chịu áp lực tâm lý mà buộc lòng phải ca ngợi Mác và cộng sản thì vừa đáng trách, vừa đáng thương. Chắc ông nghĩ rằng công việc tư vấn của công ty ông đang làm mang lại nhiều lợi ích cho đất nước, muốn làm được trôi chảy phải có quan hệ tốt với chính quyền VN hiện hành, và như vậy không được có ý gì chống lại Mác và cộng sản.

Từ chỗ không chống lại đến chỗ ca ngợi là khá xa. Thấy điều sai trái, bạn có chống lại được hay không, chống lại đến mức nào là tùy thuộc vào khả năng, hoàn cảnh của bạn . Nếu vì hoàn cảnh mà buộc phải chấp nhận sự sai trái thì cũng đành chấp nhận một cách vui vẻ, im lặng, nhưng đừng ca ngợi.

**6- Lời cuối**

Nhân chuyện ông Bạt tôi cứ lan man nghĩ về nghề tư vấn. Trong xã hội VN trước đây, ở đâu cũng có một số người làm tư vấn và môi giới về hôn nhân, gọi là Làm Mai (mai mối), một mặt họ được xem như Nguyệt Lão xe tơ hồng, mặt khác bị liệt vảo 1 trong 4 thứ ngu (Thế gian có 4 thứ ngu. Làm Mai, gánh nợ, bẫy cu, cầm chầu). Rồi khi các dịch cụ công và tư phát triển thì sinh ra lắm loại “cò” khắp các nơi, trong mọi lĩnh vực. Cò là dạng tư vấn cấp thấp, bình dân, sống nhờ vào việc khai thác thông tin và quan hệ, nhờ chủ yếu vào khách hàng không nắm được thông tin chính xác, hoặc muốn nhanh chóng. Công ty tư vấn xuyên quốc gia cũng hoạt động dựa vào khai thác thông tin và quan hệ. Khách hàng càng sộp và càng ngu dốt thì tư vấn càng kiếm được nhiều lợi lộc. Mà theo Brzezinski thì lãnh đạo cộng sản có nhược điểm lớn là kém trí tuệ. Hỏi những ai đã tư vấn cho CSVN làm các dự án thiệt hại nhiều trăm ngàn tỷ, gây nên hủy hoại môi trường, phá nát đất nước.

Ông Bạt là ngôi sao sáng trong hoạt động tư vấn, nhưng ông thu hút được nhiều người hâm mộ chủ yếu là nhờ con người học giả. Ở VN cũng có một vài học giả, về tri thức ngang tầm hoặc trên tầm ông Bạt, nhưng tiếng nói của ông Bạt hơn hẳn họ vì ông có sự thành đạt về kinh tế bảo lãnh. Miệng người sang có gang có thép.

Tôi là một người hâm mộ ông Bạt, xin có vài lời tâm sự với các bạn hâm mộ khác. Trong các bài nói hoặc viết của ông Bạt mà nhiều người thấy “Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu” thì cũng đã có những phản biện, vạch ra sự nguy hiểm cho tiến bộ xã hội. Vậy khi đọc, khi nghe ông Bạt chúng ta nên để ý, xem xét, đối chiếu để chỉ tiếp thu những điều hay và ngăn ngừa được những độc hại lẫn vào.Xin chớ vội cho rằng ông Bạt nói, viết cái gì cũng đúng, cũng hay. Xin hãy suy nghĩ và phân tích bằng đầu óc của mình. Tiêu chuẩn của chân lý là thực tế.

**V- PHẢN BIỆN SÁCH PHÊ PHÁN**

**1-Giới thiệu**

Đó là quyển: Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “ tự chuyển hóa” về chính trị trong đảng**.**

Sách do Hội đồng Lý luận trung ương đứng tên, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phát hành tháng 8 năm 2017, Nội dung gồm 36 bài, với các vấn đề như: Bảo vệ chủ nghĩa Mác Lênin (CNML) và con đường XHCN; phản bác ý kiến phi chính trị lực lượng vũ trang và xem nhẹ nền quốc phòng toàn dân; bảo vệ đường lối đối ngoại của đảng; phê phán quan điểm đa nguyên đa đảng; phản bác sự hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự; đấu tranh với tự diễn biến, tự chuyển hóa; phê phán quan điểm đảng cộng sản (ĐCS) không thế chống tham nhũng; nền văn hóa, văn nghệ phải do đảng lãnh đạo. Trên 90% tác giả là giáo sư, phó GS, tiến sĩ. Tôi đã đọc cuốn sách và có đôi lời phản biện.

Ấn tượng đầu tiên là sách không bán. Phải chăng vì muốn giữ bí mật, chỉ lưu hành nội bộ. Nếu cần giữ bí mật thì vì lý do gì. Hay đây là tài liệu tuyên truyền nên cần phát miễn phí cho những người có quyền đọc và có nghĩa vụ phải đọc.

Sách khá dày (518 trang khổ lớn), một số bài về hậu phương quân đội, về quốc phòng toàn dân tôi chỉ lướt qua, không có ý kiến gì. Những bài tôi quan tâm thuộc về CNML, về sự lãnh đạo của ĐCS, về con đường XHCN. Xem qua thấy bài nào cũng có vẻ hùng hồn, dùng những luận cứ rõ ràng, luận chứng chặt chẽ. Nhưng khi đọc kỹ lại phát hiện ra những thủ đoạn ngụy biện, những lập luận dối trá. Chúng được dùng để bảo vệ hoặc chứng minh những luận đề sai.

Hiện nay trong xã hội VN có mâu thuẩn giữa 2 trường phái, tạm gọi A và B, Trường phái A gồm những người trung thành với chủ thuyết CS, bảo vệ CNML và con đường XHCN. Trường phái B gồm những người thấy được sai lầm của CNML, của CS, của con đường CNXH, muốn làm cải cách hoặc thay đổi thể chế. Ngoài 2 trường phái trên còn có những người khác, trong đó có 2 loại đáng để ý sau: 1- Loại thờ ơ, bàng quan với tình hình đất nước. 2- Loại thoái hóa biến chất về đạo đức, tham nhũng, cửa quyền. Loại 1 được cả A và B tranh thủ, lôi kéo. Loại 2 bị A, B và cả loại 1 căm ghét, lên án. Quyển sách là một phần trong cuộc đấu của A chống lại B.

**2- Cuộc đấu A-B**

Trong cuộc này A đang có đủ thế mạnh: Chính quyền, mặt trận, công an, tòa án, trường học, nhà tù, hệ thống thông tin công khai. Sách Phê phán là vũ khí đấu tranh về tư tưởng, về nhận thức. Lướt qua bên ngoài, tưởng như là cuộc bút chiến. Nhưng chắc là không phải. Bài giới thiệu sách cho rằng tranh luận này thuộc lĩnh vực đấu tranh giai cấp. Điều đó thúc đẩy A nhằm vào việc loại bỏ B chứ không phải tranh luận để nhận thức chân lý.

Tạm bỏ qua việc A dùng bạo lực. Chỉ xem là tranh luận. Một cuộc tranh luận, muốn đạt kết quả, mỗi bên phải có thiện chí, phải thống nhất các khái niệm, phải bình đẳng về điều kiện và tốt nhất được thực hiện trên cùng một diễn đàn. Hay nhất, có hiệu quả cao nhất là tổ chức các cuộc đối thoại (công khai được càng tốt). Tiếc rằng trong cuộc tranh luận này mỗi bên đang dùng một diễn đàn riêng, mỗi diễn đàn lại có số người theo dõi và ủng hộ riêng vì vậy tác dụng của việc trao đổi rất ít, bên nào nói chủ yếu bên ấy nghe.

Trước hết cần hiểu rõ về nhau. Trong cuộc tranh luận này có thể B đã khá rõ về A, nhưng ngược lại hình như A chưa hiểu đúng hoặc cố tình hiểu sai B. Tuyên truyền của A cho rằng B là những phần tử chống đối, tự chuyển hóa, tự diễn biến nhằm tiến tới lật đổ chế độ, phủ định CNML, xóa bỏ sự lãnh đạo của ĐCS, phản bội lại sự nghiệp của dân tộc, đi ngược lại xu thế của lịch sử. Trong lời tuyên truyền này có phần đúng là B muốn phủ định CNML, muốn xóa bỏ sự độc tài của ĐCS, như vậy là có chống đối. Còn nói họ phản bội sự nghiệp của dân tộc, đi ngược lịch sử là sự suy diễn mang nặng tính vu cáo. Riêng tự chuyển hóa, tự diễn biến mà A cho là tội lỗi thì B lại thấy đó là cần thiết.

Thử tìm xem B là những ai. Phải chăng là tay sai của đế quốc phong kiến, là thế lực thù địch của dân tộc hoặc bị kẻ thù mua chuộc. Không, ngàn vạn lần không. Họ chống lại độc tài toàn trị để làm gì, phải chăng là nhằm vinh thân phì gia. Không, ngàn vạn lần không. Tôi nghĩ rằng bài thơ của Trần Độ đã giúp nói lên một phần tâm tư của những người đó :

*“ Những mong xóa ác ở trên đời*

*Ta phó thân ta với đất trời*

*Tưởng ác xóa rồi thay cực thiện*

*Không ngờ cái ác lại luân hồi*”.

Từ đâu cái ác luân hồi. Họ cho rằng chính là từ CNML, từ đường lối toàn trị của ĐCS. Họ tự diễn biến, tự chuyển hóa về chính trị chính là nhằm tiếp tục xóa ác ở trên đời. Họ phó thân với đất trời. Họ là những người yêu nước thương dân. Họ đã thoát ra khỏi sự u mê, vượt qua được nỗi sợ để nói lên một phần sự thật, để đấu tranh xóa ác.

**3-Ý kiến phê phán chung**

Ý kiến phê phán chung là phần lớn quyển sách đầy rẫy ngụy biện mà các tác giả đã cố tình tạo ra hoặc vô tình mắc phải. Được dùng nhiều, phổ biến là kiểu “đánh tráo khái niệm” hoặc “áp đặt”. Đó là việc dùng các khái niệm bị đánh tráo, dùng các phán đoán giả dối, dùng các giả thuyết lập lờ làm căn cứ để suy luận, để chứng minh. Đó là việc biến những điều còn tranh luận thành chân lý phổ biến, là việc ngụy tạo chứng cứ, là việc “dán nhãn” cho đối tượng.

Xin nêu ra một số đánh tráo hoặc áp đặt như sau : CNML là kim chỉ nam; Giai cấp công nhân là GC lãnh đạo; Yêu nước phải yêu CNXH; Nhà nước là công cụ chuyên chính của giai cấp; Chế độ XHCN dân chủ gấp vạn lần chủ nghĩa tư bản; Cách mạng vô sản là tất yếu của lịch sử; Nhà nước XHCN là kiểu nhà nước cuối cùng của lịch sử nhân loại; Xây dựng CNXH là nguyện vọng của toàn dân; Thể chế đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân làm chủ là duy nhất đúng; Nhân dân VN phủ nhận chế độ đa nguyên đa đảng; CNXH là ước vọng ngàn đời của nhân dân lao động; Sự sụp đổ của Liên xô chỉ là thất bại tạm thời của một mô hình; ĐCS VN, kiên trì CNML, lãnh đạo nhân dân đi từ hết thắng lợi này đến thắng lợi khác v.v…

Những điều vừa nêu, có điều đã sai rõ ràng, có điều đang còn tranh luận mức độ sai đúng. Những điều như vậy không thể được dùng làm luận cứ, thế mà người ta cứ dùng bừa, dùng một cách liều lĩnh, mang tính áp đặt.

Dán nhãn. Đó là kiểu gán cho B những điều như: bọn phản động, bọn chống đối, bọn tay sai của thế lực thù địch, bị mua chuộc, mất ý chí v.v…Dán nhãn cho người ta rồi kèm theo nhãn đó là những tội trạng phản dân hại nước. Rồi lớn tiếng phê phán cái tội được suy diễn đó.

Tuyệt đại đa số B là những người yêu nước, thương dân, có lý tưởng. Họ bị dán nhãn “tự chuyển biến” rồi bị ghép chung vào với lũ người thoái hóa, biến chất về đạo đức. Đó là kiểu lập lờ đánh lận, là thủ đoạn vu khống.

**4-Phân tích một bài**

Để vạch ra và phân tích tương đối đầy đủ các ngụy biện trong quyển «Sách Phê phán» có lẽ phải viết cả một tập dày vài trăm trang. Với 1 bài báo tôi chỉ có thể phân tích vài đoạn của bài làm đại diện.

Tôi lấy bài đầu tiên: “ CNML KHÔNG THỂ LỖI THỜI” của GS TS Tạ Ngọc Tấn, gọi đó là “Bài luận”. Tôi đoán, có thể đây là bài được xếp vào loại quan trọng nhất,

Mở đầu Bài luận: “*Thời gian gần đây, một số nhà nghiên cứu Tây phương và một bộ phận cán bộ, đảng viên trong nước cho rằng, trong thời đại ngày nay CNML đã lỗi thời…”.* Nêu ra nhận định như vậy để rồi phê phán, phản bác đó là sai lầm, để rồi chứng minh ngược lại là CNML không thể lỗi thời.

Đối với CNML, nhận định trên tuy không sai nhưng chưa thật đúng. Lỗi thời, có nghĩa là trước đây có lúc nó đã đúng, bây giờ không còn đúng nữa. Thật ra CNML đã sai ngay từ đầu. Lỗi thời, đó là nhận định của một số người đã nhận nhầm, đã bị mắc lừa, từ trước vẫn cho rằng CNML là đúng, nay tỉnh ngộ ra nhưng còn bị “bệnh sĩ diện” ngăn cản mà không dám công nhận sự kém cỏi trước đây của mình.

CNML chứa đựng cả phần tốt và xấu. Phần tốt đẹp về công bằng, tự do, thịnh vượng, hạnh phúc được phô ra ngoài, phần xấu xa về độc tài, chuyên chế, tham tàn và kém trí tuệ tạm được giấu kín ở bên trong. Những người hiểu biết CNML có 2 phái: Ủng hộ và phản đối. Những người ủng hộ, cổ vũ, ca ngợi vì thấy rõ mặt tốt mà không thấy mặt xấu, hoặc tuy có thấy nhưng nghĩ rằng có thể khắc phục. Những người phản đối thấy rõ mặt xấu và cho rằng nó mang lại lợi ít hại nhiều. Xét trên toàn thế giới, số người ủng hộ là đông, trong đó có một số người nổi tiếng, nhưng số người phản đối còn đông hơn, đông gấp hàng trăm, hàng ngàn lần, trong đó có rất nhiều nhà khoa học các lĩnh vực.(Xin chú ý, tôi nói đến những người hiểu biết rõ về CNML chứ không phải đại đa số quần chúng chỉ nghe nói hoặc được tuyên truyền về nó). Ở VN cũng tương tự như vậy. Từ khi CNML được truyền vào, số người hiểu biết tiếp thu và truyền bá nó tuy không nhiều, nhưng họ đã tập hợp thành lực lượng, lập được mặt trận Việt Minh, đã lợi dụng được khẩu hiệu chống thực dân, giành độc lập nên đã lôi kéo được số đông đi theo. Số người hiểu biêt, thấy được tác hại mà CNML sẽ mang đến cho dân tộc là nhiều hơn, tiếc rằng số này không tập hợp lại được nên bị yếu thế.

Mác đã dựa vào các “Hòn đá tảng” sau đây để xây dựng nên lâu đài học thuyết : 1-Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. 2-Vật chất có trước và quyết định ý thức. 3- Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội. 4-Quy luật biện chứng giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. 5-Tư bản bóc lột công nhân bằng giá trị thặng dư. 6 - Sự tất yếu công hữu hóa tư liệu sản xuất. 7- Xã hội CS mọi người làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Lê Nin lại thêm vào các lý thuyết về chuyên chính vô sản, về Nhà nước của giai cấp, về tổ chức đảng cách mạng kiểu mới, về điều kiện của cách mạng vô sản.

Tôi thấy rõ phần lớn những tảng ấy chủ yếu là đất sét mà Mác tưởng nhầm là đá, đa số chỉ còn lại dưới dạng các câu sáo rỗng trong sách. Cái lâu đài xây trên các tảng đất sét ấy, gặp mưa bão đã tan rã, đã sụp đổ dần. Thế mà khổ thay, nhiều người vẫn tin chắc chúng còn vững hơn bàn thạch.

Tiếp theo, Bài luận cho rằng những người phủ nhận CNML dựa vào 4 lý do : 1-CNML ra đời đã lâu. 2-Liên xô sụp đổ, 3-Điều kiện kinh tế các nước tư bản được cải thiện rất nhiều. 4- Một loạt sai lầm mà các nước XHCN mắc phải. Nêu ra 4 lý do rồi tìm cách phản bác. Tiếc rằng các lý do đó chỉ đúng có một phần rất nhỏ, đã bỏ qua những lý do quan trọng hơn, cơ bản hơn. Đó là những tác hại của CNML bộc lộ ra rõ ràng khi ĐCS đã nắm quyền thống trị như sự độc tài toàn trị, sự dối trá trong tuyên truyền, sự tàn bạo trong đối xử với bất đồng (các xu hướng, tổ chức và con người). Những điều đó tạo nên nhiều tai họa, nhiều tội ác mà nhân dân phải gánh chịu. Nêu ra 4 lý do, mặc dầu chưa chính xác, rồi phản bác. Tuy vậy sự phản bác cũng rất yếu ớt và phạm không ít sai lầm luận lý.

**Lý do 1-** CNML ra đời đã lâu**.**

Để phản bác, Bài luận nêu ra các cơ sở của học thuyết Mác, nêu việc Lê Nin và Hồ Chí Minh đã vận dụng rồi khẳng định: “*Điều hiển nhiên và không thể chối cãi là, dù được hiểu theo nghĩa nào, CNML vẫn là khoa học về những quy luật chung nhất của sự vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy…”* . Hiển nhiên và không thể chối cãi là đối với một số người nào đó, còn đối với người khác chẳng hiển nhiên đâu cả, hơn nữa người ta còn phản bác, còn đánh đổ kia mà. Bài luận viết tiếp : “ *C Mác, Ph Ăngghen dự báo về một xã hội tương lai như một tất yếu lịch sử sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản”*. Về tương lai chỉ có thể dự báo. Đã là dự báo thì có thể đúng hoặc sai. Khẳng định sự tất yếu cho tương lai là sai lầm về suy luận.

Bài luận trình bày một số chuyện như chiến tranh ở Irăc, Libi với hàng ngàn thanh niên bỏ xác một cách vô nghĩa, trong đó không có con cái các nhà tư bản, rồi viết:”*Từ góc độ nhân văn thì CNXH là ước vọng ngàn đời của tất cả những người dân lao động…”.* Đây là lối ngụy biện kiểu đánh tráo. Được no ấm, tự do, sung sướng là khái niệm cụ thể. CNXH là trừu tượng. Tuyên truyền cho người ta, rằng CNXH là ấm no, tự do, sung sướng rồi hỏi có thích không, có ước vọng không. Mọi người trả lời có. Thế là gán cho người ta thích, có ước vọng XHCN. Không phải ! . Người ta thích, có ước vọng cái cụ thể là no ấm, sung sướng kia. Ở đây đã dùng mẹo vặt để đánh tráo thành ước vọng XHCN. Những người dân lao động đã thấy, đã biết gì về CNXH mà bảo người ta ước vọng.

Bài luận viết tiếp: “ *Trong rất nhiều tác phẩm C. Mác và Ph. Ăngghen đều nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức, đánh giá, tổng kết thực tiễn để thường xuyên bổ sung, phát triển lý luận… (* lược bớt 1 đoạn ). *Vậy thì sao có thể nói CNML là lỗi thời. CNML không thể lỗi thời…”*. Sự nhấn mạnh tầm quan trọng của nhận thức, đánh giá, tổng kết thực tiễn là đúng, nhưng viết rằng để bổ sung, phát triển lý luận là chưa hoàn toàn chuẩn xác và suy luận rằng CNML không thể lỗi thời là sai cả về luận đề và luận chứng. Nhận thức, đánh giá, tổng kết thực tiễn không chỉ để bổ sung hoặc phát triển lý luận mà quan trọng hơn là để phát hiện ra chỗ chưa hoàn chỉnh, chỗ sai để điều chỉnh hoặc loại bỏ. Chính vì nhờ đánh giá, tổng kết thực tiễn mà các nhà phản biện phát hiện ra những điều xấu xa, độc hại của CNML.

**Lý do thứ 2** : Sự sụp đổ của các nước XHCN ở Đông Âu và Liên xô.

Trước tiên Bài luận cho rằng: “*CNXH đã mang lại cuộc sống tốt đẹp cho một phần to lớn của nhân loại. Nó đã tạo nên một sức mạnh mà trước đó không thể tưởng tượng về nguồn vật chất và tinh thần đủ sức để động viên sức người, sức của tạo thành lực lượng chủ yếu đánh thắng cả những lực lượng to lớn của liên minh các thế lực tư bản trong chiến tranh thế giới thứ nhất cũng như đội quân phát xít tàn bạo của trục ma quỷ trong chiến tranh thế giới thứ hai…”*

Đoạn ngắn vừa trích phạm ít nhất 2 điều sai. Thứ nhất là về cuộc sống tốt đẹp. Đúng là so với miền Bắc VN vào những năm 60 đến 80 thế kỷ trước thì Liên xô và Đông Âu là tốt đẹp, nhưng đó là sự so sánh quá khập khiểng. Hãy so Đông Đức với Tây Đức, so BaLan, Tiệp Khắc, Rumani với các nước xung quanh như Áo, Bỉ, Thụy sĩ, Hà Lan thì mới biết thực chất thế nào. Cuộc sống ở Tây Đức, Thụy sĩ, Hà Lan là mơ ước của Đông Đức, Ba Lan, Tiệp, Rumani. Hãy xem cuộc sống của nhân dân Trung quốc trong những năm xây dựng CNXH với đại nhảy vọt và cách mạng văn hóa (1954-1976) để biết họ sống cực khổ như thế nào. Thứ hai, viết rằng nó (lực lượng XHCN) tạo nên sức mạnh đánh thắng liên minh các thế lực tư bản trong chiến tranh thế giới thứ nhất là đã phạm vào lỗi dối trá hoặc ít nhất là lỗi tin vào những tuyên truyền bịa đặt, không đúng sự thật. Sự thật của chiến tranh TG 1 là Liên minh các nước Anh, Pháp, Mỹ với Nga (Nga Hoàng) đánh nhau với Liên minh Đức, Áo, Hung, trong đó Áo và Hung chỉ là 2 nước bé. Chính quyền Nga Hoàng tham chiến từ tháng 8/1914 nhưng đến năm 1917 thì bị cách mạng tháng 2 lật đổ. Cách mạng tháng Mười xẩy ra tháng 11 năm 1917 thì tháng 3 năm 1918 Lê Nin ký hòa ước với Đức. Sau CM Tháng Mười, chiến tranh ở Nga chủ yếu là nội chiến. Riêng trong chiến tranh thế giới 2, sự đóng góp của Hồng quân Liên xô là rất quan trọng, nhưng có 2 vấn đề cần nhận định và đánh giá lại so với tuyên truyền trước đây. Một là vai trò của quân Đồng minh ở mặt trận phía tây, hai là cái gì quyết định tinh thần của quân đội Liên xô, lòng yêu nước hay bản chất của CNXH.

Bài luận viết: “*Chủ nghĩa xã hội đã là một hiện thực hùng mạnh đủ để những chiến lược gia, các nhà lý luận tư sản phải run sợ, đã đưa ra những dự báo về sự thất bại, kết thúc không thể đảo ngược của chủ nghĩa tư bản. Những thừa nhận đắng cay của Henry Kissinger, của Brzezinski thời kỳ 60-70 của thế kỷ 20 vẫn còn nguyên đó trong các cuốn sách, bài báo của họ”.* Tôi đã đọc sách Trật tự thế giới của Kissinger, sách Thất bại lớn- sự ra đời và sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản của Brzezinski. Hai ông là cố vấn tối cao của nhiều đời tổng thống Mỹ. Qua các cuốn sách tôi thấy được họ là những người chống cộng nổi tiếng, là những nhà khoa học chính trị tài năng và trung thực. Tôi không phát hiện ra họ run sợ chỗ nào, chỉ thấy họ cay đắng thay cho nhân dân các nước chịu sự thống trị của cộng sản, họ khẳng định sự sụp đổ tất yếu của chủ thuyết cộng sản và nguyên nhân chủ yếu của việc đó là sự thiếu trí tuệ. Về một số người nào đó tỏ ra sợ cộng sản thì đó không phải là run sợ của kẻ hèn yếu mà là lo sợ của người có trách nhiệm trước sự tàn phá của phong trào cộng sản và khả năng lây lan của nó trong một số nước thuộc thế giới thứ 3.

Bài luận viết: “*Sự sụp đổ của mô hình CNXH hiện thực ở Liên xô và Đông Âu đã là một bài học đau đớn không chỉ cho những người cộng sản mà còn cho cả nhân loại tiến bộ*”…. *“ Sự sụp đổ của mô hình CNXH hiện thực ở Liên xô và Đông Âu chỉ là sụp đổ của một mô hình xây dựng CNXH cụ thể”*. Ở đây có sự lập lờ, sự đánh tráo khái niệm “Nhân loại tiến bộ”. Họ là những ai, làm sao để biết họ đau đớn hay chỉ là sự suy đoán gán ghép. Không biết nhân loại tiến bộ ở rải rác những đâu còn phần lớn nhân dân các nước Đông Âu như Đông Đức, Ba Lan, Rumani, Hungari… và ở cả Liên xô rất phấn khởi đón nhận sự sụp đổ của chế độ cộng sản toàn trị. Tại sao cả một phe các nước XHCN lại chỉ được xem như một mô hình. Đây là một ngụy biện nhằm che dấu bản chất.

Bài luận viết :”*Các nước ở Tây bán cầu kề cận nước Mỹ đang tìm con đường và cách thức để xây dựng CNXH theo một mô hình mới. Nó cũng được minh chứng bởi một loạt quốc gia ở chính châu Âu, nhât là Bắc Âu đã và đang lấy CNXH làm mục đích, làm cảm hứng để xây dựng, phát triển đất nước mình.”* Nước kề cận Mỹ ở đây phải chăng là Vênêduyêla đang suy sụp sau nhiều năm theo con đường XHCN. Việc cho rằng các nước Bắc Âu đã và đang lấy CNXH làm mục đích là sự lợi dụng hình thức để đánh lộn sòng. Các nước Bắc Âu có nói đến CNXH, nhưng đó là một loại CNXH hoàn toàn khác so với CNXH mà các ĐCS theo đuổi. CNXH ở Bắc Âu là theo Quốc tế đệ nhị, không chấp nhận CNML, không theo con đường cộng sản. Đem CNXH của Bắc Âu vào đây là một sự lẫn lộn cố ý hoặc là một sự hiểu biết mập mờ.

Bài luận viết tiếp về Brexit của nước Anh, về các cuộc khủng bố để nói rằng các nước tư bản cũng không hề yên ổn. Không thể lấy sự không yên ổn đó để biện minh cho sự sụp đổ của phe XHCN, đó là kiểu ngụy biện “Vơ quàng”.

**Lý do thứ 3** ( tôi tạm bỏ qua vì bài đã quá dài)

**Lý do thứ 4-** Bài luận viết: “*Phải chăng sự bảo thủ, trì trệ trong nhận thức, những sai lầm hạn chế và khó khăn trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước theo con đường XHCN là bắt nguồn từ CNML”*. Bài luận tìm mọi cách để chứng minh là không phải vậy. Tuy phải công nhận những sai lầm, những nguyên nhân chủ quan (vì không thể giấu đi đâu được) của đảng, nhưng lại đổ cho việc: “*Chúng ta bắt tay vào xây dựng CNXH từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bị tàn phá nặng nề…”.*  Rồi Bài luận kể ra những thành tựu của đổi mới về kinh tế và ngoại giao và cho rằng *“ Đảng và Nhà nước VN đã có những bước đi dũng cảm về nhận thức, sự đổi mới mạnh mẽ về chính sách kinh tế- xã hội…(* lược 1 đoạn *),Từ thực tế ấy không thể có lý để nói rằng Đảng và Nhà nước VN bảo thủ, cố chấp hay định kiến mà không đổi mới nhận thức, đổi mới chính sách…, cũng như không thể đổ cho học thuyết Mác Lê nin có lỗi trong những khó khăn, hạn chế, sai lầm của quá trình xây dựng, phát triển đất nước”.*

Trong mục này Bài luận đã dùng lối ngụy biện “che giấu một phần sự thật”. Đảng đã từng theo đường lối XHCN mà kìm kẹp nông dân trong hợp tác xã, mà cấm chợ ngăn sông, mà xóa bỏ kinh tế tư nhân, rồi vì dương cao ngọn cờ chống đế quốc mà bị cấm vận, đến nỗi đất nước bị kiệt quệ. Rồi phải sửa sai, phải cởi trói, phải hòa hoãn và hợp tác với Mỹ để được bỏ cấm vận, vì thế mà kinh tế được phát triển. Công nhận việc làm này có sự dũng cảm. Một số người cho rằng đó là dũng cảm đổi mới, là dũng cảm trong sự vận dụng sáng tạo CNML. Nhiều người khác lại cho rằng đó là sự dũng cảm sửa sai, là dũng cảm làm ngược lại CNML để cứu nền kinh tế suy sụp.

Nếu chỉ dựa vào sự đổi mới về kinh tế, mở cửa về ngoại giao thì không thể kết luận ĐCS bảo thủ, cố chấp vì đổi mới kinh tế, mở cửa ngoại giao mới chỉ là một phần sự thật. Còn một phần khác quan trọng hơn đã bị che giấu. Đó là thực trạng của hệ thống cai trị gồm 3 cấp chồng lên nhau (đảng, chính quyền, mặt trận) rất cồng kềnh mà bất lực, là chế độ độc tài đảng trị, đặt đảng bao trùm lên mọi thứ, là sự kiên trì CNML và sự lệ thuộc nhiều thứ vào Tàu cộng nhân danh cùng ý thức hệ. Từ những điều đó mà sinh ra các nhóm lợi ích, nạn hối lộ, tham nhũng, mua quan bán chức, sự hủy hoại tầng lớp tinh hoa và đạo đức xã hội, sự phá nát tài nguyên và môi trường, là nợ nần chồng chất, là oan sai khắp nơi, là vu oan và khủng bố v.v…Đổ lỗi cho việc xây dựng XHCN từ nền nông nghiệp lạc hậu. Hỏi ai bày ra chuyện ấy, ai, dựa vào đâu để bắt ép nông dân lập hợp tác xã. Hỏi dựa vào đâu để quốc hữu hóa đất đai. Không dựa vào CNML thì dựa vào cái gì. Nhưng một mình CNML chưa thể gây ra toàn bộ tai họa. Nó được kết hợp với một số thói hư tật xấu của dân tộc mới phát tác mạnh mẽ.

Brzezinski nhận xét rằng chủ nghĩa CS tất yếu phải sụp đổ vì thiếu trí tuệ. Đối chiếu với tình hình thực tế VN thấy rất rõ ràng. Đảng đã phạm sai lầm chỗ này, bị thiếu sót chỗ kia, không thấy được nguy hiểm ở chỗ nọ. Điều này làm cho Nhân tai vượt quá Thiên tai, Nhân tai cộng hưởng với Thiên tai. Tại sao vậy ?. Tại vì thiếu trí tuệ (kết hợp với lòng tham và sự độc quyền). Tại sao chế độ CS lại thiếu trí tuệ. Nó có gốc gác từ trong CNML.

**5-Lời cuối**

Tôi viết phê phán Bài luận của GS Tấn và các bài trong Sách Phê phán chứ không có nhận xét gì về cá nhân GS và các tác giả khác. Tôi không quen biết họ, không biết trình độ thật sự cũng như động cơ của việc viết bài của họ. Biết đâu GS Tấn và các tác giả khác của Sách Phê phán có thể có nhận thức không những gần giống với tôi mà còn giỏi hơn, nhưng họ phải viết như vậy chỉ vì chịu một áp lực nào đó.

Trong việc tranh luận mà mỗi bên thể hiện trên diễn đàn của phe mình thì khó có được hiệu quả cao. Mỗi bên chỉ cố phô ra cái hay của mình và khai thác mặt yếu của đối phương, thậm chí đánh giá sai đối phương mà ít có điều kiện hợp tác. Chỉ khi đối thoại trực tiếp trên cơ sở bình đẳng mới có điều kiện kịp thời đánh giá và điều chỉnh nhận thức, cũng như mới có kết quả tốt, có hiệu quả cao. Vừa qua ông Võ Văn Thưởng đánh lên vài tiếng trống về đối thoại, thế rồi âm thanh của nó tan biến đi. Tôi mong ước những người có thiện chí, những người tử tế, đặc biệt là những người trong Hội đồng lý luận, trong Ban Tuyên giáo, trong Viện Hàn lâm khoa học Xã hội … tổ chức được những đối thoại về những vấn đề của đất nước và chế độ.

Riêng tôi, nếu được Hội đồng lý luận hoặc các tác giả của Sách Phê phán hỏi đến tôi cũng sẵn sàng trình bày, trao đổi, đối thoại trực tiếp về các ngụy biện trong các bài khác của sách. Tôi cũng sẵn sàng thuyết trình về tính chất đất sét của các hòn đá tảng của Mác. (21/10/ 2017)

**VI - PHẢN BIỆN VỀ ĐẠI HỌC TẠI CHỨC**

**(THƯ NGỎ GỬI BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC)**

( đăng mạng Vietnamnet ngày 16-7 -2007 )

**Kính thưa Bộ trưởng**

Chủ trương, quy chế đào tạo đại học tại chức nhìn chung là đúng đắn. Mấy chục năm qua việc đào tạo tại chức đã cung cấp một số lớn cán bộ có trình độ, giải quyết được tình trạng thiếu người làm việc ở các địa phương. Thành tích là to lớn. Nhung gần đây việc đào tạo tại chức đã quá bị lạm dụng, mở rộng quá mức so với khả năng của người học, người dạy và cơ quan quản lý, làm cho chất lượng tụt dốc thê thảm. Bức tranh đại học tại chức đã quá đen tối, tình hình đã quá mức phải báo động. Qua khảo sát sơ bộ thấy rằng tiêu cực có mặt ở khắp mọi hoạt động, tôi chỉ xin phản ảnh một số nét về tuyển sinh, giảng dạy và đánh giá.

*Về tuyển sinh* : Tuy cũng có những đợt ôn tập, những kỳ thi tuyển, cũng có điểm sàn xét tuyển nhưng phần lớn chỉ làm cho có hình thức, đối phó. Sự gian dối là khá phổ biến. Phần lớn người được tuyển không đúng đối tượng, có động cơ học tập lệch lạc. Đa số sinh viên có trình độ quá thấp, bị hổng rất nhiều kiến thức phổ thông, do đó không tiếp thu được các kiến thức đại học. Họ cũng học, cũng thi, cũng đạt điểm trên trung bình và được xét lên lớp, được cấp bằng, thế nhưng học mà không hiểu, thi được chủ yếu nhờ mưu mẹo, thi xong rồi thì quên gần hết các kiến thức, còn kỹ năng gần như chẳng có gì.

Tôi dạy một số môn chuyên ngành năm thứ ba và thứ tư ngành kỹ thuật xây dựng (thi tuyển khối A). Trước khi dạy tôi thường kiểm tra trình độ sinh viên về một số vấn đề rất dễ, rất cơ bản của kiến thức các năm trước có liên quan tới môn sẽ học, thế mà hơn 80 % sinh viên không làm được bài. Gần đây tôi kiểm tra thêm về toán rất dễ ở phổ thông như cộng, trừ phân số, tính diện tích hình thang…thì trên 30 % không làm được.

Khi giảng bài, tôi đã cố gắng giảng thật cụ thể, giảng đi giảng lại những vấn đề chủ yếu, tìm cách đơn giản hóa các vấn đề phức tạp với mong mỏi sinh viên nắm được kiến thức cơ bản. Sau mỗi vấn đề tôi thường hỏi sinh viên đã hiểu chưa, nắm được chưa, nếu có chỗ nào chưa rõ tôi sẽ trình bày lại. Phần lớn những lần như vậy tôi chỉ nhận được sự im lặng đáng buồn. Một số sinh viên cho phương pháp dạy của tôi là quá tuyệt vời nhưng không ít lại thờ ơ. Tôi cứ tưởng mình đã hết lòng giảng dạy như vậy thì thu nhận của sinh viên đạt khá cao nhưng qua kiểm tra mới thấy nhiều người chẳng tiếp thu được gì cả. Trong hoàn cảnh như vậy việc hướng dẫn cho sinh viên phương pháp học tập và làm cho họ học cách suy nghĩ thật là khó khăn. Khi kiểm tra và thi nếu bài ra không giống 100% bài mẫu đã được luyện tập trước thì đa số sinh viên không làm được bài, họ chỉ biết máy móc làm theo bài mẫu.

Trao đổi với nhiều thầy giáo ở trong và ngoài trường tôi được biết tình trạng như trên là phổ biến trong toàn quốc.

Theo qui định mỗi năm sinh viên thường được tập trung học vào hai kỳ, mỗi kỳ khoảng hai, ba tháng. Trong thời gian đó đáng ra sinh viên được nghỉ hoặc giảm bớt việc làm để tập trung cho việc học, thế nhưng số sinh viên được nghỉ như vậy là quá ít, phần lớn vẫn phải làm việc bình thường. Có những lớp còn phải làm việc toàn bộ ban ngày, chỉ tranh thủ học vài giờ vào buổi tối trong các đợt tập trung ngắn ngủi. Trình độ đã yếu kém lại không bảo đảm được thời gian và điều kiện thì làm sao học cho có kết quả.

*Về dạy và học*: Cách tổ chức dạy học là theo lối “cuốn chiếu”. Đó là mỗi môn được dạy trong một số ngày liên tiếp, xong môn này mới chuyển sang môn khác. Theo kế hoạch và thời khóa biểu mỗi ngày chỉ học khoảng 5 tiết nhưng có những môn được dạy cấp tập từ 8 đến 12 tiết. Thầy phải dạy thật nhanh cho xong để còn đi dạy nơi khác hoặc làm việc khác có thu nhập cao hơn. Cách tổ chức dạy như thế có thuận lợi cho người quản lý và người dạy nhưng hiệu quả rất kém. Tôi gọi đó là dạy học “kiểu mưa rào”, mưa rất to nhưng trôi tuột hết. Vài ba ngày cho một môn, bảy, tám môn cho mỗi đợt, sinh viên chỉ biết cắm cúi ghi chép mà không hiểu bài. Đúng là kiểu dạy cho qua chuyện, học cho qua chuyện.

Có lập luận cho rằng trong thời gian tập trung sinh viên chỉ cần tiếp nhận kế hoạch, chương trình học tập, nhận tài liệu và được hướng dẫn các phần cơ bản còn việc học và làm bài tập được thực hiện trong cả năm. Phần lớn đó chỉ là lý thuyết suông. Thực tế sinh viên không có đủ trình độ và điều kiện để theo cách học đó.

Tôi đã nghĩ ra và áp dụng một số biện pháp nhằm khắc phục nhược điểm của kiểu dạy học mưa rào, có viết báo và tìm cách phổ biến nhưng xem ra rất ít thầy cô muốn vận dụng.

Trao đổi với nhiều giảng viên về cách dạy tại chức đa số cho rằng họ chỉ cố gắng trình bày cho xong nội dung môn học theo đề cương mà rất ít người quan tâm đến trình độ của sinh viên và kết quả thu nhận. Cách dạy học như vậy thật phản sư phạm và nguy hiểm.

*Về đánh giá*: Có nhiều môn học sau vài ba ngày học cấp tập, sinh viên chưa kịp hiểu, chưa kịp ôn tập đã được thi luôn. Thế mà kết quả điểm số khá cao. Có lẽ do cả thầy và trò đã dùng một số mẹo nào đó.

Cũng có những môn học được tổ chức ôn tập và thi khá nghiêm túc nhưng phần lớn chỉ nghiêm được ở lần thi thứ nhất, thường lần thi này đạt kết quả khá thấp. Lần thi thứ hai thường thường thầy gửi đề cho các cơ sở tự tổ chức thi, sự lỏng lẻo và gian lận xẩy ra phổ biến ở kỳ thi này vả đa số người thi đều qua được. Điểm thi đạt trên trung bình, xem như đã hoàn thành môn học nhưng kiến thức còn lại chẳng có gì đáng kể.

Gần như tất cả các giảng viên dạy tại chức đều biết rõ hiện trạng trên nhưng đa số đều chấp nhận với câu an ủi “gặp thời thế, thế thời phải thế”. Cũng có một ít thầy cô tỏ ra bức xúc, đã tự mình tìm cách bảo đảm chất lượng giảng dạy môn học và góp ý kiến với các cơ sở quản lý đào tạo. Thế nhưng việc làm của họ chỉ như ném hạt cát xuống ao bèo. Khi tôi trao đổi với nhiều thầy cô về tình hình tại chức, họ thường khuyên “xin đừng vác gậy chống trời sập”.

Đại học tại chức hàng năm đã cung cấp nhiều người có bằng cử nhân, kỹ sư, trong đó chỉ có một số ít có năng lực còn đa số chỉ có bằng là thật còn kiến thức rởm.

Tình hình như vậy có hai điều nguy hiểm, cần báo động.

*Thứ nhất* là sự băng hoại đạo đức và đạo lý giáo dục, là khuyến khích gian lận và thói vô trách nhiệm, là thầy trò lừa dối lẫn nhau và cùng đơn vị quản lý lừa dối nhân dân. Càng lừa dối được nhiều thành tích càng lớn. *Thứ hai* là sự lảng phí quá lớn của xã hội. Một số khá đông người quản lý, người dạy, người học bỏ ra nhiều công sức, thời gian và tiền của để dạy và học nhưng kết quả chẳng có được là bao, hiệu quả của công việc là rất thấp.

Có lập luận cho rằng dù sao đại học tại chức cũng giải quyết được các vấn đề nâng cao dân trí và thỏa mãn được nhu cầu đại học của số đông. Theo tôi đó là những lập luận không đúng với thực tế. Học mà không hiểu, không nhớ thì nâng cao dân trí ở chỗ nào? Còn nhu cầu, cũng nên đánh giá bao nhiêu phần trăm là nhu cầu giả tạo. Và nếu có đáp ứng nhu cầu thì cũng cần dạy và học cho tử tế chứ không phải bằng cách gian lận.

Kính thưa Bộ trưởng

Vì một số lý do mà tôi không viết thư riêng, buộc phải viết thư ngỏ này, tôi xin lỗi vì việc đó.

Trên đây chỉ là vài nét chấm phá về bức tranh ảm đạm của đại học tại chức. Thực tế còn nhiều bất cập về chính sách và quản lý, còn nhiều hành vi tiêu cực tồi tệ mà không thể kể hết ra đây. Kính mong Bộ trưởng quan tâm đến tình hình, tổ chức khảo sát và đánh giá thật khách quan việc đào tạo tại chức, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

Về phần tôi, nếu được Bộ trưởng hỏi đến, tôi xin cung cấp thêm thông tin, đóng góp các suy nghĩ và biện pháp nhằm chấn hưng nền giáo dục nước nhà.

Xin gửi Bộ trưởng lời chào kính trọng và tin cậy.

**VII - PHẢN BIÊN VỀ VIỆC ĐÀO TẠO TRÊN ĐẠI HỌC**

**(THƯ NGỎ GỬI BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC)**

**Kính gửi ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục**

Tôi là Nguyễn Đình Cống, giáo sư của Trường Đại học Xây dựng, đã nghỉ hưu. Tôi viết thư này nhân dịp ông vừa nhận chức Bộ trưởng và báo chí đưa tin về đào tạo quá nhiều tiến sĩ kém chất lượng. Tôi tham gia khá nhiều công việc trong đào tạo trên đại học, biết nhiều chuyện vui buồn, xin kể vài chuyện để cung cấp thông tin, trao đổi về nhận định và góp vài ý kiến để chấn hưng nền giáo dục.

**1 - MỘT SỐ CHUYỆN VUI BUỒN**

Chuyện vui và thành tích có nhiều, tôi không phủ nhận, hơn nữa ông biết nhiều và biết rõ hơn tôi, nên tôi xin không kể ra. Chỉ xin kể vài chuyện buồn mà tôi biết rõ còn ông chưa biết.

**Chuyện 1**- GS TSKH Nguyễn T đã hướng dẫn vài chục NCS làm luận án tiến sĩ, đã bảo vệ. Trong một lần làm phản biện cho một luận án bảo vệ ở cấp cơ sở, sau khi nghe các ủy viên hội đồng góp nhiều ý kiến về thiếu sót và nhầm lẫn, GS T phát biểu một câu làm tôi và nhiều người lạnh sống lưng: “Luận án tiến sĩ chứ có phải cái gì quan trọng đâu mà các anh đòi hỏi chính xác và chặt chẽ đến vậy”.

**Chuyện 2-** Ở một HĐ bảo vệ luận án TS nọ thuộc chuyên ngành mà tôi biết rõ. Trong lúc các phản biện (công khai và kín) khen hết lời thì chủ tịch HĐ vạch ra chỗ sai, yêu cầu NCS trả lời. Không những NCS mà cả thầy hướng dẫn đã công nhận chỗ sai đó. Tôi theo dõi, nghĩ rằng với sai sót như vậy thì may lắm luận án được đánh giá trung bình, còn không thì phải dừng bảo vệ để NCS về sửa chữa chỗ sai. Không ngờ phần đông các ủy viên cho điểm 9 và 9,5, luận án đạt mức giỏi.

**Chuyện 3-** Trong một lần tôi ngồi chơi vui vẻ với 2 GS và một thầy giáo trẻ. Anh bạn trẻ nói: “Em xin lỗi trước, nhưng phải nói giáo sư các anh là một lũ tội phạm của dân tộc”. Tôi đã công nhận câu nói đó là đúng vì chính những GS thực thụ đào tạo ra các tiến sĩ dổm bậc 1, đến lượt TS dổm đó trở thành giáo sư dổm, đào tạo tiếp tiến sĩ dổm bậc 2, Thạc sĩ dổm, cử nhân dổm, và cứ thế mà nối tiếp, đến lúc phần lớn trí thức trên toàn quốc là đồ dổm. Thế không phải tội phạm của dân tộc là gì.

**Chuyện 4-** Một lần ở nhà khách của Trung tâm đào tao thường xuyên tỉnh Q B, thầy giáo P khi nghe giới thiệu tôi là giáo sư tiến sĩ đã phát biểu: “Cứ mỗi lần được nghe giới thiệu ai là giáo sư tiến sĩ tôi cứ nghĩ không biết mình đang gặp một người nên trọng hay nên khinh”.

**Chuyện 5-** Giáo sư Ngô, bạn tôi, được mời làm chủ tịch hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ của NCS tên T, ông đã từ chối vì theo ông thì luận án không có gì mới, chưa đạt yêu cầu. Người ta đã mời GS khác làm chủ tịch, cũng luận án ấy thôi, được HĐ đánh giá xuất sắc.

**Chuyện 6-**Tôi được mời làm phản biện kín cho một luận án tiến sĩ. Tuy các tên liên quan đã được cắt bỏ, nhưng là dân trong ngành, qua các thí nghiệm đã làm và các bài báo đã đăng, không những tôi mà nhiều bạn khác biết rõ ai đã làm, ai hướng dẫn. Tôi nhận xét là phương pháp nghiên cứu và kết quả chưa đủ độ tin cậy, đề nghị bổ sung, có nghĩa là luận án chưa hoàn chỉnh. Thế nhưng ngay sau đó luận án vẫn được bảo vệ với đánh giá xuất sắc.

**Chuyện 7-** Tôi thường được đi dạy môn Phương pháp luận NCKH cho một số lớp cao học ngành kỹ thuật xây dựng ở các địa phương. Các lớp này có một số môn phải dùng toán nhiều. Tôi hỏi các học viên: Với các môn toán nhiều và khó như vậy các cậu có hiểu hết không. Đa số trả lời không hiểu gì hết. Tôi nẩy ra ý nghĩ kiểm trình độ toán của các kỹ sư, học viên cao học xem sao. Tôi ra các bài toán từ trình độ tiểu học đến đại học, trong đó có bài cộng trừ phân số, tính diện tích hình thang, tính cạnh tam giác vuông dùng định lý Pythagore..…Gần hai phần ba số học viên không làm được những bài toán cấp tiểu học và trung học cơ sở như vậy. Tôi nói, các cậu quên hết toán sơ cấp, thế mà khi thi đầu vào cao học phải thi toán cao cấp, làm sao mà học được, thi được. Câu trả lời: Thi được chủ yếu bằng gian lận. Tôi hỏi, quy chế và coi thi nghiêm lắm kia mà, làm sao gian lận được. Trả lời: Nghiêm chỉ là hình thức bịp bợm bên ngoài mà thôi.

Tạm kể 7 chuyện. Còn hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn chuyện dở khóc dở cười về đào tạo trên đại học, chắc Bộ trưởng cũng đã nghe nhiều.

**2 - MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH**

Đã có nhiều người nói và viết về sự xuống cấp của nền giáo dục, về chất lượng quá thấp của nhiều tiến sĩ, thạc sĩ. Họ có bằng thật nhưng kiến thức dổm. Đó là nói về đào tạo trên đại học. Còn dưới nữa thì ngay cả các học sinh phổ thông cũng đã có những phát biểu làm nhiều người lạnh sống lưng. Không biết trước đây Bộ trưởng đã được nghe chưa.

Nếu căn cứ vào quy chế, quy trình đào tạo thì mọi khâu đều rất chặt chẽ, rất nghiêm chỉnh, khó tìm ra sơ hở, nhưng cứ nhìn vào thực tế mới biết các lỗ thủng lớn đến mức nào. Trong một thư gửi Bộ trưởng trước đây về đào tạo tại chức tôi có nhận định: “Thầy trò lừa dối lẫn nhau và cùng với đơn vị đào tạo lừa dối xã hội, càng lừa dối được nhiều, thành tích càng lớn”. Cả thầy, trò, đơn vị đào tạo và cơ quan quản lý đều thi nhau lừa dối, sống được, tồn tại được là nhờ lừa dối. Một số nhà khoa học thời gian đầu không nỡ lừa dối và bị thiệt thòi, họ bảo nhau: “Cả xã hội này sống được nhờ lừa dối, cấp trên càng lừa dối nhiều hơn, vậy chúng ta dại gì mà giữ trung thực để chịu thiệt, thôi thì gặp thời thế thế thời phải thế, lụt thì lút cả làng, cấp trên đang muốn có nhiều người có bằng tiến sĩ, chúng ta được giao quyền, có nhẹ tay một chút sẽ có lợi cho nhiều bên, thời buổi bây giờ làm được người trung thực là khó”

Chính vì để làm người trí thức trung thực là quá khó trong một xã hội chịu sự toàn trị với đầy rẫy tham nhũng, mua quan bán tước và xuống cấp đạo đức nên trong thư gửi Quốc hội tôi có nêu ý kiến là: “Cuộc cải cách giáo dục chưa thể thực hiện một cách toàn diện, nếu cứ cố mà làm vội, tiêu tốn nhiều tiền của và công sức thì có khả năng thay những sai lầm này bằng các sai lầm khác mà thôi. Để chấn hưng nền giáo dục, trước mắt chỉ nên chọn làm một vài việc cấp thiết”.

Về những vấn đề của nền Giáo dục tôi đã có thư gửi các Bộ trưởng trước đây, có 3 thư gửi Quốc hội trình bày một số ý kiến và nhận định, một số đề nghị, nhưng tất cả đều không được hồi âm. Viết thư này tôi cũng đã dự kiến rồi nó sẽ rơi tiếp vào im lặng. Thôi thế cũng được, Bộ trưởng không có thời gian đọc thì nhờ thư ký tóm tắt và báo cáo lại. Tôi viết là thấy cần phải viết, lương tâm bảo nên viết.

Trước hết xin Bộ trưởng chớ quá tin vào các quy trình, quy chế. Việc tổ chức thực hiện quan trọng hơn. Quyết định chủ yếu vẫn là con người với 2 phẩm chất cơ bản : Trình độ và trách nhiệm. Trong những người tham gia vào quá trình đào tạo thì những người ở trong các hội đồng đánh giá có vai trò then chốt. Tôi đã tham gia nhiều hội đồng và tạm phân ra 3 loại : 1-***Hội đồng nghiêm chỉnh*** gồm các ủy viên có đủ trình độ và trách nhiệm cao, sẽ đánh giá tương đối đúng thực chất của luận án chỉ theo nội dung khoa học, không bị một áp lức nào cả, 2- ***Hội đồng gà mờ*** gồm một số ủy viên thiếu một hoặc cả hai phẩm chất cần thiết, đánh giá luận án chủ yếu theo cảm tính, bị chi phối bởi các quan hệ ngoài khoa học. 3- ***Hội đồng đểu*** gồm phần lớn các ủy viên chỉ đánh giá luận án theo quan hệ xã hội, chạy theo thành tích dổm. Hiện chưa có đánh giá nào về tỷ lệ phần trăm các loại HĐ bảo vệ đồ án ở đại học, bảo vệ luận văn thạc sĩ và bảo vệ luận án tiến sĩ của các ngành và các cơ sở đào tạo khác nhau.

**3 - MỘT VÀI ĐỀ ĐẠT**

Trong gần 60 năm làm việc trong ngành giáo dục và trong vài chục năm suy nghĩ vể các biện pháp chấn hưng nền giáo dục tôi cũng đã đúc rút ra được 7 phương sách quan trọng.

Trong những thư gửi Bộ trưởng và Quốc hội kể trên, tôi đã trình bày, phân tích và đề nghị nhiều vấn đề của nền giáo dục, trong đó có một vài phần thuộc các phương sách. Tôi đoán là Bộ trưởng chưa biết đến các thư đó. Nếu Bộ trưởng muốn xem chỉ cần bảo thư ký gọi điện thoại hoặc gửi Email cho tôi, yêu cầu cung cấp, tôi sẽ xin tuân lệnh ngay lập tức.

Tôi chưa biết được việc Bộ trưởng có muốn nghe toàn bộ 7 phương sách hay không nên không dám trình bày tất cả mà chỉ xin nêu 1 ý kiến thuộc sách số 4 : Xiết chặt sự đánh giá.

Về đào tạo sau đại học, tôi đề nghị Bộ trưởng hết sức quan tâm vì tác dụng lan tỏa rộng lớn, vì tầm quan trọng của nó. Hơn nữa so với phổ thông và đại học thì việc đào tạo trên đại học có quy mô hẹp hơn nhiều và đang gây lắm bức xúc.

Khi chỉ có HĐ nghiêm chỉnh, không để có HĐ đểu hoặc gà mờ tồn tại thì tự khắc NCS, người hướng dẫn, cơ sở đào tạo phải lo đáp ứng, không thể làm qua loa, không thể lừa dối. Lúc đó người không có khả năng không dám làm NCS, người không đủ trình độ không dám nhận hướng dẫn, các cơ sở đào tạo không dám lừa dối và làm liều.

Nhưng làm sao để có được các HĐ nghiêm chỉnh và bằng cách nào kiểm tra, kiểm soát công việc của các HĐ. Nhà nước dùng HĐ để đánh giá công việc của người này người nọ, nhưng sẽ dùng ai, dùng cái gì để đánh giá công việc của HĐ. Tòa án cũng có HĐ, đó là HĐ xét xử. HĐ bảo vệ luận án và HĐ xét xử của tòa án có mục đích khác nhau nhưng phương pháp làm việc gần giống nhau. Tòa án có HĐ sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tối cao. Còn các HĐ bảo vệ luận án thì sao. Phải chăng các giáo sư, các ủy viên HĐ sẽ trở thành tội phạm khi dùng quyền lực của mình để chứng nhận cho ai đó được cấp văn bằng không tương xứng với trình độ, dù xuất phát từ lý do gì. Ngoài ra có cách gì kiểm tra, đánh giá những văn bằng đã được cấp để nếu phát hiện gian dối thì thu lại, việc này gần giống như xét lại và đền bù cho các án oan sai.

Thư không thể viết dài. Trước khi kết thúc tôi xin cầu mong Bộ trưởng giữ được sức khỏe, có nhiều đóng góp xứng đáng để chấn hưng nền giáo dục. Nếu Bộ trưởng muốn biết toàn bộ các kế sách tôi đã nghĩ ra, chỉ cần bảo thư ký thông báo, tôi sẽ xin trình bày.

Vì không tìm được đìa chỉ Email của Bộ trưởng nên tôi đã gửi thư này đến các địa chỉ của Bộ Giáo dục, nhờ chuyển : [Toasoan@giaoduc.net.vn](mailto:Toasoan@giaoduc.net.vn); [Bogddt@moet.edu.vn](mailto:Bogddt@moet.edu.vn).

Hà nội ngày 3 tháng 6/ 2016

**III - PHẢN BIỆN VỀ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC**

ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN GIÁO DỤC- CHƯA THỂ THỰC HIỆN

Gần đây chúng ta nói nhiều đến đổi mới toàn diện nền giáo dục. Thực ra gọi là sửa chữa sai lầm thì đúng hơn. Tuy vậy, dù là sửa sai hoặc đổi mới thì cũng chưa thể làm thành công được vì rằng những điều kiện thật sự cần thiết cho việc đó chưa có. Chúng ta có thể có nghị quyết, có kinh phí, có đường lối, có chương trình thực hiện nhưng những cái ấy chỉ là phụ. Cái cốt lõi nhất, quan trọng nhất, cần thiết nhất hiện thời chưa có.

Một “thắng lợi lớn” của Giáo dục VN là nghị quyết “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Tưởng rằng với nghị quyết đó giáo dục sẽ phát triển tốt đẹp, không ngờ càng ngày nó càng phạm nhiều sai lầm. Tại sao vậy ? Tại vì trong lúc những mặt tiêu cực, mặt hạn chế của giáo dục không những vẫn còn nguyên mà phát triển thêm thì nghị quyết đó chẳng qua chỉ là sự thỏa hiệp tạm thời của 2 lực lượng. Một bên là một số nhà khoa học, thấy rõ sự quan trọng của giáo dục nhưng không có quyền hành, họ chỉ có khả năng yêu cầu cấp trên ra nghị quyết. Một bên là những người có quyền ra nghị quyết nhưng tự mình không thấy rõ vai trò quan trọng của giáo dục, bị bắt buộc ra nghị quyết vì không đủ lập luận để từ chối, không tiện từ chối. Sau khi nghị quyết được ban hành thì cả hai bên đều thỏa mãn. Một bên cho là đạt thằng lợi lớn vì nguyện vọng đã được thực hiện, nghị quyết đã được công bố, còn việc thi hành như thế nào là của người khác. Một bên cho là đã làm được một việc có ý nghĩa, thỏa mãn được lòng mong muốn của các nhà nọ, nhà kia, đã ra được nghị quyết, còn việc thực hiện là của ngành chuyên môn. Thế là nghị quyết chỉ tồn tại trên giấy và thỉnh thoảng được nhắc đến ở báo cáo này, ở văn kiện kia, rất ít có ai đó tích cực trong việc tổ chức thi hành.

Bây giờ lại ra nghị quyết. Có phải cứ có nghị quyết là thực hiện được không. Đã có ai hỏi điều kiện cần và đủ để thực hiện được nghị quyết là những thứ gì chưa. Phần lớn chỉ mới thấy kinh phí, thời gian, kế hoach, chương trình. Theo tôi điều kiện quan trọng nhất hiện nay chưa có được.

Điều kiện quan trọng số 1 là sự ổn định, sự trong sạch của xã hội. Chúng ta nói nhiều đến ổn định chính trị. Việc đó là cần nhưng ổn định xã hội quan trọng hơn, cần thiết hơn. Nền giáo dục không thể nào tách rời xã hội. Trong một xã hội có nhiều tệ nạn xấu xa như mua quan bán tước, tham nhũng tràn lan, dối trá là phương sách, không thể nào có được một nền giáo dục tốt đẹp. Nếu có một số tấm gương tốt về dạy, về học, về quản lý thì chẳng qua chỉ là những trường hợp cá biệt mà thôi. Những trường hợp đó nhờ vào phẩm chất cá nhân, nhờ tiếp thu được truyền thống gia đình, nhờ vào điều kiện may mắn mà đã vượt ra khỏi vũng bùn, tránh được tệ nạn, giữ được phẩm giá.

Điều kiện quan trọng thứ 2 là đội ngũ thực hiện có năng lực, có trách nhiệm, có đạo đức, là bộ trưởng, thứ trưởng, đến các cán bộ của sở, là đội ngũ các thầy cô giáo. Đội ngũ này đã hình thành từ nhiều chục năm qua, trên 80% phạm phải từ 1 đến 3 nhược điểm sau : Yếu về trình độ, kém về phương pháp, thiếu sự yêu mến, tôn trọng, tin cậy ( của học sinh, của xã hội ). Đội ngũ này là kết quả của nhiều năm nhà nước thực hành một số chính sách không thỏa đáng đối với giáo dục. Một chương trình, một kế hoach dù có hay, có tốt đến đâu mà giao cho một đội ngũ như thế thực hiện thì rất khó tin vào thắng lợi. Trong kế hoach đổi mới, Bộ Giáo dục có dự trù thời gian và kinh phí để đào tạo lại, để huấn luyện đội ngũ quản lý và thầy cô giáo. Tôi nghĩ việc làm này quá khó và không thể nào làm đạt yêu cầu trong thời gian ngắn vài ba năm và trong môi trường xã hội hiện nay.

Đã không có được điều kiện quan trọng nhất thì việc đổi mới triệt để và toàn diện chỉ còn là khẩu hiệu, là mong ước của một số người nào đó. Trong hoàn cảnh như thế chưa thể đổi mới để đưa nền giáo dục phát triển đúng quỹ đạo cần thiết, nếu cứ cố mà làm thì có khả năng thay sai lầm này bằng sai lầm khác, đổi tệ nạn này bằng tệ nạn khác mà thôi.

Theo tôi hiện nay chưa thể thực hiện việc đổi mới toàn diện và triệt để nền giáo dục mà chỉ tìm cách sửa chữa một số sai lầm để cứu vãn sự xuống cấp trầm trọng, trước mắt chỉ nên tập trung vào việc xây dựng chương trình phù hợp với thực tế của xã hội Việt nam, theo yêu cầu phát triển của thời hiện tại. Phải phân biệt thật rõ khái niệm học thêm và dạy thêm (đã rất nhầm lẫn khi ghép học thêm và dạy thêm vào cùng một khái niệm), nên khuyến khích việc học thêm và cấm triệt để việc dạy thêm (là việc thầy dạy môn A ở trường nay dạy cùng môn ấy, cho học sinh của trường, có thu tiền). Về công việc của thầy cô giáo, việc quản lý thầy cô giáo, cần khuyến khích cách làm, cách dạy có thực chất, tránh những việc làm hình thức, máy móc làm tốn nhiều thời gian và công sức mà hiệu quả rất thấp. ( tháng 6/ 2014)

**IX - PHẢN BIỆN VIỆC LÀM VÀ THI HÀNH LUẬT**

**( Nhân Quốc hội họp và thông qua nhiều luật )**

Từ khi mở cửa, hội nhập và nói đến nhà nước pháp quyền, chúng ta gặp một số khó khăn là thiếu rất nhiều luật. Từ đó một nhiệm vụ quan trọng của mỗi kỳ họp Quốc hội là thảo luận và thông qua nhiều đạo luật. Được biết kỳ họp lần này (tháng 11 năm 2014) sẽ thông qua khá nhiều. Khi Quốc hội đã thông qua một luật nào đó thì Chủ tịch nước ký lệnh ban bố. Tôi chưa từng nghe nói đến việc Chủ tịch có xem lại toàn văn của luật và có khi nào yêu cầu bổ sung, sửa chữa gì hay không. Mỗi luật thường thường do ngành hoặc tổ chức sẽ thực hiện nó sau này soạn thảo và đệ trình (thí dụ Luật Giáo dục do Bộ Giáo dục, Luật Di sản do Bộ Văn hóa). Việc thảo luận và biểu quyết các điều khoản của luật là do toàn thể đại biểu Quốc hội mà trong đó có nhiều người không am hiểu sâu sắc các nội dung, không biết được những tình huống xẩy ra khi thực hiện. Có thể vì những lẽ đó mà có những điều thiếu chặt chẽ, không phù hợp. Một số luật vừa mới ban hành đã phải sửa đổi. Vừa qua tôi có quan tâm đến Luật Giáo dục đại học và thực sự không ngờ được đọc một văn bản có cách trình bày rất thiếu tính khoa học.

Trong hai việc làm luật và thi hành luật, nhiều nước cho là thi hành quan trọng hơn. Thế nhưng ở ta hình như là ngược lại. Quốc hội lo làm ra thật nhiều luật, sửa đổi luật, còn việc thi hành và kiểm tra việc thi hành thì hầu như cấp trên ít quan tâm. Chúng ta lại tạo ra và duy trì một thói quen không hay là để thi hành luật cần có Nghị định, có Thông tư hướng dẫn. Nếu chưa có Thông tư thì Luật chưa được thi hành.

Trong quá trình công tác trong lĩnh vực Giáo dục, Xây dựng và Trọng tài Quốc tế tôi có dịp tìm hiểu một số Luật, Nghị định, Thông tư có liên quan, phát hiện ra rằng phần lớn nội dung của Thông tư là nhắc lại nguyên văn của Nghị định, phần lớn nội dung Nghị định nhắc lại nguyên văn của Luật, chỉ có khác nhau về đề mục (thí dụ điều 15 của Luật được viết ở điều 2- 8 của Nghị định và viết lại ở điều 3-6 của Thông tư). Trong Nghị định và Thông tư có thêm một vài đoạn giải thích phạm vi và điều kiện áp dụng một số điều khoản nào đó của Luật. Chỉ có các đoạn đó là chưa có trong văn bản luật. Với đa số người có trình độ chuyên môn trung bình trở lên, khi đọc kỹ các điều luật là có thể hiểu đúng và vận dụng được (với điều kiện điều luật được trình bày chính xác, rõ ràng), không cần thông tư và nghị định giải thích bằng cách nhắc lại. Tôi nghĩ rằng khi làm luật phải tuân theo nguyên tắc cơ bản là các điều phải được viết rõ ràng, chỉ có thể hiểu theo một nghĩa nhất định (không thể mù mờ hoặc có thể hiểu theo các cách khác nhau, đến nỗi cần phải có giải thích và hướng dẫn thêm để tránh hiểu lầm và làm sai ý đồ của người soạn thảo). Khi ban hành luật cần ghi rõ: “Luật này được thi hành trực tiếp, không cần nghị định và thông tư”. Với những luật đặc biệt mà thấy cần phải có hướng dẫn một số điều nào đó mới thi hành được thì chỉ hạn chế sự giải thích trong các điều đó và phải công bố các giải thích ấy trước thời hạn luật bắt đầu có hiệu lực, phải được ghi rõ trong phụ lục hoặc chú thích của văn bản luật.

Thói quen phải có thông tư và nghị định giải thích thì luật mới được thi hành đã có từ rất sớm, nó gắn liền với sự lãnh đạo và quản lý xã hội của Đảng Cộng sản Việt nam. Nhiều nước không có thói quen ấy mà luật pháp của họ vẫn được thi hành rất tốt.

Thói quen trong quản lý xã hội cũng được hình thành như nhiều phong tục, tập quán trong các dân tộc hoặc vùng miền khác nhau. Phong tục, tập quán không phải tự trên trời ban xuống mà bắt đầu từ một người nào đó nghĩ ra và làm đầu tiên (hoặc chỉ đạo người khác làm). Khi việc làm đó là hay, là có lợi thì nhiều người sẽ làm theo, cũng có thể do người có quyền lực, có uy tín khuyến khích hoặc bắt người khác làm, lâu ngày sẽ thành thói quen, mở rộng ra thành phong tục, thành tập quán truyền từ đời này sang đời khác.

Thói quen trong Đảng Cộng sản VN “cấp dưới hoặc đảng viên làm việc gì phải được sự hướng dẫn của thượng cấp” đã hình thành rất sớm, rất phổ biến trong thời kỳ hoạt động bí mật. Có việc đó là do các cơ sở Đảng thường gồm các đảng viên công nông có giác ngộ cao, có tinh thần đấu tranh cách mạng nhưng lại thiếu tri thức và thông tin, họ gặp khó khăn và thậm chí không biết làm gì khi chưa nhận được những chỉ dẫn cụ thể. Các đảng viên như thế rất sợ làm sai ý của thượng cấp, cho rằng như vậy là vi phạm kỷ luật Đảng. Việc cần có hướng dẫn, trông chờ hướng dẫn, không dám tự mình suy nghĩ và quyết định đã trở thành thói quen trong các tổ chức đảng sau này. Ngay gần đây tổng bí thư phải ra hướng dẫn 19 điều đảng viên không được làm cũng phần nào thể hiện thói quen nói trên (mà trong đó có một số điều thiếu chặt chẽ, vô lý)

Thói quen trông chờ hướng dẫn của thượng cấp mới biết làm như thế nào đã trở thành căn bệnh từ trong gen, trong máu của tổ chức Đảng Cộng sản, nó phát tán và lây lan trong xã hội, trở thành phong tục, tập quán của các cơ quan, của những người thi hành luật pháp. Cũng như nhiều thói quen khác, thói quen này rất khó thay đổi.

Thói quen phải trông chờ Thông tư, Nghị định mới thi hành Luật phát triển đến mức người ta xem Thông tư quan trọng hơn Luật. Đó là một thói quen xấu, gây ra nhiều lãng phí và trở ngại, cần phải được bãi bỏ. Để làm điều đó cần nâng cao trình độ và trách nhiệm của người soạn thảo cũng như của người thông qua luật, để cho mỗi điều luật đều chính xác, rõ ràng như đã nêu trên đây và trong điều khoản thi hành cần ghi rõ “không cần nghị định và thông tư giải thích”. (Trong các đề thi vào đại học tôi thường gặp câu chú thích: Giám thị không được giải thích gì thêm).

(Bài này đã được gửi cho Văn phòng Quốc hội và đăng trên trang mạng Bauxite )

**X - PHẢN BIỆN VỀ LƯƠNG HƯU**

(**Thư ngỏ gửi Quốc hội ( kỳ họp 2014 )**

Nhân dịp Quốc hội thảo luận về sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội tôi xin có vài ý kiến về việc trả lương hưu. Về việc này nên nhìn từ 3 phía: Người nhận, người trả và sự công bằng xã hội.

Đa số người nhận mà có lương thấp, cuộc sống khó khăn thì mong ước được tăng càng nhiều càng hay, kéo dài thời gian được nhận càng lâu càng tốt.

Đối với người trả thì mong có được thật nhiều tiền để trả theo nguyện vọng của người nhận, nhưng thực tế số tiền bị hạn chế vì phụ thuộc vào nguồn thu, vì vậy sẽ là tốt khi giảm được số tiền phải trả (tôi nghe nói quĩ BHXH đang bị khủng hoảng thiếu).

Về công bằng xã hội, nếu hiểu lương hưu là một phần lương mà người lao động để lại, sẽ được nhận sau khi nghỉ việc (chứ không phải là một loại trợ cấp xã hội) thì tổng số mà người đó nhận được phải tỷ lệ với tổng tiền lương mà họ đã nhận, tức cũng là tỷ lệ với thời gian đóng bảo hiểm. (thực ra dựa vào lương hoặc thời gian cũng chưa chính xác mà phải dựa vào kết quả công việc mà người đó đã làm được, nhưng như thế quá khó). Xét như vậy thấy rằng cách trả lương hưu như ở ta và nhiều nước vẫn thực hiện (trả từ khi nghỉ việc cho đến khi chết) là không công bằng. Xin xét 2 trường hợp sau:

Người A bắt đầu làm lúc 22 tuổi. Làm việc tích cực, có nhiều công trạng, được yêu cầu kéo dài, đến 65 tuổi mới nghỉ hưu. A đã chết sau khi nhận số hưu chỉ vài tháng. Tổng số lương hưu mà A nhận được là không đáng kể so với công sức và kết quả công việc. (không khéo nếu A chết trước khi nghỉ hưu thì gia đình còn nhận được quyền lợi nhiều hơn).

Người B, bắt đầu công việc năm 24 tuổi, đến năm 47 tuổi đã có đủ số năm đóng bảo hiểm cần thiết và theo một chính sách ưu tiên nào đó (phục vụ trong lực lượng vũ trang ở nơi khó khăn chẳng hạn), được về hưu. B sống tới gần trăm tuổi (thực tế có thể trên một trăm), số năm được hưởng lương hưu trên 50, quá gấp đôi thời gian làm việc.

Kể ra không thể nào có được công bằng tuyệt đối mà chỉ là tương đối có thể chấp nhận, nhưng so sánh 2 trường hợp trên thì thấy quá bất công.

Tôi xin đề nghị phải căn cứ vào thời gian thực tế làm việc có đóng bảo hiểm để quyết định thời gian trả lương hưu. Chỉ trả trong thời gian tối đa bằng thời gian có đóng bảo hiếm. Như vậy đối với trường hợp B chỉ trả lương hưu tối đa trong: 47-24 = 23 năm (đến năm 47+23= 70 tuổi ). Sẽ có người hỏi, thế từ năm 70 tuổi trở đi B sống bằng gì, tính chất bảo hiểm và nhân đạo ở đâu. Xin thưa: đa số B khi về hưu vẫn còn sức khỏe, vẫn tiếp tục làm việc và có thu nhập thêm, đến lúc đã hết tuổi nhận lương hưu mà vẫn còn sống thì đã có tiền để dành từ trước. Đối với một số B nào đó, sau khi hết thời gian nhận lương hưu mà cuộc sống gặp khó khăn thì dùng quĩ trợ cấp xã hội để giúp đỡ. Nhưng từ lúc đó trở đi thì B phải xin và nhận trợ cấp chứ không phải có quyền đương nhiên nhận lương.

Đối với người như A thì sao?. Bảo hiểm xã hội cần tính tổng số lương hưu tối đa mà người đó có thể được nhận, rồi trả cho gia đình họ một lượng tối thiếu bằng một phần nào đó của số trên. Đối với những người chết trước khi nhận quyết định nghỉ hưu cũng nên dùng cách tính như vậy.

Tôi biết chúng ta đã có thói quen nhận và trả lương hưu từ lúc bắt đầu nghỉ cho đến lúc chết. Sự sửa đối như đề nghị sẽ mang lại quyền lợi cho những người như A và mang lại một chút thiệt thòi cho loại B, sẽ bị họ phản đối. Nhưng nghĩ về sự công bằng nên có, tôi mạnh dạn đề nghị Quốc hội xem xét và thảo luận đề nghị trên đây.

**XI -PHẢN BIỆN VỀ HỌC TẬP TƯ TƯỞNG VÀ ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH**

Nhân dịp kỷ niệm sinh nhật Bác (tháng 5- 2014), tôi muốn trình bày một vài ý kiến phản biện về việc học tập tư tưởng và đạo đức của Bác. Đây là một phong trào rất rộng lớn, tiêu tốn nhiều thời gian, sức lực và tiền của nhưng kết quả và hiệu quả đều thấp vì có một số việc làm chệch hướng.

Tư tưởng và đạo đức của Bác là sáng chói và cao đẹp, thể hiện ra rất nhiều mặt, trong văn kiện, trong lời nói, trong việc làm, trong suốt cả cuộc đời, và có lẽ tập trung nhất vào 4 văn kiện: 1- Luận cương và điều lệ Đảng Cộng sản Việt nam (lúc mới thành lập, tháng 2 năm 1930) 2-Tuyên ngôn độc lập 1945 (kèm theo là Hiến pháp năm 1946), 3- Sách Sửa đổi lề lối làm việc, 4- Di chúc.

Trước hết hãy bàn về học tập tư tưởng. Tư tưởng của Bác là của một lãnh tụ chính trị, của một người sáng lập ra đảng và nhà nước. Học tập tư tưởng của Bác là để lãnh đạo và quản lý đất nước. Vậy việc học tập này chủ yếu là nhiệm vụ của Tổng bí thư, của Chủ tịch nước, của các ủy viên Bộ chính trị và trung ương đảng, của các quan chức cao cấp. Thế mà rất ít được nghe các vị đó đã học như thế nào. Tôi đoán là các vị đó cho rằng học tư tưởng Hồ Chí Minh là việc của công nông, của cán bộ cấp dưới, chứ họ không cần học, trái lại họ được quyền đi dạy cho người khác. (mà lại dạy theo quan điểm của họ, có lợi cho họ).

Tư tưởng của Bác chủ yếu là độc lập, thống nhất đất nước, là chế độ dân chủ, mang lại tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Trong tất cả 4 tài liệu đã nêu hầu như Bác không nhắc tới việc lấy chủ nghĩa Mác Lênin làm kim chỉ nam, không nhắc tới việc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Luận cương năm 1930 của Bác chủ yếu là đoàn kết dân tộc để đánh đuổi thực dân xâm lược. Luận cương đó bị Quốc tế cộng sản phản bác (họ cho là nó thiên về dân tộc, nhẹ về giai cấp), đã bị Trần Phú phê phán và loại bỏ vào tháng 10- 1930, thay bằng luận cương mới trong đó có một câu nổi tiếng mà ngày nay đã bị xóa khỏi văn bản là : trí, phú, địa, hào đào tận gốc, trốc tận rễ, Trần Phú đổi tên gọi đảng Cộng sản Việt nam bằng đảng Cộng sản Đông dương. Bác đã lập ra nhà nước dân chủ cộng hòa và đảng Lao động Việt nam thì chỉ ít lâu sau khi Bác mất người ta đã xóa bỏ tên nước và tên đảng để đặt ra tên khác (Có dư luận cho rằng làm như thế là người ta muốn xóa bỏ những kỷ niệm một thời gắn với tên Hồ Chí Minh).

Bác bắt đầu viết di chúc vào năm 1965, đã sửa chữa nhiều lần. Di chúc là thiêng liêng nhưng Bác vừa nhắm mắt thì người ta mang ra để gạch xóa những câu, những chữ không vừa ý họ. Tuy vậy họ không dám chữa nhiều nên Di chúc vẫn còn giữ được tư tưởng của Bác. Trong đoạn mở đầu, trong phần việc riêng cũng như trong toàn bộ Di chúc Bác chỉ nhấn mạnh việc phục vụ cách mang, Tổ quốc, nhân dân, không đả động đến việc phục vụ đảng, phục vụ lý tưởng cộng sản, phục vụ chủ nghĩa Mác Lê nin. Bác mong ước xây dựng Việt nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh mà không nhắc tới việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đối với đoàn viên thanh niên Bác nhấn mạnh phải dạy đạo đức, không nhắc gì đến việc phải dạy chủ nghĩa Mác Lê nin. Vể Đảng, Bác viết “Nhờ đoàn kết, một lòng phục vụ giai cấp, nhân dân, Tổ quốc…”, không viết nhờ chủ nghĩa Mác Lê nin.

Năm 1922, tại Pháp Bác đọc luận cương của Lê Nin, thấy rằng Lê Nin ủng hộ phong trào giải phóng thuộc địa và vạch ra con đường cách mạng. Bác cho là đã tìm được đường cứu nước. Từ đó chủ nghĩa Mác Lê Nin được nhập vào VN, đảng Cộng sản được thành lập. Cách mạng thành công, nước nhà đã thoát khỏi chiến tranh, lập lại hòa bình, có được độc lập thống nhất. Vậy nhờ vào cái gì là chủ yếu mà nhân dân ta có được các kết quả như vừa nêu. Câu trả lời được nhiều người chấp nhận là 1- Nhờ vào nhân dân; 2- Nhờ sự lãnh đạo đúng đắn; 3- Nhờ sự ủng hộ của bè bạn.

Có một số người vì vô minh, vì quá tôn sùng Mác nên còn cho rằng điều quan trọng nhất là nhờ vào chủ nghĩa Mác Lê Nin. Đó là một nhầm lẫn tai hại rất khó nhận ra, rất khó phân tích nếu vẫn cố giữ các tín điều đã lỗi thời, vẫn chưa đủ trí sáng suốt để xét đoán. Có nhầm lẫn ấy là do suy luận sau: Bác Hồ (và những người khác như Võ Đại tướng, Phạm văn Đồng…) đã lãnh đạo dân tộc. Bác đã lập ra đảng Cộng sản, mà đảng theo Chủ nghĩa Mác Lê Nin. Vậy rõ ràng là nhờ Mác Lê Nin mà Bác lãnh đạo nhân dân được thắng lợi. Tôi đoán là có lẽ đến cuối đời Bác đã nhận ra một điều gì đó về chủ nghĩa Mác nên trong Di chúc Bác không hề ca ngợi và căn dặn phải học tập chủ nghĩa đó (chỉ có khi viết về sự bất hòa của các đảng Cộng sản thì Bác có mong muốn khôi phục sự đoàn kết của các đảng trên nền tảng chủ nghĩa Mác Lê Nin. Nhưng sự mong muốn này đã tan biến). Sự nhầm lẫn là do đánh tráo khái niệm, do che khuất nguyên nhân chính, lấy phụ thay chính.

Nói nhờ nhân dân, chính là nhờ lòng yêu nước, nhờ sự hy sinh vô bờ bến chứ không phải nhờ dân giác ngộ chủ nghĩa Mác. Khi người chiến sỹ tấn công vào Điện Biên Phủ hoặc vượt sông Thạch Hãn, tất cả đều vì lòng yêu nước, lòng căm thù giặc, đã có mấy ai trong số họ vì Mác Lê Nin.

Nói nhờ sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Bác và nhiều người khác (trong đó có một số ngoài đảng như Huỳnh Thúc Kháng, Phan Kế Toại, Nguyễn Văn Huyên, Phan Anh, Nguyễn Xiển v.v… ) thì sự đúng đắn, sự tài tình ấy chủ yếu cũng là do lòng yêu nước, do tiếp thu tinh hoa của dân tộc chứ chủ nghĩa Mác chỉ là cái vỏ bề ngoài. Đem cái vỏ ấy để làm lu mờ bản chất tinh thần dân tộc là một sự tráo trở do vô tình hoặc cố ý.

Nói nhờ sự ủng hộ của bè bạn thì chủ yếu là sự ủng hộ, sự giúp đỡ cuộc đấu tranh chính nghĩa của một dân tộc, chứ không phải là vì chủ nghĩa Mác Lê Nin.

Tại sao đảng theo chủ nghĩa Mác Lê Nin để lãnh đạo mà lại dám bảo là không nhờ gì vào nó. Hãy phân tích cái cơ bản, cái cốt lõi của chủ nghĩa Mác là gì. Là triết học duy vật, là đấu tranh giai cấp, là vô sản toàn thế giới liên hiệp lại, là chuyên chính vô sản, là công hữu hóa tư liệu sản xuất, là chính quyên xô viết v.v... (Mác rất ít bàn về giải phóng thuộc địa, Lê Nin có nói đến nhưng chỉ qua loa). Đảng lãnh đạo có phải chỉ dựa vào một mình CN Mác đâu. Chủ yếu là dựa vào trí tuệ sáng suốt, dựa vào lòng yêu nước kết tinh từ truyền thống dân tộc. Hơn nữa cứ mỗi lần đảng tìm cách vận dụng CN Mác vào cuộc sống là một lần thất bại. Vể đấu tranh giai cấp thì rõ nhất là cải cách ruộng đất và cải tạo tư sản. Về công hữu hóa thì rõ nhất là hợp tác xã nông nghiệp, các tập đoàn kinh tế nhà nước. Về chuyên chính vô sản thì rõ nhất là tệ độc quyền dẫn tới tham nhũng tràn lan. Về triết học duy vật thì rõ nhất là sự báng bổ thần thánh, làm suy đồi đạo đức.

Tôi ngẩm nghĩ nhiều năm, suy xét nhiều mặt mà rút ra kết luận là Chủ nghĩa Mác Lê mang lại cái lợi (cho dân tộc Việt nam nói riêng và cho nhân loại nói chung) thì ít mà mang lại cái hại nhiều hơn. Tôi đã viết bài “Một số nhầm lẫn của Mác” để phân tích nguyên nhân và kết quả của những cái hại đó.

Tôi đoán rằng có lẽ ban đầu Bác thấy phải lập đảng cộng sản theo Mác để làm cách mạng giải phóng dân tộc là con đường đúng đắn duy nhất, nhưng càng theo Mác, Bác càng nhận ra những nhầm lẫn và nhược điểm nên Bác đã đổi tên đảng là đảng Lao động và trong Di chúc Bác tránh nói đến Xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa, tránh nói đến việc học tập chủ nghĩa Mác Lê và xem nó như kim chỉ nam. Tôi nghĩ việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh nên bắt đầu bằng việc phân tích sâu sắc bản Di chúc của Bác.

Có một số người vì hiểu nhầm, cho rằng chủ nghĩa Mác Lê là hoàn toàn đúng đắn, là hay nhất, là tốt nhất trong mọi thời đại nên cố tình gắn tư tưởng Hồ Chí Minh vào với chủ nghĩa, tưởng như thế là làm vẻ vang thêm cho tư tưởng. Tôi lại cho rằng làm thế là đã hạ thấp vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh và đã đề nghị tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh khỏi chủ nghĩa Mác. (Đề nghị các bạn tìm đọc lại thật kỹ, phân tích từng câu, từng chữ, từng ý trong Di chúc để hiều thật đúng ý của Bác, tránh nghe người khác tuyên truyền một chiều).

**XII -**  **PHẢN BIỆN BÀI QUỐC TẾ CA**

Đã lâu lắm không hát, không nghe bài Quốc tế ca. Vừa qua dự đại hội chi bộ, mọi người được yêu cầu hát...Tôi vừa cất lên được 2 tiếng " Vùng lên " thì bỗng im bặt, không thể nào mở miệng ra được nữa vì nhanh chóng nghĩ tới nội dung của bài ca không còn thích hợp với tình hình ở thế kỷ 21 nữa.

Xin phân tích vài điều. Câu 1: Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian, vùng lên hỡi ai cực khổ bần hàn....Ô hô ! hỏi rằng mấy triệu đảng viên ĐCS VN còn ai là nô lệ bần hàn. Kêu gọi ai vùng lên bây giờ đậy?.

Câu 2: Sục sôi nhiệt huyết trong tâm này chưa rồi, quyết phen này sống chết mà thôi.- Kinh chưa, quyết sống chết với ai, tại sao không thương lượng, nhường nhịn, hợp tác mà chỉ là quyết sống chết cho bằng được.

Câu 3 : Chế độ xưa ta mau phá sạch tan tành... Ghê chưa, phá cho tan tành mọi thứ của ông cha để lại, phá hết đình chùa, phá hết di tích lịch sử, phá hết cơ sở đạo đức xã hội...chỉ vì luận thuyết đấu tranh giai cấp, đưa nô lệ lên lập ra chuyên chính vô sản.

Câu 4- Nay mai cuộc đời của toàn dân sẽ khác xưa, bao nhiêu lợi quyền ắt qua tay mình. Tham chưa, bao nhiếu lợi quyền sẽ được tầng lớp thống trị mới chiếm lấy hết, không nhường cho ai chút nào. Khi họ đã vùng lên, nắm được quyền lực thì sẵn sàng...." những bàn chân đã vùng dậy đạp đầu lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp- (Tố Hữu- Ta đi tới). Trong lúc theo Nhân quyền thì mọi người sinh ra đều bình đẳng, đều có quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc. Thế nhưng anh đạp đầu người ta xuống bùn đen vạn kiếp thì người ta còn sống sao được....Hỡi ôi, cái tai hoạ của đấu tranh giai cấp, tai hoạ của chuyên chính vô sản, của Quốc tế ca !

**XIII - PHẢN BIỆN MỘT LỜI KÊT TỘI**

**(NHỮNG AI ĐÃ PHẢN BỘI ÔNG CHA)**

Ông cha của phần đông chúng ta đã theo Đảng Cộng sản, tôn sùng Chủ nghĩa Mác Lê (CNML), làm CM để giành độc lập, mang tự do, dân chủ, hạnh phúc cho nhân dân. Nhiều người đã hy sinh xương máu. Thế mà giờ đây có một số người phê phán và đòi từ bỏ CNML, đòi xóa hoặc đổi tên đảng Cộng sản. Những người như vậy liệu có phản bội lại sự hy sinh của thế hệ ông cha, liệu có vi phạm vào đạo lý “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”. Đó là vấn đề được nhiều bạn trẻ đặt ra yêu cầu giải đáp. Tôi viết để trả lời câu hỏi đó.

Tôi đọc sách “Chủ nghĩa Lê nin” vào khoảng đầu năm 1945, khi cán bộ Việt Minh Nguyễn Văn Đồng (nay là trung tướng Đồng Sỹ Nguyên) đến vận động và giác ngộ cha tôi làm CM. Anh Đồng đã đem quyển sách đó cho cha tôi nghiên cứu, tôi vì tò mò mà đọc trộm và chỉ hiểu lơ mơ. Lớn lên tôi được học tập CNML khá nhiều, không những ở trong nước mà còn ở Liên xô. Quá trình nhận thức về CNML của tôi được chia thành 4 giai đoạn. 1- Từ 10 đến khoảng 30 tuổi là lúc chỉ biết tuyệt đối tin tưởng vào Đảng và Bác Hồ, cho rằng CNML là hoàn toàn đúng. 2- Từ khoảng 30 đến 50 tuổi (1966-1986) là giai đoạn có những nghi ngờ và suy nghĩ trước thực trạng có sự sai khác nhiều giữa lý thuyết và thực tế. 3-Từ khoảng 50 đến 70 tuổi ( 1986-2006 ) tôi để tâm nghiên cứu, tìm cách giải thích thực trạng của xã hội. Qua nghiên cứu tôi nhận ra sự sai lầm từ gốc của CNML, thấy rằng nó là tai họa cho cho nhân loại nói chung và cho dân tộc VN. Vì sợ bị quy kết, bị đàn áp mà tôi không dám công khai các ý kiến, chỉ thỉnh thoảng thì thầm trao đổi giữa những người bạn thân tín. 4- Từ trên 70 tuổi (từ năm 2006) tôi bớt dần và từ năm 2013 trở đi đã vượt qua được sự sợ hãi nên mới công khai viết một số bài phê phán và vận động từ bỏ CNML. Cũng là nhờ vào Internet. (tóm tắt 4 giai đoạn là : tin, nghi, sợ, vượt).

Tiêu chuẩn để đánh giá một học thuyết chính trị là thực tế thu được khi áp dụng nó vào cuộc sống chứ không phải do suy luận. Giá trị thực của học thuyết nằm ở bản chất của nó, được xây dựng nên từ những luận cứ và luận chứng đầy đủ, minh bạch, chính xác, trung thực chứ không phải nó đúng vì đã có bao nhiêu người hy sinh xương máu cho nó, không phải dựa vào sự tuyên truyền dối trá, ngụy biện. Trong lịch sử có nhiều dẫn chứng về việc hàng triệu, hàng chục triệu người hy sinh để bảo vệ sự độc tài tàn bạo mà kẻ thống trị đưa ra sự vinh quang hão huyền để lừa bịp, thí dụ Tần Thủy Hoàng, Napôlêông, phát xít Hitle, Muxôlini ….

Đã có đầy đủ các chứng minh rằng CNML là sai lầm, chứa nhiều độc hại. Nó tồn tại được, mê hoặc được một số khá đông người trong một thời gian là dựa vào sự tuyên truyền dối trá, sự ngụy biện, sự hứa hẹn hão huyền. Và khi các đảng theo CNML đã nắm được chính quyền thì còn dùng thủ đoạn đàn áp của nền thống trị độc tài với lực lượng công an hùng hậu. Sự khủng bố, đàn áp nhân dân ở Campuchia, ở Trung quốc dưới chế độ cộng sản, sự sụp đổ của Liên xô và các nước XHCN Đông Âu là bằng chứng hùng hồn về sai lầm và tác hại của CNML.

Đảng CSVN được Nguyễn Ái Quốc thành lập năm 1930, tuy có liên quan đến CNML nhưng thực sự là dựa trên lòng yêu nước của nhân dân mà chủ yếu là của những người ưu tú để đánh đuổi thực dân, giành độc lập, chống áp bức chứ không phải để thực thi CNML bằng đấu tranh giai cấp và làm chuyên chính vô sản, càng không phải để xây dựng chế độ độc tài. Tiêu đề Việt nam Dân chủ Cộng hòa. Độc lập Tự do Hạnh phúc do Hồ Chí Minh nêu ra là một minh chứng.

Ông bà, cha mẹ, anh chị chúng ta hy sinh xương máu là vì lòng yêu nước, vì độc lập, vì tự do và hạnh phúc của nhân dân, chứ không phải vì CNML, không phải để bảo vệ CNML. Kể cả nhiều đảng viên cộng sản, họ hy sinh, họ bất khuất cũng chính vì lòng yêu nước chứ không phải vì CNML. Khác với một số nước cộng sản khác, ở Việt nam CNML tồn tại được, ban đầu là nhờ bám vào lòng yêu nước của các thành phần ưu tú của dân tộc. Đảng CSVN phát triển được là dựa vào lòng yêu nước của phần đông nhân dân. Nhưng đến khi đã nắm được chính quyền thì ĐCS lại vì bảo vệ và thực thi ý thức hệ cộng sản mà đề cao chuyên chính vô sản, thâu tóm quyền lực, hình thành nên giai cấp thống trị mới với các nhóm lợi ích, với tệ tham nhũng, mua quan bán tước. ĐCSVN quốc hữu hóa toàn bộ ruộng đất, tạo điều kiện cho quan chức chiếm đoạt để làm giàu, tạo nên vô số dân oan, đàn áp các phong trào dân chủ, vu cáo để bỏ tù hàng ngàn, hàng vạn người bất đồng chính kiến, vay nợ nước ngoài, sử dụng tiền thuế của dân và tài sản quốc gia, chỉ dùng một phần để phát triển kinh tế và quản lý xã hội , còn phần lớn để làm những công trình xa hoa, lãng phí (có một số đắt nhất và mau hỏng nhất thế giới), tổ chức liên hoan tiệc tùng và tiêu xài lãng phí, một phần không nhỏ được chia nhau bỏ túi, tạo nên những nhà tư bản đỏ. Quan chức của Đảng to mồm rao giảng “Nhà nước của dân, do dân, vì dân, xây dựng đời sống dân chủ, tự do, hạnh phúc…”, nhưng đó chỉ là khẩu hiệu, là lời nói suông, còn thực tế như thế nào thì mọi người đã biết rõ.

Như vậy có thể kết luận một cách chắc chắn: Những kẻ tham nhũng đang cầm quyền, đang mua quan bán chức, đang đàn áp dân chủ và tạo nên những oan trái cho dân, những kẻ đang thần phục, chịu lệ thuộc vào Trung Cộng, dâng đất đai, biển đảo cho chúng chính là bọn phản lại sự hy sinh xương máu của ông cha, phản lại mục tiêu cao đẹp của CM là tự do, hạnh phúc của toàn dân. Chúng nó luôn mồm cao giọng tuyên bố là kế tục sự nghiệp CM cứu nước của các bậc tiền bối, nhưng thực tế chúng nó đã phản bội lại lý tưởng ban đầu của các chiến sĩ cộng sản, chúng nó chiếm đoạt thành quả của dân tộc để làm giàu riêng. ĐCSVN hiện nay và ĐCSVN lúc thành lập là cùng tên nhưng bản chất không giống nhau, là hai đảng khác nhau xa. Ông cha chúng ta theo ĐCS là theo đảng trước đây chứ không theo đảng bây giờ.

Ông cha chúng ta vì lòng yêu nước, khi biết ĐCS được thành lập để làm CM giành độc lập, lại có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thì vội tin, đi theo và sẵn sàng hy sinh vì đại nghĩa. Khi đã đi cùng ĐCS, họ bị tuyên truyền, bị nhồi sọ, bị lừa dối nên tin theo một chiều mà không thể biết được những độc hại của CNML, không biết được mặt trái và sự thâm độc của ĐCS. Nếu họ biết rõ, khi ĐCS nắm được chính quyền sẽ trở thành độc tài chuyên chính vô sản, rồi toàn bộ ruộng đất của tổ tiên để lại sẽ bị sung công, rồi con cháu của họ sẽ bị đảng khép vào vòng ý thức hệ thì chưa chắc họ đã tin và theo như thế. Như vậy phần đông trong số họ đã bị lừa dối, bị nhầm lẫn, phạm vào sai lầm “Đuổi hổ cửa trước, rước sói cửa sau”.

Khi biết ông cha đã nhầm đường, không lẽ chúng ta lại tiếp tục đi theo một cách mù quáng. Xin đừng ngộ nhận là ông cha đã hy sinh xương máu là nhằm tạo nên một chế độ độc tài như hiện nay. Làm con cháu mà không sửa được cái sai, cái nhầm của ông cha là loại ngu đần, tưởng là có hiếu nhưng thật ra là bất hiếu. Không sớm thì muộn, cách gì rồi dân tộc VN cũng giác ngộ ra chân lý và từ bỏ CNML, cách gì rồi chế độ cộng sản cũng sụp đổ hoàn toàn, càng kéo dài nó ngày nào là có tội với dân tộc, có tội với ông cha ngày đó. Như vậy những người phê phán và vận động từ bỏ CNML mới là người yêu nước, yêu dân thật sự, họ chống lại những giáo điều lạc hậu, chống lại sự toàn trị chuyên chính vô sản, chống lại bất công, tàn bạo và áp bức do ĐCS gây ra, họ thật sự vì tự do và hạnh phúc của nhân dân. Vì vậy họ mới chính là những người tiếp bước sự nghiệp và nguyện vọng của ông cha. Còn về việc uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây thì đó là lòng chúng ta biết ơn, tưởng nhớ, kính cẩn thờ phụng ông cha và các liệt sĩ chứ không phải là việc nối tiếp và phát triển những sai lầm, không thể là việc tôn thờ những điều dối trá, những tội ác của những kẻ đã lừa dối họ và đang tiếp tục lừa dối chúng ta. Mong các bạn trẻ tỉnh táo, tự suy nghĩ bằng đầu óc của mình, dùng thực tế để kiểm chứng, đừng bị mắc vào vòng tuyên truyền lừa dối.

**XIV - PHẢN BIỆN VỀ UỐNG NƯỚC VÀ ĂN QUẢ**

Dân ta có 2 câu ngạn ngữ rất hay: Uống nước nhớ nguồn và Ăn quả nhớ người trồng cây. Một số DLV chống lại các người bất đồng chính kiến, sau khi chửi rủa thấy không còn tác dụng thì dẫn câu trên: Mày là kẻ vô ơn, quên mất câu “uống nước…ăn quả…”. Họ cho rằng đây là vũ khí lợi hại, đánh vào lương tâm con người, làm cho người ta phải xấu hổ mà chừa thói phê phán chính quyền và Đảng. Thử xem cái vũ khí đó lợi hại đến mức nào.

Trong 2 câu “Uống nước…, Ăn quả…" có ẩn chứa một ý rất quan trọng. Đó là nước trong, sạch, không ô nhiễm, quả ngon, ngọt, không chứa độc tố. Nước ấy, quả ấy không những thỏa mãn đước cái khát cái đói trước mắt mà còn cung cấp nguồn dinh dưỡng cho tương lai. Sau hơn 70 năm, nhìn thẳng vào thực tế để xem nguồn nước và cây trồng theo chủ thuyết cộng sản, theo Chủ nghĩa Mác Lê (CNML) đem lại cho dân tộc Việt là loại nước nào, loại quả nào.

Quan trọng nhất, được nhiều người nhắc đến nhất là đưa dân tộc thoát vòng nô lệ, là độc lập, thống nhất. Để làm được việc này VN phải mất 30 năm chiến tranh với không biết bao nhiêu hy sinh, đổ nát, thù hận và để lại vô cùng nhiều các hệ lụy. Chiến tranh, vì độc lập thống nhất thì ít mà vì ý thức hệ nhiều hơn. Nói như Lê Duẩn thì chúng ta đánh Mỹ là đánh cho cả Liên xô và Trung quốc. Vào năm 1945, sau khi Bảo Đại tuyên bố VN độc lập ngày 12 tháng 3, sau khi Nhật đầu hàng ngày 15 tháng 8, nếu VM không làm CMT8 mà hợp tác với Chính phủ Trần Trọng Kim, từ bỏ con đường CS, thì đã có cơ hội đạt được độc lập thống nhất trong hòa bình như nhiều nước trong khu vực, tuy có thể chậm vài năm. Nhưng những người lãnh đạo của CSVN vì nóng vội, muốn lập nhanh chính quyền công nông để làm gương, muốn làm vua quan kiểu mới mà không chịu hợp tác. Càng ngày càng lộ ra rõ ràng, điều mà nhiều người lãnh đạo ĐCS mơ ước nhất, quyết giành cho được là quyền lực chính trị. Vì quyền lực chính trị của cá nhân, vì vô sản chuyên chính, vì sự độc tài toàn trị của Đảng mà họ đã xô đẩy đất nước vào chiến tranh, đưa dân tộc vào con đường tụt hậu.

Nguồn nước mà CS đã cung cấp, cây quả mà CS đã trồng liệu có trong sạch, ngon ngọt. Xin gấp tất cả các sách báo tuyên truyền mà nhìn thẳng váo xã hội. Xin đọc mấy câu kết trong bài thơ “Đảng” của Trung tướng Trần Độ :

“…Ta biết ơn, khi Đảng còn vĩ đại.

Còn hôm nay, cuộc đổi chác bán mua.

Đảng biến mình thành những chúa những vua.

Mà thống trị dân đen, như thuở trước.

Đảng ngụy ngôn: “Có công giành Độc Lập”.

Chức, Quyền, Tiền, dân đã trả Đảng rồi.

Nơi cung đình, đâu phải chợ trời.

Dân hết nợ, Đảng cứ ngồi, cứ hưởng.

Để trần gian, lại công hầu khanh tướng.

Đảng một bên, Dân chịu nhục một bên.

Những luận cứ: Các Mác và Lê Nin.

Giờ xa lạ với Con Hồng Cháu Lạc!

So với Đảng, có súng bom bạo lực.

Còn thơ tôi là vần điệu lương tâm.

Tố Như ơi! Tôi sẽ đợi trăm năm.

Rồi chân lý sáng ngời vào lịch sử!

Đảng của ngày xưa, Đảng là bất tử.

Còn tương lai!? Phút mặc niệm, bắt đầu!”

Khi vạch ra những sai lầm, độc ác của CS phải chăng là ăn cháo đá bát, phải chăng là phản bội lại sự hy sinh xương máu của ông cha. Hy sinh xương máu là thiêng liêng nên mỗi lần có dịp, những kẻ cơ hội lại mang ra để hù dọa những người phê phán. Về vấn đề này tôi đã viết bài “Những ai đã phản bội ông cha”. Bài viết chỉ ra rằng, ông cha hy sinh là vì tự do và hạnh phúc của con cháu, của nhân dân chứ không vì quyền lực của Đảng. Và như vậy thì chính những người đang lợi dụng chức quyền để tham nhũng, để áp bức nhân dân mới đúng là những kẻ phản bội ông cha. Nếu ông cha chúng ta khi xuyên rừng Trường Sơn, vượt sông Thạch Hãn để chiến đấu đến giọt máu cuối cùng mà biết rõ mục đích chủ yếu của cuộc chiến là nhằm tạo ra chế độ Đảng trị trên toàn quốc chứ không phải để giải phóng nhân dân Miền Nam, nếu họ biết cuộc chiến là do tập đoàn Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Nguyễn Chí Thanh chủ động gây ra mà Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp ban đầu không tán thành, nếu họ biết trước được sự hy sinh là để cho lãnh đạo ĐCS tạo lập ra nhiều nhóm lợi ích, tham nhũng, mua quan bán tước, hủy hoại môi trường và đạo đức, dân oan bị cướp đất khắp nơi, để CS đẩy dân tộc lệ thuộc vào Trung cộng, bị chúng nó không những chiếm đất, chiếm đảo mà còn tìm cách hủy diệt dần nòi giống… thì liệu họ có vui vẻ, có sẵn sàng chấp nhận hy sinh.

Ông cha vì nghe và tin vào lời tuyên truyền dối trá của CS mà hy sinh xương máu. Sự hy sinh ấy, xét về từng con người thì đó là hy sinh dũng cảm, đáng ca ngợi, đáng tôn thờ, chúng ta lập đài tưởng niệm, nhưng xét chung, nếu chỉ vì độc lập và thống nhất thì sự hy sinh đó có thể tránh được. Chúng ta một mặt trân quý sự hy sinh của cha ông, nhưng mặt khác phải thấy rõ những kẻ đã lừa phỉnh, đẩy cha ông chúng ta hy sinh để phục vụ cho lợi ích riêng của một số ít người.

Một điều mà các DLV hay viện dẫn về việc uống nước, ăn quả là “Ai cho mày cơm ăn, học hành, phong học hàm, học vị…, phải chăng tất cả là của Đảng, nhờ công ơn trời bể của Đảng”. Đó là một lập luận tuyên truyền xảo trá. Hãy hỏi xem Đảng và Dân, ai nuôi ai là chủ yếu. Có thể một số rất ít người Việt, vì một lý do nào đó lâm vào đói khổ, thất học, nếu không có sự nâng đỡ của Đảng thì không tự vươn lên được, một số ít khác dựa vào thế lực Đảng để tham nhũng, để làm giàu, còn tuyệt đại đa số chúng ta, lúc còn bé thì cha mẹ nuôi, lớn lên thì lo làm lụng kiếm ăn, chẳng thấy ăn cơm của Đảng khi nào cả. Cha mẹ bạn lo làm lụng để nuôi bạn, cho bạn đi học, nay bỗng nghe bạn nói rằng cơm bạn ăn là của Đảng thì chắc họ đau lòng lắm.

Nguồn nước do CS khơi, cây do CS trồng đang chứa nhiều độc tố, nó từng làm thỏa mãn cơn khát, cơn đói nhất thời của một số người, nhưng độc tố đang phát tác, gây ra những tật bệnh chưa có thuốc chữa. Uống nước ấy, ăn quả ấy không biết nên nhớ ơn hay nên tự oán trách, tự ân hận.

**XV – CHUẨN BỊ PHẢN BIỆN NHẦM LẪN CỦA MÁC**

Mác (Karl Marx) là một triết gia lớn, được nhiều người đánh giá rất thông minh, có đạo đức tốt, rất yêu mến giai cấp vô sản, suốt đời phấn đấu cho tự do và giải phóng vô sản. Mác là con người tuyệt vời được hàng tỷ người ngưỡng mộ. Những kết luận do Mác đưa ra đã trở thành lý luận cách mạng của nhiều đảng cộng sản và những đồ đệ của Mác cho rằng đó là những điều duy nhất đúng, còn cái gì ngược lại là sai, là phản động. Hàng tỷ người, trong đó có nhiều người thông minh, ưu tú, trong thời gian dài đã tin vào điều đó, ca ngợi điều đó.

Người ta tin, rất tin vào Mác vì động cơ tốt đẹp của ông, vì sự chứng minh, sự suy luận có hình thức bên ngoài chặt chẽ, vì lý thuyết của Mác phù hợp với lòng mong ước của số đông. Lý thuyết đó đã thắng lợi lớn ở một số nước, nhưng rồi Liên xô và Đông Âu sụp đổ, Trung quốc đưa ra thuyết ba đại diện mà thực chất là không còn theo Mác một cách tuyệt đối. Tại sao lại như vậy?. Phải chăng trong lý thuyết của Mác có cái gì đó không đúng, phải chăng Mác có nhầm lẫn điều gì.

Năm 1922, trong bài giảng về “Chủ nghĩa tam dân” Tôn trung Sơn nhận xét như sau: *Mác là người rất giỏi và có đạo đức tốt, chỉ tiếc rằng luận thuyết đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội loài người của ông là một sai lầm nghiêm trọng*.

Tôi không phải người nghiên cứu triết học và sử học, càng không phải người hoạt động chính trị nên không có những nghiên cứu sâu về Mác. Thời trẻ tôi học và thi các học thuyết của Mác đạt điểm khá cao, rất tin vào các học thuyết đó, nguyện suốt đời phấn đấu theo các học thuyết đó. Lớn lên tôi thấy một số điều trong thực tế cách mạng không giống như lý thuyết, về già tôi ngẫm nghĩ, chiêm nghiệm thực tế, xem một số tài liệu viết về chủ nghĩa Mác mới nhận thấy Mác đã nhầm một cái gì đó. Tôi viết ra để trao đổi với bạn bè chứ chưa phải công bố một tài liệu nghiên cứu khoa học. Tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu để có những chứng minh chặt chẽ hơn

Mác đã có nhầm lẫn. Tiếc rằng những nhầm lẫn đó là do lòng tốt của ông tạo ra, nó được ẩn dấu rất kín đáo và ngấm ngầm tạo ra hạt giống độc hại. Khi tuyên truyền, khi tiếp xúc với chủ nghĩa Mác người ta chỉ chú ý đến, chỉ thấy, chỉ nói những mặt tốt đẹp cuả nó mà chưa thấy được hạt giống độc hại còn ẩn dấu rất kín. Chưa thấy được vì quá tin, quá yêu, quá tôn sùng hoặc vì trình độ chưa đủ, chưa có con mắt và trí tuệ thật tinh tường. Những hạt giống này chỉ có thể nẩy mầm khi có điều kiện thuận lợi, đó là khi Đảng cộng sản đã chiếm được độc quyền lãnh đạo xã hội và thi hành sự toàn trị. Nếu chưa có điều kiện thuận lợi thì hạt giống đó cứ nằm yên, được giấu kín, nhiều người không thể biết, chỉ có một số rất ít người, nhờ điều kiện khách quan thuận lợi hoặc nhờ có linh tính cao mới biết được (ví dụ như Tôn Trung Sơn, Găngđi, B Rutxen, Mendela v.v.. ). Khi hạt đã nảy mầm, thành cây, có cành lá, hoa quả thì mọi người mới thấy. Tôi cũng vừa mới thấy trong thời gian gần đây thôi. Khi hoa lá tiết ra chất độc làm hủy hoại môi trường người ta mới đi tìm nguyên nhân. Nhưng phần lớn chỉ thấy nguyên nhân ở hoa lá mà không thể, không muốn hoặc không dám tìm đến gốc rễ, đến hạt giống. Người ta đổ lỗi cho môi trường, cho hoàn cảnh mà không dám đụng đến bản chất là hạt giống.

Xin tạm dừng lại một chút để kể hai câu chuyện.

1- Chuyện của anh Lê Khắc Ngữ, cán bộ giảng dạy bộ môn Thi công của trường Đại học Xây dựng. Ngữ sinh ra khỏe mạnh, thông minh, học giỏi từ phổ thông đến đại học, được giữ lại làm thầy giáo. Anh là một cán bộ có nhiều năng lực, được tập thể tin cậy, đánh giá cao và đặt nhiều hy vọng. Anh rất tự tin vào thể trạng và trí tuệ của mình, thường than phiền về người anh ruột hơi bị tâm thần. Thế nhưng, đùng một cái, Ngữ phát bệnh tâm thần, chữa trị một thời gian, không khỏi và qua đời. Nhiều người tiếc thương cho một tài năng, đổ lỗi cho môi trường đã gây ra bệnh, họ có biết đâu mầm bệnh đã được nằm sẵn ở gen từ trong bào thai, chẳng qua mấy chục năm trời nó được giấu kín mà thôi, nó chỉ phát bệnh khi đã tích lũy được năng lượng cần thiết, gặp được điều kiện phù hợp.

2- Chuyện Tề Hoàn Công. Là một ông vua khỏe mạnh, giỏi giang, làm bá chủ, ông rất tự tin vào năng lực, uy tín và sức khỏe của mình. Một hôm Tần Hoãn vào chầu, thưa với Tề Hoàn là vua đang có bệnh. Tần Hoãn là một thầy thuốc nhờ có Tiên giúp mà có khả năng chỉ nhìn người mà biết bệnh. Vua không nghe, tin rằng mình khỏe mạnh, chẳng có bệnh gì. Một thời gian sau Tần Hoãn lại tâu là mầm bệnh đã phát triển, vua vẫn gạt đi vì không những tự tin mà còn tin vào lời tâu của các quan, các thái y trong triều là vua vẫn mạnh khỏe. Sau thời gian nữa Tần hoãn lại nài nỉ xin vua cho chữa bênh thì bị đuổi đi. Đến khi vua phát bệnh nặng cho tìm Tần Hoãn thì ông đã bỏ trốn. Sau khi bị tìm được, bắt về chữa bệnh thì Tần Hoãn thưa: Ban đầu bệnh của Hoàng thượng mới là mầm mống, có thể uống thuốc để chữa. Tiếp đến, bệnh phát triển vào máu, có thể dùng châm cứu để chữa, nhưng vì không chữa nên để nặng thêm. Đến khi bệnh phát ra da, tuy nặng rồi nhưng trong uống, ngoài xoa vẫn còn có thể chữa. Còn đến bây giờ bệnh đã vào đến tủy thì hạ thần đành chịu bó tay. Tề hoàn Công và thân tín của ông trong thời gian dài không dám nói là ông có bệnh, chỉ có một người biết và dám nói thì bị đuổi.

Mầm bệnh của chủ nghĩa Mác cũng giống như của hai người vừa kể, nó đã tồn tại rất lâu, ngay từ lúc chủ nghĩa mới hình thành, ngay cả lúc chủ nghĩa tỏa hào quang rực rỡ, làm say đắm hàng triệu chiến sỹ cách mạng. Hình như một lúc nào đó Mác cũng cảm nhận được là nếu không khéo thì sau khi cách mạng thành công sẽ phát sinh những bệnh không mong muốn. Nhưng Mác, vì bị lòng tốt và tình cảm với giai cấp vô sản chi phối mà đã tin rằng bệnh có thể được ngăn ngừa. Mác tưởng rằng những người theo học thuyết của ông để làm cách mạng đều có được nhận thức và đạo đức như ông. Nếu quả như thế thì đó là một nhầm lẫn lớn.

Nhiều học thuyết về xã hội, về triết học thường bắt đầu bằng việc đánh giá con người (nhân chi sơ tính bổn thiện hoặc là tính bổn ác). Mác cũng đánh giá: “Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”. Mác thấy con người của xã hội tư hữu có nhiều đức tính xấu xa, tham lam, ích kỷ, không dung hòa được mâu thuẩn giữa quyền lợi cá nhân và cộng đồng, là cá lớn nuốt cá bé v.v.. Mác thấy giai cấp vô sản không những đáng thương vì bị bóc lột mà còn đáng yêu, đáng tin, đáng kính trọng vì họ đoàn kết, thương yêu, đùm bọc nhau, sẵn sàng hy sinh vì quyền lợi giai cấp. Mác bị ảnh hưởng nhiều bởi học thuyết Đacuyn, cho rằng môi trường, hoàn cảnh có ảnh hưởng quyết định đến sự tiến hóa của muôn loài. Mác tin chắc thói xấu của con người là do tư hữu sinh ra. Khi làm được cách mạng vô sản, đưa người vô sản lên cầm quyền để quản lý xã hội, xóa bỏ tư hữu, thiết lập nền công hữu thì giai cấp vô sản dễ dàng xử lý mâu thuẩn giữa quyền lợi cá nhân và cộng đồng, xóa bỏ thói tham lam ích kỷ, mọi người sẽ đoàn kết, thương yêu nhau, làm việc tự giác, đối xử công bằng. Mác đã nhận thức nhầm về bản chất con người, đánh giá quá cao những đức tính của giai cấp vô sản. Điều này cũng do vận dụng học thuyết duy vật của ông. Ông cho rằng vật chất có trước và quyết định ý thức, ông phủ định phần tâm linh nơi con người, ông không biết rằng tính tham lam, ích kỷ đã được hình thành từ trong bào thai, là một phần thuộc tiên thiên, hoàn cảnh xã hội chỉ làm tăng thêm hoặc giảm bớt mà thôi. Ông không biết rằng một con người khi còn là vô sản có nhiều đức tính tốt vì hạt giống xấu chưa có điều kiện nẩy mầm, nhưng khi đã trở thàmh người có quyền, mà lại là độc quyền thì các hạt giống tốt sẽ thui chột đi, nhường miếng đất màu mỡ cho các hạt giống tư lợi, độc đoán phát triển. Khi quan sát sự nghèo đói của vô sản Mác quá đề cao nguyên nhân không có tư liệu sản xuất mà coi nhẹ một nguyên nhân khác cũng vô cùng quan trọng, đó là những người nghèo đói nhất trong giai cấp vô sản thường là do ngu dốt, lười biếng.

Mác quá tin, quá đề cao vai trò của vô sản nên đã suy đoán rồi rút ra kết luận là cách mạng vô sản là tất yếu. Đã hơn 150 năm kể từ khi Mác công bố Tuyên ngôn của các đảng cộng sản, lời dự đoán về cách mạng vô sản đã không được kiểm chứng. Mác là người tạo ra tiên đề để Lê Nin rút ra kết luận tất yếu phải thiết lập chuyên chính vô sản, cho rằng chính quyền nhà nước là của giai cấp này nhằm thống trị giai cấp khác đối lập. Đó là những kết luận rất sai lầm, nó tạo ra sự độc quyền, chuyên chế, đàn áp những tư tưởng và xu hướng khác biệt. Nhà nước của giai cấp theo Lê Nin có lẽ chỉ xẩy ra dưới thời phong kiến và cộng sản, còn bình thường thì nhà nước là cơ quan quản lý xã hội, nhằm dung hòa quyền lợi và nghĩa vụ giữa các tầng lớp. Lý luận về đấu tranh giai cấp, về chuyên chính vô sản, về công hữu hóa tư liệu sản xuất do Mác và Lê Nin vạch ra đã được những người kế tiếp như Stalin, Mao Trạch Đông phát triển thành những thảm họa như cải cách ruộng đất, cải tạo tư sản, cách mạng văn hóa, đàn áp những xu hướng tư tưởng và xã hội khác biệt.

Trong khi đảng cộng sản thắng lợi ở một số nước nông nghiệp nghèo như Nga, Trung quốc, Việt nam thì ở nhiều nước tư bản phát triển, các đảng xã hội đi ngược lại với Mác, chủ trương không làm cách mạng vô sản mà tiến hành cải cách xã hội theo phương hướng dung hòa quyền lợi. Họ đã tạo nên xã hội tốt đẹp, phát triển như các nước Na uy, Đan mạch, Thụy điển, Hà lan, Đức, Anh, Thụy sĩ v.v.. Mác đã rất tin vào thắng lợi tất yếu và rất tốt đẹp của cách mạng vô sản mà không thấy hết sự phá hoại nhiều thứ do cuộc cách mạng đó mang lại.

Mác đã rất đơn giản khi tin và cố chừng minh rằng trong xã hội do vô sản lãnh đạo với sự công hữu tư liệu sản xuất thì mọi thứ đều phát triển tốt đẹp. Mác rất nhầm khi cho rằng giai cấp công nhân là đại diện cho nền sản xuất hiện đại, đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Mác đã không dự đoán được rằng một số không nhỏ những người, mới hôm qua, lúc đang vận động làm cách mạng thì tỏ ra rất tốt, rất ưu tú, nhưng hôm nay, khi đã nắm quyền lực thì trở nên tư lợi, độc đoán, họ lại đi theo vết xe của bọn thống trị đã bị họ lật đổ trước đó. Điều ấy là nằm trong bản chất của số đông con người chứ không phải thuộc bản chất giai cấp. Tôi nhớ ở đâu đó Mác có viết là độc quyền sẽ dẫn đến thoái hóa, điều đó là đúng cho mọi lĩnh vực, thế nhưng người ta lại chỉ vận dụng cho kinh tế tư bản, còn đối với chính trị cộng sản và kinh tế quốc doanh thì người ta lại cố bảo vệ sự độc quyền.

Khi phân tích sự sụp đổ của Liên xô nhiều người chỉ ra 2 nguyên nhân cơ bản là sự thiếu dân chủ trong đảng cộng sản cầm quyền, là cán bộ cấp cao chưa thực sự giác ngộ về giai cấp, thiếu rèn luyện nên thoái hóa, biến chất. Khi phân tích những tiêu cực, những tệ hại của xã hội VN hiện nay người ta cũng cho rằng nguyên nhân cơ bản là một số đông đảo cán bộ các cấp, các ngành thoái hóa, biến chất, không giữ được đạo đức cách mạng. Tôi nghĩ rằng những nguyên nhân đó chỉ là lá, là ngọn, dễ thấy, còn có nguyên nhân của nguyên nhân, là thân, là gốc được ẩn giấu trong đất sâu mà người ta không thấy hoặc thấy mà không dám đụng tới, không dám đào bới.

Thử hỏi một đảng cộng sản hùng mạnh như của Liên xô, của VN, điều lệ viết rõ ràng về quyền dân chủ, về phê bình và tự phê bình, về nghĩa vụ tu dưỡng đạo đức, mỗi lần đại hội đều nêu cao khẩu hiệu chọn người đủ đức, đủ tài vào cấp ủy, thế thì cái gì sinh ra và dung dưỡng cái bọn mất dân chủ, cái bọn thoái hóa ấy. Tôi đoán rằng chúng được sinh ra từ hạt giống đã được gieo từ trước, đã được giấu kín trong một thời gian từ trong bản chất của học thuyết. Đó là hạt giống chuyên chính, hạt giống độc quyền. Hạt giống này do Mác và Lê Nin do vô tình hoặc cố ý đã gieo vào học thuyết chuyên chính vô sản, nó cứ nằm im, nằm im mãi, chờ cho đến khi đảng cộng sản nắm được quyền lực thống trị thì mới nẩy mầm và phát triển. Có một câu châm ngôn từ xưa như sau: “ Muốn biết đạo đức một người như thế nào hãy trao cho quyền lực và xem họ sử dụng quyền ấy như thế nào”. Ngày nay có thể suy ra, muốn biết thực chất một đảng như thế nào hãy xem họ sử dụng quyền lực ra sao. Còn việc nói cho hay, tuyên truyền cho giỏi để lừa nhân dân thì tầng lớp thống trị nào cũng nói được rất tốt, kể cả Napôlêông, Hitle, Nhật hoàng phát xít, Pôn Pốt…

Trong tác phẩm Karl Marx, Peter Singer viết “ *Quan niệm của Mác về bản tính con người là sai lầm, nó không dễ thay đổi như ông tưởng”.* Peter còn nhận xét “ *chúng ta có những bằng chứng mà Mác không có”* do đó chúng ta phát hiện ra sai lầm của Mác. Trong tác phẩm Giai cấp mới, Milovan Djilas vạch ra tính tất yếu của việc “toàn trị của một giai cấp mới, đó là các đảng cộng sản cầm quyền”

Khi Nguyễn Ái Quốc đưa chủ nghĩa Mac Lê vào VN là mong muốn vận dụng để lãnh đạo nhân dân đánh đuổi thực dân, giành độc lập, làm cách mạng dân tộc phản đế. Ông cũng nhận thấy sự chuyên chính vô sản có thể gây ra những bệnh tật không mong muốn nên đã sớm viết tài liệu “Sửa đổi lề lối làm việc” để huấn luyện đảng viên, cán bộ, trong đó vạch ra, ngăn ngừa các thói hư tật xấu, từ độc quyền đến mất dân chủ, từ độc quyền đến thoái hóa, biến chất, tham ô, lãng phí. Thế nhưng ông đã phải chấp nhận lý thuyết đấu tranh giai cấp mà làm luôn cách mạng dân chủ phản phong, cách mạng vô sản xây dựng XHCN. Ông đã rất muốn ngăn ngừa sự thoái hóa biến chất nhưng rồi không thể nào ngăn được vì nó đã có sẵn trong chủ thuyết.

Nhân dân VN do ĐCS lãnh đạo đã làm CM và thắng lợi trong chiến tranh. Mà ĐCS theo CNML. Nhưng CNML cũng mang luôn theo vào sự chuyên chính, sự độc quyền của đảng cộng sản, làm phát sinh một giai cấp mới với đặc quyền đặc lợi, với sự độc đoán và tham nhũng, làm chậm lại sự phát triển của đất nước. Trong tình hình của thế giới hiện nay nhiều điều cơ bản của chủ nghĩa Mác tỏ ra không còn đúng.

Trong phương châm phát triển đất nước, trong dự thảo hiến pháp chúng ta nêu quyết tâm kiên trì CNML, kết hợp tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong một hội thảo khoa học của Hội Cựu giáo chức tôi có liều mạng phát biểu là để bảo vệ sự đúng đắn và trong sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh thì nên tách tư tưởng đó ra khỏi CNML và để phát triển đất nước trong giai đoạn mới thì nên từ bỏ nó. Lời phát biểu ấy đã bị một số người lên án một cách thầm lặng hoặc công khai, nhưng cũng được nhiều người tỏ ra tán thành một cách dè dặt

**XVI - PHẢN BIỆN Ý KIẾN ÔNG TRẦN ĐẠI QUANG VỀ PHONG TRÀO THI ĐUA**

Ngày 11-6-2018, kỷ niệm 70 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào thi đua, ông Chủ tịch nước Trần Đại Quang có bài: **“Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tạo động lực mạnh mẽ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc"**. Tôi đoán rằng qua việc này ông Quang muốn chứng tỏ trình độ nhận thức cao và phẩm chất tinh hoa của mình. Nhưng tiếc thay, tôi chưa nhận ra được điều đó.

Tôi đã tích cực tham gia thi đua từ khi phong trào mới ra đời năm 1948 cho đến những năm tháng Xây dựng tổ đội lao động XHCN, mỗi người làm việc bằng hai, bằng ba vì đồng bào Miền Nam ruột thịt, vì CNXH v.v… Nhiều năm tôi đạt Lao động tiên tiến và Chiến sĩ thi đua, tổ thi đua của chúng tôi được thưởng Huân chương Lao động. Sau khi nghỉ hưu tôi vẫn theo dõi phong trào.

Tôi nhận ra rằng: Thi đua chủ yếu là động viên tinh thần và lấy việc khen thưởng để người ta làm việc tốt hơn. Thi đua gắn với việc bình bầu tập thể để chọn ra điển hình tiền tiến. Đó là một động lực tốt trong thời kỳ đầu của Cách mạng dân tộc, trong Kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, khi mà điều kiện vật chất còn quá eo hẹp. Nhưng phong trào thi đua cũng đẻ ra một số tệ hại như chạy theo thành tích dổm, làm láo báo cáo hay. Khi xây dựng xã hội trong hòa bình, có những động lực khác tốt hơn, mạnh hơn, quan trọng hơn. Đó là sự trả công, sự hưởng lợi theo thành quả lao động, là sự tôn vinh con người dựa vào đức độ, tài năng và sự đóng góp, là sự cạnh tranh lành mạnh trong kinh tế thị trường, là nền kinh tế tri thức với cách mạng thông tin 4.0 v.v... . Trong hoàn cảnh hiện tại, để cho người ta làm việc tốt hơn, có hiệu quả cao hơn thì thi đua không còn giữ được vai trò như trước đây, nó trở thành lợi ít hại nhiều, lãng phí, lắm lúc còn tạo ra sự dối trá.

Tôi không tán thành với ông Trần Đại Quang trong một số nhận định về thi đua thời gian vừa qua, như cho rằng sự hy sinh của nhiều liệt sĩ (10 cô gái Đồng Lộc, 12 chiến sĩ Truông Bồn, Bế văn Đàn, Võ Thị Sáu, Nguyễn Văn Trỗi v.v…) là điển hình tiêu biểu của thi đua, hoặc như cho rằng nhờ thi đua mà có được sáng tạo của một số cá nhân, mà cứu sống được 12 công nhân trong sự cố đường hầm thủy điện Đa Dâng v.v…. Sự hy sinh của các liệt sĩ là đáng tôn trọng, nhưng đó không phải là mục tiêu của thi đua. Sự lao động sáng tạo của một số cá nhân là do thôi thúc của nội tâm chứ cơ bản không phải do tinh thần thi đua, sự cứu sống 12 công nhân bị nạn cũng không phải do phong trào thi đua. Còn một vài điểm nữa tôi không tán thành, nhưng tạm cho qua. Viết bài này tôi không muốn phê phán gì ông Trần Đại Quang, chỉ nhân sự việc mà trình bày vài quan điểm về thi đua, một phong trào đã từng tạo ra nhiều thành tích rực rỡ trong quá khứ, nhưng ngày nay không còn thích hợp nữa, nó mang lại lợi ít hại nhiều. Ở thế kỷ 21 mà vẫn đinh ninh rằng “*thi đua yêu nước là động lực to lớn thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, và là biện pháp quan trọng để xây dựng con người*” là một nhầm lẫn đáng thương, đáng buồn, đáng chê trách.

Thi đua nhằm động viên tinh thần, vậy phải chăng có thi đua sẽ tốt hơn không thi đua. Mới nghe qua tưởng như vậy, nhưng nghĩ kỹ ra và thực tế chứng tỏ không phải vậy. Vì sao? Trước hết hãy nhìn vào các nước tiên tiến trên thế giới. Tại sao những nước tiên tiến, có công nghiệp hóa, hiện đại hóa rất cao, có đạo đức, văn hóa, giáo dục rất cao mà chẳng cần gì đến thi đua. Vậy họ dựa vào động lực gì để làm tốt công việc. Riêng tại VN, theo tổng kết và báo cáo thì nhờ thi đua mà đạt được nhiều thành tích rực rỡ. Điều này là đúng trong thời kỳ trước đây (1948-1975), còn hiện nay, liệu có thật đúng như thế không khi rất khó tin vào sự trung thực của các báo cáo, khi có sự trộn lẫn giữa hình thức của phong trào thi đua và thực chất của những động lực và biện pháp khác. Lấy thí dụ, ông Phan Tấn Bện ở tỉnh Đồng Tháp đã chế tạo thành công máy gặt đập liên hợp và xe thu gom lúa, thành công này có bao nhiêu phần trăm do phong trào thi đua. Tôi nghĩ chẳng có phần trăm nào. Ông Bện chế tạo được máy chủ yếu là do tinh thần say mê khoa học kỹ thuật, tinh thần đó không phải nhờ thi đua đem lại mà là từ trong phẩm chất của ông. Thế nhưng thành tích đó được đem báo cáo ở hội nghị thi đua, vì vậy người ta tưởng nhầm. Tôi vẫn cho rằng, ở VN hiện nay phong trào thi đua mang lại lợi ít, hại nhiều.

Khi so sánh giữa có thi đua và không thi đua cần phải đặc biệt chú ý 2 vấn đề: 1- Khi không thi đua thì cứ để mọi người tự động, tự giác làm việc cuả họ. Khi có thi đua thì phải lập ra ban này, bệ nọ để theo dõi, báo cáo, xét duyệt, phải phát động, bình bầu, tổ chức hội nghị v.v…, tốn kém thêm khá nhiều công sức, thời gian tiền của. 2- Những người thi đua có thể đạt được một số thành tích nào đó. Cũng vẫn những con người ấy, nếu họ không tham gia phong trào thi đua, liệu họ có làm được việc gì không. Những người thi đua có động lực làm tốt công việc, vậy những người không thi đua có động lực nào khác để họ làm tốt công việc hơn không. Phải chăng những người không thi đua đều là loại người lười nhác. Câu khẩu hiệu “ Thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua “ phải chăng là một sự áp đặt rất vô lý.

Một xã hội, khi mọi người hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của mình, tự động, tự giác làm công việc, xã hội đó đạt được sự phát triển tổt đẹp. Nếu các thành viên của tổ chức, của xã hội phải chờ được động viên, được khen thưởng mới có tinh thần làm việc tốt thì xã hội đó đang trên đường lụn bại. Thi đua có hậu quả xấu là làm cho con người quen được động viên và trông chờ khen thưởng. Khi người ta đã quá quen với thi đua, tôn sùng thi đua thì dễ bị lơ là với những động lực khác có tác dụng và hiệu quả cao hơn.

Tuy phong trào thi đua không còn thích hợp, nhưng tại sao nó vẫn được một số đông người đề cao ?. Có thể vỉ 3 nguyên nhân sau.

Nguyên nhân1- Vì lợi ích nhóm. Đối với toàn xã hội thì thi đua lợi ít hại nhiều, nhưng đối với một số người nào đó thì thi đua mang lại cho họ nhiều lợi lộc cá nhân. Họ cố gian dối để duy trì. Đó là các Ban thi đua và những người có liên quan, đó là bọn sống vì thành tích dổm và quen dối trá.

Nguyên nhân 2- Vì sự kém hiểu biết và bị lừa. Một số cứ tưởng nhầm rằng thi đua thật sự có tác dụng tốt, họ nhẹ dạ, cả tin vào những báo cáo tổng kết đầy thành tích.

Nguyên nhân 3- Vì sợ. Họ biết rõ thi đua chỉ là hình thức, là lợi ít, hại nhiều nhưng không dám phê phán, không dám loại bỏ vì như thế là đụng đến lãnh tụ, đụng đến sự lãnh đạo, họ đã quen sống theo chỉ đạo của cấp trên.

Có một số người sùng bái thi đua, họ thấy một thành tích tốt đẹp bất kỳ của ai cũng đều có thể quy về thành quả của thi đua, thậm chí những giải thưởng lớn về khoa học và nghệ thuật trên thế giới cũng là nhờ thi đua. Ở đây có một nhầm lẫn như sau: Thi đua nhằm cố gắng, nổ lực làm tốt công việc, nhưng khi một người cố gắng, nổ lực làm tốt công việc thì chưa chắc họ đã vì thi đua mà là vì những động lực tinh thần khác như lòng yêu nước, yêu khoa học, mong muốn tiến bộ. Cũng rất cần phân biệt tinh thần của con người muốn làm tốt công việc (nếu xem đó là tinh thần thi đua) với phong trào thi đua. Đã là Phong trào thì có phát động, theo dõi, sơ kết, tổng kết, báo cáo, bình bầu, hội nghị, khen thưởng v.v…, phải có ban này bệ nọ làm phình to bộ máy.

Nếu không có phong rào thi đua thì lấy gì động viên tinh thần để người ta làm tốt công việc. Đó là câu hỏi của những người kém trí tuệ, chỉ quen với những lối mòn. Thế giới không có phong trào thi đua mà hàng năm nhiều nhà khoa học vẫn nhận giải Nobel, nhiều nghệ sĩ nhận giải Osca, nhiều phát minh và khám phá vẫn được phát hiện.

Theo tôi phong trào thi đua đã làm xong nhiệm vụ, ngày nay hãy chỉ nên giữ lại kỷ niệm trong các viện bảo tàng, còn cứ cố kéo dài thì nó chỉ mang lại lợi ít hại nhiều. Nói rằng phong trào thi đua là động lực to lớn để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế là cách nói thiếu suy nghĩ sâu sắc, chỉ là cách nói cho qua chuyện của những người quen lối sáo vẹt mà thôi.

**XVII - PHẢN BIỆN VIỆC HỌC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**(Đề phòng càng học càng bị tụt lùi)**

**1 - Giới thiệu chương trình**

Đó là chương trình do Ban Tuyên giáo đưa ra, nhằm nâng cao nhận thức về lý luận chính trị và giáo dục đạo đức. Đối tượng học là đảng viên và cán bộ cơ sở của Đảng, cán bộ của Mặt trận cùng các đoàn thể và có thể mở rộng cho một số người dân.

Nội dung gồm 6 vấn đề, mỗi VĐ gồm một số chuyên đề

Vấn đề I - Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam (CNYN). Chuyên đề 1- Cơ sở hình thành và phát triển CNYN. 2- CNYN VN trong lịch sử .3- CNYN VN trong giai đoạn cách mạng mới. 4- Giáo dục CNYN trong giai đoạn mới.

Vấn đề II-Giáo dục đạo đức (ĐĐ) cách mạng trong thời kỳ mới. 1. ĐĐ và vai trò của ĐĐ. 2- Truyền thống ĐĐ của dân tộc VN. 3- Tư tưởng, tấm gương ĐĐ Hồ Chí Minh. 4 - Giáo dục ĐĐ cho cán bộ, đảng viên trong thời kỳ mới.

Vấn đềĐ III-Tư tưởng Hồ Chí Minh (TTHCM). 1-Nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển của TTHCM. 2-TTHCM về cách mạng VN. 3-TTHCM về nhân dân, nhà nước, đại đoàn kết. 4-TTHCM về kinh tế, văn hóa, con người. 5-TTHCM về Đảng.

Vấn đề IV-Vấn để tôn giáo (TG) và chính sách TG. 1-TG trong đời sống xã hội. 2-Tình hình TG ở VN. 3-Chính sách TG của Đảng. 4-Đảng viên với tín ngưỡng và TG.

Vấn đề V-Vấn đề dân tộc(DT) và chính sách DT. 1-VĐ chung về DT và quan hệ DT. 2-Đặc điểm các DT ở nước ta. 3-Công tác và chính sách DT của Đảng. 4-Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở Đảng.

Vấn dề VI-Hội nhập quốc tế (HNQT). 1-Quan điểm, chủ trương về HNQT. 2-Chủ động, tích cực HNQT. 3-HNQT về văn hóa. 4-HNQT về quốc phòng, an ninh.

Việc mở lớp học do các Huyện ủy, Quận ủy thực hiện. Mỗi chuyên đề được trình bày trong 1 buổi, ngoài ra còn thảo luận, liên hệ, tham quan, viết thu hoạch. Mỗi vấn đề được học trong thời gian 3 đến 3,5 ngày, học viên được cấp Giấy chứng nhận.

Để chuẩn bị, Nhà Xuất bản Chính trị phát hành 6 cuốn sách, ứng với 6 vấn đề. Ban Tuyên giáo soạn và phổ biến, mỗi vấn đề có 2 loại hướng dẫn: thực hiện chương trình và chi tiết các chuyên đề. Giảng viên do Ban Tuyên giáo cấp huyện đề xuất và cấp ủy quyết định.

**2 -Vài nhận xét về nội dung**

Mới xem qua thấy rất phong phú, nhưng ít thích hợp với đối tượng. Phần lớn kiến thức ở các chuyên đề đầu là thuộc dạng hàn lâm, it phù hợp cho trình độ phổ thông hoặc quá chung chung. Trình bày những kiến thức đó mà không hấp dẫn thì chỉ làm người nghe thêm chán. Gần hết nội dung cơ bản của mỗi vấn đề lại là những điều đã trở nên quá bình thường, nhiều học viên đã biết rõ từ trước, nay bị đặt vào thế “biết rồi, khổ lắm, nói mãi”. Đó là chưa kể một số nội dung do suy luận, bị áp đặt, không phản ảnh thực tế khách quan. Bị nhồi nhét những nội dung như thế làm cho nhận thức bị chây lì, lệch lạc, xa rời chân lý.

Về vấn đề CNYN. Phải chăng Tuyên giáo đã thấy được tình cảnh đất nước có thể bị rơi vào thời kỳ Bắc thuộc mới nên đã đưa yêu nước lên thành chủ nghĩa. Tuy vậy không đề cập gì đến nguy cơ trước mắt mất dần biển đảo và chủ quyền vào tay Tàu phù. Hơn nữa một vài nội dung là yêu Đảng chứ không hẳn là yêu nước, là áp đặt, khó được chấp nhận.

Về vấn đề ĐĐ. Chủ yếu viết chung chung, một vài nhận định chưa chính xác, chưa chỉ ra đúng nguyên nhân gốc của suy thoái ĐĐ. Giáo dục ĐĐ lại chủ yếu là ĐĐ Hồ Chí Minh, trùng lặp qúa nhiều.

Về TTHCM. Tuyệt đại đa số dân Việt biết về TTHCM thông qua tuyên truyền một chiều, rằng ông không những là một lãnh tụ cách mạng mà còn là một vị thánh. Có thể điều đó là phù hợp với thời gian xa xưa trước đây, còn bây giờ, khi thông tin đa chiều đã khá phổ biến, khi nhiều bí mật đã được công khai, mà vẫn giữ cách tuyên truyền áp đặt như cũ, thì may ra chỉ có thể làm thỏa mãn một số ít người cuồng tín, còn đại đa số sẽ càng mất tin tưởng.

Về vấn đề Tôn giáo. Bản chất của CS là dị ứng với TG. Chấp nhận tự do TG chỉ là thế buộc phải làm. Trình bày TG theo quan điểm duy vật là khá xa rời bản chất tâm linh của nó. Vừa qua Quốc hội thông qua Luật Tín ngưỡng và TG. Hội đồng Liên Tôn cho rằng Đảng đang đàn áp TG bằng cả luật pháp và hành động. Vậy nội dung của vấn đề này ít phù hợp thực tế và khó thuyết phục được số đông có hiểu biết.

Về vấn để Dân tộc. Viết nhiều về bình đẳng, về phát triển kinh tế, văn hóa, về sự quan tâm đến các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, trong lúc việc quan trọng và cấp thiết là sự hòa hợp dân tộc sau chiến tranh lại ít được bàn đến.

**3 - Vài điều bình luận**

a-Nhận định chung

Thực trạng của đạo đức trong đảng đang suy thoái, có nguy cơ lớn đến sự tồn vong. Phải chăng tổ chức các lớp học như trên là cần thiết để cứu vớt sự tan rã về tư tưởng, sự yếu kém về nhận thức chính trị, để ngăn ngừa sự tự diễn biến trong nội bộ, để chống trả sự tấn công của các thế lực thù địch. Sự chuẩn bị là khá chu đáo. Thế thì tại sao tôi dám có ý nghĩ là càng học càng bị tụt lùi.

Thưa rằng: Để việc dạy học làm phát triển và tích lũy được những phẩm chất tốt đẹp thì nội dung và phương pháp phải đúng, phù hợp, tiến bộ (hấp dẫn được càng tốt), người dạy và học đều có tinh thần say sưa và trách nhiệm cao. Nếu ngược lại, nội dung nhàm chán, lạc hậu hoặc không phù hợp thực tế, phương pháp áp đặt, gò bó, người dạy và học không say sưa, chỉ làm cho qua chuyện thì hiệu suất của dạy học rất thấp. Dạy và học như thế, với một số người, nói rằng càng học càng bị tụt lùi là còn nhẹ, nặng hơn là càng học càng lú lẫn, càng ngu muội, chỉ bị nhồi sọ hoặc tẩy não để trở thành công cụ và biết nói như vẹt. Kinh nghiệm hoạt động sư phạm hơn nửa thế kỷ qua cho tôi dự đoán về kết quả những lớp học nói trên như sau:

Với Tuyên giáo và các tổ chức cơ sở của Đảng: Có được thành tích dổm để báo cáo và tuyên truyền. Với người học, phần lớn càng học càng xa rời thực tế và Chân, Thiện , Mỹ. Với xã hội, tạo ra sự lãng phí đáng kể.

b-Nhu cầu của việc học

Ban Tuyên giáo thấy rất cần mở các lớp học, nhưng liệu đảng viên và cán bộ cơ sở có thấy được, cảm nhận được đó là nhu cầu bức thiết không, hay là họ bị bắt đi học. Nếu học viên không có nhu cầu, không hứng thú, bị bắt buộc thì tại sao Tuyên giáo lại mở lớp. Ấy là vì duy ý chí, xa rời thực tế, thiếu trí tuệ/ thiếu dũng khí để đánh giá đúng nguyên nhân gốc gây ra tình trạng suy thoái. Họ tưởng nhầm sự suy thoái chủ yếu do làm kém công tác tư tưởng mà không biết rằng chính vì Đảng đã phạm nhiều sai lầm. Trong những năm đầu của cách mạng, của chế độ, những lớp học chính trị như kể trên là đáng mong đợi, những cuộc chỉnh huấn là có tác dụng lớn về cải tạo tư tưởng, nhưng hiện nay không còn phù hợp. Hiện nay vẫn phải động viên tinh thần, vẫn phải làm công tác tư tưởng, nhưng phải tìm cách làm khác có hiệu quả. Tình hình đã thay đổi nhiều mà vẫn giữ cách làm không thích hợp thì chỉ có thất bại. Cuối đợt học thế nào chẳng có viết thu hoạch, có đánh giá kết quả. Chưa mở lớp cũng đã biết trước kết quả tốt đẹp. Liệu trong những thu hoạch, những đánh giá như vậy có bao nhiều phần là bịa đặt, dối trá.

c-Sự lãng phí

Khi huy động hết tất cả các đối tượng cần học theo quy định của Tuyên giáo thì số học viên là vài triệu. Nếu mỗi người đều học cả 6 vấn đề thì phải mất nhiều chục triệu ngày công, tính thành tiền vào khoảng nhiều ngàn tỷ đồng, đó là chưa kể công sức và tiền của để chuẩn bị và phục vụ cho các lớp học. Khi bỏ ra công sức và tiền của lớn mà thu được kết quả mỹ mãn, làm cho tình trạng trở nên tốt hơn, có chuyển biến tích cực thì quá xứng đáng đồng tiền bát gạo. Nhưng như đã phân tích, các lớp học chỉ nặng về hình thức để tạo thành tích dổm, thế thì lợi bất cập hại là rõ ràng.

**4-Vài đề nghị**

a-Nên làm cách khác

Để nâng cao tinh thần yêu nước, chấn hưng đạo đức, hòa hợp dân tộc và tôn giáo thì nên tìm cách làm khác có hiệu quả hơn là tổ chức các lớp học như trên. Sẽ vô ích và phản tác dụng khi một mặt dạy CNYN, mặt khác ngăn cản kỷ niệm các chiến sĩ hy sinh ở Vị Xuyên, ở Hoàng Sa, khủng bố người yêu nước dám thể hiện bất đồng quan điểm, khi một mặt kêu gọi đoàn kết lương giáo, mặt khác tổ chức ra Hội Cờ đỏ để quậy phá các Linh mục và giáo dân, khi một mặt nêu cao hợp tác quốc tế, mặt khác tổ chức mật vụ đến nước khác bắt người bất chấp luật pháp của họ v.v…

b-Nên học thứ khác

Đó là học kiến thức về nhân quyền, về tự do và dân chủ, về luật pháp, về cách người dân chống lại áp bức cường quyền, chống lại các oan sai, về đạo lý làm người lương thiện v.v…. Những điều này cơ bản được dạy trong các nhà trường, nhưng chưa đủ. Khi Tuyên giáo không thể hoặc không muốn dạy những thứ này thì hãy để cho các cá nhân, các tổ chức dân sự được tự do mở lớp. Vào Google và trên các trang mạng sẽ tìm được khá nhiều bài giảng rất hay.

c-Nên chấp nhận và tổ chức đối thoại

Tháng 5/2017 ông Võ Văn Thưỏng đề xuất việc đối thoại giữa Tuyên giáo với những người bất đồng chính kiến để cùng nhau tiếp cận chân lý. Có tiếp cận được nó thì mới đề xuất được việc làm đúng, còn nhận thức sai thì càng tích cực bao nhiêu càng xa rời Chân Thiện Mỹ bấy nhiêu. Một số nội dung của 6 vấn dề trên đây là không tiếp cận mà xa rời chân lý. Đã có một số người, trong đó có tôi, từng yêu cầu được đối thoại với Ban Tuyên giáo, vói Hội đồng lý luận nhưng chưa được chấp nhận. Ban Tuyên giáo nên nghiên cứu để chấp nhận càng sớm càng tốt.

**XVIII- PHẢN BIỆN NHẬN THỨC CỦA CỰU CHỦ TỊCH NƯỚC**

Đầu năm 2018 ông Trương Tấn Sang viết bài: “ **Lịch sử giúp chúng ta hiểu về hiện tại, dự báo tương lai”.** Bài được nhiều báo đăng, có lắm người quan tâm và bình luận. Cựu Chủ tịch trình bày việc quan sát di tích Hoàng thành Thăng long, nhìn ngắm Hồ Tây, xem tiểu thuyết Bão táp Triều Trần, đọc Đại Việt sử ký, ngẫm nghĩ về Thất trảm sớ của Chu Văn An, về 5 nguyên nhân gây mất nước do Lê Quý Đôn tổng kết v.v.., để rồi tức cổ nghiệm kim, suy nghĩ sâu xa về sự hưng vong của đất nước. Ông hiểu ra rằng đất nước hưng thịnh nhờ có vua sáng tôi hiền. Ông viết: “*Con đường đi tới quyền lực và đưa đất nước lên tới đỉnh cao hưng thịnh của các triều đại rất khác nhau, nhưng nguyên nhân suy vong thì chẳng khác nhau là mấy.* ***Ðó là do tài năng yếu kém và đạo đức suy đồi của những người cầm quyền. “*** Gần cuối bài ông đưa ra nhận xét:*“ Hôm nay…, niềm tin trong nhân dân đã trở lại, sức khỏe nền kinh tế có phần hồi phục, vị thế đất nước được lan tỏa rộng rãi. Nhìn lại năm ngoái, phải khẳng định một điều, những gì Ðảng ta đã làm trong công tác cán bộ và xây dựng Ðảng là đúng với mong muốn và nguyện vọng của toàn dân”.* Nhưng rồi ông lại viết: *“Chẳng phải chúng ta đã chứng kiến những kẻ có lòng tham vô đáy lợi dụng kẽ hở của chính sách,* ***lạm dụng quyền lực*** *để móc túi nhân dân, rồi chính những kẻ đó và bè cánh lại tìm mọi cách để* ***chui sâu, leo cao*** *hơn nhằm bảo đảm cho khối tài sản ăn cắp đó tiếp tục sinh sôi, nảy nở?”.* Rồi ông đặt câu hỏi: “*Ðảng này, chế độ này, đất nước này sẽ đi về đâu?* Cuối cùng ôngtrấn an :*“Mỗi chúng ta rồi đây đều phải* ***đứng trước sự phán xét công bằng của lịch sử****, của dân tộc.Với niềm tin đó chúng ta cùng phấn khởi bước sang năm Mậu Tuất 2018”.* (Niềm tin Đảng kiên quyết chống tham nhũng)

Tôi viết nhận thức của ông Sang là muộn, quá muộn vì đạị đa số nhân loại, trong đó có rất nhiều người Việt, đã biết nó từ rất lâu, đã nói và viết từ lâu. Hồi còn làm Chủ tịch nước ông có biết không, nếu không biết thì tại vì cái gì. Ông viết về tài năng yếu kém và đạo đức suy đồi của những người cầm quyền, về lạm dụng quyền lực, về tìm mọi cách để chui sâu leo cao. Ông có tự liên hệ không, có nghĩ đến việc đứng trước sự phán xét công bằng của lịch sử không. Ông có tự biết tài năng ông vô cùng yếu kém, nhưng vì sao được ngồi vào ghế chủ tich nước không.

Tôi viết nhận thức của ông Sang là nhầm. Xin giải thích rõ hơn. Những nhận thức đó chủ yếu không sai nhưng không hoàn toàn đúng, chủ yếu là nhầm. (riêng các ý sau là không phù hợp thực tế: *Niềm tin trong nhân dân đã trở lại*; và  *những gì Ðảng ta đã làm là đúng với mong muốn và nguyện vọng của toàn dân).*

Trước khi nêu ý kiến cá nhân tôi xin điểm vài nhận xét cúa các tác giả khác.

Trung Nguyễn (bài: Thư gửi ông Trương Tấn Sang và giới lãnh đạo cộng sản) nhận xét rằng “*những kiến thức trong đầu các ông về thế giới và cả về đất nước Việt Nam rất lệch lạc”,* rằng chế độ cộng sản không những giống mà còn tệ hơn chế độ phong kiến, thế mà ông chỉ hô khẩu hiệu và lừa dối nhau, rằng thực ra ông chẳng lo gì cho dân cho nước mà chỉ lo cho đảng cai trị .

FB Huỳnh Ngọc Chênh (bài Nhân chuyện ông Trương Tấn Sang đọc lại lịch sử) cho rằng: “Đọc lại lịch sử để biết vượt qua cái hạn chế của tổ tiên chứ không phải luẩn quẩn trong chuyện chúa minh hay chúa lú. Đất nước bây giờ đang cần Minh Chế.

Nhà bình luận Tuấn Khanh (Việt Nam Thời báo) cho rằng ông Sang chỉ viết những điều chung chung, không đưa ra được cái gì cụ thể, chỉ dẫn những sự kiện của các Triều Lý, Trần, Lê mà không đả động đến Triều Nguyễn, đã từng có nhiều thành công trong chống tham nhũng và chấn hưng đất nước.

GS Nguyễn Đăng Hưng (bài: Lời bình sau khi đọc bài viết của ông Trương Tấn Sang) nhận xét: Cái nguy hiểm trước mắt là những sai lầm chính trị, những biện pháp đàn áp đáng tiếc, phát sinh ra đối kháng giữa dân và nhà cầm quyền … Các vương triều đất Việt đi ngược lại lòng dân hay làm mất lòng dân đều tạo điều kiện cho phương Bắc thôn tính, nước nhà bước vào vòng nô lệ! Hơn bao giờ hết ngày nay trước hiểm họa lãnh thổ, lãnh hải bị xâm phạm, trước nguy cơ bị chiếm đoạt Biển Đông, chính quyền nên ghi nhận bài học này.

Theo tôi điều nhầm lẫn lớn nhất của ông Sang cũng như của nhiều lãnh đạo khác của cộng sản trong việc đánh giá tình hình đất nước là cho rằng những tai họa mà đất nước và nhân dân phải chịu là do sự tham lam, sự xuống cấp đạo đức của một số người cầm quyền. Họ không thấy, không chịu thừa nhận nguyên nhân gốc của mọi tai họa là sự độc tài toàn trị của Đảng theo Chủ nghĩa Mác Lê. Tất nhiên một mình CNML chưa đủ để gây ra mọi tai họa mà nó kết hợp với những yếu kém của nền văn hóa, với những tính xấu của người Việt. Rồi còn bị Trung Cộng thao túng. Chính vì sự độc tài của cộng sản mà khi đã nắm chắc chính quyền, trong giới lãnh đạo có nhiều người vừa tham lam vừa thiếu trí tuệ nhưng có thừa mánh lới, có thừa mưu mẹo để leo cao, luồn sâu. Họ kết với nhau thành các nhóm lợi ích. Ngoài mồm họ rêu rao vì nước vì dân, thực chất họ chỉ lo vinh thân phì gia, lo củng cố quyền lực. Các nhóm liên kết với nhau thành một tập hợp lớn để vừa chiếm đoạt, vừa tàn phá tài nguyên của đất nước để làm giàu riêng. Ngày nay tập hợp lớn đó chính là ĐCS. Nói cách khác từ tập hớp lớn chia ra thành các nhóm lợi ích. Các nhóm này vì quyền lợi mà đấu đá nhau, thanh toán nhau.

Nhưng có lẽ không phải ông Sang và lãnh đạo nhầm, họ thấy rõ nhưng cố tình che giấu. Như vậy đã phạm tội lừa bịp. Họ dựng lên nào là Hội đồng lý luận, nào là các Học viện chính trị, nào là Ban Tuyên giáo các cấp để nghiên cứu, để tuyên truyền, rằng mọi sự xấu xa, mọi đồi bại là do một số người suy thoái đạo đức. Thậm chí họ cố tình làm một việc quá sai là đem trộn lẫn khái niệm suy thoái đạo đức với tự diễn biến về tư tưởng. Họ cố bế tỏa đầu óc, cố bịt mắt, cố bưng tai để không nghĩ, không thấy, không nghe đến sự tác hại muôn mặt của chế độ toàn trị của đảng. Phải thấy được chế độ cộng sản còn tồi tệ hơn chế độ phong kiến như Trung Nguyễn, thấy được cái sai lầm về chính trị và sự đàn áp đáng tiếc như Nguyễn Đăng Hưng, thấy được sự cấp thiết xây dựng một Minh Chế như Huỳnh Ngọc Chênh, thấy được nguyên nhân gốc của mọi tai họa từ trong CNML như Nguyễn Đình Cống (không phải chỉ mấy người ấy mà hàng triệu người đều thấy, mấy người ấy chỉ là đại diện).

Tôi chứng kiến rằng có rất nhiều người biết Chủ nghĩa Mác Lê sai ngay từ đầu nên kiên quyết không công nhận (mặc dù một số vì tình thế bắt buộc phải chịu đựng), rằng một số khá đông đảng viên ĐCS, trong đó có các cán bộ lãnh đạo đến gần cuối đời bỗng ngộ ra rằng con đường họ đã từng lựa chọn là sai về cơ bản, sai từ gốc. Nhận ra sai rồi, nhưng phản ứng của mỗi người là khác nhau. Để kết thúc tôi xin lấy ý của Huỳnh Ngọc Chênh, thêm vào một chút như sau: Nếu ông Sang và những cán bộ của Đảng, dù đã nghỉ hưu hay đương chức, nếu có lòng với dân với nước thì hãy dũng cảm lên tiếng kêu gọi đổi mới thể chế. Có xây dựng được thể chế thật sự dân chủ với tam quyền phân lập mới có cơ sở loại bỏ tham nhũng đến tận gốc. Còn cái niềm tin, sự phấn khởi của ông Cựu Chủ tịch nước khi bước sang năm mới Mậu Tuất 2018 chỉ là sự vuốt ve của một con người tự đánh giá sai về mình

**XIX - TRAO ĐỔI VỚI CỰU CHỦ TỊCH TRƯƠNG TẤN SANG**

**1-Giới thiệu**

Đầu năm 2018, cựu chủ tịch nước Trương Tấn Sang viết bài **“ Lịch sử giúp chúng ta hiểu về hiện tại, dự báo tương lai”.** Ông trình bày việc, sau khi về hưu, nhờ đọc sách Bão táp Triều Trần, chiêm nghiệm lịch sử và thực tế mà hiểu ra rằng đất nước hưng thịnh nhờ có vua sáng tôi hiền, còn đất nước suy vong cơ bản là do tài năng yếu kếm và đạo đức suy đồi của những người cầm quyền. Rồi ông đặt câu hỏi “ *Đảng này, chế độ này, đất nước này sẽ đi về đâu”.* Ông kết thúc bằng niềm tin vào Đảng để bước vào năm mới Mậu Tuất.

Ngày 2 tháng 9 ông Sang lại cho công bố bài “**Quyền lực, trách nhiệm người lãnh đạo và niềm tin của nhân dân”.** Viết bài này nhờ việc ông đọc được 2 tập hồi ký của Lý Quang Diệu. Ông nêu ra sự thành công của Lý Quang Diệu ở Singapore, Pắc Chung Hy ở Nam Hàn, sự độc tài, tham nhũng của Suharto ở Indonesia và của Marcos ở Philippin. Ông liên hệ tình hình Việt Nam và cho rằng đất nước đang rơi vào tình trạng tụt hậu, thua kém là do “*sự thao túng của một bộ phận cán bộ lãnh đạo suy thoái, hành động vì lợi ích cá nhân, không vì lợi ích Tổ quốc”*. Ông kết thúc bài viết như sau: “*Ðiều đáng mừng là những gì Ðảng, Nhà nước đã làm được, ….Thời gian và cơ hội không chờ đợi ai. Có được niềm tin của nhân dân thì không một trở lực nào có thể ngăn cản chúng ta xây dựng thành công đất nước giàu mạnh”.*

Về bài “Lịch sử giúp chúng ta…”, trước đây vào tháng 1/2018 tôi đã viết bài phê phán : “ Nhận thức muộn và nhầm của cựu chủ tich nước”. Nay nhân bài “Quyền lực, trách nhiệm người lãnh đạo…” tôi xin bàn chút ít về các cán bộ lãnh đạo của cộng sản và phân tích thêm nhận thức sai lầm của ông Sang.

**2-Về trình độ cán bộ lãnh đạo của cộng sản**

Trong quyển sách “Thất bại lớn”, Brzezinski cho rằng phong trào cộng sản tất yếu sẽ sụp đổ vì kém trí tuệ. Có thể dễ dàng chứng minh được rằng các tổ sư như Mác, Enghel, Lênin, Stalin, Mao Trạch Đông cũng đều kém trí tuệ. Họ thành công được một phần nào đó vì có lắm mưu mẹo, lắm thủ đoạn, họ sử dụng được bạo lực (ban đầu là của quần chúng, về sau là của chuyên chế), họ giỏi dùng ngụy biện, tuyên truyền dối trá kết hợp tạo ra sùng bái cá nhân, họ đánh lừa được hàng trăm triệu người. Nhưng rồi đã có nhiều công trình chứng tỏ rằng: Chủ nghĩa Mác Lê đặt nền móng trên những sai lầm cơ bản và các tổ sư của phong trào cộng sản đã phạm nhiều tội ác đối với nhân loại.

Riêng ở Việt Nam, những người lãnh đạo cấp cao, kém trí tuệ như Nông Đức Mạnh, Đỗ Mười v.v… có thể kể ra hàng hàng trăm, hàng ngàn. Có một số ít, được công nhận tương đối có trí tuệ trong một vài lĩnh vực như Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh, Võ Văn Kiệt v.v.., nhưng điều quan trọng nhất là con đường họ đã chọn để dẫn dắt dân tộc là sai lầm, chủ nghĩa họ tôn thờ là phản tiến bộ. Cũng đã có một số người đủ thông minh để nhận thức ra quy luật của phát triển như Trần Độ, Trần Xuân Bách, Nguyễn Kiến Giang v.v…, nhưng họ bị loại bỏ. Riêng Hồ Chí Minh, một con người đầy bí ẩn, tuy được suy tôn lãnh tụ vĩ đại, nhưng cũng chưa kết luận được là biết mệnh Trời và hiểu lòng Người, đã thoát khỏi tình trạng vô minh.

Phong trào cộng sản trên thế giới cũng như ở VN, thời gian đầu có thu hút được một số ít người tài giỏi, nhưng càng về sau số người có trí tuệ càng giảm. Số thì bị loại trừ, số thì công khai hoặc lặng lẽ từ bỏ .

Tại sao cộng sản vốn kém trí tuệ mà họ đã từng thành công một số nơi và đã từng là mối lo cho thế giới dân chủ. Cộng sản kém trí tuệ, nhưng để lôi kéo, lãnh đạo quần chúng đông đảo công nông binh thường chỉ cần đẩy mạnh tuyên truyền và hứa hẹn về quyền lợi trước mắt, chỉ cần tạo dựng được lãnh tụ đầy sức hấp dẫn, kết hợp sự khủng bố tàn độc đối với “kẻ thù giai cấp hoặc thế lực thù địch”. Mà những việc này cộng sản khá thành thạo.

Ông cựu chủ tịch Sang kể rằng, sau khi về hưu mới có dịp đọc “Bão táp Triều Trần, Hồi ký Lý Quang Diệu”, còn khi tại chức ông chẳng có thời gian để đọc sách. Chắc rằng đại đa số các cán bộ lãnh đạo các cấp của cộng sản, kể cả các vị trong Hội đồng lý luận, trong trung ương và cả trong Bộ Chính trị cũng rất ít đọc sách. Trong các cán bộ cao cấp đã về hưu, ông Sang tỏ ra là người có đọc được vài quyển trong hàng trăm tác phẩm cần đọc. Mà các chính trị gia cần đọc từ lúc còn rất trẻ chứ không phải đợi đến lúc về hưu. Ông Sang thể hiện có đọc sách để có chút tự hào với nhiều người cùng trình độ và hoàn cảnh. Nhưng rồi việc làm đó phơi trần sự kém cỏi về kiến thức, sự thiếu hụt về trí tuệ của cán bộ lãnh đạo trước mắt toàn dân và đặc biệt là trước mắt tầng lớp trí thức. Cán bộ lãnh đạo của cộng sản tưởng nhầm rằng biết được vài luận thuyết của Chủ nghĩa Mác Lê là có thể lãnh đạo việc quản trị đất nước. Mà khốn thay các luận thuyết ấy đang chứng tỏ sai lầm, càng tiếp thu nhiều lý luận Mác Lê càng làm cho con người ta trở nên ngu dốt, xơ cứng, bảo thủ.

**3-Nhận xét về bài của ông Sang**

Ông Nguyễn Khắc Mai đã có những nhận xét rất hay về bài viết vừa rồi của ông Sang (Bài : **Chủ nhật buồn, trò chuyện với anh Trương**). Tôi làm việc “Tát nước theo mưa”.

Phải chăng những điều cơ bản ông Sang viết ra trong 2 bài trên là nhận thức mới có được sau khi đã về hưu, sau khi đọc được Bão táp Triều Trần và Nhật ký Lý Quang Diệu. Phải chăng trong lúc làm Chủ tịch nước ông chưa từng biết đến điều ông vừa viết. Nếu quả như thế thật thì ông Tư Sang quá kém về trí tuệ, vậy ông nhờ vào thủ đoạn nào, mẹo mực nào, dựa vào thế lực nào để làm đến Chủ tịch nước. Hay là hồi làm chủ tịch ông cũng biết cả rồi nhưng không dám nói, không thể viết vì “há miệng mắc quai”.

Ông Sang đã có được cái nhìn thực tế vào xã hội Việt Nam, thấy được những bầy sâu đang đục khoét, thấy đất nước nợ nần và lệ thuộc, mắc kẹt trong "bẫy thu nhập trung bình". Ông cho rằng “*nguyên nhân là sự thao túng của một bộ phận cán bộ lãnh đạo suy thoái,” .* Rồi ông đặt câu hỏi : *Phải làm gì để Ðảng Cộng sản Việt Nam luôn được nhân dân tin tưởng, trường tồn cùng non sông đất nước?.*

**XX - PHẢN BIỆN QUY ĐỊNH NÊU GƯƠNG**

**1-Quy định nêu gương**

**Điều 1.**Cán bộ, đảng viên, trước hết là Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương phải nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp; Quy định số 55-QĐ/TW, ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị về một số việc cần làm ngay để tăng cường trách nhiệm nêu gương. Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu nêu gương.

**Điều 2.** Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương phải gương mẫu đi đầu thực hiện:

1. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với nhân dân, với Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghiên cứu, nắm vững hệ thống các nguyên tắc cơ bản và kiên quyết bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có lập trường tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, chính kiến rõ ràng trước những vấn đề mới, khó, phức tạp, nhạy cảm. Chủ động ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch.

2. Hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, của quốc gia - dân tộc và mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng. Không làm bất cứ việc gì có hại cho Đảng, cho đất nước và nhân dân. Lấy ấm no, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

3. Thực hành phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, hiệu quả; thực sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể. Chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả công tác cải cách hành chính, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ.

4. Sẵn sàng nhận và nỗ lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ khi được phân công. Tâm huyết, tận tuỵ với công việc. Tích cực giải quyết dứt điểm các vấn đề phức tạp, bức xúc, tồn đọng kéo dài; chủ động, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống khẩn cấp, đột xuất, bất ngờ trong địa phương, lĩnh vực mình phụ trách.

5. Tích cực thực hiện quy định về phân cấp, phân quyền và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Chủ động thực hiện chủ trương thí điểm của Trung ương; khuyến khích mô hình, cách làm mới, hiệu quả. Năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm; tìm tòi, đổi mới, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, ngành, lĩnh vực do mình phụ trách.

6. Giữ vững nguyên tắc, dân chủ, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ kế cận. Chủ động, tích cực phát hiện, thu hút, trọng dụng người có đức, có tài, khát khao cống hiến. Bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự nghiệp của Đảng, vì lợi ích quốc gia - dân tộc.

7. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng. Mẫu mực về đạo đức, lối sống. Thực sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành.

8. Nghiêm túc thực hành tự phê bình và phê bình; thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh; không tranh công đổ lỗi. Dũng cảm nhận khuyết điểm và trách nhiệm. Chủ động xin từ chức khi thấy mình không còn đủ điều kiện, năng lực, uy tín để thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 3.** Uỷ viên Bộ Chính trị, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương phải nghiêm khắc với bản thân và kiên quyết chống:

1. Chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, bản vị. Lợi dụng tập thể để né tránh trách nhiệm hoặc lấy danh nghĩa tập thể thực hiện mục đích cá nhân. Nói không nhất quán, nói không đi đôi với làm, nói nhiều làm ít.

2. Độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa dân, thờ ơ, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc của nhân dân. Định kiến với người góp ý, phê bình. Trực tiếp, mượn danh hoặc cung cấp tài liệu cho người khác để nói, viết, đăng tin, bài sai sự thật nhằm đề cao tập thể, cá nhân mình hoặc hạ thấp uy tín của tập thể, cá nhân khác trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.

3. Chủ trì tham mưu, ban hành cơ chế, chính sách trái chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng hoặc gây thiệt hại đối với lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân.

4. Chạy hoặc tiếp tay cho chạy chức, chạy quyền, chạy phiếu bầu, chạy phiếu tín nhiệm. Can thiệp không đúng thẩm quyền, trách nhiệm, trái quy định vào công tác cán bộ; đề bạt, bổ nhiệm, bố trí cán bộ không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, nhất là đối với người nhà, người thân.

5. Tham nhũng, hối lộ dưới mọi hình thức; tặng quà, nhận quà vì vụ lợi. Can thiệp không đúng thẩm quyền, trách nhiệm, trái quy định vào công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; đối với việc đề xuất, cho chủ trương, thẩm định, phê duyệt, đấu thầu, chỉ định thầu các dự án, đề án kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; đấu giá đất đai, tài sản nhà nước.

6. Lãng phí công quỹ, tài sản, phương tiện, nhân lực và thời gian làm việc. Tổ chức đoàn đi công tác ở trong và ngoài nước không đúng thành phần, thời gian và nội dung yêu cầu công việc. Sống, sinh hoạt, tiêu dùng, giải trí xa hoa, lãng phí.

7. Lợi dụng doanh nghiệp hoặc để doanh nghiệp lợi dụng nhằm vụ lợi. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín để sử dụng, vay, mượn tiền, tài sản, phương tiện của tổ chức, cá nhân trái quy định.

8. Để vợ (chồng), bố, mẹ, con, anh chị em ruột lợi dụng chức vụ, quyền hạn, uy tín của mình để vụ lợi. Để vợ (chồng), con đẻ, con nuôi sống xa hoa, phô trương, lãng phí hoặc sa vào tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

**Điều 4.** Tổ chức thực hiện

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy định và định kỳ báo cáo Ban Chấp hành Trung ương. Các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các quy định nêu gương; gắn việc thực hiện Quy định với kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên và lấy phiếu tín nhiệm theo quy định. Kịp thời xử lý nghiêm đối với những trường hợp vi phạm để làm gương cho cấp dưới.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Quy định.

3. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Quy định này được phổ biến đến chi bộ.

**2- Phản biện văn bản Quy định**

Trước đây, về nêu gương đã có Quy định số 101 ngày 7/6/2012 và số 55 ngày 19/12/2016.

Từ BCH TƯ khóa 10 trở về trước không thấy có QĐ nêu gương. Có lẽ những QĐ kiểu này là sản phẩm trí tuệ riêng của ông Nguyễn Phú Trọng.

Sau khi Quy định số 08-QĐ/TW được ban hành, đã có nhiều người hết lời ca tụng, tâng bốc.Trong khi đó Phạm Trần viết bài “Làm gương đầu voi đuôi chuột” ( Danlambao, ngày 01/11/2018). Chắc cũng còn nhiều người biết và phê phán các khía cạnh khác nhau. Riêng tôi, sau khi đọc qua thì buồn cười và thấy được nỗi lo của lãnh đạo, sau khi xem kỹ lại phát hiện ra trình độ kém của người soạn văn bản, nên viết phản biện này.

Nỗi lo của lãnh đạo ở chỗ thấy rõ và không còn giấu giếm được sự kém phẩm chất của đội ngũ cán bộ các cấp, đặc biệt là cấp cao. Thật đau đớn khi buộc phải nói ra, nhưng vì không còn cách gì giấu nổi. Toàn dân đã thấy rõ, biết rõ. Chỉ trong vòng 6 năm (2012-2018) phải lần lượt ra 3 QĐ về nêu gương.

Một số người cho rằng “Phẩm chất cán bộ bị giảm sút”. Giảm sút nghĩa là ban đầu đã có. Tôi nghi ngờ rằng ban đầu đã không có hoặc quá kém. Đa số những cán bộ leo lên được cấp cao chủ yếu nhờ vào thủ đoạn đu bám, nhờ mưu ma chước quỷ, nhờ thế lực, bè phái… chứ không nhờ vào thông minh, sáng tạo, trung thực, liêm khiết.

Trong ca dao có câu : Bầu ơi thương lấy bí cùng…Nhiều người ca ngợi, cho rằng câu đó nói lên tình cảm thắm thiết, sâu đậm. Có ngờ đâu đó là một lời khuyên nghe rất não lòng. Những QĐ về nêu gương cũng là những lời khuyên như thế. Nói theo kiểu ông Trọng : Chất lượng của các loại Ủy viên kém đến thế nào mới phải ra QĐ về nêu gương chứ.

Trình độ kém của người soạn thảo thể hiện cả ở nội dung và cách thể hiện. Trước hết không tìm đúng nguyên nhân cơ bản tạo ra tình trạng CB kém phẩm chất. Người ta cho rằng do một số người thoái hóa biến chất. Đó chỉ là sự vuốt đuôi. Thực ra nguyên nhân cơ bản là đường lối của ĐCS, dựa vào Chủ nghĩa Mác Lê, là sự độc đoán, chuyên quyền và dân chủ giả hiệu, là sự lừa bịp quá tinh vi trong bầu bán.

Đã có rất nhiều văn bản về trách nhiệm, nghĩa vụ của đảng viên và cán bộ các cấp, về kỷ luật và những điều cấm. Tại sao không lo đôn đốc thực hiện mà lại làm thêm QĐ mới. Phải chăng làm thì khó, ra QĐ dễ hơn nhiều. Ra được một QĐ, chẳng biết nó hay dở thế nào, chỉ biết là đã có cái để kể thành tích.

Không phải ra được một QĐ thì rồi cán bộ và ủy viên các cấp sẽ tích cực nghiên cứu để thấm nhuần và thực hành nêu gương. Có ra thêm vài chục, vài trăm QĐ tương tự mà không có thay đổi về bản chất thì đâu vẫn hoàn đó.

Một số nội dung của QĐ số 08 là những điều để huấn luyện đối tượng kết nạp đảng chứ không phải là bài học cho ủy viên cấp cao, một số nội dung khác lại chứa đựng những điều phản tiến bộ (Phạm Trần cho là ‘trung thành với xác chết’ ) hoặc là những khẩu hiệu rỗng tuếch. Những điều liên quan đến chức trách, quyền hạn không có gì mới, đã được nêu ra trong các văn bản khác về xây dựng và kỷ luật đảng hoặc là những việc đương nhiên.

Việc ra QĐ với các nội dung “biết rồi, khổ lắm, nói mãi” ẩn chứa phong cách trịch thượng, thích dạy khôn cho người khác. Có biết đâu các loại ủy viên còn khôn hơn rận, sẽ nghĩ ra và dùng nhiều mưu ma chước quỷ để qua mặt mọi QĐ nêu gương.

Liệu rồi sau QĐ số 08 của Đảng, Bộ giáo dục có học theo để ra QĐ nêu gương dùng cho các thầy cô, Bộ Văn hóa ra QĐ nêu gương dùng cho ông bà cha mẹ. Ra những QĐ kiểu này chỉ làm tốn công sức, tốn thời gian, tốn giấy mực chứ hiệu quả rất thấp, hại nhiều hơn lợi. Để kết thúc tôi mượn câu của Phạm Trần (bài đã dẫn): “Hay là ông Tổng Bí thư-Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng muốn làm trò cười cho thiên hạ mà không hay, hoặc cái đầu ông thật sự là “có vấn đề”.

Người ta làm một việc tốt là từ lương tâm, từ trách nhiệm, thế rồi những người khác có thể soi vào đó mà học, mà làm theo. Đó là việc noi gương và việc tốt đó có tác dụng nêu gương. Như vậy nêu gương là tác dụng phụ chứ không phải là mục đích chính. Làm một việc, nói một câu để người khác làm theo thường xảy ra trong dạy nghề, dạy cách nói chứ không phải trong công việc hàng ngày. Khi mà ai đó làm một việc, đã tự cho là cố ý làm việc tốt thì việc đó đã mất bớt đi ý nghĩa. Nếu làm việc để nhằm vào tác dụng nêu gương thì hỏng về nhận thức và đạo đức, vì họ sẽ không làm điều đó khi một mình, khi không có ai chứng kiến. Dạy cho người khác làm việc không phải vì lương tâm, không phải vì trách nhiệm mà để nêu gương thì đã quá sai về phương pháp.

**3- Bài phản bác của Lê Thế Cương**

Ngày 8/4/2019 Báo Công an nhân dân đăng bài **“Cảnh giác với luận điệu xuyên tạc quy định trách nhiệm nêu gương của Đảng”.** Nội dung như sau:

**Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Lịch sử dân tộc trong suốt chiều dài xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gần thế kỷ qua, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố tiên quyết đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác, tiếp tục giành những thành quả quan trọng trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước.**

Mặc dù vậy, với mục tiêu làm suy yếu, lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng, các thế lực thù địch, phần tử cơ hội chính trị, phản động không từ thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt nào, trong đó phá hoại chủ trương, đường lối và mới đây là xuyên tạc Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Cho dù là bất kỳ thể chế chính trị nào, đảng cầm quyền, đảng chính trị đều có phương thức lãnh đạo của mình. Đối với cách mạng nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo bằng cương lĩnh, chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác… vận động, thuyết phục quần chúng thực hiện các nhiệm vụ cách mạng đề ra. Trong các hình thức, phương pháp đó, nêu gương là phương thức quan trọng.

Nói về vai trò nêu gương, chắc hẳn trong ký ức nhiều người dân đất Việt chúng ta còn văng vẳng lời mẹ ru câu đồng dao chất chứa điều răn mà cha ông đúc kết: “Người trên ở chẳng chính ngôi, khiến cho người dưới chúng tôi hỗn hào. Người trên ở chẳng được cao, khiến cho người dưới lộn nhào lên trên”. Hay như trong “Thập vương pháp” (Kinh tiểu bộ), Đức Phật cũng dạy người làm lãnh đạo: Khi chân chính, người khác cũng chân chính noi theo, cần sống có đạo đức, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân cho dân, cho nước, phải liêm khiết, nghiêm minh, chính trực, công bằng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao: Cán bộ, đảng viên, đoàn viên phải làm đầu tàu, gương mẫu. Muốn làm gương mẫu thì điều quan trọng nhất tự mình nêu gương và giáo dục cho đảng viên, đoàn viên và quần chúng, cán bộ giữ gìn, phát triển đạo đức cách mạng”. Tất cả những điều ấy đều chính là nêu gương.

Trong giai đoạn hiện nay, nêu gương của cán bộ, đảng viên chính là một phương thức lãnh đạo của Đảng, đây là kết quả quá trình kế thừa giá trị đạo đức truyền thống mang đậm tính nhân văn, nhân bản của dân tộc Việt Nam. Trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc, nhiều chiến sỹ cách mạng trung kiên, dù khó khăn, gian khổ vẫn chiến đấu, anh dũng hy sinh là những tấm gương để nhiều thế hệ noi theo “người trước ngã, người sau lên” cho dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do.

Trong điều kiện hiện nay, đất nước được độc lập đi lên chủ nghĩa xã hội, sự nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên lại càng có vai trò ý nghĩa quan trọng. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII thông qua Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, là sự cần thiết, cấp bách để xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh.

Xuyên tạc Quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (Quy định số 08-QĐi/TW), các phần tử cơ hội chính trị cho rằng: **Nêu gương là quy định không có tác dụng**, nêu gương là mị dân và không cần thiết trong điều kiện tất cả đã có quy định.

Viết trên trang Báo Tiếng Dân (sau đó được các báo mạng hải ngoại, blog đăng lại), ông Nguyễn Đình Cống mới đây trong bài “Phản biện quy định nêu gương” xuyên tạc: “Người ta cho rằng do một số người thoái hoá biến chất. Đó chỉ là sự vuốt đuôi. Thực ra nguyên nhân cơ bản là đường lối của Đảng cộng sản, dựa vào chủ nghĩa Mác – Lê, là sự độc đoán, chuyên quyền và dân chủ giả hiệu”. Cũng dưới chiêu bài “trao đổi”, “phản biện” về Quy định trách nhiệm nêu gương, trên trang “Nghiên cứu Việt” và nhiều trang mạng hải ngoại, Facebook, trong bài viết “Trao đổi với Nhị Lê” ngày 27-3-2019, ông Cống suy diễn: “Tôi nghiên cứu kỹ nội dung Quy hoạch, rút ra nhận xét rằng nó phản dân chủ, phản tiến bộ”...

Thủ đoạn của những luận điệu nêu trên là **xuyên tạc Quy định trách nhiệm nêu gương của Đảng,** cố tình hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng. Cho dù bằng nhiều cách diễn đạt khác nhau, song mục đích cuối cùng và không bao giờ thay đổi của thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị là **nhằm hạ bệ nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lênin**, là xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và thể chế chính trị ở Việt Nam.

Trên phương diện lý luận, thực tiễn dân chủ, nhân quyền là những giá trị tiến bộ mà nhân loại luôn hướng tới. Lịch sử các nền dân chủ trong tiến trình phát triển nhân loại bao giờ cũng gắn với một thể chế chính trị, một hình thái nhà nước nhất định.

Không có khái niệm dân chủ, nhân quyền chung chung như bọn chúng rêu rao. Hay nói cách khác, nếu không phải dân chủ xã hội chủ nghĩa, gắn với nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì đó là dân chủ tư sản, cổ vũ, hướng lái cách mạng Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Là một trong những người xuyên tạc Quy định nêu gương mạnh mẽ nhất, Nguyễn Đình Cống là ai? Ông Nguyễn Đình Cống là giáo sư, tiến sĩ, nhà giáo từng công tác tại Đại học Xây dựng. Ông là kỹ sư, chuyên nghiên cứu về bê tông và các lĩnh vực khác trong xây dựng, có đóng góp nhất định cho công tác nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo trong lĩnh vực xây dựng.

Tuy nhiên sau khi về hưu, trong những năm qua, ông Nguyễn Đình Cống đã viết, phát tán nhiều bài viết trên các trang mạng hải ngoại, cá nhân núp bóng chiêu bài “phản biện” các chính sách đến trực tiếp chống đối Đảng, phê phán chủ nghĩa Mác - Lênin, kêu gọi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Trong dịp kỷ niệm 86 năm ngày thành lập Đảng (3-2-2016), ông ta đã tuyên bố từ bỏ Đảng. Trên website Nhân Văn Việt, ngay học trò của ông cũng phải **chua xót về “vị giáo sư xưa và kẻ phản đảng hiện nay”.**

Người học trò cũ cũng thất vọng “**không hiểu vì sao mà người thầy xưa kia lại trở nên công khai chống Đảng,** phủ nhận thành quả cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, xuyên tạc sự thật và trở thành kẻ vô ơn bạc nghĩa, làm mất đi hình ảnh người thầy ngày xưa”. Ông Nguyễn Đình Cống là một trong những tác giả của kiến nghị đòi "đổi tên đảng (không gọi là Đảng Cộng sản); đổi tên nước (không gọi là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa), từ bỏ chủ nghĩa Mác – Lênin và CNXH.

Trong giai đoạn hiện nay, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập sâu rộng, hơn lúc nào hết để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng bằng nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh chính trị, sức chiến đấu của Đảng thì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhân tố đặc biệt quan trọng, thường xuyên, liên tục.

Do vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi đây là nhiệm vụ then chốt, **nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn với Đảng và chế độ, điều kiện tiên quyết để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.** Muốn vậy, Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh, Đảng là đạo đức, là văn minh.

Chính vì lẽ đó, cụ thể hoá những quy định của Đảng, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, Đảng ban hành Quy định trách nhiệm nêu gương, trên cơ sở đó để cán bộ, đảng viên tự soi, tự sửa, tự rèn luyện, hoàn thiện mình, nhất là cán bộ cấp cao. Quy định được ban hành đến nay tuy thời gian chưa dài, xong cán bộ, đảng viên có những chuyển biến tích cực về trách nhiệm nêu gương, tạo hiệu ứng, lan toả sâu rộng trong toàn Đảng.

Rõ ràng luận điệu xuyên tạc về Quy định trách nhiệm nêu gương cần phải cảnh giác và đấu tranh.

**4- Phản biện ý kiến của ông Lê Thế Cương**

Ông Cương viết bài “Cảnh giác với luận điệu xuyên tạc quy định trách nhiệm nêu gương của Đảng nhằm phê phán tôi vì đã viết Phản biện QĐ nêu gương. Đáng ra tôi không quan tâm bài Cảnh giác…, một bài quá nghèo nàn về ý tưởng, chỉ quy chụp mà không phân tích hoặc chỉ nhắc lại những luận điệu cũ rích, nhàm chán. Tôi viết bài này không phải để trả lời hoặc trao đổi với ông Cương, mà là vạch ra những lỗi ngụy biện trong bài Cảnh giác để những ai quan tâm có thể tham khảo.

Bài Cảnh giác cho rằng tôi đã phạm tội “**Xuyên tạc Quy định trách nhiệm nêu gương của Đảng”.** Xin đọc lai nội dung QĐ 08 và bài Phản biện của tôi để chỉ ra xem tôi đã xuyên tạc chỗ nào. Viết như bài Cảnh giác… là đã vô tình hoặc cố ý ngụy biện bằng cách đánh tráo các khái niệm: Xuyên tạc và Phản biện, Nêu gương và Quy định về nêu gương.

Xuyên tạc là trình bày sai sự thật**.** Phản biện là đánh giá chất lượng (một công trình, một tác phẩm) nhằm chỉ ra chỗ đúng sai, hay dở. Nêu gương là tác dụng của hành động được người khác chú ý (trong Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên không có mục từ Nêu gương). Quy định về nêu gương là một văn bản kể ra các việc cần làm gương.

Trong bài Phản biện… tôi chỉ phản biện, không hề xuyên tạc. Tôi chỉ ra rằng : 1- Phải ra QĐ 08 vì phẩm chất cán bộ đã quá tệ. 2- Trình độ kém của người soạn thảo (do đó nội dung của văn bản cũng bị kém) 3-Tác dụng của QĐ là không đáng kể (Có ra thêm vài chục, vài trăm QĐ tương tự mà không thay đổi về bản chất thì đâu vẫn hoàn đó).

Làm việc đúng với lương tâm, trách nhiệm là phẩm chất rất quan trọng, rất cần thiết đối với nhiều người, nó phải được dạy bảo, được hướng dẫn ngay từ trong giáo dục gia đình và nhà trường phổ thông, cần phải được xem xét, đánh giá khi bầu cử hoặc tuyển chọn người làm cán bộ. Cán bộ cấp cao thừa biết phải làm việc như thế nào. Biết nhưng không làm. Không làm không phải vì thiếu QĐ, mà vì lý do khác. Tôi viết không cần ra cái QĐ nêu gương chứ không bao giờ tôi viết không cần đến việc nêu gương. Tôi cho rằng ra QĐ nêu gương ẩn chứa phong cách trịch thượng, thích dạy khôn cho người khác.

Người ta lập luận, phải ra QĐ nêu gương vì phẩm chất cán bộ giảm sút quá nhiều. Phẩm chất kém, đó là sự thật, nhưng nguyên nhân tại đâu, có phải vì họ không biết cách nêu gương. Không phải. Đảng tìm ra nguyên nhân là do một số cán bộ thoái hóa biến chất. Tôi cho rằng đó không phải là đã chỉ ra nguyên nhân cơ bản, mà chỉ là hành động vuốt đuôi. Nguyên nhân cơ bản nằm trong Đường lối cán bộ theo Chủ nghĩa Mác Lê, nằm trong Quy hoạch cán bộ chứa đựng nội dung phản tiến bộ và cách làm phản dân chủ. Về các điều này tôi đã viết bài Phàn biện đường lối cán bộ cộng sản và 1 số bài khác. Ở đây tôi không nhắc lại các chứng minh và chứng cứ (vì sẽ làm cho bài quá dài). Tôi sẵn sàng thuyết trình hoặc đối thoại với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào muốn biết rõ hơn các quan điểm mà tôi đã trình bày.

Bài Cảnh giác… viết: «Các phần tử cơ hội cho rằng Nêu gương là quy định không có tác dụng, nêu gương là mị dân và không cần thiết”. Đó là lời vu cáo. Bài phản biện chỉ ra rằng: Cái không có tác dụng, cái không cần thiết là Văn bản QĐ 08 về nêu gương chứ không đả động gì đến “Việc nêu gương”. Sự vu cáo này có lẽ do trình độ thấp mà đã phạm vào ngụy biện đánh tráo khái niệm.

Ông Cương viết: “Song mục đích cuối cùng và không bao giờ thay đổi của thế lực thù địch, phản động, phần tử cơ hội chính trị là **nhằm hạ bệ nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lênin** “.

Về Chủ nghĩa, có người theo và người chống. Người theo thì cho nó là chân lý, là ánh sáng, là kim chỉ nam, là nó sẽ mang lại hạnh phúc cho giai cấp vô sản v.v…, Người chống thì cho nó là trái quy luật, là chứa nhiều độc hại, là chủ yếu mang lại lợi quyền cho một số nhóm lợi ích nhờ độc tài toàn trị, còn đối với số đông nhân dân thì nó mang lại lợi ít hại nhiều.

Vậy thật ra thì Chủ nghĩa đúng sai, hay dở chỗ nào. Số người theo là khá đông, nhưng số người chống càng đông hơn. Số người theo tự cho mình là thành phần ưu tú nhất và chụp mũ cho những người chống lại là bọn thù địch, phản động. Số người chống tự cho mình là tiến bộ, có hiểu biết đúng đắn và phê phán người theo là bảo thủ, xơ cứng, là nô lệ cho ý thức hệ sai lầm. Trong số người theo có một số là ngu tín, ngu trung nhưng cũng có vô số bọn cơ hội lợi dụng Mác Lê để mưu lợi quyền cá nhân và phe nhóm.

Muốn biết đúng sai như thế nào cần có tranh luận hoặc đối thoại công khai với tự do ngôn luận, tự do báo chí. Ở nhiều nước việc này là bình thường và người dân có toàn quyền quyết định theo hay không thông qua lá phiếu bầu cử. Ở VN không có chuyện đó. Chỉ nghe tuyên truyền một chiều thì làm sao biết được sự thật. Tôi cho rằng khá đông người theo Mác Lê ở VN hiện nay đã bị nhồi sọ, tin theo một chiều, tự bưng tai, tự bịt mắt, tự hạn chế sự suy nghĩ để trở thành nô lệ cho ý thức hệ đã hủ lậu mà không tự biết.

Bài Cảnh giác nêu nhận xét về tôi: Người học trò cũ cũng thất vọng “**không hiểu vì sao mà người thầy xưa kia lại trở nên công khai chống Đảng. ..** **xuyên tạc sự thật** và trở thành kẻ vô ơn bạc nghĩa, làm mất đi hình ảnh người thầy ngày xưa”.

Đây là một thủ đoạn về tâm lý. Có gì đâu mà không hiểu. Không hiểu chỉ vì cố tình không suy nghĩ, không chịu tìm biết những lời giải thích. Tôi chỉ công khai từ bỏ Đảng chứ không công khai chống Đảng. Từ bỏ Đảng vì tôi thấy rõ nhiều độc hại của Mác Lê trong khi Đảng kiên trì nó. Tôi đã viết nhiều góp ý với Đảng nhưng đều không được trả lời.

Tôi viết nhiều bài, công khai chứng minh rằng Chủ nghĩa Mác Lê, ngay từ gốc đã không phù hợp quy luật, đã phạm phải những dối trá trong tiên đề, đã dùng thủ đoạn ngụy biện tinh vi (duy vật biện chứng) nhằm mê hoặc những người có trình độ chưa đủ cao để phát hiện ra bản chất. Tôi chứng minh rằng Chủ nghĩa Mác Lê là một phần tạo nên những thảm họa của dân tộc Việt hiện nay. Tôi viết nhiều bài phản biện các điều luật, các nghị quyết, các quy định, các báo cáo của nhiều cấp lãnh đạo.

Ông Cương cho rằng tôi đã “xuyên tạc sự thật”. Tôi thách ông Cương và mọi nhà lý luận, mọi dư luận viên của Đảng tìm và chỉ ra những điều tôi đã xuyên tạc sự thật. Trong những bài tôi viết có một số điều ngược lại với tuyên giáo của Đảng. Tuyên giáo nói A, tôi nói B, mà B ngược lại với A. Trong 2 bên có ít nhất 1 bên nói sai. Bên đó là tôi hay là Tuyên giáo. Để biết sự thật cần đối thoại công khai, cần nghe từ nhiều phía chứ không nên chỉ nghe 1 bên.

Lấy thí dụ: Đã trên 70 năm, toàn dân Việt và Thế giới được tuyên truyền rằng: Tháng 8 năm 1945 Việt Minh đã đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập. Nhiều người đã công nhận. Nhưng tôi nói ngược lại, rằng: Vào tháng 8 năm 1945 Việt Minh chỉ cướp chính quyền chứ không đánh Pháp, không đuổi Nhật. Lịch sử sẽ phán xét ai nói đúng, ai xuyên tạc.

Cuối bài, ông Cương viết: “Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi đây (công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng) là nhiệm vụ then chốt, **nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn với Đảng và chế độ, điều kiện tiên quyết để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.** Muốn vậy, Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh, Đảng là đạo đức, là văn minh.

Tôi không phản bác việc xây dựng, chỉnh đốn để Đảng thật sự trong sạch vững mạnh. Nhưng tôi phản biện, cho rằng việc ra các Nghị quyết, các Quy định như thời gian vừa qua là rất ít tác dụng. Muốn xây dựng Đảng thật sự trong sach, vững mạnh cần phải dùng các biện pháp khác hiệu quả hơn. Tôi đã viết một số bài về các biện pháp đó, nhưng hình như các nhà lãnh đạo, nhà lý luận, nhà trí thức, nhà tổ chức của Đảng không quan tâm đến.

Về mệnh để Đảng là đạo đức, là văn minh. Đó là một mong ước của Hồ Chí Minh chứ không phải là thực tế. Ừ thì Đảng trong sach vững mạnh sẽ có tác dụng tốt đối với sự phát triển của đất nước, nhưng cho rằng nó là **Điều kiện tiên quyết** để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” thì đó chỉ là nhận thức tầm thường của những kẻ cuồng tín vào Đảng. (ngày 25/4/2019)

**XXI- PHẢN BIỆN NHỮNG ĐIỀU CẤM ĐẢNG VIÊN**

Trong những Điều lệ Đảng trước đây không thấy qui định những điều đảng viên không được làm. Sau ĐH X, khi công nhận đảng viên có quyền làm kinh tế tư nhân thì phát sinh vấn đề cấm đảng viên bóc lột. Sau đó, vào tháng 12 năm 2007 Bộ chính trị ra QĐ 115 cấm đảng viên làm một số việc. Đại hội XI thông qua điều lệ mới, trong điều 2 về nhiệm vụ đảng viên, ngoài các việc như chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không ngừng nâng cao trình độ và đạo đức, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, quan liêu, tham nhũng, lãng phí v.v…(như các điều lệ trước ), thì còn thêm: “ Chấp hành quy định của BCH TƯ về những điều đảng viên không được làm”. Thế rồi tháng 11 năm 2011 BCH TƯ ra Quy định 47 QĐ/TƯ nêu 19 điều đảng viên không được làm, thay thế QĐ 115 của BCT.

QĐ 47 đã gây ra một làn sóng lo lắng, sợ sệt trong một số các tổ chức đảng ở cơ sở. Tôi đã chứng kiến cảnh các đảng viên hỏi nhau, liệu việc làm như thế này, như thế kia có vi phạm 19 điều cấm hay không. Người ta còn dùng 19 điều cấm để dọa nhau, ngăn cản nhau làm một số việc để bảo vệ quyền lợi chính đáng hoặc giúp đỡ người khác. Tôi đã bỏ công tìm hiểu và ngạc nhiên thấy một văn bản vi phạm nhiều lỗi lôgic. Trước đây tôi chậc lưỡi cho qua, nhưng sau khi nghe lời kêu gọi phản biện của TBT Nguyễn Phú Trọng nên mạnh dạn nêu vài ý kiến để trao đổi với những ai quan tâm và hy vọng ý kiến đến được những người có trách nhiệm để có thể đem ra thảo luận tại ĐH XII sắp tới.

**1-Về lệnh cấm nói chung**

Một tổ chức bình thường nên bao gồm các thành viên hiểu rõ những việc mà họ nên và không nên làm, được phép và không được phép làm. Để được như vậy thì cần tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh và những người đứng đầu gương mẫu trong thực hiện. Khi phải đề ra nhiều điều cấm đoán chứng tỏ tổ chức đang suy yếu và tiềm ẩn sự rối loạn. Ngay cả việc thưởng và phạt, chỉ vừa phải thôi và công bằng thì mới có tác dụng tốt, còn nếu nhiều quá sẽ trở nên nhàm chán và phản tác dụng. Tuy vậy khi mà trong tổ chức có những lúc xuất hiện các thói hư tật xấu thì phải làm thế nào. Lúc này các người lãnh đạo sáng suốt sẽ kịp thời phát hiện, tìm nguyên nhân sâu xa, nguyên nhân gốc để kịp thời khắc phục và trước hết họ nêu gương trong việc thực hiện. Với những người đứng đầu kém tài và đặc biệt là những kẻ thiển cận, độc đoán, họ chỉ thấy được hiện tượng khi đã trở thành phổ biến, chỉ thấy được nguyên nhân gần, trực tiếp, chỉ nghĩ ra được những biện pháp trừng phạt và ngăn cấm, nhưng như thế chỉ xử lý được một số hiện tượng ở ngọn, dẹp được chỗ này sẽ mọc ra chỗ khác tinh vi hơn, thâm độc hơn, không ngăn cản và xóa bỏ được tật xấu từ gốc.

Xin kể chuyện cũ viết lại. Ngày xưa ở nước Tấn, Cảnh Công là ông vua kém tài, dùng một số quan nịnh hót và tham nhũng, dân bị áp bức, bóc lột, lại gặp năm mất mùa, sinh ra nhiều trộm cắp. Vua tin dùng Khước Ung là người có tài bắt trộm, mỗi ngày bắt được vài chục tên. Triều đình quả quyết rằng chẳng mấy chốc sẽ dẹp tan hết nạn trộm cắp. Bọn trộm đã liên kết lại, giết chết Khước Ung và hoành hành mạnh hơn. Chỉ đến khi được Dương Thạch Chức hiến kế, phân tích tình hình, vua tỉnh ngộ ra, dùng được Sĩ Hội là người giỏi và thanh liêm đứng đầu triều đình, loại bỏ các quan lại chuyên quyền độc đoán, giảm bớt sưu thuế, mở rộng sản xuất, nâng cao đời sống của toàn dân, đề cao đức tính liêm sĩ trong quan lại và nhân dân thì nạn trộm cắp tự nhiên giảm rồi mất hẳn.

Có một hiện tượng khá phổ biến ở VN. Tại hầu khắp trụ sở công và tư, kể cả khách sạn đều có *nội quy,* ghi rõ mọi người phải làm việc này việc nọ, không được làm việc ấy việc kia. Tôi thấy phần lớn chỉ là hình thức và nó chỉ thích hợp cho trình độ dân trí quá thấp. Ở các nước văn minh, tiên tiến rất ít thấy các nội quy kiểu ấy.

Thông thường, ở một tổ chức mà có quá nhiều điều cấm, nhiều hình phạt thì bên ngoài thấy là nghiêm túc, là kỷ cương, nhưng bên trong chứa nhiều bất ổn, nhiều rối loạn. Nguyên nhân gần, trực tiếp của những điều bất ổn và rối loạn là sự thoái hóa, biến chất của các thành viên, sự kém hiệu quả của luật pháp, còn nguyên nhân gốc, nguyên nhân sâu xa phải tìm ở nền văn hóa và sự lãnh đạo hoặc cai trị từ cấp cao nhất.

**2-Phân tích lệnh cấm về mặt logic**

Lệnh “ cấm A, B…” hoặc “không được làm C, D…” Đôi khi để nhấn mạnh người ta ghép thành “cấm không được làm…”. thường có giá trị và ý nghĩa như nhau. Trong một lệnh như vậy thường có từ 2 đến 4 yếu tố sau: đối tượng, việc bị cấm, không gian, thời gian, ngoài ra có thể thêm một vài yếu tố phụ khác. Thí dụ : Cấm xe tải chạy trong thành phố từ 6 đến 10 giờ sáng.Trong lệnh trên không cấm xe ôtô con hoặc xe khách vào bất kỳ lúc nào, không cấm xe tải chạy trong thành phố từ 10 giờ sáng ngày hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau, và từ 6 đến 10 giờ không cấm xe tải đỗ trong thành phố, không cấm xe tải chạy ngoài thành phố.

Trong xã hội VN, Đảng CS chia mọi người thành đảng viên và quần chúng ngoài đảng. Tập hợp đảng viên nằm trong tập hợp lớn hơn là công dân. Như vậy một điều nào đó đã cấm công dân thì đương nhiên là đảng viên cũng bị cấm, trừ khi viết rõ là cấm công dân ngoài đảng. Trong điều lệ Đảng đã ghi: đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật của Nhà nước. Như vậy một điều mà pháp luật đã cấm công dân thì Đảng không cần ra thêm quy định cấm đảng viên nữa. Theo logic thì một việc mà cấm đảng viên thì người ngoài đảng có quyền làm, dù cho là dân thường hay quan chức cao cấp. Việc Đảng quy định cấm đảng viên vi phạm những điều đã có trong luật pháp hoặc những điều phổ thông về đạo đức và đạo lý làm người chỉ làm rối loạn và mâu thuẩn trong nhận thức. Điều lệ đã quy định đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Khi lãnh đạo Đảng thấy, ngoài pháp luật Nhà nước, đạo đức và đạo lý làm người, chỉ thị nghị quyết của Đảng đã có, mà cần cấm đảng viên làm một việc gì đó do tình hình đột xuất gây ra thì chỉ nên ban hành thành một chỉ thị mới, ngắn gọn. Việc đưa vào điều lệ và ban hành một danh sách dài 19 điều cấm, mà mỗi điều lại gồm nhiều nội dung, báo hiệu bên trong đang chứa nhiều bất ổn, đến lúc Đảng phải chấn chỉnh lại nhiều thứ từ gốc rễ, nghĩa là từ tổ chức và luận thuyết chứ không phải chỉ ra những lệnh cấm mà giải quyết được vấn đề.

Có lập luận cho rằng phải kể ra những điều cụ thể bị cấm thì đảng viên mới biết để chấp hành. Đó là một kiểu lập luận ngụy biện, phiến diện, coi thường trình độ đảng viên. Có một điều cần nhận thức đúng là: “ quy định càng cụ thể thì càng thiếu”. Thí dụ với quy định “Cấm xả rác nơi công cộng”, muốn cụ thể hóa rác là những thứ gì (vỏ hoa quả, lá gói bánh, túi ni lông….), càng kể càng thấy thiếu, nơi công công là nơi nào (phòng đợi ở bệnh viện, nhà ga, sân trường, đường phố…), càng kể càng thiếu, kể sao cho hết.

Một vài thí dụ trong 19 điều đảng viên không được làm: Điều 9 “Làm trái quy định trong những việc: quản lý nhà, đất, tài sản, vốn, tài chính của Đảng và Nhà nước, huy động vốn và cho vay vốn tín dụng; thẩm định, phê duyệt, đấu thầu dự án; thực hiện chính sách an sinh xã hội, cứu trợ, cứu nạn; công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, các quy định trong hoạt động tố tụng”.

Tưởng rằng quy định như thế là cụ thể, nhưng theo logic thì những việc không thuộc điều 9 kể trên đảng viên có thể làm trái, như là kiểm lâm, bảo vệ môi trường, tài chính của tư nhân v.v…

ĐIều 19- “Tổ chức việc cưới, việc tang, các ngày lễ, tết, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới, mừng thọ, mừng nhà mới, lên chức, lên cấp, chuyển công tác xa hoa, lãng phí hoặc nhằm trục lợi”. Quy định như vậy tưởng là hết sức chặt chẽ nhưng nếu tổ chức ăn mừng khỏi ốm, ăn mừng tránh được tai nạn (của bất kỳ người nào trong gia đình) nhằm trục lợi thì rõ ràng không vi phạm điều cấm vừa kể..

**3-Bình luận thêm một vài điều**

Ngoài 2 điều 9 và 19 vừa kể, xin bình luận thêm vài điều không chặt chẽ về logic. Trong các điều 8, 11 và 16 có quy định là “cấm việc để cho bố, mẹ, vợ ( chồng ), con, anh chị em ruột thực hiện một số điều như làm dự án, kinh doanh, lợi dụng chức vụ, đi du lịch tham quan… trái quy định. Theo lôgic thì không cấm việc để cho những người khác ngoài các người đã kể (không cấm việc để cho chú bác cô cậu, anh chị em họ, bạn bè, người quen…) làm trái quy định. Thí dụ có đảng viên cao cấp để cho ông cậu lợi dụng chức vụ của minh nhằm trục lợi, không thể kết luận đảng viên đó vi phạm điều 11, vì ông cậu không thuộc những người đã được liệt kê trong điều đó. Như vậy để xem xét hoặc xử phạt việc để cho ông cậu lợi dụng trục lợi phải vận dụng điều luật khác. Mà đã có điều luật khác bao quát hơn thì còn cần soạn thêm điều cấm 11 làm gì.

Xét điều 7: “Cấm đảng viên tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử các chức danh của tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội (theo quy định phải do tổ chức đảng giới thiệu) khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép”. Điều cấm này là một sự hạn chế dân chủ trong đảng, đúng là chỉ có đảng viên bị cấm còn dân thường thì không. Theo mục 2, điều 3 của điều lệ Đảng thì đảng viên có quyền ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng. Đó là quyền đương nhiên, không cần thêm điều kiện “được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép”. Hay là BCH TƯ cho rằng người được đề cử vào Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội cần tiêu chuẩn cao hơn người vào cơ quan lãnh đạo của Đảng. Hay là BCH TƯ sợ rằng những thành viên của Mặt trận và tổ chức chính trị-xã hội không đủ trình độ, không đủ sáng suốt để lựa chọn người đảng viên để bầu mà phải “được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép” mới bảo đảm chất lượng.

Còn một số điều khác mới đọc qua thì thấy bình thường, hợp lý, khi phân tích kỹ mới phát hiện ra sự thiếu chặt chẽ về lôgic, tuy vậy bài viết đã hơi dài, xin tạm dừng ở đây.

**XXII - MỘT SỐ NGỤY BIỆN VỀ QUAN HỆ VỚI TRUNG QUỐC**

Vừa qua Câu lạc bộ đọc sách báo của chúng tôi mời được một diễn giả nói chuyện về tình hình thời sự. Ông Minh là Tổng biên tập một tờ báo lớn, đại biểu HĐND thành phố, ứng cử và được bầu tại Phường chúng tôi. Việc ông dành thời gian gần 2 giờ để nói chuyện, đối với CLB là một vinh dự ít có. Ông nói về một số vấn đề thời sự trong nước và thế giới, trong đó điều làm tôi quan tâm nhất là quan hệ của VN với TQ. Theo ông Minh, tuy rằng có một vài sự kiện ở biển Đông, nhưng quan hệ VN và TQ đang rất tốt đẹp, đặc biệt sau chuyến thăm TQ của Thủ tướng Phúc. Ông cho rằng đường lối hòa bình mềm dẻo và tôn trọng Luật pháp quốc tế của Đàng ta là sáng suốt, phù hợp với tình hình quốc tế và truyền thống dân tộc. Ông viện dẫn các sự kiện lịch sử các đời vua của VN vẫn thần phục và triều cống Hoàng đế Tàu, mà sự kiện đáng chú ý là Quang Trung, sau khi đánh tan 20 vạn quân Thanh phải sang Bắc kinh xin thần phục vua Khang Hy ( ! ) nhà Thanh, cho đó là tấm gương cần noi theo.

Đã lâu tôi không được nghe các buổi nói chuyện của các cán bộ tuyên giáo. Trước đây, mỗi lần được nghe như thế tôi chỉ tiếp thu một chiều, làm tôi phấn khởi, được biết thêm nhiều chuyện, được sáng mắt sáng lòng. Nay thì khác, tôi nghe để biết quan điểm của diễn giả và xem “sự ngụy biện” đến đâu.

Kết thúc trong tiếng vỗ tay hoan hô, ông Minh tỏ ra thỏa mãn, nán lại gặp gỡ và trao đổi thêm với một vài người. Tôi cũng ở lại một chốc, được ông chào và hỏi : “ Bác thấy tôi trình bày thế nào”. Tôi trả lời: “Anh nói hay, cung cấp được một số thông tin có giá trị, đa số bà con tham dự xem ra là thỏa mãn, riêng tôi thấy có vài chỗ anh chỉ mới đề cập đến một phần của sự thật bên ngoài, bỏ mất phần khác quan trọng hơn, riêng các lập luận, có hình thức chặt chẽ nhưng để ý ra thì thấy khoảng một phần ba là sai vì phạm vào lỗi ngụy biện, đặc biệt phần nói về quan hệ Việt Trung, về vua Quang Trung”.

Đó là một nhận xét có tính phản biện mà diễn giả không mong đợi. Tôi chờ một câu trả lời đại khái như: “ Xin cám ơn bác, xin bác chỉ cho biết những chỗ mà bác cho là phần quan trọng hơn, là sai vì ngụy biện”. Nhưng không !. Ông ta phản ứng bằng cách chống chế. Tôi biết không thể tiếp tục trao đổi nên xin rút lui để ông đàm đạo với những người khác đang chờ đợi những ý kiến quý báu của ông.

Về quan hệ với TQ, xin vạch ra một số ngụy biện mà Tuyên huấn của Đảng vẫn dùng để lừa nhân dân, mà tiếc thay, một số người vẫn vui vẻ nghe theo (như tôi trước đây).

**1-Nước ta bị thế kẹt là ở sát TQ, bị nó khống chế nhiều bề.**

Giáp với TQ không phải chỉ có VN mà còn 13 nước khác như Mông Cổ, Bhutan, Nêpan, Takjikistan, Kazakstan, Nga, Myanmar, Ấn độ v.v. Trừ Nga và Ấn độ, các nước khác đều bé, thế mà họ có chịu khuất phục TQ như VN đâu. Đặc biệt như Bhutan, có biên giới khá dài với TQ mà không có quan hệ ngoại giao. Sự chịu khuất phục do nguyên nhân địa lý chỉ là một phần rất rất nhỏ. Nguyên nhân chính là do đường lối lãnh đạo. Nếu đổ cho nguyên nhân địa lý thì giải thích thế nào về các nước như Bhutan, Nêpan,Takjilistan...đều bé, TQ tuy có phá phách ít nhiều nhưng cơ bản không làm họ khuất phục. Ta giáp với TQ từ khi lập quốc đến giờ mà các đời vua phong kiến trước đây có chịu lép vế một bề như dưới thời CS hay không.

**2-Nước ta và TQ cùng ý thức hệ cộng sản, cùng chung lý tưởng XHCN**

Đây là lập luận ngụy biện xảo trá. Việc cùng ý thức hệ có phải là tiền định, là Trời bắt phải thế đâu. Đó là do con người lựa chọn. Từng đảng viên cộng sản khi vào Đảng thì có thề trung thành với Đảng nhưng dân tộc này có bao giờ thề lệ thuộc vào TQ đâu. Ừ, mà cùng ý thức hệ tốt đẹp thì cũng tạm được, nhưng ý thức hệ đó đã lạc hậu, đã thối rửa mất rồi thì đeo bám làm gì. Trước đây chúng ta theo Liên xô vì ý thức hệ, thế mà Liên xô sụp đổ rồi, trong lúc TQ cố dựa vào ý thức hệ để thôn tính VN thì vin vào nó mà làm gì ngoài sự lừa bịp những người nhẹ dạ cả tin. Mà hỏi xem, ngoài một số rất ít còn dựa vào ý thức hệ để trục lợi thì đại đa số dân VN có còn tin gì vào nó nữa đâu. Hơn nữa ĐCS TQ chỉ giữ lại cái tên và tổ chức chứ ý thức hệ CS cũng đã bị vứt bỏ từ lâu, chúng nó chỉ dùng để lừa bịp những người khờ dại trong và ngoài nước. Cũng vì ý thức hệ mà lãnh đạo ĐCS VN đã ký kết mật ước Thành Đô. Nhiều dư luận yêu cầu công khai minh bạch cho toàn dân biết nội dung, thế mà đến nay lãnh đạo ĐCS vẫn giấu kín.

**3-Truyền thống tổ tiên vẫn thần phục Tàu**.

Đây là lối ngụy biện dùng một phần sự thật để che dấu bản chất. Tổ tiên chúng ta bên ngoài tỏ ra thần phục Tàu chứ chưa bao giờ chịu khuất phục (trừ bọn Ích Tăc, Chiêu Thống…). Như Nguyễn Trải đã viết: “Như Đại Việt ta, vốn xưng nền văn hiến đã lâu. Núi sông bờ cõi đã riêng, phong tục Bắc Nam cũng khác. Trải mấy triều Đinh, Lê, Lý, Trần dựng nền độc lập. Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên hùng cứ một phương…” . Xét trong lịch sử, trừ thời nhà Hồ bị nhà Minh cướp nước, ( Gần đây vì họ Hồ chính sách nặng phiền, khiến trong nước lòng người oán giận. Quân Minh cuồng bạo thừa dịp hại dân. Đảng nịnh mưu gian rắp tâm bán nước….Tát cạn nước Đông hải khôn rửa sạch tanh hôi. Chẻ hết trúc Nam sơn không đủ ghi tội ác…), thì chưa thấy có triều đại nào chịu khuất phục TQ về mọi mặt một cách nhục nhã như bây giờ. Ngay như Quang Trung, ông cho người đóng thế mình sang bái phục Càn Long (không phải Khang Hy) chỉ là cái mẹo sau khi đã đánh tan 20 vạn quân của Tôn Sĩ Nghị. Đánh thắng rồi mới cầu hòa chứ không phải cúi đầu xin chỉ thị về mọi việc lúc chưa xẩy ra.

Việc nhất nhất thần phục Tàu Cộng đã được cài sẵn vào gène, vào máu của CSVN từ khi mới thành lập năm 1930 trên đất Tàu. Chẳng thế mà Trần Huy Liệu (người thay mặt Hồ Chí Minh vào Huế nhận sự thoái vị của Bảo Đại), vào khoảng năm 1949 có nói một câu nhận xét không tốt về Tàu (coi chừng kẻ thù truyền kiếp của dân tộc) thì bị thất sủng ngay. Năm 1954, Phạm Văn Đồng sau khi ký Hiệp định Genève đã khóc vì bị Chu Ân Lai ép buộc chia cắt đất nước đến vĩ tuyến 17. Năm 1958, được tin TQ muốn độc chiếm các đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì Phạm Văn Đồng ký Công hàm công nhận ngay (ngoài ông Đồng ra hình như không có ai ủng hộ TQ nữa). năm 1974 Hà Nội giữ hoàn toàn im lăng để cho Trung cộng đánh chiếm Hoàng sa do VNCH quản lý. Năm 1988 Lê Đức Anh (bộ trưởng quốc phòng) ra lệnh cho các chiến sĩ đảo Gạc Ma không được chống cự lính Trung cộng, để toàn bộ 64 chiến sĩ bị sát hại, xác bị quăng xuống biển. Năm 1991 Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười sang Thành Đô (TQ không cho đến Bắc Kinh) cầu xin sự che chở và ký mật ước, cố xin gặp Đặng Tiểu Bình nhưng hắn không cho gặp. Năm 2000 Lê Khả Phiêu ký cho Tàu một số đất ở Thác Bản Giốc và Hữu nghị quan. Những chuyện như vậy liệu có bao giờ xấy ra trong lịch sử của tổ tiên. Thế mà ĐCS cứ đưa tổ tiên ra làm bình phong để che đậy.

**4-Luận điệu gìn giữ hòa bình, tôn trọng luật pháp Quốc tế.**

Cứ mỗi lần TQ có hành động ngang ngược ở biển Đông thì phát ngôn của Bộ Ngoại giao VN lại tuyên bố: ”Phản đối, đòi tôn trọng chủ quyền, chủ trương giải quyết tranh chấp bằng hòa bình, thương lượng, tôn trọng luật pháp quốc tế, không liên kết với nước khác để chống nước thứ ba…”. Nghe quá hóa nhàm. Có những việc lớn, quan trọng mà sao chỉ có đại diện Bộ Ngoại giao, hoặc quá lắm là một cá nhân cấp cao nào đó phát biểu một cách dè dặt, Chính phủ, Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước lặng im. Và dân quá bức xúc biểu tình phản đối thì bị đàn áp. Ừ thì tôn trọng hòa bình, ta không chủ động gây chiến, nhưng ai cấm những phát biểu mạnh mẽ phản đối của Chính phủ, sao lại cấm dân biểu tình, sao không dám kiện ra Tòa án quốc tế như Philippin. Luận điệu “mềm dẻo, hòa bình, tránh xung đột” chẳng qua để che giấu một tâm trạng hèn yếu, không dám tin vào dân, chỉ muốn thần phục để vinh thân phì gia.

**5- Luận điểm**: **Về kinh tế ta phụ thuộc vào Tàu quá nhiều**, Nếu ta có những đấu tranh mạnh mẽ để bảo vệ chủ quyền mà bị Tàu nổi giận cắt đứt mọi giao dịch thương mại thì ta lâm vào khủng hoảng lớn.

Tôi gọi đây là luận điểm chứ không phải luận điệu vì xét ra có phần đúng. Nhưng có phải vì giao lưu hàng hóa mà để cho Tàu vào chiếm cứ các vị trí xung yếu của đất nước, để người Tàu tràn ngập các vùng quan trọng, để họ phá nát môi trường. Những nước như Mỹ, Đức, Nhật, Úc … họ có làm như thế đối với các nước khác đâu. Việc để kinh tế, thương mại, xây dựng của VN quá lệ thuuộc vào Tàu , để cho Tàu thực hiện các dự án lớn làm hủy hoại môi trường là tội của những người lãnh đạo tham và ngu. Bây giờ đã lỡ ra rồi thì không phải cứ cố trượt dài trên con đường sai lầm mà phải tìm cách khắc phục. Tuy vậy việc ngừng giao lưu kinh tế với Tàu khi chúng ta có những đấu tranh mạnh mẽ để bào vệ chủ quyền cũng chỉ mới là suy đoán. Việc giao lưu là có lợi cho cả hai bên. Việc giao lưu với Tàu nếu bị giảm sút , trước mắt kinh tế Việt sẽ gặp khó khăn, đời sống của đân bị ảnh hưởng. Nhưng thử hỏi dân xem họ có vui lòng chấp nhận khó khăn trong thời gian ngắn để loại bỏ mọi xấu xa do Tàu mang đến. Tôi nghĩ rằng được giải thích đa số dân sẽ vui lòng. Hơn nữa dân ta có câu: “Trong cái khó ló cái khôn”. Trước đây vì nhầm lẫn mà ta ưu tiên thị trường TQ, nhưng nếu vì bảo vệ chủ quyền mà nó bị co lại thì các nhà doanh nghiệp Việt có đủ trí khôn để mở ra các nước khác, chứ làm sao chịu bó tay.

**6-Nhận định**

Tôi cho rằng những ngụy biện trên đây chỉ nhằm để duy trì chế độ độc tài đảng trị theo đường lối CS, đem nước ta phụ thuộc vào Tàu cộng. Muốn thoát khỏi sự lệ thuộc này trước hết phải thoát ra khỏi ý thức hệ CS, phải cải cách thể chế theo con đường dân chủ chân chính. Một ngày mà ĐCS VN còn kiên trì đường lối hiện hành thì dân Việt còn chịu cảnh lầm than và đất nước dần dần bị thôn tính.

Để kết thúc xin kể câu chuyện: Ngày xưa bên Tàu, nước Triệu (Thời U Mục Vương), nhờ có Lý Mục và Tư Mã Thượng là những người tài giỏi, yêu nước mà ngăn chặn được sự xâm lược của nước Tần. Thế nhưng vua Triệu tin dùng tên quan đứng đầu triều đình là Quách Khai, một kẻ tham lam. Gián điệp nước Tần đem biếu Quách khai một số lớn vàng bạc với yêu cầu vu cáo Lý Mục và Tư Mã Thượng là bọn phản bội, chống lại nhà vua, để họ bị loại bỏ. Quách Khai nhận vàng bạc, thực hiện âm mưu, xui dục vua giết chết Lý Mục, đuổi được Tư Mã Thưọng. Kết quả quân Tần xâm chiếm nước Triệu một cách dễ dàng. Sau vụ này vua Tần nói: Ta chỉ bỏ ra ít vàng bạc mua được Quách Khai, dùng Khai để chiếm được Triệu, quá rẻ. Quách Khai hý hửng cho rằng đã lập công với Tần nhưng bị Tần đuổi đi, không dùng kẻ phản phúc. Quách Khai về quê, chở theo mấy xe vàng bạc. Giữa đường bị những người nghĩa khí giết hết cả nhà, lấy hết của cải.

Bình luận - Việc này đáng cho nhiều người Việt suy ngẫm. Nhưng những kẻ rắp tâm bán nước nghĩ rằng họ khôn hơn Quách Khai vì đã tuồn nhiều của cải và cho con cháu ra nước ngoài. Không đâu, chúng mày khôn, sẽ có người khôn hơn và trên hết, chúng mày đã gây ra nghiệp chướng, thế nào cũng chịu nghiệp báo. Hãy luôn nhớ rằng của cải do sức lao động và tài năng làm ra mới bền chặt, còn của phi nghĩa do gian lận, tham nhũng, tước đoạt thì chỉ làm giàu tạm thời, không đời chúng mày thì đời con, đời cháu cũng tiêu thành mây khói và chưa biết còn những thảm họa nào nữa.

**XXIII-** **Phản biện bài báo của Lưu Văn An**

Lưu Văn An là PGS, TS, Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Bài báo có tên : “**Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam”,** đăng Tạp chí Cộng sản ngày 10/5/2019. Viet-Studies đăng lại ngày 12/5.Bài khá dài, trên 5200 chữ, tóm tắt như sau :

+ Đặc điểm cầm quyền của ĐCSVN.

+ Nội dung cầm quyền của ĐCSVN.

+ Phương thức cầm quyền của ĐCSVN.

+ Một số giải pháp nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng trong thời kỳ mới.

Bài có dẫn 4 tài liệu tham khảo là văn kiện ĐH XI và XII của Đảng

Đọc bài báo tôi không phân biệt được các ý kiến đề xuất của tác giả, do nghiên cứu công phu mà viết ra, các ý chép lại từ các văn kiện đã có của Đảng hoặc tổng hợp ý kiến của người khác. Bốn tài liệu chỉ được đề cập một chút trong mục Đặc điểm cầm quyền. Dù là từ nguồn nào thì bài báo chủ yếu cũng chỉ nhắc đi, nhắc lại các ý kiến cũ kỉ, nhàm chán. Tuy cũng tìm thấy một vài ý có vẻ mới, nhưng nhảm nhí.

Theo tôi, đảng nắm giữ chính quyền, có 2 loại khác nhau : cầm quyền và thống trị.

Đảng cầm quyền là đảng chính tri, được tín nhiệm của nhân dân, thông qua bầu cử. Đảng thống trị có chính quyền do dùng bạo lực giành được .

ĐCSVN tự phong là đảng lãnh đạo và cầm quyền. Thử tìm hiểu xem từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên định nghĩa như thế nào các khái .niệm liên quan.

Lãnh đạo : Đề ra chủ trương đường lối và tổ chức động viên thực hiện.

Cầm quyền : Nắm giữ chính quyền

Thống trị : Nắm và sử dụng bộ máy chính quyền để điều khiển, quản lý, chi phối tất cả.

Quản lí : Trông coi và giữ gìn, tổ chức và điều khiển các hoạt động theo những yêu cầu nhất định

Chỉ đạo : Hướng dẫn cụ thể, theo một đường lối, chủ trương nhất định.

Về cầm quyền. Trong thể chế dân chủ, mọi quyền thuộc về Dân và Dân trao quyền đó cho những người do họ chọn ra để quản lí, để điều hành bộ máy . Đảng cầm quyền phải được Dân lựa chọn. Các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp phải độc lập và hoạt động chỉ tuân theo pháp luật.

Lãnh đạo gồm 2 hoạt động chính là đề ra và tổ chức động viên thực hiên. Việc lãnh đạo của đảng thường xẩy ra trong quá trình làm cách mạng, khi chưa có chính quyền. Như vậy sẽ không xem là lãnh đạo khi điều khiển tổ chức làm theo luật pháp, khi chỉ huy bằng mệnh lệnh. Lãnh đạo khác với quản lý và chỉ huy, điều hành.

Đảng CSVN, một thời lãnh đạo nhân dân làm cách mạng, làm chiến tranh, giành và giữ được chính quyền. Hiện nay ĐCS thực chất là đảng thống trị, nhưng lại tự cho là đồng thời lãnh đạo và cầm quyền. Việc này là đánh tráo khái niệm. Một số người tuy có biết nhưng không nói ra, còn đại đa số vì bị nhầm lẫn lãnh đạo và cầm quyền với thống trị, quản lí, chỉ huy, điều hành, điều khiển, đứng đầu, chỉ đạo. Thí dụ mọi cơ quan, tổ chức đều có người đứng đầu. Những người ấy điều khiển tổ chức dưới quyền, chủ yếu làm quản lý, nhiều người trong số họ chẳng lãnh đạo được cái gì, thế mà vẫn được gọi là cán bộ lãnh đạo, vẫn nghĩ rằng họ đang lãnh đạo. Người ta thích dùng từ lãnh đạo vì nghe oai hơn, quan trọng hơn.

Để bênh vực cho sự thống trị của ĐCSVN bài viết đưa ra các đặc điểm cầm quyền của họ. Nào là ĐCSVN có quyền và nghĩa vụ đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là phải theo thể chế nhất nguyên, *phải lo từ việc giành độc lập cho dân tộc, đến “tương cà mắm muối” cho dân. Trong đời sống chính trị thế giới nói chung, không phải đảng chính trị nào cũng có được sự khác biệt về chất ấy.*

Lo tương cà mắm muối, mới nghe qua tưởng là hay, không ngờ đó là ẩn giấu mưu mô của CS nắm dạ dày người dân, đặc biệt là thời bao cấp.

Đúng là ĐCSVN có sự khác biệt về chất so với các đảng chính trị trên thế giới, sự khác biệt ấy không tạo ra nền dân chủ, không tôn trọng Quyền dân mà tạo ra sự thống trị độc quyền.

Về nội dung và phương thức cầm quyền, bài viết đưa ra những vấn đề như: Đảng ra các nghị quyết dựa trên trí tuệ, xây dựng bộ máy tinh gọn, nắm cán bộ từ trung ương đến cơ sở, là quyết định những vấn để quan trọng của đất nước, lãnh đạo Quốc hội và Chính phủ, là thực hiện ý thức hệ của giai cấp công nhân.

Theo những điều bài viết đưa ra, đối chiếu với định nghĩa thì đó là sự thống trị hoàn toàn. Theo Hiến pháp thì Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất thế mà Đảng phải lãnh đạo thì còn ra cái gì. Đảng ra nghị quyết dựa trên trí tuệ, nhưng đó là trí tuệ nào mà phần lớn nghị quyết chỉ là một đống ngôn từ, thiếu sức sống, Ngày nay không ai dám nhắc đến nghị quyết kìm kẹp nông dân trong hợp tác xã nông nghiệp, nghị quyết phá nát nền kinh tế trong việc cải tạo công thương nghiệp sau 1975, nghị quyết về kế hoạch VN trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2020, nghị quyết tạo các quả đấm thép đã đấm vào mặt nhân dân, đấm vỡ nền kinh tế, làm cho nhà nước mắc nợ ngập đầu v.v…Cứ xem các nghị quyết như vậy mới hiểu được thực chất trí tuệ của Đảng. Cứ xem thực trạng xã hội với đạo đức, giáo dục xuống cấp, môi trường bị hủy hoại mới rõ trí tuệ của Đảng.

Phải chăng bộ máy gồm 3 tổ chức (Đảng, Chính quyền, Mặt trận) chồng chéo lên nhau là tinh gọn. Bây giờ mà còn đề cao ý thức hệ của giai cấp công nhân, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân (nó là cái gì vậy?) thì thật quá lỗi thời.

Về “Một số giải pháp…”. Thử xem bài viết mách nước như thế nào.

*Thứ nhất,* *nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng theo hướng quy chế hóa; quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên đang làm việc trong bộ máy nhà nước.*

Điều quan trọng đối với cán bộ là năng lực, là phẩm giá, là bản chất tinh hoa chứ không phải ở sự quản lý chặt chẽ họ. Một con người bị quản lý chặt chẽ sẽ giảm sút đến mất hết khả năng sáng tạo. Chỉ nên quản lý chặt chẽ bọn tội phạm. Ở vài chỗ khác, bài viết cũng có nói đến Đảng chăm lo đào tạo, bối dưỡng, giới thiệu đảng viên ưu tú, nhưng chỉ nói như vẹt. Trong bài “ **Phản biện đường lối cán bộ cộng sản”** tôi chỉ ra rằng Qui hoạch cán bộ của Đảng vừa phản dân chủ vừa phản tiến bộ nên rất khó tìm được người tinh hoa thực chất mà chủ yếu chọn được bọn tinh hoa dổm, kém phẩm chất mà có nhiều mưu mẹo, có nhiều thủ đoạn lừa Người dối Trời. Vì đường lối sai, chọn phải bọn cơ hội rồi mới nghĩ ra việc quản lý chặt chẽ. Đó là cách làm kiểu vuốt đuôi, kém hiệu quả.

*Thứ hai, đổi mới mạnh mẽ cách ra nghị quyết, nghiên cứu sắp xếp lại tổ chức bộ máy đảng các cấp.*

Đổi mới mạnh mẽ cách ra nghị quyết như thế nào, nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy như thế nào?. Bài viết có giải thích là thực hiện nghiêm túc NQ 18 ngày 25/10/2017 về "*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*,

Tôi có đọc vài lần NQ 18 và thấy rằng, nó cũng giông giống các NQ cùng loại, nghĩa là gồm một tập hợp ngôn từ và khẩu hiệu đã trở thành sáo rỗng, nhàm chán, khả năng thực hiện được rất thấp và thực hiện được chỉ nhằm tăng cường sự thống trị.

*Thứ ba, tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực bộ máy làm công tác tham mưu của Đảng.*

Bộ máy làm công tác tham mưu, phải chăng là Văn phòng trung ương Đảng. Ừ thì nâng cao năng lực văn phòng là quan trọng nhưng phải chăng đó là giải pháp nâng cao năng lực cầm quyền. Trong mục này bài viết đưa ra ý kiến: “*Muốn cầm quyền vững chắc, Đảng phải nắm kinh tế”.*

Liệu Đảng sẽ nắm kinh tế như thế nào?. Phải chăng có nhầm lẫn giữa khái niệm “Nắm kinh tế” và “Nắm kiến thức vè kinh tế”.

*Thứ tư, đổi mới tổ chức và phương thức kiểm tra, giám sát quyền lực.*

Phải chăng muốn nói đến các loại lồng nhốt quyền lực, một thứ quái dị do trí tuệ ĐCSVN nghĩ ra. Để kiểm tra, giám sát quyền lực thế giới đã rất thành công trong thể chế tam quyền phân lập. Nhưng ĐCSVN kịch liệt chống lại thể chế đó để củng cố độc quyền thống trị.

*Thứ năm, đẩy mạnh và mở rộng dân chủ trong Đảng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.*

Về quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Đảng đã cướp quyền của Dân để tạo lập sự thống trị. Tuyên truyền là chính quyền của dân, do dân vì dân, nhưng thực chất chính quyền là của Đảng. Vậy để đạt được danh chính ngôn thuận Đảng phải trả quyền cho Dân rồi sau đó mới bàn đến việc Đảng dựa vào dân như thế nào.

Chắc rằng ông An đã bỏ nhiều công sức trí tuệ mới viết được bài đăng TCCS. Tuy vậy, hoặc chưa thấy, hoặc có thấy mà chưa dám đụng đến những nhầm lẫn, những thiếu sót của ĐCSVN nên chỉ mới có thể viết ra những điều quá tầm thường.

Để trở thành một đảng cầm quyên tốt, ĐCSVN nên khiêm tôn học hỏi các đảng cầm quyền thành công trên thế giới, trong đó đảng Hành động nhân dân Singapore là một tấm gương sáng. Về đảng này Hố Anh Hải đã viết một bài rất hay, giới thiệu (Vào Google, gõ tìm: Đảng cầm quyền thành công nhất thế giới).

Trước đây ông Võ Văn Kiệt đã từng mời ông Lý Quang Diệu làm cố vần tối cao cho VN. Ông Lý hình như có giới thiệu mô hình Đảng hành động nhân dân, nhưng bị các lãnh đạo ĐCSVN ( Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Phạm Văn Đồng …) gạt đi.

ĐCSVN đang rất muốn kéo dài việc nắm giữ chính quyền. Muốn thể thì phải tìm cách chuyển từ đảng thống trị sang đảng cầm quyền (cử vài đoàn sang Singapore mà khảo sát, mà học, mà làm theo…). Nếu cứ cố kéo dái sự thống trị bằng cách tăng cường những biện pháp bất nhân bất nghĩa thì không thể nào tránh được sự sụp đổ. Mọi lời mách nước, hiến kế kiểu như của bài viết chỉ là bẻm mép và xui dại. (ngày 16/5/2019)

**XXIV- Phản biện về chống lật sử**

Cùng với việc chống diễn biến hòa bình, chống tự chuyển hóa, thì “Chống lật sử” (chống lật lại lịch sử) đang là một việc được các tuyên truyền viên và dư luận viên của Đảng quan tâm.

Sử nào? Đó là sử cận đại gắn với phong trào cộng sản. Tại sao có sự lật và chống lật? Tại vì sử này ngoài nguồn do các sử gia lề Đảng công bố trong các tài liệu chính thống, còn có nguồn  từ các sử gia và những người nghiên cứu thuộc lề Dân. Hai nguồn này có chỗ giống và khác nhau. Lật sử liên quan đến những chỗ khác nhau đó.

Ai lật?. Gọi lề Đảng là bên A, lề Dân là bên B, Bên A quy kết, chụp mũ cho  bên lề Dân là thế lực thù địch, là bọn lật sử. Bên B lại cho rằng họ mới là người trình bày sự thật, còn bên A làm việc bịa đặt, xuyên tạc lịch sử để tuyên truyền, để phục vụ mục đích chính tri của ĐCS. Sự thật chỉ có một. Vậy ai đúng ai sai ở chỗ nào, dựa vào đâu để phân xử?

Thử xem một số sự kiện. Bên A cho rằng Lê Văn Tám, Võ Thị Sáu là những anh hùng trong kháng chiến chống Pháp. Bên B cho là bịa đặt. Mỗi bên đều đưa ra những chứng cứ rất khó đánh giá mức độ tin cậy.

Sau khi kết thúc chiến tranh ngày 30 tháng 4 năm 1975, có chuyện  về xe tăng nào đầu tiên vào Dinh Độc lập. Trong nhiều năm bên A cho là xe số  843 với Bùi Quang Thận, còn những chiến sĩ xe số 390 do Đặng Văn Toàn chỉ huy và con em họ đã bị đối xử bất công vì dám tự nhận chính họ là xe đầu tiên húc mở cánh cổng vào Dinh. May nhờ nhà báo Pháp (De Mulder) công bố phim đã quay mới gỡ được nỗi oan cho xe 390. Xe 390 vào trước, không có cờ, xe 843 vào sau, có cờ và người cắm cờ là Bùi Quang Thận.

Còn chuyên ai đã đọc cho Dương Văn Minh  thảo văn kiện đầu hàng. Trong nhiều năm có sự tranh chấp giữa Phạm Xuân Thệ, lúc đó là Đại úy, sau này là Trung tướng và Bùi Văn Tùng,  lúc đó là Trung tá, về hưu với hàm Đại tá. Hai bên đều đưa ra những “chứng cứ không ai chối cãi được” để giành phần thắng. Khổ thay mỗi bên đều dựa vào một phần sự thật. Không ai phân xử được. (Nếu việc này giao cho tôi thì chỉ một giờ là xong. Tôi mời cả hai người ngồi trước mặt, để họ rình bày và tranh luận) Người biết rõ nhất là Dương Văn Minh đã chết và không viết hồi ký về chuyện này. May mà rồi có tường thuật của nhà báo người Đức (Borries Gallasch) mới rõ đầu đuôi câu chuyện. Thì ra ông Thệ tiếp cận Dương Văn Minh  trước và ra lệnh viết tuyên bố đầu hàng, nhưng  khi ông Minh hỏi cần viết như thế nào thì ông Thệ không trả lời được. Lúc này mới xuất hiện ông Tùng và chính ông Tùng đã thảo lời tuyên bố đầu hàng cho ông Minh. Phóng viên người Đức theo dõi từ đầu và cho mượn máy ghi âm để ghi lời tuyên bố của ông Minh, đem phát lên Đài Sài Gòn. Từ Dinh ĐL đến Đài phát thanh ông Thệ áp giải ông Minh, đi trên cùng 1 xe, ông Tùng đi  trên xe khác.

Rồi chuyện Gạc Ma tháng 3 năm 1988. Có hay không lệnh cấm nổ súng vào bọn giặc cướp Trung cộng (hoặc cấm nổ súng trước). Ông Lê Đăng Doanh nói rằng đã tự mình nghe ông Lê Đức Anh công nhận đã ra lệnh, nhưng nhiều tướng tá khẳng định là không có, vì trong lịch sử Hải quân không ghi.

Chuyện về Hồ Chí Minh, ông có được Liên hiệp quốc tôn vinh là “Danh nhân văn hóa thế giới”  hay không. Trong rất nhiều năm sách báo bên A đều ghi rõ ràng với các bằng chứng cụ thể, nhưng rồi bỗng nhiên có người bên B phát hiện ra không phải. Quả là nhân kỷ niêm 100 năm ngày  sinh của Hồ Chí Minh, ông Võ Đông Giang có gửi thư cho UNESCO đề nghị, đã có sự thảo luận, nhưng chưa có công nhận danh hiệu “Danh nhân văn hóa thế giới”.

Những  chuyện như trên nhiều vô kể, nhưng chỉ liên quan tới vài người. Những chuyện lớn hơn liên quan tới hàng ngàn, hàng van người  như vụ đàn áp ở Quỳnh Lưu năm 1956, vụ đầu độc ở nhà tù Phú Lợi  năm 1958, vụ thảm sát ở Huế năm 1968, vụ nông dân Thái Bình năm 1997, vụ 74 binh sĩ của Sài Gòn hy sinh ở Hoàng Sa năm 1975 là có công  bảo vệ đất của Tổ quốc hay không (vì là “quân ngụy”), v.v… thì A và B  đều có kết luận khác nhau.

Chuyện tương đối  lớn như phá hoại Hiệp định Geneve  và Paris. Cả ta và đối phương đều phá, nhưng bên nào chủ động phá và phá nhiều hơn. Rồi cuộc chiến tranh 20 năm  (1955- 1975), là nội chiến hay chống xâm lược; ngày 30/4/1975  là ngày giải phóng hay ngày kết thúc chiến tranh; gọi chính quyền và quân đội của Miền Nam trước 30/4 là ngụy quyền, ngụy quân hay là chính quyền và quân đội Việt Nam cộng hòa v.v…  Quan điểm của A và B là trái ngược.

Chuyện khá lớn liên quan tới Cách mạng tháng 8 (CM T8). Sử chính thống ghi rằng CM T8 đã đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập, đem chính quyền về cho nhân dân. Điều này đã được phần đông dân Việt Nam và nhiều người trên thế giới công nhận là đúng, là sự thật hiển nhiên. Đó là kết quả của tuyên truyền lặp lại nhiều lần và bưng bít một số sự kiện lịch sử. Bên B cho rằng cả 4 điều trên đếu là bịa đặt, đều là dối trá. Bên A khẳng định rằng bọn B là thù địch, chúng lật sử để phủ nhận thành quả CM T8. Bên B cho rằng A là bọn bút nô, xuyên tạc lịch sử nhằm phục vụ cho đường lối chính trị của Đảng.

Lập luận của A tương đối rõ và nhiều, mọi người đều biết, tôi không viết ra đây (sẽ làm cho bài quá dài). Chỉ xin nêu vài lập luận của B.

Bên B cho rằng khi thành lập Mặt trận Việt Minh vào năm 1941 thì VM  có đề ra 4 nhiệm vụ trên, nhưng quá trình làm CM T8 thì không làm việc nào trong 4 việc ấy cả. Không đánh Pháp vì toàn bộ quân Pháp đã bị Nhật loại bỏ vào ngày 9/3/1945. Không đuổi Nhật vì Nhật đã đầu hàng, bị quân Đồng minh tước vũ khí, sau đó thì rút về nước. Không giành độc lập vì ngày 11 /3/1945 vua Bảo Đại đã tuyên bố Việt Nam độc lập, xóa bỏ mọi hiệp ước ký với Pháp. CM T8 chỉ làm một việc là cướp chính quyền từ Chính phủ Trần Trọng Kim. Đó là cướp chính quyền cho Đảng chứ  không phải cho nhân dân. Từ 1945 đến nay thực chất chính quyền là của ĐCS, quyền của  nhân dân đã bị Đảng tước đoạt. Về Chính phủ Trần Trọng Kim, bên B cho là chính phủ hợp pháp, bên A quy kết là bù nhìn, tay sai của Nhật.

Bên B thách bên A chỉ ra CM T8 đánh Pháp thì đánh trân nào, ở đâu, lúc nào, ai đánh. Không thể kể trận đánh đồn Phai Khắt, Nà Ngần vào CM T8 là đánh Pháp. Nói CM T8 đuổi Nhật thì hãy chứng minh đuổi như thế nào. Không thể dẫn chứng hoặc chứng minh được vì thực tế có diễn ra đâu.

Việc dựa vào khẩu hiệu năm 1941 rồi gán cho việc không làm trong CM T8  phải chăng là dối tra, bịa đặt. Việc vạch ra sự thật này là lật sử hay bảo vệ sự thật lịch sử. Nếu có lật thì đó là lật tẩy sự tuyên truyền dối trá của bên A chứ không phải lật sử.

Tôi đã đọc  nhiều bài về chống lật sử với những bút danh như Hoàng Trọng Đức, Chế Trung Hiếu, Anh Phương Nguyễn, Phạm Quang Núi, Phạm Thông, Lốc Liếc, Đặng Nguyệt, Hoàng Ngân Thương, Lê Hương Lan, Khuất Biên Hòa, đặc biệt là các ông tướng Hoàng Kiền, Nguyễn Thanh Tuấn, Nguyễn Quốc Thước.

Trong các bài về chống lật sử, đáng chú ý là một số bài đả kích bộ sử 15 tập, có dẫn ra vài chi tiết, vài cái tên để phê phán. Họ to tiếng chửi rủa Phan Huy Lê, Trần Quốc Cường và các tác giả vì chuyện không gọi ngụy quân, ngụy quyền mà gọi là quân đội và chính quyền của Việt Nam Cộng hòa. Người ta dựa vào câu thơ chúc tết của Hồ Chí Minh “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” để khăng khăng bắt mọi người gọi ngụy quân, ngụy quyền. Họ bịa đặt rằng không gọi ngụy quân là đã phản bội sự hy sinh xương máu của hàng triệu chiến sĩ quân Giải phóng. Ôi! Nếu cứ cố tình đề cao hận thù như thế thì làm sao, khi nào mới hòa giải, hòa hợp được dân tộc.

Không những nhóm của Phan Huy Lê bị chửi rủa, họ còn lên án Võ Văn Kiệt chống lưng cho bọn lật sử, lên án tướng Lê Mã Lương, nhà văn Nguyên Ngọc, Nguyễn Văn Phước rất nặng nề, chửi rủa cả nhà sử học Trần Quốc Vượng, sử gia Trần Huy Liệu.

Ngoài phê phán việc không gọi ngụy quân ngụy quyền, các bài viết khác về lật sử đều mang tính cách “thùng rỗng kêu to”. Họ thi nhau hô khẩu hiệu : Đả đảo bọn lật sử. Lật sử là chống lại sự lãnh đạo của Đảng. Lật sử là phản bội sự hy sinh của ông cha. Lật sử là thực hiện diễn biến hòa bình. Chống lật sử là thể hiện lòng yêu nước và trung thành với Đảng, là bảo vệ thành quả cách mạng, v.v… Ngoài các ý chung chung như vậy, họ không nêu ra được những trường hợp cụ thể và phân tích rõ bên B đã lật sử như thế nào. Riêng trường hợp Lê Văn Tám, Võ Thị Sáu bên A cũng chỉ dựa vào các thông tin từ lề Đảng mà không phản bác được các chứng cứ của bên B.

Việc tìm ra sự thật xem người ta đã xuyên tạc hoặc lật sử như thế nào  cần có thời gian và tự do ngôn luận, cần có những nhà nghiên cứu có tài năng và thực sự khách quan, không bị ý thức hệ chi phối, không sợ bị khủng bố.  Người ta thường nói: “Việc này để lịch sử sau này làm sáng tỏ”.

Ừ thì để dần dần. Nhưng thế hệ chúng ta có trách nhiệm gì và có thể làm được gì để đóng góp vào việc tìm sự thật lịch sử đương đại. Có lẽ cách bình thường và hay nhất là đối thoại công khai giữa A và B trên nền tảng tự do ngôn luận, tự do báo chí. Đối thoại công khai nhằm 2 mục đích chính:

1- Để mỗi bên trình bày hết các quan điểm, các lập luận của mình và tiếp nhận từ bên kia các quan điềm, lập luận của họ. Qua việc này, với thiện tâm, mỗi bên biết được chỗ thiếu sót của mính, chỗ hợp lý của bên kia, để điều chỉnh nhận thức và dần dần giải quyết mâu thuẩn, xóa bỏ bất đồng (nếu không có thiện tâm không làm được việc này).

2- Để cho bên thứ 3 là đại bộ phân quần chúng nhân dân biết rõ được quan điểm và chứng cứ, lập luận mỗi bên. Từ đó quần chúng nhân dân tự đánh giá để quyết định ủng hộ bên nào.

Việc tranh thủ bên thứ ba là vô cùng quan trọng. Chẳng thế mà ĐCS đề cao công tác Dân vận. Nhưng hình như càng tăng cường dân vận thì dân càng mất lòng tin, càng xa rời. Phải chăng vì thế mà ngoài các đoàn thể trong Mặt trận Tổ quốc, ở Nghệ An còn lập thêm Hội Cờ đỏ, trong quân đội còn lập “Lực lượng AK 47”.

Bên thứ ba có thể phân thành 3  nhóm. Nhóm 3A ủng hộ lề Đảng, nhóm 3B ủng hộ lề Dân, nhóm 3C không quan tâm gì đến chính trị và lịch sử, nhóm này đông nhất.

Sự đánh giá của bên thứ ba là quan trọng, nhưng ý kiến quan trọng không phải do số lượng người đông. Khi đông người  tập trung lại một chỗ, dễ gây tâm lý đám đông. Còn khi người đông mà phân tán, có điều kiện cho trí tuệ được huy động, có điều kiện cho những trí thức, những tinh hoa trong dân phát huy tác dụng. Sự đánh giá đáng tin cậy là của đội ngũ trí thức thực sự của dân tộc.

Hiện nay ở VN chưa có tự do ngôn luận và chưa có được những đối thoại công khai, mặc dầu ông Võ Văn Thưởng, Trưởng ban Tuyên giáo của ĐCS có hứa hẹn. Báo chi chính thống chỉ đăng những bài về chống lật sử của bên A và thường chỉ được nhóm 3A hưởng ứng, ca ngợi. Các bài của bên B thường chỉ được đăng trên các trang mạng lề Dân và nhiều lúc bị ngăn chặn bởi tường lửa.

Trên kia tôi điểm qua một số nội dung các bài chống lật sử của bên A, lập luận của họ chủ yếu dựa vào những điều đã được phe Đảng  tuyên truyền, lưu hành. Về phương pháp luận nghiên cứu khoa học cách làm đó phạm lỗi suy luận vòng quanh. Thật ra thì ban đầu phe Đảng cũng dựa vào một số sự thật lịch sử, nhưng đó là sự thật được chọn lựa và một số đã biến dạng qua lăng kính của Chủ nghĩa Mác Lê. Cũng giống như tuyên truyền Chủ nghĩa Mác Lê, các bài chống lật sử chứa rất nhiều ngụy biện.

Lập luận của bên B chủ yếu dựa vào chứng cứ thực tế. Nhưng thực tế mênh mông, mỗi người nắm được một phần. Bên B bị quy cho lật sử vì đã nêu lên những phần của thực tế khác với điều bên A công bố.

Về những bài báo của bên B. Tôi cũng đọc được khá nhiều. Chủ yếu là những bài trình bày những sự thật của một số sự kiện lịch sử mà tác giả cho là ngược lại với những gì bên A đã viết hoặc không viết. Những bài ấy không phê phán ai cả. Về trao đổi quan điểm tôi chỉ mới tìm thấy bài “Có nên lật lại lịch sử” của Đặng Chí Hùng, đăng ở trang Dân làm báo (tháng 5/2012). Đại ý ông Hùng cho rằng nếu có phần nào của lịch sử đã được viết không chính xác thì cần lật lại lắm chứ.

Trong lúc đấu tranh và chờ đợi cho tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tổ chức các buổi trao đổi học thuật về lịch sử, tự do và công khai các cuộc đối thoại  để tìm sự thật thì cần có nhận thức đúng về vai trò của môn lịch sử.

Nghiên cứu lịch sử là một môn của Khoa học xã hội và nhân văn. Là khoa học, nó phải giữ được sự trung thực, độc lập, khách quan, không bị chi phối bởi tình cảm, không bị khống chế bởi bất kỳ đảng phái, lực lượng chính trị  hoặc quyền lực nào.

Viết sử chủ yêu là ghi chép lại trung thực những việc đã  xẩy ra, không thêm bớt, không bình luận. Nói không thêm bớt là so với những quan sát của mình hoặc những tài liệu mình đã tham khảo chứ khó có thể so với toàn bộ sự việc xẩy ra. Người viết sử không bình luận, không chèn tình cảm của mình vào sự kiện. Việc bình luận và thể hiện tình cảm là của độc giả.

Nhiều đồ đệ của Chủ ghĩa Mác Lê  cho rằng lich sử phải phục vụ cho chính trị. Đó là một quan điểm phản khoa học, phản nhân loại. Trong sử cận đại của VN có một số sự kiện bị trình bày khác với  sự thật, nhằm phục vụ chính trị. Chống lật lại những điều như thế là hành động của sự cuồng tín, cần loại bỏ. ( ngày 3/6/2019)

**XXV- Ngụy biện của một bài báo**

Báo Đại Đoàn Kết ngày 19-9-2019 đăng bài “**Tâm sự với ‘người hay cãi’** của HTQ (gọi tắt là Bài báo). Tôi đọc và phát hiện thấy một số ngụy biện, Xin vạch ra, phê phán vài điều để tránh những nhầm lẫn đáng tiếc.

Người hay cãi là cố nhà báo Hữu Thọ, có danh tiếng. Có lẽ bài báo định dựa vào danh tiếng này để trình bày “Lời khuyên” đối với các trí thức, các nhà báo khi thực hành “Phản biện”. Nó gồm một số ý sau:

+ Ở VN phản biện phải theo cách VN, phải vừa có lý vừa có tình (trăm cái lý không bằng một tí cái tình). (xem ngụy biện 2)

+ Người trí thức khi phản biện cũng nên hiểu rằng, anh có nghĩa vụ bảo vệ chân lý nhưng còn có nghĩa vụ công dân trong quá trình phản biện, tức là phản biện một cách xây dựng. Anh phản biện, phê phán, thì anh phải đứng ở tâm thế như người trong cuộc…. Đó là trách nhiệm công dân (xem ngụy biện 3).

+ Nếu anh xây dựng cho Tổ quốc mình thì đừng gây nên sự mất ổn định, gây ra sự phân tâm (xem ngụy biện 4).

*+* Nếu người trí thức cho rằng ý kiến mình là phải, nhưng nếu không làm cho điều phải ấy được người cần nghe thông hiểu thì cũng không nên chỉ trách người nghe mà phải tự trách mình trước (xem ngụy biện 5).

+ Bây giờ, suy cho cùng vẫn phải trở về những nguyên tắc căn bản của Đảng ta (xem ngụy biện 6).

Mới xem qua thì tưởng là các lời vàng ý ngọc, nhưng chỉ chú ý một chút, chưa cần suy nghĩ sâu xa, cũng đã phát hiện ra những lỗi ngụy biện.

Phản biện nói ở đây là của các trí thức, các nhà báo có một số bất đồng quan điểm, gọi là bên B. Họ gồm những người ngoài đảng, đảng viên đang sinh hoạt hoặc đã từ bỏ Đảng. Họ phản biện lại những đường lối, chính sách của ĐCSVN, của Nhà nước, gọi là bên A. Đó là những đường lối, chính sách mà B cho rằng sai lầm, trái quy luât.

**Ngụy biện 1 : Dựa dẫm**

Dựa dẫm là một dạng ngụy biện, tuy không thật điển hình. Bài báo dựa vào uy tín của ông Hữu Thọ (1932-2015), từng là cán bộ cao cấp của Đảng và Quốc hội, là nhà báo lớn của ĐCS, nổi tiếng trong làng báo quốc doanh. Tuy vậy số đông trí thức phản biện chỉ xem ông như công cụ của Đảng, không kính phục, vì ông chỉ hăng hái vạch ra các tiêu cực của xã hội khi mọi người đã thấy rõ, mà không dám đụng đến sự thống trị độc quyền của Đảng. Sự thống trị này là nguyên nhân cơ bản của nhiều tai họa. Nếu ông không thấy thì quá kém về trình độ. Nếu thấy mà không dám nói thì kém về nhân cách. Con người như vậy không thể làm gương cho các trí thức chân chính.

Để có thêm sức mạnh cho lập luận, bài báo dẫn ra nhiều câu có nội dung hay, khá chính xác như là : Phải sống thật với mình; mỗi con người còn có tâm luật, tức là luật trong lòng của mình; Sống với nhau có tình nghĩa là một nội dung  của những người Việt Nam theo chủ nghĩa Mác-Lênin (sic);.Cần hài hòa bổ sung các nguyên tắc với nhau để vừa giữ được tính chiến đấu trong nội bộ vừa giữ được ổn định chung;Trí thức là phải có tư duy độc lập, sáng tạo, có khả năng truyền bá; Phải phản bác những gì không đúng, không tốt. Phê phán rất cần, nhưng nếu cường điệu những khuyết điểm, thậm chí những khó khăn để bầu trời ấy đang xanh mà mọi người nhìn nó như u ám thì cũng không được.

Nghe ra thì hay cả . Nhưng những điều đó không che lấp được các ngụy biện sau:

**Ngụy biện 2 : Tình và Lý.**

Dân Việt rất coi trọng tình nghĩa, nhưng chủ yếu là trong cuộc sống cộng đồng dân cư (tối lửa tắt đèn có nhau). Phản biện về chủ trương, đường lối chủ yếu không trực tiếp liên quan đến tình cảm xóm làng, không chống lại con người và tình cảm của họ mà chủ yếu là nhận xét, đánh giá quan điểm, chủ trương, việc làm của lãnh đạo. Trong phản biện phải đặt lý trí lên hàng đầu.

Về tình và lý trong phản biện, có câu nói nổi tiếng: “Tôi không tán thành quan điểm của bạn, nhưng tôi sẽ đấu tranh hết sức để bảo vệ bạn được tự do nói ra quan điểm của mình”.

Phải phân biệt, tình là để xử lý quan hệ giữa các con người, lý là để giải quyết quan hệ giữa các nhận thức/ hành động. Trong việc phản biện, đem trộn tình và lý dễ dẫn đến sai lầm.

Nếu phải xét về tình và lý giữa A và B thì thấy rằng B chưa có những vi phạm đáng kể. Trái lại A đã dùng quyền uy gán cho B là thế lực thù địch để đàn áp. Bài báo muốn B đề cao tình khi phản biện A. Liệu trong thâm tâm tác giả có nghĩ tới việc kêu gọi A cũng phải có tình với B.

**Ngụy biên 3- Nghĩa vụ công dân**

Trong Hiến pháp 2013, nghĩa vụ công dân được ghi ở các điều 39; 44; 45; 46; 47. Tôi không tìm thấy nghĩa vụ nào liến quan đến phản biện.

Bạn là một công dân, bạn phải thực hiện nghĩa vụ và tuân thủ pháp luật. Nếu bạn làm trái nghĩa vụ hoặc vi phạm pháp luật, tòa án sẽ kết tội bạn. Không thể dùng khái niệm thực hiện nghĩa vụ để hạn chế phản biện. Những điều khoản về Nhân quyền và Dân quyền bảo đảm cho bạn khả năng tự do tư tưởng, tự do ngôn luận. Bạn có thể tự do phản biện bất cứ việc gì khi luật pháp không cấm.

Bài báo cho rằng khi phản biện bạn phải đứng ở tâm thế như người trong cuộc. Đây là điều có được thì tốt, nhưng không bắt buộc. Nếu người phản biện có gì đó chưa thông cảm với người trong cuộc thì người trong cuộc nên giải trình. Trách nhiệm công dân không hề bắt buộc người phản biện phải đứng ở tâm thế như người trong cuộc.

Tuy vậy những người trí thức phản biện hiện nay thừa hiểu mưu mô và tâm trạng của người trong cuộc, điều mà những người này tìm cách che giấu.

**Ngụy biên 4- Sự đánh tráo**

Bài báo viết: “Nếu anh xây dựng cho Tổ quốc mình thì đừng gây nên sự mất ổn định, gây ra sự phân tâm”.

Sự phản biện của B khi được A tiếp nhận có văn hóa thì không gây nên sự mất ổn định nào cả. Rất nhiều người của B đã từng góp ý, viết thư, kiến nghi gửi theo đường chính thống lên tận cấp cao nhất của A. Nhưng rồi tất cả các ý kiến đó đều không được trả lời. Việc đó buộc B nêu công khai các ý kiến trên các trang mạng xã hội.

Xã hội VN đang rất kém ổn định, điều này chủ yếu do sai lầm và bất lực của chính quyền chứ không phải do phản biện của trí thức.

Đúng là phản biện tạo ra sự phân tâm để giúp mọi người thấy được sự tuyên truyền dối trá, để họ nhận thức và tiếp cận chân lý. Khi A thật sự tự tin vào chính nghĩa thì tại sao không chấp nhận đối thoại công khai với B. Nếu B phản biện A mà không tạo ra nhận thức khác, chỉ phụ họa và thống nhất với A thì phản biện cái gì.

**Ngụy biện 5-Tự trách mình**

Trong việc phản biện cần phân biệt 2 trường hợp: Một là phê bình góp ý trong phạm vi nội bộ, giữa chốn thân thiết, bạn bè. Hai là chỉ trích giữa phe phái đối lập.

Trong nội bộ, khi B góp ý phê bình A, cần phân biệt thái độ hai bên. Với B, nên dịu dàng, theo thuật “đắc nhân tâm”, nên làm cho A thông hiểu, nếu B có gì chưa vừa lòng thi nên tự trách mình trước. Còn với A, thái độ phải ngược lại. Điều A cần là nội dung chứ không phải thái độ góp ý. Nếu B vừa mắng vừa chửi mà vạch ra được đúng chỗ sai thì A phải tiếp nhận và biết ơn. Như thế A mới là người có hiểu biết, có văn hóa. Nếu A đòi hỏi B phải lịch sự, dịu dàng khi phê phán mình thì A chỉ là hạng quá tầm thường, mồm nói cám ơn và sẽ tiếp thu, nhưng trong lòng chống lại.

Phản biện của đối lập, của người bất đồng chính kiến nặng về chỉ trích chứ không phải là kiểu góp ý nhẹ nhàng. Chỉ trích càng mạnh càng tốt. Quan trọng là những chỉ trích đó phản ảnh sự thật chứ không bịa đặt,

Về phê phán hoặc phản biện có câu rất hay như sau: Khi cố tình moi móc khuyết điểm của bạn bè, hàng xóm thì bạn là người có phẩm chất thấp kém. Nhưng khi bạn vạch ra được sai lầm của học thuyết hoặc của đường lối chính trị thì bạn là nhà triết học.

**Ngụy biện 6-Nguyên tắc của Đảng**

Nguyên tắc của Đảng là kiên định chủ nghĩa Mác Lê. Đó là cái Vòng kim cô kẹp chặt và bóp chết mọi sáng tao về chính trị.

Phản biện của trí thức chủ yếu vạch ra sai lầm của Mác Lê và đường lối của Đảng. Phản biện theo nguyên tắc của Đảng thì còn làm được cái gì.

**Lời cuối**

Ngụy biện là cách người ta dùng để đổi trắng thay đẹn. Đối với những người nhẹ dạ cả tin thì ngụy biện dễ phát huy tác dụng vì mới nghe qua thấy nó có lý. Để phát hiện ra ngụy biện thường không khó lắm khi nắm được phương pháp phân tích và đối chiếu, so sánh với thực tế. Để dễ bề dùng ngụy biện thì người ta tìm cách làm ngu dân và triệt hạ tầng lớp tinh hoa không chịu quỳ gối cúi đầu. Vì vậy xin hãy cảnh giác, chớ bị nhầm lẫn, chớ bị lừa gạt..(ngày 21/9/2019)

**XXVI - Phản biện phong trào thi đua**

**1-Tình hình chung**

Cứ vài năm một lần, khắp nơi tưng bừng mở Đại hội thi đua khen thưởng các ngành các cấp để tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc. Trong các ĐH như vậy rất nhiều báo cáo thành tích xuất sắc được trình bày, nhiều danh hiệu Anh hùng, Chiến sỹ thi đua, nhiều huân chương cao quý được ban tặng. Có vẻ như là những ngày hội lớn của các ngành và của dân tộc. Chưa thấy số liệu thống kê nào cho biết số công sức, số tiền ngân sách bỏ ra để tuyên truyền, chuẩn bị và tổ chức các ĐH, để chi cho các đại biểu và quan chức có liên quan. Chỉ có thể đoán rằng cũng phải đến nhiều ngàn tỷ.

Khi chỉ nghe sự tuyên truyền một chiều, chỉ dựa vào báo cáo và gương sáng được trình bày thì mọi người sẽ choáng ngợp vì thành tich vô cùng to lớn, vì kết quả rất cao do thi đua mang lại, vì sự sáng suốt của lãnh đạo của các cấp, các ngành. Nếu kết hợp thêm các huy chương đủ loại do các thí sinh của VN đạt được trong các cuộc thi quốc tế dành cho học sinh và thợ kỹ thuật bậc cao thì thế giới phải trầm trồ ca ngợi sự thông minh, tài giỏi của dân Việt, và hình dung ra một đất nước đang phát triển ở tầm cao. Thế nhưng nếu dám nhìn thẳng vào sự thật thì không khó khăn gì để thấy một đất nước có năng suất lao động vào loại thấp nhất khu vực và thế giới, một dân tộc có nền đạo đức và giáo dục đang xuống cấp nghiêm trọng, một xã hội đang chứa đựng nhiều tệ nạn độc hại. Những người quen suy nghĩ hời hợt, cả tin không thể nào giải thích được thật đúng nguyên nhân cơ bản tạo ra điều mâu thuẩn to lớn ở trên, họ quy kết vòng vo chỗ này, chỗ nọ. Trước đây người ta quy cho “ tàn dư của phong kiến, thực dân, đế quốc”, ngày nay đổ tội cho “ nhóm lợi ích và sự thoái hóa biến chất của cán bộ”. Thật ra phần lớn là do tuyên truyền dối trá, ngụy biện, chỉ nêu ra một phần của sự thật, phần lấp lánh, rồi tô son điểm phấn vào mà cố tình che giấu đi một phần khác của sự thật, đó là phần xám xịt.

**2-Bàn về thi đua**

Xét về thi đua, tại sao theo báo cáo và tuyên truyền thì phong trào thi đua yêu nước mang lại nhiều thành tích tốt đẹp mà xã hội vẫn cứ xuống cấp. Tôi đã để tâm tìm hiểu và rút ra kết luận xót xa: “***Trong hoàn cảnh hiện nay thi đua mang lại lợi ít hại nhiều, hiệu quả thấp”.***

Phong trào thi đua được Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động vào tháng 6 năm 1948, trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn của những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, với mục tiêu: Diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Khẩu hiệu của thi đua là: Làm cho nhanh, cho tốt, cho nhiều. Phương châm là: Người người thi đua, ngành ngành thi đua, ta nhất định thắng, địch nhất định thua. Biện pháp thi đua là lấy sự động viên tinh thần kết hợp sự bình bầu, khen thưởng.

Năm 2003 Chủ tịch nước ban hành Luật Thi đua, Khen thưởng (Luật số 15/2003/QH 11 ).Năm 2005 và năm 2009 Luật được điều chỉnh. Năm 2013 Luật lại được bổ sung, sửa đổi. Luật ghi rõ : *Thi đua là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu của thi đua nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

Như vậy từ phong trào thi đua nhằm diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm đã được Nhà nước nâng lên thành luật, mà đã là Luật thì mọi người phải thi hành. Thi đua của Hồ Chí Minh và thi đua của nhà nước CH XHCN VN khác nhau rất lớn. Thi đua của HCM dựa trên sự động viên tinh thần, mang lại sự phấn khởi cho toàn dân, thi đua của CHXHCNVN là một sự gán ghép, áp đặt, nhằm mang lại lợi ích cho một số ít công việc và một số ít người, trong khi mang lại sự khó chịu cho số đông, sự tha hóa của xã hội, góp phần làm tăng sự dối trá tạo thành tích dổm để được khen thưởng, ít nhất là khỏi bị mất điểm thi đua.

Trong nhiều công việc chúng ta thường chỉ chú ý đến kết quả mà không quan tâm đến hiệu quả, là chỉ tiêu quan trọng hơn, quyết định hơn đến sự phát triển hoặc tụt lùi. Khi mà hiệu quả là âm thì kết quả càng lớn kéo theo sự tụt lùi càng lớn, tội càng nặng. Trước đây có nhiều đơn vị đã từng được khen thưởng trong phong trào thi đua tăng gia sản xuất với kết quả thu hoạch được vài tạ sắn hoặc rau. Không ai quan tâm đến việc họ đã chi một số công sức và tài sản tính ra tiền có thể mua được gấp 2 đến 5 lần số sắn hoặc số rau ấy. Họ được khen khi làm việc với hiệu suất âm trên 200%, thế có đau xót không, có đáng tủi hổ không.

Chưa thấy có điều tra, khảo sát nào đánh giá hiệu quả của thi đua trong tình hình mấy chục năm gần đây. Trước đây tôi có đọc được một vài bài báo đề nghị xem xét lại việc tổ chức thi đua, nên bỏ thi đua trong một số ngành, đặc biệt trong ngành giáo dục, nhưng rồi các bài đó chỉ như vài hạt cát ném xuống bể.

Có nhiều lập luận cho rằng mặc dầu thi đua tạo nên những điều làm nhiều người không thích thú gì như tổ chức phát động, đăng ký chỉ tiêu, bình bầu danh hiệu, tổ chức xét duyệt, phần lớn chạy theo hình thức làm tốn công, tốn của, tốn thì giờ mà hiệu suất công việc thấp, lại thêm chuyện khó tránh là việc dối trá được chấp nhận, được bao che, nhưng dù sao thi đua cũng làm cho một số người, một số đơn vị làm việc tốt hơn, đạt thành tích cao hơn, được tặng thưởng huân chương và danh hiệu cao quý, làm người ta phấn khởi hơn.

Lập luận trên mới nói lên chỉ một phần sự thật, đã bỏ sót một phần sự thật khác quan trọng hơn, do đó đã rơi vào ngụy biện. Tôi xin nêu thí dụ. Trước đây, trong kháng chiến 9 năm xe đạp thồ là một phương tiện vận tải rất tốt, hiệu quả cao, nhưng ngày nay với đường rộng, phương tiện cơ giớ có đủ thì chỉ nên đưa xe đạp thồ vào viện bảo tàng hoặc chỉ dùng nơi không có đường rộng. Nếu cho rằng xe đạp thồ dù sao cũng tăng năng suất, có hiệu quả hơn gánh bộ để mở rộng, để phát triển xe đạp thồ trên các đường rộng rãi mà coi nhẹ việc dùng cơ giới thì không điên cũng là ngu. Trước đây thi đua rất có tác dụng, được dùng có hiệu quả để động viên người ta làm tốt vì chưa có được điều kiện để dùng biện pháp tốt hơn trong cơ chế tạo động lực cho người làm việc, đó là trả công theo kết quả lao động.

Tôi đã hỏi một số người câu sau: Người ta cố gắng làm việc tốt để được một trong hai thứ, được bình bầu và khen thưởng thi đua; được trả công theo kết quả công việc. Bạn chọn cách nào.

Tuyệt đại đa số chọn cách sau. Như vậy nếu thực hiện được việc trả công, trả lương theo kết quả lao động thì sẽ đạt hiệu quả cao hơn chuyện tốn công tốn của để duy trì thi đua. Mà khi người ta quá quan tâm, quá đề cao thi đua thì rất dễ coi nhẹ, thậm chí bỏ qua việc xem xét trả công theo kết quả lao động. Trong các công ty tư nhân và nước ngoài người ta chủ yếu trả công theo kết quả công việc và chẳng cần gì thi đua, còn trong các tổ chức của nhà nước của Việt Nam việc trả lương theo kết quả lao động là rất khó vì đòi hỏi khả năng và trách nhiệm của người lãnh đạo và quản lý. Thôi thì Nhà nước cứ trả lương theo bằng cấp và chức vụ, vài ba năm lại tăng một bậc. Ai làm việc giỏi thì đã có tập thể bình bầu, được khen thưởng thi đua hoặc tăng lương trước hạn. Cách trả lương như thế có tác hại kìm hãm sự tiến bộ xã hội, nên sớm được thay đổi.

Thử hỏi, trong các nước có nền kinh tế và văn hóa hàng đầu thế giới người ta có tốn công sức để tổ chức và họp hành vì thi đua hay không, ở các nước ấy không có thi đua thì động lực phát triển là gì. Ở VN bây giờ thi đua chủ yếu chỉ mang lại lợi ích cho một số ít người, đó là những người sống bám vào thi đua, trong đó không ít người giàu lên được nhờ các cơ sở chạy huân chương và danh hiệu.

Nhiều người biết rõ “ thi đua lợi ít hại nhiều, tai hại rất lớn là phong trào thi đua trong các trường học, ở đó thành tích thi đua đã làm khổ thầy cô giáo và học sinh rất nhiều, vì thành tích dổm mà lừa dối lẫn nhau, phá hoại sự trong sáng của môi trường sư phạm. Trong một đơn vị hễ có một người phạm lỗi gì đó thì cả đơn vị mất điểm thi đua, việc này gây ra những căng thẳng và dối trá

Nhiều lãnh đạo cơ quan, địa phương biết rõ mặt trái của thi đua, nhưng tại sao đa số người, toàn bộ các cơ quan đoàn thể không dám từ bỏ.

Có 3 loại người tích cực trong phong trào thi đua :

Loại 1 là những người sống bám vào thi đua, hưởng lợi từ thi đua, họ đề cao thi đua, tuyên truyền cho thi đua, bắt ép mọi người thi đua.

Loại 2 vì nhẹ dạ, cả tin, tưởng nhầm thi đua mang lại lợi ích to lớn nên vui vẻ tham gia.

Loại 3 vì bị bắt buộc, họ không dám làm gì trái với sự chỉ đạo, trên cao bày ra thi đua thì trung gian bắt ép cấp dưới, thủ trưởng bắt ép nhân viên. Đây là loại phổ biến nhất.

Hy vọng rằng sẽ có nhiều phản biện vạch ra mặt trái của phong trào thi đua để toàn dân biết rằng việc mỗi cá nhân tự phấn đấu làm tốt công việc là rất cần, nhưng việc xét thành tích thi đua để bình bầu, xếp danh hiệu phải được bãi bỏ.

3-Bàn về khen thưởng

Không biết trên thế giới có còn nước nào tặng nhiều huân chương, nhiều danh hiệu anh hùng cho tập thể các địa phương, các đơn vị như ở ta hay không. Tôi biết khá đông người dân VN là thành viên đồng thời của nhiều đơn vị anh hùng, thế mà khi các vị ấy sang thế giới khác, trong điếu văn không ai nhắc đến điều đó.

Riêng chuyện tặng thưởng huân chương, danh hiệu anh hùng, giải thưởng HCM, từ trước đến nay thông tin đại chúng vẫn đưa tin là: “Đảng và Nhà nước trao tặng”, trong lúc tại các quyết định tặng thưởng các thứ ấy không thấy vai trò của Đảng ở đâu cả, chỉ thấy Chủ tịch nước căn cứ vào các luật và đề nghị của cấp dưới, không thấy căn cứ gì vào văn bản nào của Đảng. Tôi đã bỏ công tìm các văn bản liên quan, chỉ mới tìm thấy trong Luật Khen thưởng năm 2013, tại điều 83 có viết : ” … Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, … xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ để đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước”. Như vậy chỉ là có quyền “trình thủ tướng để đề nghị…” chứ không có quyền tặng thưởng những thứ đó. Điều 79 có viết “….Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, …. quyết định tặng bằng khen, cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương”. Như vậy là chỉ được quyết định tặng bằng khen, cờ thi đua…mà thôi, không có quyền tặng huân chương, danh hiệu anh hùng. Tôi đem thắc mắc trao đổi với bạn bè thì bị mắng át đi: “ Ông chỉ hay vẽ chuyện. Đảng lãnh đạo toàn diện thì quyết định cả việc khen thưởng có sao đâu. Quyết định hoặc cho ý kiến bằng miệng cũng được, cần gì văn bản”. Tôi gửi thư điện tử đến VP TƯ Đảng nêu thắc mắc và hỏi xem có văn bản nào của Đảng liên quan đến việc trên hay không. Thư không được trả lời.

Tôi nghĩ, nếu quả thật Đảng có vai trò quyết định việc tặng thưởng huân chương, danh hiệu anh hùng v.v.. thì trong QĐ của CT nước nên ghi rõ cho thêm phần long trọng. Còn nếu không có việc đó thì thông tin đại chúng đưa Đảng vào trong câu “Đảng và Nhà nước tặng thưởng…” mà làm gì. Với những người nhẹ dạ cả tin thì nghe xong họ để ngoài tai, còn với những người hay suy nghĩ thì cho rằng thế là dối trá, nịnh hót. Không biết các cán bộ cấp cao của Đảng có biết chuyện này không, nếu biết sao không tìm cách uốn nắn, cải chính, hay là họ thích được tuyên truyền như vậy.

Việc khen thưởng cũng như cái huân chương, có 2 mặt. Khi làm đúng thì khen thưởng có tác dụng động viên lớn, khi làm không đúng thì nó trở nên phản tác dụng. Thế nào là đúng và không đúng thì nhiều người biết rõ, xin phép không trình bày dài dòng. Tôi chỉ nhận xét là hiện nay ở ta việc khen thưởng mang tính tiêu cực nhiều hơn tích cực, mang lại sự động viên thì ít mà mang lại sự nhàm chán nhiều hơn.

Vừa qua tôi chứng kiến cảnh một số đông cán bộ một trường ĐH vui mừng vì trường không được nhận danh hiệu “Đơn vị anh hùng”. Trường này tự xét có nhiều thành tích ngang bằng, thậm chí một số mặt còn hơn các trường bạn đã được “ Anh hùng”. Cán bộ trong trường chia ra 3 phái, phái A mong muốn lãnh đạo chạy bằng được danh hiệu bằng bất cứ giá nào, phái B yêu cầu lãnh đạo làm hồ sơ nghiêm chỉnh, đúng yêu cầu, đầy đủ thủ tục để trên xét chứ không bỏ tiền ra để chạy, phái C không quan tâm. Kết quả không được «Anh Hùng» làm cho phái A mất vui, trách lãnh đạo không chịu chạy, không biết chạy, phái B, đông hơn lại vui mừng vì đã không mất một số tiền lớn cho danh vị hảo huyền.

Tôi đọc được trong một tài liệu cổ có đoạn: “ Một đất nước khen thưởng nhiều quá chứng tỏ đang bị khủng hoảng vì trì trệ”. Thử xét 2 đơn vị. Ở đơn vị N mọi người làm việc tốt vì tự bản thân họ hiểu đó là lương tâm, là trách nhiệm, là vinh dự và được trả công theo kết quả công việc. Ở đơn vị M mọi người chỉ làm tốt khi có phát động thi đua và hứa hẹn khen thưởng. Nếu được tự do, bạn chọn làm ở đâu.

Trước đây trên 30 năm, trong nhân dân lan truyền bài ca 10 loạn, bắt đầu bằng: ” Thứ nhất là loạn Quốc ca. Thứ nhì loạn giá, thứ ba loạn tiền…..Thứ chín là loạn huân chương. Thứ mười là loạn tuyên dương anh hùng”. Đến nay một số loạn dịu bớt, một số tăng thêm, riêng loạn huân chương và anh hùng vẫn giữ nguyên.

**C**

**PHỤ LỤC**

**CÁC BÀI ĐỌC THÊM**

**I - Bài diễn văn hay nhất mọi thời đại**

*Diễn văn của luật sư George Graham Vest tại phiên tòa xử vụ kiện hàng xóm làm chết con chó của thân chủ, được phóng viên William Safire báo New York Times bình chọn là hay nhất trong các bài diễn văn trên thế giới trong 1000 năm qua.*

Thưa quý ngài hội thẩm,

Người bạn tốt nhất mà con người có được trên thế giới này có thể một ngày nào đó hóa ra kẻ thù chống lại chúng ta. Con cái mà ta nuôi dưỡng với tình yêu thương hết mực rồi cũng có thể sẽ là một lũ vô ơn.

Những người gần gũi, thân thiết nhất mà người ta gửi gắm hạnh phúc và danh dự có thể trở thành kẻ phản bội, phụ bạc lòng tin cậy và sự trung thành. Tiền bạc mà con người có được rồi sẽ mất đi, thậm chí còn luôn mất đi đúng vào lúc ta cần nó nhất

Tiếng tăm của con người cũng có thể tiêu tan trong phút chốc bởi một hành động dại dột. Những kẻ phủ phục tôn vinh ta khi ta thành đạt, có thể sẽ là những kẻ ném đá vào ta khi ta sa cơ lỡ vận. Duy có một người bạn không vụ lợi mà con người có thể có trong thế giới ích kỷ này, người bạn không bao giờ bỏ rơi ta, không bao giờ vô ơn hay tráo trở, đó là chú chó của ta.

Nó luôn ở bên cạnh ta trong những lúc phú quý cũng như bần hàn, khi khỏe mạnh cũng như lúc đau ốm. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh dù gió đông giá rét hay bão tuyết vùi lấp, miễn sao được cận kề bên chủ. Nó hôn bàn tay ta dù khi ta không còn thức ăn cho nó.

Nó liếm vết thương của ta và những vết trầy xước mà ta phải hứng chịu khi va chạm với cuộc đời bạo tàn này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng, dù ta có là một gã ăn mày. Dù khi ta đã tán gia bại sản, thân tàn danh liệt thì vẫn còn chú chó trung thành với tình yêu nó dành cho ta như thái dương trên bầu trời. Nếu chẳng may số phận hắt ta ngoài rìa xã hội, không bạn bè, không nơi ở thì chú chó trunng thành chỉ xin ta một ân huệ là cho nó được đồng hành, cho nó được bảo vệ ta trước nguy hiểm, giúp ta chống lại kẻ thù.

Và khi trò đời hạ màn, thần chết đến rước phần hồn ta đi, để lại thân xác ta trong lòng đất lạnh, thì khi ấy, lúc tất cả thân bằng gia quyến đã phủi tay sau nắm đất cuối cùng và quay đi để sống tiếp cuộc đời của họ, vẫn còn bên nấm mồ của ta - chú chó cao thượng nằm gục mõm giữa hai chân trước, đôi mắt ướt buồn vẫn mở to cảnh giác, trung thành và trung thực ngay cả khi ta đã đi vào cõi hư vô!

**II- Xử lý thông tin**

Lòng tin của con người có hai trạng thái: Tự tin và tiếp nhận

Tự tin ở bản thân mình khi làm một việc gì đó, khi thực hiện một kế hoạch nào đó là một phẩm chất cần thiết của mọi người. Tự tin là sức mạnh nội tâm. Để có được tự tin cần nắm vững thật chắc chắn ý tưởng, nội dung, phương pháp của việc phải làm.

Tin người khác, tin những điều từ ngoài đưa đến thuộc dạng “Tiếp nhận”. Nó bắt đầu bằng thông tin. Tiếp nhận rồi phải qua xử lý, đánh giá để quyết định tin được hay không. Sau đây xin trình bày một số vấn đề liên quan.

**2.1-- BÀI KINH KALAMA (trích dẫn )**

Có một bộ lạc Ấn Độ tên gọi Kalama. Họ đã gặp và nghe lời truyền dạy của rất nhiều những đạo sư. Và họ trở thành rối rắm vì dường như đạo sư nào cũng chỉ xưng tụng quan điểm về vạn vật của riêng họ và lên án quan điểm của các người khác. Một ngày nọ, họ nghe đồn Thích Ca Mâu Ni đang tạm trú ở gần đó, và họ đã biết đến danh tiếng từ lâu rồi. Vì vậy họ quyết định đến gặp ông để bày tỏ những ngờ vực và rối rắm của họ với ông. Họ nói họ không biết phải tin cái gì và không tin cái gì. Thích Ca bèn khuyên họ như sau, một lời khuyên tươi sáng và thực tế trong thời buổi lúc đó cũng như bây giờ. Chúng ta ngày nay gọi lời khuyên đó là bài Kinh Kalama.

Thích Ca nói:

“Đúng rồi đó, người dân Kalama, các người nên ngờ vực. Trong các người đã trổi dậy nỗi ngờ vực về những điều đáng ngờ vực.

Nầy người dân Kalama:

Đừng vội tin vào điều gì chỉ vì các người đã nghe ai đó nói về điều đó.

Đừng vội tin vào truyền thống chỉ vì nó đã được lưu truyền qua nhiều thế hệ

Đừng vội tin vào điều gì chỉ vì nó đã được nói đến và đồn đãi bởi nhiều người.

Đừng vội tin bởi vì nó nghe có vẻ hợp lý; bởi vì điều đó phù hợp với một hệ thống triết lý, tư tưởng;

Đừng vội tin bởi vì lý luận lôgic và suy diễn; bởi vì điều đó phù hợp với quan điểm của mình;   
Đừng vội tin vào điều gì chỉ vì nó đã được ghi chép trong những sách vở được xem là thiêng liêng.

Đừng vội tin vào điều gì các người đã tưởng tượng, cho rằng vì nó siêu phàm nên nó chắc phải đã đến từ một thượng đế hay những thần tiên nào đó.

Đừng vội tin vào điều gì chỉ vì nó đến từ quyền uy của những bậc thầy, những bậc tổ, những sư sãi của các người.

Tuy nhiên, khi các người tự biết rằng những điều đó vô đạo đức, những điều đó đáng chê trách, những điều đó không được kẻ trí tuệ chấp nhận, những điều đó khi thực hành sẽ dẫn đến đổ nát và sầu khổ, thì các người nên từ bỏ chúng.

Và, khi các người tự biết rằng những điều đó đạo đức, những điều đó không có gì để chê trách, những điều đó được kẻ trí tuệ ngợi khen, những điều đó khi thực hành sẽ đem đến an lành và hạnh phúc, thì hãy thu nhận chúng và hành sử tương ứng”.

Rồi Thích Ca dạy họ cũng nên áp dụng nguyên tắc trên cho chính các lời dạy của ông: “Đừng vội thu nhận các lời dạy của ta vì nể trọng ta, mà phải trước tiên xét nghiệm chúng cũng giống như một người thợ kim hoàn thử nghiệm vàng”.

Trên đây là lời giảng của Thích Ca cho dân Kalama, từ khoảng 500 năm trước Công nguyên. Nó rất hay, rất có ý nghĩa khi chúng ta tiếp nhận một thông tin để tìm hiểu CHÂN LÝ, để tiến hành Nghiên cứu khoa học. Trong cuộc đời nhiều lúc phải có lòng tin để làm một việc gì đó, đặc biệt là để vượt qua khó khăn..

Bản Kinh Kalama được một số người dịch ra tiếng Việt, nội dung giống nhau, nhưng ngôn từ có một số chỗ khác nhau. Thí dụ, thay vào “ Đừng vội tin” là “ Chớ tin”, thay vào “chỉ vì nó đã… là, vì nó là…” v.v….Trong đoạn trên tôi chỉ trích một phần chứ không chép lại toàn bộ Bản Kinh. Theo một số lời giải thích thì Bản Kinh nhằm vào việc bác bỏ giáo điều, chống lại lòng tin mù quáng.

.  
ĐIỀU GÌ ( hoặc NHỮNG ĐIỀU ĐÓ ) được nói ở đây là một thông tin (một câu dạy bảo, một lời tuyên truyền …) mà người ta đem đến cho bạn, muốn được bạn tin và chấp nhận, cũng có thể là do bạn tự phát hiện, tự tìm thấy. Nó gồm có 2 phần : nội dung và nguồn gốc. Nội dung được đề cập đến trong cụm từ KHI CÁC NGƯƠI TỰ BIẾT RẰNG…, nguồn gốc thể hiện bằng cụm từ VÌ NÓ ĐÃ…

Khi tiếp nhận một thông tin người ta có thể ở vào một trong ba trạng thái : cho là đúng và tin ngay, cho là sai và không tin, cho là chưa chắc chắn và nghi ngờ. Ở vào trạng thái nào là do yếu tố chủ quan và khách quan tác động. Yếu tố chủ quan nằm trong trí tuệ và tâm lý của bản thân. Yếu tố khách quan nằm trong nội dung và nguồn gốc của thông tin (nhiều lúc còn do hình thức trình bày). Tạm thời chưa bàn đến yếu tố chủ quan.

Theo Kinh Kalama, nội dung của thông tin chứa đựng một số điều như có hay không: đạo đức, đáng chê trách, được kẻ trí tuệ ngợi khen, thực hành đem đến an lành…Nguồn gốc của thông tin nằm ở chỗ: nó đã được lưu truyền; được đồn đãi bới nhiều người; nghe có vẻ hợp lý; được ghi chép trong sách; được các bậc thầy truyền dạy v.v…

Để cho rằng một thông tin là đúng hay sai, đáng tin hay không, điều quan trọng và quyết định là phải dựa vào nội dung. Thế nhưng không ít người đã chỉ dựa vào nguồn, đó là một nhầm lẫn.

Tại sao một số người chỉ dựa vào nguồn? Tại vì để biết được nội dung đúng sai đến đâu là việc khó, cần phải biết suy nghĩ tỉnh táo, cần biết đối chiếu, so sánh, kiểm chứng, nhiều khi cần có thời gian dài. Để nằm được nội dung, lời Kinh bảo “ Các ngươi tự biết rằng”.(Làm sao để tự biết được. Vấn đề này sẽ xin bàn đến trong một dịp khác về cách đánh giá thông tin). Dựa vào nguồn dễ hơn, tương đối rõ ràng, đặc biệt là đối với những người ít chịu suy nghĩ, nhẹ dạ cả tin, nó thường bị những kẻ ngụy biện, những kẻ tuyên truyền dối trá lợi dụng để lừa bịp.

Câu “Đừng tin vào điều gì CHỈ VÌ nó đã … từ một NGUỒN nào đó”. Xin chú ý đến 2 từ chỉ vì. Cần hiểu được 2 từ đó một cách thấu đáo, nếu không sẽ dễ bị nhầm. Khi ta tin hay không tin vào một điều gì phải căn cứ vào nội dung chứ đừng chỉ vì nguồn thông tin

Tại sao chỉ dựa vào nguồn lại là có thể bị nhầm lẫn ? Vì rằng cùng từ một nguồn, lẫn vào những thông tin đúng (các người tự biết chúng…, hãy thu nhận), có thể gặp thông tin sai (các người tự biết…, nên từ bỏ).

Trong kho tàng các lời khuyên do tổ tiên để lại có ý sau: Một ông thánh nói rất nhiều câu đúng, có thể gặp phải câu sai, vì vậy đừng vội tin vào bất kỳ câu nào ông nói. Một người điên nói nhiều câu bậy bạ, có thể gặp được câu đúng, vì vậy đừng vội bác bỏ mọi điều người đó nói ra.

Lấy thí dụ nguồn thông tin từ thầy giáo. Liệu có phải mọi điều thầy nói ra đều hay, đều đúng, đều đáng tin. Không ! Vì vậy chớ vội tin một cách mù quáng. Hãy suy nghĩ, đối chiếu. Nếu chưa thể kịp thời suy nghĩ, đối chiếu thì sau đó cần tiến hành kiểm chứng, đánh giá.

Nhưng nếu dựa vào câu “Đừng tin vào điều gì chỉ vì nó đến từ quyền uy của bậc thầy…” để rồi không tin vào mọi điều thầy giảng thì lại là sai lầm về phía khác. Ta tin hay không tin là do nội dung chứ không phải chỉ vì quyền uy của thầy.

Trước đây, trong những lần giảng bài ở các lớp Cao học, tôi luôn tự nhắc nhủ là không “dạy” ai cả, mà chỉ hướng dẫn người khác học. Nói hoặc viết "A dạy B" đã mang tính áp đặt. Trong quan điểm về sư phạm của Phật, có nguyên lý ( được dịch từ tiếng Phạn sang chữ Hán) : “Y Pháp bất y Nhân; Y Nghĩa bất y Ngữ “, dịch và giải thích theo tiếng Việt là : Học theo Pháp ( nội dung ) chứ không học theo Người (thầy). Học cho được Nghĩa (bản chất) chứ không học theo Lời văn.

Thỉnh thoảng tôi đặt ra câu hỏi để thảo luận. Khi học viên trả lời tôi không đánh giá đúng hay sai, mà chỉ nói: Hợp ý ta hay chưa hợp mà thôi. Biết đâu một câu trả lời chưa hợp hoặc không hợp với ý thầy mới là câu trả lời đúng.

Để trở thành người có trí tuệ xin hãy bác bỏ giáo điều, chống lại lòng tin mù quáng như Kinh Kalama đã hướng dẫn. Xin đừng vội tin hoặc vội chống lại những điều giải thích trên đây chỉ vì do ông Cống viết ra. Tin hoặc không tin phải căn cứ vào nội dung, phải trải qua sự suy nghĩ, đối chiếu, kiểm chứng của bản thân các bạn.

* 1. **BÀN VỀ TIN VÀ NGHI**

Trong phần giới thiệu Kinh KALAMA, trong đó Thích Ca dạy: “Đừng tin vào….”. Có phải vì thế mà chúng ta nghi ngờ mọi thứ?. Không phải, vì Ngài còn dạy : “Và, khi các người tự biết rằng những điều đó đạo đức, những điều đó không có gì để chê trách, những điều đó được kẻ trí tuệ ngợi khen, những điều đó khi thực hành sẽ đem đến an lành và hạnh phúc, thì hãy thu nhận chúng và hành xử tương ứng”.

Thu nhận chúng và hành xử tương ứng có nghĩa trước hết phải tin vào chúng.

Để phát hiện được vấn đề NCKH, cũng như khi nghe ai báo tin, tuyên truyền một vấn đề nào đó cần biết nghi ngờ. Thế nhưng trong cuộc sống nếu cứ nghi ngờ lung tung thì nhiều lúc lại có hại. Trong cuộc đời nhiều khi không những phải có niềm tin mà còn phải tin một cách mãnh liệt thì mới thành công. Đó là sự tự tin. Xin tạm chưa đề cập niềm tin trong tôn giáo và tâm linh, chỉ bàn đến niềm tin trong cuộc sống thường ngày.

Niềm tin tự ta được sinh ra từ trí tuệ, từ ý chí, nghị lực. Khi bắt đầu hoặc đang tiến hành một công việc, đặc biệt là khi gặp phải trở ngại, cần thiết phải giữ vững, củng cố niềm tin. Phải có đủ niềm tin vào thành công thì mới có đủ dũng khí vượt qua khó khăn, trở ngại. Nhiều người thành đạt kể lại cuộc đời của họ, mặc dù có lúc gặp thất bại nhưng nhờ vào niềm tin mà đã xoay chuyển tình thế, đạt được thắng lợi. Có những bệnh nhân nhờ một phần lớn vào niềm tin mà chữa được bệnh hiểm nghèo.

Lòng tự tin dựa trên những chứng cứ chắc chắn, đó là sức mạnh của nội tâm. Đã có một số sách viết về “Sức mạnh của nội tâm”, trong đó quyển “ 24 BÀI HỌC THẦN KỲ NHẤT THẾ GIỚI“ (tác giả Charles E. Haanel; biên dịch Nguyễn Lư, NXB Thanh Hóa) được đánh giá khá cao.

Tuy vậy cũng cần cảnh giác với trạng thái “Tự tin tếu”. Đó là sự tự tin quá mức vào khả năng không có thật, tin mù quáng. Nó không còn là tự tin mà hoang tưởng.

Niềm tin tiếp nhận là do thông tin từ ngoài mang lại. Đây là điều đã được bàn đến trong bài “Vài giải thích Kinh Kalama”. Phải thận trọng với niềm tin này. Khi tiếp nhận một điều gì đó, ta tin hay không phải căn cứ vào nội dung chứ không chỉ dựa vào nguồn.

Nên nhớ rằng đặt niềm tin không đúng chỗ có thể sẽ gặp tai hoạ. Có những người chỉ vì tin vào vài lời hứa vu vơ mà bị lừa, có khi mất cả sản nghiệp. Cũng có người vì quá tin vào một tín điều nào đấy đã lỗi thời mà hành động trái với quy luật khách quan. Có một lời khuyên đã thành cổ điển như sau: Khi gặp tình huống chưa rõ thì trước hết nên nghi ngờ rồi sau có tin được mới tin hơn là trước tin rồi sau mới nghi.

Lòng tin tiếp nhận từ bên ngoài, các tác động mà Thích Ca đã chỉ ra như truyền thống, nhiều người nói, sách đã viết, hợp lôgic, do những người có uy tín nói ra (sư tổ, sư phụ, cha mẹ, lãnh tụ, nhà khoa học danh tiếng…), sự tuyên truyền v.v...Khi chịu những tác động này thì Thích Ca khuyên là “Đừng vội tin” chỉ vì căn cứ vào nguồn gốc. Chỉ tin, thu nhận khi đã nắm được sự chân thật của nội dung. Tuy vậy, lòng tin này không phải là bất biến mà cần được kiểm chứng thường xuyên để khi cần thiết, khi phát hiện ra bị nhầm thì cần kịp thời thay đổi. (Trước đây bạn rất tin vào một điều nào đó, khi phát hiện ra đã bị nhầm thì phải kịp thời từ bỏ, dứt khoát từ bỏ, đừng có tiếc). Chớ tin vào giáo điều, cần chống lại lòng tin mù quáng.

Về nghi ngờ. Có thể phân thành 2 loại : nghi ngờ tích cực và nghi ngờ tiêu cực.

Nghi ngờ tích cực là một câu hỏi cần tìm cách giải đáp, cần tìm xem thực chất nó là gì, như thế nào, từ đâu ra, dùng làm gì v.v…. Để giải đáp trước hết cần động não, suy nghĩ, tiến hành theo các phương pháp đáng tin cậy. Việc làm này giúp con người phát triển trí tuệ.

Nghi ngờ tiêu cực không nhằm giải đáp câu hỏi mà hướng về một trong 2 phía: tả khuynh hoặc hữu khuynh. Nghi ngờ tả khuynh khi không điều tra, không suy xét đến nơi đến chốn, vội biến nghi ngờ thành kết luận gán ghép. Việc làm như thế , có lúc may ra mà đúng, nhưng nhiều khi gây ra oan sai cho người khác, phạm vào tội ác. Nghi ngờ hữu khuynh là trạng thái lẫn lộn thật giả, không dám hoặc không đủ năng lực tìm hiểu và giải đáp. Về nghi ngờ này, vào cuối đời Tố Hữu làm bài thơ:

“ Có anh bộ đội mua đồng hồ

Thật giả không tường, anh cứ lo

Mới hỏi cô (bán) hàng, cô tủm tỉm

Giả mà như thật, khó chi mô”.

Có người đặt tên cho bài thơ là “ Anh bộ đội bị lừa”.

Niềm tin và nghi ngờ, tưởng là những vấn đề bình thường, khi suy nghĩ sâu xa mới thấy không đơn giản.

**2.3-TIẾP NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN**

Tiếp nhận thông tin ( TT ) là bước đầu tiên để hình thành nhận thức, trí tuệ. Tiếp nhận bằng các giác quan, chủ yếu là mắt và tai. Một số TT được tiếp nhận bằng xúc giác, vị giác, khứu giác. Về tâm linh còn biết có nhiều TT được tiếp nhận bởi tầng hào quang, được lưu giữ trong tiềm thức.

Tiếp nhận TT có thể là chủ động hoặc bị động. Kết quả của tiếp nhận tùy vào sự kết hợp nội dung và sắc thái của nó. TT có nội dung ít hoặc không liên quan đến nhận thức và tình cảm của ta, được truyền với sắc thái bình thường hoặc tẻ nhạt sẽ tạo ra cảm giác yếu , dễ bị quên. TT quan trọng, được truyền với sắc thái độc đáo, hấp dẫn sẽ tạo nên cảm giác mạnh, để lại dấu ấn sâu sắc.

TT được tiếp nhận thường xuyên qua tác động của môi trường, qua câu chuyện trao đổi giữa các người, qua các nguồn sách, báo chí, phát thanh, truyền hình, qua tuyên truyền, quảng cáo v.v… Dạy và học chủ yếu là truyền và nhận TT. Nghiên cứu khoa học chủ yếu là thu thập và chế biến TT.

Khi tiếp nhận TT chúng ta có thể quan tâm hoặc cho qua, không cần để ý đến. Với TT được quan tâm, ban đầu chúng ta có thể ở vào một trong 3 trạng thái: 1- Tin, cho là đúng; 2- Không tin, cho là sai; 3- Nghi ngờ. Đó là việc đánh giá. Việc đánh giá này phụ thuộc trình độ, nhận thức, quan điểm của mỗi người. Cùng một TT, trong cùng thời gian có người cho là đúng, người khác có thể cho là sai. Cùng một người, một TT, họ có thể cho là đúng hoặc sai trong suốt đời, và cũng có thể trong thời gian này cho là đúng, sau một thời gian lại nhận ra là sai hoặc ngược lại. TT được cho là đúng, được tiếp nhận và ghi nhớ sẽ góp phần tạo nên kiến thức, trí tuệ.

Con người ta, từ khi còn rất bé, kể cả lúc trong bụng mẹ đã bắt đầu tiếp nhận TT. Những TT đó chủ yếu được tiếp nhận bị động, bằng các tầng hào quang và lưu giữ trong tiềm thức. Chỉ khi trẻ lớn đến một độ nào đó các TT mới được giữ trong não. Với người trưởng thành có những TT cũng được tiếp nhận bị động bằng tầng hào quang và phần lớn TT cũng được lưu giữ trong tiềm thức, phần được giữ trong não là tương đối bé. Người ta ví TT hoặc kiến thức chứa trong não chỉ như phần trên mặt nước của tảng băng nổi, còn phần chìm của nó, nằm trong nước, tương tự như phần TT chứa trong tiềm thức.

Việc đánh giá TT chỉ xẩy ra khi trí tuệ đã phát triển. Trẻ con chủ yếu là tiếp nhận và lưu giữ TT, chưa biết đánh giá. Vì vậy những TT tiếp nhận khi còn bé được lưu giữ rất bền và được công nhận một cách máy móc là nó phải như thế, đặc biệt là những điều do người có uy tín truyền dạy. Hơn nữa khả năng tiếp nhận TT khi còn rất bé là lớn hơn, mạnh hơn nhiều so với lúc đã trưởng thành. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng những yếu tố cơ bản để hình thành nên tính cách của con người về sau này đã được hình thành trước 6 tuổi. Chính vì vậy việc giáo dục trẻ em từ lúc còn rất bé là vô cùng quan trọng. Dựa vào điều này, những phương pháp dạy trẻ có hiệu quả rất quan tâm đến việc hình thành tính cách từ lúc còn rất bé. Cũng lợi dụng đặc điểm này, các cá nhân và chế độ độc tài rất quan tâm đến việc nhồi sọ trẻ em từ khi học mẫu giáo và kéo dài trong suốt thời kỳ thiếu nhi, thanh niên. Vì vậy con người khi đã có đầu óc suy xét nên đánh giá lại những điều đã tiếp nhận, những thói quen đã hình thành từ khi còn bé để đoạn tuyệt với những gì là sai lầm, là không còn phù hợp.

Phần đông con người, từ lúc biết nói tương đối thành thạo đã có đầu óc suy nghĩ để đánh giá TT là đúng hay sai. Tuy vậy sự giáo dục của gia đình và nhà trường sẽ làm phát triển hay thui chột đầu óc biết suy nghĩ đó. Sự giáo dục đúng là tạo nên môi trường lành mạnh cho trẻ, dạy bằng cách hướng dẫn và làm gương, khuyến khích sự nổ lực tìm tòi, khám phá, tôn trọng sự khác biệt v.v… Sự giáo dục theo lối “ Con ngoan, biết vâng lời, không cãi lại người lớn, bảo sao nghe vậy, tuyệt đối tin tưởng v.v…” là cách làm thui chột óc suy nghĩ, làm hủy hoại khả năng tư duy phê phán, làm triệt tiêu khả năng đánh giá TT chỉ nhằm tạo ra loại người có đầu óc nô lệ.

Khi tiếp nhận một TT, việc đầu tiên là cần tiếp nhận đầy đủ, chính xác, phân biệt được nội dung chính, cốt lõi và các chi tiết phụ, bổ sung. Hết sức tránh kiểu “ nghe hơi nồi chõ” hoặc “ thầy bói sờ voi”. Quan trọng là nắm bắt được nội dung cơ bản, đừng để các chi tiết phụ lấn át. Để làm được việc này cần rèn luyện để có mắt tinh, tai thính và đặc biệt là có đầu óc tỉnh táo, biết suy xét. Để ca ngợi khả năng này người ta hay nói “Con vật bay qua biết được là ruồi đực hay cái”.

Xin kể chuyện sau : Một ông quan đi qua khu dân cư, nghe người khóc rất thảm thiết. Hỏi ra, đó là vợ khóc chồng vừa bị cảm nặng, đột ngột qua đời. Ông lắng nghe một lúc, cho bắt giữ người vợ và khám thi thể chồng, phát hiện vụ giết người bằng thủ đoạn tinh vi. Người ta hỏi ông, dựa vào đâu mà đoán được sự việc. Ông trả lời là nghe trong tiếng khóc có ẩn giấu nỗi sợ hãi.

Mỗi TT gồm 2 phần : nội dung và nguồn (hình thức). Quan tâm dến hình thức, để biết nguồn, biết xuất xứ của TT là cần, nhưng như thế chưa đủ để tin tưởng mà chủ yếu phải dựa vào nội dung. Để đánh giá nội dung, trước hết cần tránh sự vội vàng, tránh sự áp đặt bằng cách dùng quan điểm có sẵn của mình để phán xét. Phải khách quan và trung thực.

* 1. **- CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN**

Hiện nay, cùng với những tuyên truyền, quảng cáo và mạng Internet, thông tin tràn ngập, thật giả lẫn lộn, đúng sai trộn vào nhau, nếu không biết tỉnh táo để đánh giá thì dễ bị mắc lừa. Mà than ôi, rất nhiều người đang bị mắc lừa rất nặng mà không biết.

Chỉ nên đánh giá những TT cần quan tâm mà bỏ qua những TT không cần . Mục đích của đánh giá là xem xét TT đúng hay sai, đúng sai chỗ nào, điều nào có thể khẳng định, điều nào còn nghi ngờ. Việc đánh giá này giúp chúng ta có nhận thức đúng, dẫn đến hành động đúng, và làm tăng khả năng trí tuệ. Đánh giá đúng TT còn để tránh bị mắc lừa.

**2.4.1-Phân loại thông tin**

TT đến với chúng ta gồm đủ loại, từ nhiều nguồn. Để phục vụ cho việc đánh giá, chúng có thể được phân thành 2 loại: Tin phổ thông và tin chuyên ngành. Tin phổ thông liên quan đến mọi mặt hoạt động của xã hội, các sự kiện xẩy ra hàng ngày. Để hiểu biết và đánh giá tin phổ thông chỉ cần kiến thức bình thường. Tin chuyên ngành liên quan đến chuyên sâu của các lĩnh vực khoa học. Để hiểu và đánh giá loại tin này cần có kiến thức sâu rộng trong phạm vi liên quan. Trong tập hợp tin chuyên ngành có TT khoa học, đó là thông báo về kết quả nghiên cứu, được công bố trên các tạp chí khoa học. Tạm thời chưa bàn đến việc đánh giá TT này, chỉ đề cập đến tin chuyên ngành được truyền bởi các nguồn thông thường.

**2.4.2-Ba yếu tố cần thiết**

Để đánh giá cần 3 yếu tố: Mức độ hoàn chỉnh của TT; Phẩm chất tương ứng của người đánh giá; Tiêu chuẩn căn cứ.

a-Mức độ hoàn chỉnh của TT. Trước hết là nguồn tin. Đó là tin văn bản hay hình ảnh, được ghi chép bằng tư liệu hay chỉ truyền miệng. Với tư liệu, đó là tài liệu gốc, được sao chụp từ nguyên bản hay đã qua phiên dịch, qua tường thuật. Với tin truyền miệng nên biết nó bắt đầu từ đâu, đã truyền qua ít hay nhiều người. Một TT có thể gồm nhiều tình tiết, phải nắm bắt được nội dung nào là quan trọng nhất, cơ bản nhất, nội dung nào là phụ, có liên quan, người ta truyền TT đó nhằm mục đích gì. Với mục đích ấy thì TT như vậy đã rõ ràng, đầy đủ để đánh giá chưa, có cần xác minh chi tiết nào không, có cần bổ sung điều gì không.

Một thông tin thường gồm 2 phần: nội dung và cách diễn đạt. Tôi đã chững kiến cảnh một số người bị nhầm lẫn về một trong 2 phần đó dẫn đến hiểu sai bản chất, quy kết sai, dẫn đến thảm họa khó khắc phục. Xin kể 2 câu chuyện

Chuyện 1- Bà ở quê lên thăm gia đình con trai ở phố. Vài ngày vui vẻ, nhưng rồi bà bỏ trốn. Tìm được bà ở bến xe, bà giải thích lý do bỏ về là con dâu nghi bà ăn cắp cái gì đó của nó, bà không chịu được. Bà kể: « Nó về nhà, mặt cau có, nói mất rồi, mới đó mà mất rồi, thế có tức không. Tôi hỏi mất gì, nó bảo mất oai phai, tôi có biết oai phai là cái gì, nó để ở đâu, bây giờ mất, nó nghi cho tôi lấy cắp, thế thì chịu sao được (oai phai = Wifi – mạng không dây ).

Chuyện 2 : Con rể ngoại quốc mời bố vợ đến nhà, đã mua sẵn một đĩa quýt ngon. Đến bữa cơm, mời mãi mà bố không chịu ăn, anh con rể nói: Con mời cơm mãi mà bố không ăn thì bố bóc quýt mà ăn vậy. Nghe xong ông bố hầm hầm bỏ ra về, nói với người hàng xóm là: Nó láo, quá láo, nó bảo tôi không ăn cơm thì bốc cứt mà ăn vậy.

b-Phẩm chất người đánh giá. Phẩm chất là một tập hợp của năng lực, trình độ, trách nhiệm, tính cách, kinh nghiệm. Có phẩm chất chung và riêng. Phẩm chất chung gồm tinh thần trách nhiệm và sự trung thực, không bị chi phối bởi tình cảm, ý chủ quan, thành kiến. Khi không có khả năng, không thể đánh giá thì thôi, đừng có nhận xét, quy kết bừa. Nhiều khi chỉ vì một lời nói bừa, vô trách nhiệm của một người nào đó, một tin đồn thiếu căn cứ, mà gây ra hậu quả nghiêm trọng cho người khác. Phẩm chất riêng thuộc trình độ, sự hiểu biết về nguồn thông tin. Phẩm chất này là rất quan trọng khi đánh giá tin chuyên ngành.

c-Tiêu chuẩn (TC). Đó là những chuẩn mực được quy định bằng pháp lý, bằng điều kiện kỹ thuật, bằng thông lệ về đạo đức được xã hội chấp nhận. Trong Bản Kinh Kalama Đức Thích Ca có nêu một số các TC như vậy. Những TC cụ thể do con người lập ra, không cố định cho mọi lúc, mọi nơi mà có thể thay đổi theo địa phướng, theo thời gian. Có những TC cũ, trở nên lạc hậu hoặc có những TC mới, phù hợp hơn. Khi vận dụng TC để so sánh cần chú ý đến những đặc điểm vừa nêu. Trong các TC thì sự vận hành trong thực tế, kết quả của sự vận hành đó là quan trọng nhất. Điều này trong Kinh Kalama viết như sau : “ … *những điều đó khi thực hành sẽ đem đến an lành và hạnh phúc, thì hãy thu nhận chúng và hành sử tương ứng, còn những điều đó khi thực hành sẽ dẫn đến đổ nát và sầu khổ, thì các người nên từ bỏ chúng”.*

Văn hào Goeth viết “ *Mọi lý thuyết đều màu xám, chỉ cây đời mãi mãi xanh tươi*”

**2.4.3-Những việc làm cụ thể khi đánh giá**

Trước hết cần căn cứ vào loại TT, vào nội dung cơ bản và mục đích của TT mà chọn ra các TC để so sánh, để đối chiếu. Khi xét thấy hoặc cảm thấy về vấn đề được đề cập có thể có các TT khác nhau thì cần thu thập thêm TT từ các nguồn khác, đặc biệt là những TT có nội dung trái ngược.

Phương pháp thông thường để đánh giá là so sánh / kiểm chứng. Khi các nội dung của TT đã được thực hành thì quan trọng là kiểm chứng thông quả kết quả trực tiếp và gián tiếp. Khi xem xét kết quả phải chú ý toàn diện và quan trọng là Hiệu quả tổng hợp. Khi thực hành một việc gì không phải chỉ nhìn thấy cái lợi cho A mà không nhìn thấy cái hại cho B, C. Nếu lợi ít, hại nhiều, dẫn tới đổ nát và sầu khổ thì phải từ bỏ. Không được phép vin vào cái lợi ít cho A mà làm hại nhiều cho B, C. Làm lợi ít cho A, bỏ qua cái hại lớn cho B, C là một tội ác. Nếu làm lợi lớn cho A, có hại ít cho B,C thì phải trích từ khoản lợi đó để đền bù thỏa đáng. (Xin hiểu A là người này, tầng lớp này, địa phướng này, công việc này …, B, C là người kia, tầng lớp kia, địa phương kia, công việc kia… Cũng có thể A là bây giờ, trước mắt, B, C là tương lai, lâu dài).

Khi một TT chưa được thực hành, chưa thể dùng kết quả, hiệu quả để kiểm chứng thì cần so sánh nó với các TC. Nói cách khác là dùng TC để đánh giá. Khi không có hoặc không biết TC để so sánh thì cần suy nghĩ, tự đặt ra và trả lời một số câu hỏi liên quan.

Sau đây là vài câu gợi ý : +Có thật thế không. +Trong TT có điều gì vô lý, mâu thuẩn không. + Có nguồn tin nào khác không. +Liệu có ẩn dấu âm mưu nào không. + Khi nhận TT này, người mà ta kính phục có tin không.

Để có được khả năng đánh giá thông tin, ngoài việc có kiến thức tương ứng còn rất cần một đầu óc biết độc lập suy nghĩ một cách linh hoạt, nhạy bén. Điều này đạt được nhờ biết học tập và hoạt động đúng phương pháp, biết để ý nhận xét những việc xẩy ra trong đời sống, thích giải các câu đố các loại.

Đánh giá TT rất cần phát hiện ra ngụy biện (mục 3.4).

**2.4.4- Thế nào là dùng một phần sự thật**

Xin nhớ câu châm ngôn: “Một phần của cái bánh mỳ vẫn là bánh mỳ, nhưng một phần của sự thật nhiều khi là dối trá”. Tại sao vậy ? Tại vì một phần dù nhỏ của bánh mỳ vẫn chứa đủ các tính chất của bánh. Nhưng nếu đem gói bánh vào trong tờ giấy, bỏ cả gói vào túi ni lông, đặt túi vào trong một hộp (bao bì cẩn thận và đẹp). Lấy một phần của hộp đó, liệu có phải là bánh mỳ không. Có thể phải hoặc không. Phải, khi phần được lấy thuộc bản chất. Không, nếu phần đó thuộc bao bì. Đối với sự thật cũng tương tự như vậy. Sự thật gồm có phần bản chất và các chi tiết phụ. Thông thường bản chất được giấu kín bên trong, còn các chi tiết phụ thể hiện ra bên ngoài. Khi phần được tách ra chứa đựng bản chất thì nó đại diện cho sự thật. Nếu phần tách ra, dù lớn đến bao nhiêu nhưng không chứa bản chất thì đó chưa phải là sự thật.

Hỏi: Người ta tách ra phần không phải bản chất để làm gì? Trả lời : Có 2 khả năng: 1- Cố ý đánh tráo, để lừa dối, đổi trắng thay đen. 2- Vì kém hiểu biết, vì dễ tin mà vô tình không nhận ra đâu là bản chất.

Một phần sự thật thường hay được dùng trong báo cáo, tuyên truyền về tình trạng của một sự vật, một con người nào đó. Sự vật, con người thường có mặt tốt (màu hồng) và mặt xấu (màu đen). Người thiên vị về phía tốt thì chọn cách tô hồng, ngoài những điều tốt đang tồn tại, người ta còn ngụy tạo thêm điều chưa có. Người thiên vị về phê phán thì nặng về bôi đen, xuyên tạc.

**2.4.5-Cách tham khảo ý kiến của người khác**

Chỉ nên tham khảo, hỏi ý kiến người khác khi ta còn phân vân, chưa quyết định. Khi đã có đủ cơ sở, đủ bằng chứng và đã quyết định rồi thì không nên hỏi thêm ai cả. Vậy khi cần nên hỏi ai, hỏi như thế nào.

Hỏi ai ? Phải chọn người mà ta tin cậy, tin rằng họ có đủ trình độ và trách nhiệm giúp ta giải đáp câu hỏi. Không nên hỏi nhiều người (trừ trường hợp làm điều tra xã hội). Trong Kinh Kalama có đoạn «*những điều đó được (hoặc không được ) kẻ trí tuệ chấp nhận».* Khi học trò hỏi Khổng Tử: «Thưa thầy, có một việc mà đại đa số dân trong làng cho là đúng hoặc sai thì việc đó có được xem là đúng hoặc sai không ạ». Khổng Tử trả lời : «Chưa chắc. Muốn biết đúng hay sai còn phải biết ý kiến của những người có trí tuệ trong làng».

Xin kể chuyện sau, trích từ sách Đông Chu Liệt Quốc. Vua Sở kéo đại quân chống nhau với nước láng giềng. Hai bên đóng quân, gầm ghè nhau nhưng không bên nào chịu đánh trước vì đánh nhau, thiệt hại là rõ ràng mà chưa chắc đã thắng. Trong quân Sở có 2 phái: đánh và hòa. Vua triệu tập 15 người chủ chốt để hỏi ý kiến. Vua công bố: Có 9 ý kiến đòi đánh, 6 ý kiến muốn giảng hòa. Vậy ta quyết định giảng hòa vì trong 6 người muốn giảng hòa có 3 vị là các bậc có trí tuệ cao của triều đình.

**2.4.6-Khi còn nghi ngờ cần làm gì**

Khi còn nghi ngờ về sự đúng sai của một TT nào, trước hết nên tự kiểm tra xem ta đã tiếp nhận TT đã hoàn hảo chưa, đã hiểu đúng nội dung cơ bản chưa, có bỏ sót hoặc hiểu nhầm, hiểu sai chi tiết nào không. Như vậy rất nên tự nghi ngờ ta trước. Nghi ngờ ta có bị nhầm chỗ nào không. Ta cần kiểm tra theo tiêu chuẩn mức độ hoàn chỉnh của TT. Tiếp theo đăt câu hỏi có thật sự cần xác minh ngay hay không. Nếu thấy chưa cấp thiết thì tạm để lại, dần dần, cùng thời gian sẽ có câu trả lời. Khi gặp vấn đề cần phải biết để có hướng hành động thì nên tham khảo ý kiến như trong mục trên. Trong trường hợp không thể tham khảo hoặc tham khảo không đạt kết quả thì cần tiến hành một số việc để xác minh, để kiểm chứng. Công việc này mang tính cách một nghiên cứu. Phải dựa vào những thông tin có được và trí tuệ của mình để đưa ra một hoặc vài phán đoán, trong nghiên cứu gọi là giả thuyết. Sau khi đưa giả thuyết thì tìm cách bác bỏ. Nếu bác bỏ được thì bác luôn, đề ra giả thuyết mới. Khi không thể bác bỏ mới tìm cách chứng minh hoặc kiểm chứng bằng trực tiếp hoặc gián tiếp. Để làm được việc này cần có trình độ về nghiên cứu khoa học.

**2.4.7-Vai trò của cảm nhận, của trực giác trong đánh giá**

Cảm nhận, trực giác là khả năng đặc biệt của một số người trong việc tiếp nhận và đánh giá thông tin một cách trực tiếp, không cần suy nghĩ, không cần lập luận, không cần chứng cứ. Người ta cho rằng khả năng đó thuộc vào sự hoạt động của các tầng hào quang và tiềm thức, rồi bằng liên hệ nội bộ mà thông báo cho ý thức, nó là một phần của Linh tính. Cảm nhận, trực giác có thể đến bất chợt, ngay trước hoặc khi sự việc vừa xẩy ra. Nó cũng thường đến sau một quá trình người ta suy nghĩ, tìm hiểu về sự việc mà chưa có lời giải. Một số người gọi linh tính là giác quan thứ 6.

**2.4.8-Bàn về việc nói đùa**

Nói đùa, nói dóc, nói xạo là kiểu nói cho vui, tuy nói không đúng sự thật nhưng khác về bản chất với nói dối, khác mục đích với đánh lừa. Cũng cần một trình độ nhạy bén nào đó mới biết cách nói đùa và phát hiện được người khác nói đùa. Một số nơi trên Thế giới có ngày nói dối vào mồng 1 tháng 4 (ngày cá tháng tư), đó là một dạng nói đùa để trêu người khác. Ngày ấy mọi người đề phòng những TT cá tháng tư, đó là một cách luyện tập khả năng đánh giá thông tin để tránh bị lừa.

**2.4.9-Học tâp, rèn luyện khả năng đánh giá**

Khả năng này nên được học tập và rèn luyện từ bé, tập nhận xét, phân tích, đánh giá những TT mới lạ, tiếp nhận được hàng ngày. Người lớn phải biết hướng dẫn trẻ con làm việc đó, tránh xa lối giáo dục theo kiểu áp đặt một chiều để tạo ra những đứa trẻ ngoan ngoãn chỉ biết vâng lời. Trong học tập và hoạt động, cần đề cao việc độc lập suy nghĩ, đề cao việc tìm tòi, khám phá, có như thế mới tạo được khả năng tư duy linh hoạt và nhạy bén. Một số người cho rằng để có được tư duy như thế cần học nhiều toán. Đó là một nhận xét có phần đúng nhưng có nhầm lẫn và thiếu sót. Toán giúp người ta suy nghĩ nhưng đòi hỏi tính chặt chẽ, trong lúc nhiều hoạt động trong xã hội, trong đời thường đòi hỏi sự linh hoạt. Tôi biết có nhiều người, khi còn đi học, đã gặp khó khăn và được đánh giá rất thấp về môn toán, nhưng đã thành đạt lớn trong cuộc đời nhờ những khả năng khác. Để có khả năng đánh giá đúng đắn còn cần tránh một số điều: vội vàng, chủ quan, tự ti, lo sợ. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng phần lớn hoạt động của con người quy về việc thu thập, đánh giá và xử lý thông tin. Làm đúng, hợp quy luật sẽ có kết quả tốt đẹp, làm sai, trái quy luật sẽ chịu hậu quả xấu .

**III - HIỂU BIẾT THÊM VỀ CON NGƯỜI**

**Bài 1- Hạt giống tinh thần và Tàng thức**

Có nhiều tập sách nhỏ viết về “Hạt giống tâm hồn”. Đó là những hạt giống tốt của con người. Hạt giống tinh thần rộng hơn, bao gồm cả tốt và xấu.

Với cây cỏ, hạt giống có thể ở sẵn trong đất hoặc được gieo. Hạt giống gặp được môi trường thuận lợi mới có thể nẩy mầm thành cây. Cây phải gặp môi trường thuận lợi mới phát triền. Giống nào cây đó, nhưng cây phát triển đến đâu là do môi trường. Môi trường là rất quan trọng, nhưng hạt giống có vai trò quyết định.

Bài này trình bày về những hạt giống tinh thần, sẽ phát triển thành tính cách hoặc năng lực của con người. Chúng có thể có sẵn trong bào thai hoặc được gieo vào trong quá trình sinh trưởng của con người. Gieo từ nguồn bên trong và bên ngoài. Từ bên trong khi người ta biết một thứ gì đó, suy nghĩ nhiều về nó, tích lũy lại thành hạt giống. Điều này liên quan đến hành động “tự kỷ ám thị”. Từ bên ngoài khi người khác đem ý nghĩ của họ thường xuyên, liên tục hướng dẫn hoặc áp đặt vào. Nó liên quan đến “ ám thị ngoại nhập”. Sự suy nghĩ đó, sự áp đặt đó tích lũy dần, thể hiện thành hành động, kết lại thành ý thức sâu sắc trong bộ não rồi từ đó chuyển vào thành hạt giống trong tàng thức.

Có câu danh ngôn về gieo và gặt có ý nghĩa gần tương tự như sau: “Gieo suy nghĩ gặt hành động, gieo hành động gặt thói quen, gieo thói quen gặt tính cách, gieo tính cách gặt số phận” (Ở đây, gieo suy nghĩ là tự ta hoặc người khác gieo cho ta)

Hạt giống tinh thần chỉ có thể phát triển thành tính cách hoặc năng lực khi gặp điều kiện phù hợp của môi trường gia đình và xã hội. Chủ yếu là môi trường tinh thần.

Về tính cách có các hạt giống như khiêm tốn hay kiêu ngạo, rộng lượng hay ích kỷ, ôn hòa hay nóng nảy, hoạt bát hay khép kín v.v…Về năng lực có các hạt giống về khoa học, nghệ thuật, kinh tế, ngoại giao, văn học, quân sự, thể thao, về suy luận và phản biện v.v….Người có hạt giống tốt về năng lực nào đó thường được gọi là có năng khiếu bẩm sinh. Năng khiếu mạnh kết hợp với môi trường tốt sẽ phát triển thành tài năng.

Trong Đạo Phật hạt giống được gọi là “chủng tử”, thuộc về nhân (nguyên nhân), môi trường là duyên. Khi nhân kết hợp với duyên (duyên khởi) mới tạo ra kết quả.

Hạt giống bình thường chỉ phát triển được trong điều kiện thuận lợi, nếu không gặp được môi trường phù hợp để nảy mầm thì sau một thời gian nó sẽ tự hủy hoại. Hạt giống khỏe, năng lượng lớn có thể tồn tại lâu dài, phát triển được trong môi trường bất lợi. Một vài loại cây cỏ có sức sống mạnh mẽ, dù bị con người tàn phá, hủy hoại, trong nhiều trường hợp chúng vẫn phát triển được khi chỉ còn một chút rễ.(chẳng hạn như cây cỏ gấu, cây rau má). Cũng thường gặp những hạt giống tinh thần có sức mạnh như vậy. Tuy thế hạt giống tốt cũng không phát triển được khi gặp lực lượng ngăn cản hoặc hủy diệt quá mạnh.

Làm sao để phát hiện hạt giống tinh thần?.

Với hạt giống khỏe, tự nó sẽ bộc lộ ra. Thí dụ: Trẻ có hạt giống quân sự thường rủ bạn bè bày ra trò chơi và nắm quyền chỉ huy, trẻ có hạt giống kinh doanh thường quan tâm đến thu chi hàng ngày, trẻ có hạt giống khoa học thường hay tìm hiểu các hiện tượng lạ và đặt ra những câu hỏi khó giải đáp v.v., chỉ cần vài chú ý nhỏ là có thể nhận biết. Với hạt giống bình thường, muốn biết được cần làm một số phép thử. Có phép thử định hướng và không định hướng.

Thử định hướng là xem trẻ có hạt giống về một lĩnh vực nào đó hay không. Thông thường tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với lĩnh vực đó rồi quan sát phản ứng của nó. Thí dụ muốn biết trẻ có hạt giống hội hoạ hay không thì dẫn nó đi xem bảo tàng nghệ thuật (nhờ được hoạ sỹ dẫn đi thì càng tốt), nếu nó tỏ ra thích thú, tập trung chú ý vào các tranh, tượng, lại có vài câu nhận xét, bình luận thì có khả năng là có hạt giống hội hoạ, cần đưa vào các lớp học vẽ để thử thêm, còn nếu nó thích chơi ngoài sân hơn xem tranh, tỏ ra xem tranh là bị bắt buộc thì chắc là không có hạt giống mong muốn. Định thử về lĩnh vực nào cần có người am hiểu về lĩnh vực đó đánh giá, như thế mới đủ tin cậy.

Thử không định hướng là bày ra, cho trẻ tiếp xúc với nhiều lĩnh vực trong cùng một khoảng thời gian, cho trẻ hoàn toàn tự do chơi và lựa chọn. Xem cách chơi và chọn của trẻ để đoán biết nó có những hạt giống loại nào. Thí dụ: Tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng kể rằng gia đình họ Giả chuẩn bị một phòng, trưng bày đồ vật, đồ chơi nhiều loại như giấy bút, sách, tranh tượng, cung kiếm v.v…Cậu bé Bảo Ngọc được cho vào phòng để chơi và chọn thứ mình thích. Cậu ta đã bỏ qua sách vở, tranh tượng, cung kiếm mà say sưa ngắm nghía gương lược và đồ trang sức của phụ nữ. Quan sát thấy như vậy ông bố lắc đầu, thở dài.

Tại các nền giáo dục tiên tiến, làm hướng nghiệp xuất phát từ việc phát hiện và đánh giá năng khiếu của học sinh thông qua thử không định hướng hoặc định hướng.

Xin kể vài chuyện.

Chuyện 1 - Bé gái Tâm, học lớp Ba. Ở nhà bé rất thích tha thẩn trong vườn, xem cây cỏ đâm chồi, nở hoa, xem các con côn trùng hoạt động và sinh sản. Việc làm đó bị cha mẹ la mắng, ngăn cấm, họ thúc giục việc học bài và làm bài tập của thầy cô ở trường cho về nhà. Biết chuyện, một nhà giáo đã trao đổi với cha mẹ Tâm như sau: Cháu Tâm của anh chị có hạt giống nghiên cứu sinh vật, Tâm có thể trở thành nhà sinh vật học lỗi lạc. Anh chị đang vô tình hủy hoại hạt giống đó và ngăn cản sự phát triển của một nhà sinh vật học tương lai.

Chuyện 2- Cu Toàn con anh Bích. Cậu bé 10 tuổi, được tặng một đồ chơi có máy móc, hoạt động nhờ lên dây cót. Toàn chỉ chơi với bạn bè trong vài ngày rồi tìm cách tháo rời các bộ phận để xem. Anh Bích bảo: Đố con lắp lại như cũ. Toàn đã lắp lại được. Bích lấy chiếc đồng hồ báo thức bị hỏng lâu ngày đưa cho Toàn và bảo: Con thử tháo ra xem hỏng ở đâu. Loay hoay một lúc Toàn phát hiện ra dây cót bị đứt. Được khuyến khích Toàn đã nối được dây cót, làm cho đồng hồ hoạt động. Bích cho rằng con mình có hạt giống về máy móc và dự định sẽ hướng dẫn cho cu cậu đi vào ngành chế tạo máy.

Chuyện 3- Cậu bé Atê. Đó là một bé nhà quê, được lão họa sĩ đón về giúp các việc vặt như quét nhà, gánh nước, làm vườn. Atê tỏ ra siêng năng nhưng vụng, quét nhà không sạch đều, tưới cây không khắp lượt, đã dạy bảo nhiều nhưng ít tiến bộ. Một lần cái ghế băng bằng gỗ bị gãy một chân, Atê được sai cầm rựa vào rừng tìm chặt một đoạn cây về để thay. Chân ghế băng làm bằng hai nhánh cây từ một gốc tạo thành hình chữ Y, khi lắp vào ghế thành chữ Y lộn ngược, hai nhánh quay xuống dưới. Cậu đi suốt buổi, về tay không, trả lời là trong rừng không có cây nào mà hai nhánh quay xuống như chân ghế, chỉ toàn những cây có hai nhánh quay lên.

Khi họa sĩ vẽ cậu ta đứng nhìn say sưa, có bị quát đuổi mới chịu đi làm việc. Được giao lau chùi mấy lọ lục bình bằng sứ, lau mãi không xong vì vừa lau vừa ngắm nghía các bức họa trên đó và luôn mồm xuýt xoa khen đẹp. Một lần họa sĩ chuẩn bị đi vắng, dặn Atê, nếu có ai đến chơi thì hỏi tên và nhớ kỹ để về nói lại. Có một ông khách đến. Khi họa sĩ trở về, hỏi, Atê không thể nhớ tên vị khách nhưng tả diện mạo ông từ đầu đến chân, kể cả cách đi đứng, mà chỉ cần vài nét, họa sĩ đã nhận ra ai rồi. Những thể hiện như thế chứng tỏ cậu ta có hạt giống khoẻ về hội họa. Được hỏi có thích vẽ không, Atê trả lời thích lắm. Từ đó cậu được học vẽ và sau này trở thành họa sĩ nổi tiếng.

Chuyên 4- Adam Khoo

Sách “Tôi Tài Giỏi Bạn Cũng Thế” kể rằng Adam Khoo từ bé, vì một thành kiến nhầm lẫn mà mọi người (cha mẹ, giáo viên, bạn bè) đều cho rằng cậu quá đần độn. Người ta đã gieo hạt giống đần độn và cậu đã tiếp nhận. Nhưng rồi năm 1987, lúc 13 tuổi, được dự lớp học Thiếu Niên Siêu Đẳng của thầy Ernest Wong trong 5 ngày cậu đã dần dần trở thành một người tài giỏi. Một hạt giống tài năng đã nảy mầm, phát triển, cho hoa thơm quả ngọt và diệt được cái mầm đần độn đã bị gieo vào.

Nhiều người nhận nhầm, cho rằng Adam phát triển được chủ yếu nhờ thầy Wong. Đúng là có nhờ thầy, nhưng đó chỉ là tác dụng kích thích. Có vài trăm, vài ngàn thiếu niên được học với thầy Wong, nhưng đạt được như Adam chỉ một vài người. Vậy cơ bản nhờ vào đâu ?. Nhờ vào hạt giống đã có sẵn trong tàng thức, nhưng bị che lấp, bị ngăn cản. Nó giống như một hạt giống trong đất, bị một cục đá chèn lên, mà đất thì khô. Bây giờ cục đá được bỏ đi, đất được tưới nước, hạt giống nảy mầm và phát triển. Trong Tiên thiên của Adam đã có sẵn hạt giống trí tuệ, nhưng vì một nhầm lẫn mà người ta đã vô ý gán cho cậu cái nhãn đần độn và cậu bị mặc cảm như thế. Công của thầy Wong là giúp Adam gạt được mặc cảm, để cho hạt giống trí tuệ nảy mầm. Khi gia đình, nhà trường thấy được mầm tốt đó liền tạo môi trường thuận lợi cho nó và xã hội có được một nhân cách lớn, suýt nữa bị vùi dập. Nếu trong tàng thức của Adam Khoo không có sẵn hạt giống trí tuệ thì thầy Wong, trong vài ngày không thể biến cậu từ người đần độ trở thành người có tài năng được.

Phát hiện hạt giống về tính cách bằng việc chịu khó quan sát các hoạt động hoặc phản ứng của trẻ một cách có chú ý, liên tục. Từ đó có thể đoán được xu thế hướng nội hay hướng ngoại và một số tính cách cụ thể.

Về việc gieo hạt giống tốt. Điều này thường chỉ dùng đối với hạt giống tính cách, ít dùng với hạt giống năng lực. Hạt giống tốt về tính cách như khiêm tốn, bao dung, trách nhiệm, trung thực v.v…

Thường khi phát hiện ra tính cách xấu ở trẻ (như ích kỷ, tham lam , thô bạo, dối trá v.v…) thì cần tìm cách hạn chế nó, vừa gieo hạt giống tốt theo hướng ngược lại. Gieo bằng cách nào?. Đối với trẻ nhỏ dùng cách gieo từ ngoài. Chủ yếu là người lớn cần thường xuyên, chủ động tạo ra môi trường giúp cho tính cách tốt và thực hiện, hướng dẫn trẻ làm theo. Phải có chủ đích và kiên trì mới thành công. ( gieo hạt giống của tính cách xấu sẽ nhanh và dễ hơn nhiều). Khi trẻ đã có ý thức thì kết hợp kể những câu chuyện hấp dẫn có tính giáo dục cùng với việc giảng giải. Hết sức tránh giáo dục theo kiểu ra lệnh, áp đặt.

Khi cần ngăn chặn sự phát triển tính cách xấu cũng phải có kế hoạch và kiên nhẫn, không thể vội. Ngăn chặn bằng cách loại bỏ điều kiện của môi trường làm phát sinh hoặc phù hợp tính cách xấu. Người lớn phải thực sự gương mẫu, đặc biệt là người trực tiếp giáo dục trẻ không được vướng phải thói hư tật xấu đó. Khi trẻ đã có ý thức thì kết hợp kể chuyện, răn đe, giải thích và dùng hình phạt thích hợp khi cần thiết

Tàng thức là một khái niệm trong Duy Thức Luận của Phật giáo. Tàng có nghĩa là cất giữ. Tàng thức có tên gốc tiếng Phạn là A Lại Da Thức. Cũng có người gọi là Tâm thức. Thức có nghĩa bao gồm các hoạt động tiếp nhận, xử lý, lưu giữ thông tin. Có 8 Thức. Đầu tiên là năm giác quan. Ý thức là thức thứ sáu. Thứ bảy là Mạt na thức, nơi xử lý sơ bộ các thông tin. Tàng thức là Thức thứ tám, cuối cùng, cao nhất. Ngoài việc tàng trữ thì nó còn là nơi đưa ra thông tin tư vấn cuối cùng, truyền thông tin đó cho bộ não dưới dạng “Linh Tính” (Linh tính còn được gọi là “Giác quan thứ 6”.)

Tàng thức nằm ở bên trong các tầng hào quang. Trong dân gian vẫn có câu, được truyền từ xa xưa: “Nghĩ trong bụng”. Phải chăng đó là ý nghĩ xuất phát từ tàng thức nằm ở vùng bụng và ngực

Tàng thức được cấu tạo như thế nào còn chưa được làm rõ. Có giả thuyết rằng nó được cấu tạo từ vật chất vô cùng mịn và hoạt động như ổ cứng trong máy tính.

Tàng thức được hình thành cùng với bào thai. Với trẻ nhỏ, khi bộ não chưa phát triển để ghi nhớ và suy nghĩ thì tàng thức đóng vai trò chủ yếu trong việc lưu giữ thông tin. Các hoạt động thuộc bản năng có xuất phát từ Tàng thức. Những thông tin từ tàng thức truyền về cho ý thức có thể là các mách bảo thầm kín hoặc các linh tính.

**Bài 2- Tiềm thức và linh tính**

Tiềm thức bao gồm những thông tin chứa trong tàng thức. Chúng rất nhiều. Người ta ví rằng, thông tin mỗi người có được giống một tảng băng trôi (hoặc một núi băng trôi) mà ý thức chỉ là phần nổi còn tiềm thức là phần chìm, nó có lượng gấp nhiều vạn lần phần nổi. Người nào biết khai thác đúng khả năng của tiềm thức sẽ đạt thành công lớn..

Khác với ý thức, tiềm thức không phân biệt đúng sai, tốt xấu. Cái gì đưa vào, nó cũng tiếp nhận, phân loại, sắp xếp, cất giữ và nếu đó là nguyện vọng, là mơ ước của người ta thì nó huy động tiềm năng để thực hiện.

Thí dụ 1- Anh Quâng, không hề bị bệnh dạ dày, một hôm ăn bát cháo, bị ợ chua, cứ nghĩ và lo sợ bị đau dạ dày. Quâng đi hỏi nhiều người đang bị đau dạ dày xem triệu chứng đầu tiên như thế nào. Anh kể cho họ nghe triệu chứng mà anh cảm nhận được. Mọi người cho rằng anh đã chớm bị viêm loét dạ dày hoặc hành tá tràng. Thế rồi sự lo nghĩ ấy làm cho dạ dày của anh bị loét thật. Đây là một kiểu tự kỷ ám thị tiêu cực.

Thí dụ 2- Bà Toan bị u xơ gan, bác sĩ mổ để cắt, nhưng khi mổ ra không dám cắt vì chỉ cần chạm nhẹ vào, nó sẽ bung ra. Đành khâu bụng lại, dặn người nhà đem về, chuẩn bị hậu sự và hỏi bà thích ăn gì thì kiếm cho bà ăn như là ân huệ cuối cùng. Khi bệnh nhân tỉnh lại sau mổ, được nghe nói dối để động viên là khối u đã được cắt, về nhà dưỡng bệnh vài hôm là khỏe. Bệnh nhân quá phấn khởi, quá tin tưởng, luôn tâm niệm một cách mãnh liệt rằng bệnh sẽ khỏi. Con cháu đưa bà về, hỏi thích ăn gì, bà bảo chỉ thèm thịt trâu. Về nhà vài hôm, được ăn cháo thịt trâu, khối u xẹp dần và sau vài tuần biến mất. Đưa đến bệnh viện kiểm tra, bác sĩ vô cùng ngỡ ngàng, không thể tin được (dù đó là sự thật). Đây là tự kỷ ám thị tích cực.

Cả hai trường hợp trên đều do tiềm thức huy động năng lực của cơ thể để thực hiện điều mà nó nhận được từ ý thức.

Tiềm thức chỉ mách bảo cho ý thức những thông tin mà nó cất giữ, không phân biệt đúng sai. Thí dụ ông A đã quen thức dậy lúc 6 giờ. Một hôm dự định 5 giờ sẽ dậy để làm việc gì đó. Ông đặt chuông đồng hồ báo thức. Khi chuông reo ông tỉnh ngủ và nhận được lời mách bảo thầm kín, thôi, ngủ tiếp, chẳng có gì quan trọng. Đó là mách bảo từ tiềm thức vì ông đã quen thức dậy lúc 6 giờ. Khi ông nghe theo thì ngủ tiếp. Khi ông vận dụng ý chí mà vùng dậy thì đã làm khác với mách bảo. Những trường hợp tương tự, có sự đấu tranh giữa thói quen hàng ngày do tiềm thức mách bảo và dự định mới phát sinh do ý chí, thường được xem là đấu tranh bản thân.

Như vậy tiềm thức, về hình thức nó như hội đồng tư vấn, mách bảo cho ta điều đã có sẵn trong tàng thức, ta có thể theo hoặc không theo, đồng thời nó như trợ thủ rất đắc lực, huy động tiềm năng và thông tin để giúp ta hoàn thành mong ước đã lựa chọn.

Linh tính là những ý nghĩ hoặc kết luận bỗng nhiên nảy sinh ở trong đầu, không phải do suy nghĩ ngay lúc đó mang lại. Linh tính thường xuất hiện bất chợt, nếu không kịp thời nắm bắt, ghi lại thì có thể bị quên ngay và rất khó nhớ lại. Linh tính có thể xuất hiện dưới các trạng thái sau : 1- Xuất hiện hoàn toàn bất ngờ, không liên quan gì đến suy nghĩ và việc làm của người đó. Thí dụ một người đang ở đâu đó bỗng rùng mình, thấy cần dời đi nơi khác. Khi vừa dời đi thì chỗ đó có sự cố như đất sụt hoặc có vật nặng ở đâu văng đến. Nhờ linh tính mà dời đi kịp thời, tránh được tai nạn. 2- Xuất hiện tuy bất ngờ nhưng sau một quá trình suy nghĩ, tìm kiếm một vấn đề nào đó mà chưa thấy kết quả.

Với trạng thái 1 linh tính thường là đúng, sự việc sẽ xảy ra gần như đã được mách bảo. Với trạng thái 2 kết quả xảy ra chủ yếu theo chiều hướng phát triển sự suy nghĩ từ trước. Nhiều khi người ta suy nghĩ rất lâu mà không tìm thấy lời giải, không nhớ ra thông tin cần thiết, tưởng đã bế tắc hoàn toàn, bỗng một lúc bất ngờ nào đó lời giải hoặc thông tin hiện ra. Như vậy để có thể có được sự mách bảo của linh tính về kết quả mong muốn thì phải suy nghĩ sâu sắc, liên tục về nó chứ không phải ngồi không để cầu mong nó đến.

Linh tính đã được nhiều người, đặc biệt là các nhà khoa học lớn trải nghiệm và công nhận. Phải chăng nó là thông tin từ tàng thức phản ảnh vào bộ não. Với trạng thái 1 (linh tính bất ngờ), đó là do tầng hào quang nhận được thông tin đặc biệt đã đưa vào tàng thức và từ đó báo cho ý thức. Với trạng thái 2, đó là do thông tin của quá trình suy nghĩ từ ý thức đã chuyển vào tàng thức, được tiếp tục xử lý trong Mạt na thức và khi có kết quả nó được báo trở lại về bộ não.

Quan hệ giữa các tầng hào quang và cơ thể không chỉ là linh tính mà còn nhiều điều quan trọng khác liên quan đến sức khoẻ, bệnh tật, các trạng thái tâm lý, tinh thần. Mỗi biến động trong tầng hào quang đều ảnh hưởng đến hoạt động của một bộ phận nào đó của cơ thể và ngược lại, mỗi biến đổi của cơ thể đều phản ảnh vào tầng hào quang.

Để có hiểu biết kỹ hơn về tàng thức, tiềm thức, có thể tham khảo Duy Thức Luận của Phật giáo và các bài giảng về tiềm thức (trên Youtube) của Nguyễn Xuân Hương hoặc sách nói Sức mạnh tiềm thức.

**IV- HỌC SUY NGHĨ**

Một số người cho rằng mục tiêu của việc dạy và học là kiến thức, vì thế cố dạy thật nhiều, học thật nhiều. Đó là nhận thức chỉ đúng một phần, không đúng hoàn toàn, mang lại lợi ít, hại nhiều. Cách dạy và học như vậy dễ dẫn tới việc nhồi nhét, học vẹt, làm thui chột khả năng tư duy và sáng tạo. Dạy và học (ở phổ thông và đại học) chủ yếu phải là dạy và học cách suy nghĩ, còn kiến thức đóng 2 vai trò, vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện. Đó là phương tiện của suy nghĩ, để suy nghĩ.

Khi dạy và học một vấn đề khoa học thường có 2 phần: kiến thức hữu hình (cụ thể) và kiến thức vô hình. Kiến thức nhữu hình là nội dung các khái niệm (nó là cái gì), các định lý, các công thức v.v.. Kiến thức vô hình là các phương pháp, là sự suy nghĩ để tìm ra, để chứng minh các kiến thức cụ thể đó. Thí dụ định lý về 3 đường phân giác trong một tam giác. Kiến thức hữu hình là nội dung định lý “ Ba đường phân giác trong một tam giác gặp nhau tại 1 điểm, đó là tâm vòng tròn nội tiếp tam giác”. Phần vô hình là cách thức người ta tìm ra định lý ấy.

Khi chỉ quan tâm đến việc học kiến thức hữu hình thì giỏi lằm là học gì biết nấy (với điều kiện là hiểu được, nắm vững và không quên, còn nếu học mà không hiểu hoặc không nhớ được thì có khi học mười mà chỉ được một, hai), còn khi học cách suy nghĩ, học phương pháp thì có thể đạt được trình độ học một biết mười hoặc nhiều hơn nữa. Học suy nghĩ, học phương pháp là nhằm phát triển trí thông minh, phát triển khả năng tiềm ẩn. Mục tiêu của việc dạy và học không nên dừng lại ở mức độ truyền và nhận kiến thức mà phải nhằm vào, phải đạt đến sự phát triển của người học.

Trong cuộc sống kiến thức là quan trọng nhưng khôn ngoan và thông minh còn quan trọng hơn. Không phải kiến thức tạo ra trí thông minh mà chính sự suy nghĩ mới tạo nên nó. Một đầu óc chứa rất nhiều kiến thức mà không biết suy nghĩ chẳng khác gì một chiếc USB gắn trên cổ.

Tôi rất thông cảm với các bạn trẻ hiện nay, một số các bạn chủ yếu được dạy kiến thức cụ thể mà ít được luyện tập cách suy nghĩ, vì vậy không ít bạn trở nên ngại suy nghĩ, lười suy nghĩ, nặng về học sáo, học vẹt. Trong chuyện này các bạn là nạn nhân, mà cũng là đồng phạm. Là nạn nhân vì các bạn bị phụ thuộc vào nền giáo dục, bị phụ thuộc vào các thầy. Chính sự nhầm lẫn của nền giáo dục, chính phương pháp giảng dạy nặng về thầy đọc trò chép (hoặc thầy chiếu hình, trò xem) là nguyên nhân chính. Là đồng phạm vì chính các bạn không tự biết phải học cách suy nghĩ, không chủ động và tự giác suy nghĩ.

Xin kể câu chuyện : Một bạn chỉ vào vết nứt trên tường một ngôi nhà và hỏi tôi nguyên nhân. Tôi bảo bức tường này nứt ở chỗ đó là do thay đổi nhiệt độ. Anh bạn trả lời là hiểu rồi, tuy vậy tôi cho là anh ta chưa hiểu gì cả. Tôi hỏi lại: anh hiểu cái gì. Trả lời : Em hiểu là tường nứt do nhiệt độ thay đổi.

Tôi đoán anh ta chỉ trả lời bằng cách nhắc lại ý của người khác, nói chỉ để mà nói chứ chưa hiểu thấu đáo, chưa làm chủ được câu trả lời, mới hỏi lại : Anh bảo tường nứt do thay đổi nhiệt độ, vậy nó nứt khi nhiệt độ tăng lên hay giảm xuống. Không trả lời được, vậy là vẫn chưa biết. Tôi nói nó bị nứt chủ yếu vào mùa hè, hiểu chưa. Trả lời : Dạ, bây giờ thì em hiểu rồi.

Mặc dầu vậy tôi vẫn cho rằng anh ta chưa hiểu gì cả, vẫn trả lời như sáo, như vẹt mà thôi. Tôi hỏi tiếp : Anh biết mùa hè nhiệt độ tăng cao, nhưng tại sao nhiệt độ cao lại gây nứt tường ở chỗ đó mà không phải ở chỗ khác, tại sao các nhà khác cũng chịu nhiệt độ cao như vậy mà tường không nứt, Tôi lại chỉ cho anh ta thấy một vết nứt khác và hỏi vết nứt này có phải do thay đổi nhiệt độ hay không. Trả lời : Dạ, thế thì em chưa hiểu, thầy ơi, thầy giải thích cho em đi.

Tôi thường gặp các bạn nói hết điều này điều nọ, tưởng là có hiểu biết cao, nhưng khi hỏi kỹ ra mới thấy chỉ là sáo vẹt, chỉ biết nhắc lại một số điều nghe được mà không hiểu thấu đáo. Nguy hiểm là thực chất thì chưa hiểu nhưng cứ tưởng đã hiểu. Nói ba hoa và vận dụng những hiểu biết không thấu đáo, không chính xác còn tệ hại hơn nhiều là nhận mình không biết.

Xin kể câu chuyện khác. Ông bố dẫn 2 chàng rể A và B đi thăm đồng. Gặp con ngỗng kêu to, hỏi tại sao. A quan sát một chốc rồi trả lời tại vì cổ nó dài, B cho là có lẽ trời sinh ra thế. Về câu hỏi tại sao con vịt nổi trên nước, A giải thích vì nó có nhiều lông, còn B vẫn cho là trời sinh ra thế. Ông bố vợ khen A có kiến thức còn B quá kém, không biết suy luận. B không chịu và cãi lại rằng: A nói cổ dài kêu to, thế con ểnh ương cổ không dài mà sao nó kêu to vậy, bảo nhiều lông thì nổi, thế ống tre, ống nứa có lông nào đâu mà vẫn nổi. A đành chịu, không cãi lại được. Ông bố nói: ta đã vì không hiểu biết mà nhận xét nhầm, suýt nữa bị A mê hoặc bằng những suy luận thiếu xác thực, đã vội trách B. Suy luận không chặt chẽ, biết không đến nơi đến chốn như A thì thà không biết còn hơn, còn B, tuy chưa giải thích được rõ ràng và cho là trời sinh ra thế nhưng đã có suy nghĩ chứ không nói liều.

Vậy học cách suy nghĩ như thế nào, làm sao để biết cái sự hiểu là đúng và đủ?  
Trước hết phải có nhận thức đúng về sự quan trọng và cần thiết của suy nghĩ. Bộ não của con người chủ yếu là dùng để suy nghĩ và ghi nhớ. Có suy nghĩ thì não mới phát triển, nếu không hoặc ít suy nghĩ thì não sẽ kém linh hoạt. Một đôi chân bình thường không quen đi bộ, không quen trèo cầu thang, chỉ cần đi vài trăm mét, trèo vài tầng nhà là đã mỏi, đã đau, đã rất khó chịu. Nhưng cũng đôi chân ấy, nếu chịu khó tập luyện thì có thể đi bộ nhiều cây số, trèo nhiều tầng nhà một cách thoải mái. Bộ não cũng tương tự như vậy. Lâu ngày không quen suy nghĩ, đến khi cần suy nghĩ vấn đề phức tạp thấy quá mệt óc, quá khó khăn. Một bộ óc quen suy nghĩ sẽ không gặp nhiều trở ngại khi đụng phải vấn đề như vậy.

Khi nghe, thấy, cảm nhận hoặc nghĩ ra một điều mới, ta ghi nhận nhưng xin chớ vội tin là đúng hoàn toàn. Để biết mức độ đúng hoặc sai cần thông qua suy nghĩ. Suy nghĩ là động não để tự đặt ra và tự trả lời các câu hỏi liên quan đến hiện tượng, đến sự việc mà ta muốn biết để cho sự biết là đúng đắn, đầy đủ, không bị phạm sai lầm (tương đối thôi vì rất khó đạt đến tuyệt đối) hoặc tìm ra câu trả lời thich hợp cho một tình huống nào đó. Hàng ngày có rất nhiều chuyện cần đến suy nghĩ chứ không phải chỉ trong học tập, không phải chỉ liên quan đến khoa học.

Vậy những câu hỏi đó là gì, như thế nào. Có hàng trăm, hàng ngàn câu hỏi khác nhau tùy theo hiện tượng, sự kiện, hoàn cảnh. Vấn đề quan trọng nhất là ta có ý thức đặt câu hỏi hay không. Khi đã có ý thức đặt câu hỏi, chịu khó suy nghĩ sẽ tìm ra câu hỏi thích hợp. Tuy vậy có thể kể ra một số câu hỏi thông thường như sau : Cái này thực chất là cái gì. Nó ở đâu ra. Nó xẩy ra khi nào. Người ta (cụ thể là ai) đã tìm ra, đã biết đến nó như thế nào. Nó có liên quan gì tới những điều ta đã biết rõ. Nó vận động như thế nào. Mặt phải, bên ngoài, mặt tốt, mặt có lợi nó như thế nhưng liệu mặt trái, bên trong, mặt xấu, mặt hại như thế nào (hoặc ngược lại). Hiện nay nó như thế nhưng trước đây, sau này nó có khác không. Có gì nghi ngờ trong các chứng cứ và lập luận không. Làm như vậy đã được chưa, có cách nào làm khác không, nếu làm khác đi thì sẽ thế nào. Bản chất của hiện tượng này là cái gì, quy luật nào chi phối nó v.v---

Đặt được câu hỏi rồi, đầu tiên là tự tìm cách trả lời, muốn vậy phải suy nghĩ, phải tìm tòi, phải lập luận. Nếu đặt ra câu hỏi mà trả lời được ngay thì câu hỏi đó có ít hoặc không có giá trị gì cho việc suy nghĩ. Cũng có thể câu hỏi là khó nhưng sự trả lời là hời hợt, không có ý nghĩa gì vì chưa chịu suy nghĩ thấu đáo. Đặt được câu hỏi rồi mà vẫn không trả lời được sau khi đã cố gắng suy nghĩ, tìm tòi thì có thể đem hỏi người khác (đừng ngại, đừng dấu dốt). Trước khi hỏi cần tự kiểm tra lại nội dung, nên nghĩ đi nghĩ lại vài lần trong đầu xem cách đặt câu hỏi như thế đã được chưa, đã đúng chưa, có phù hợp không, nội dung có đáng hỏi không hay quá tầm thường, và nếu có điều kiện thì viết câu hỏi ra giấy để xem xét cho kỹ

Xin kể tiếp 2 câu chuyện. 1- Được hỏi nguyên nhân nào đã giúp ông nhận giải Nôben vật lý, nhà khoa học trả lời là nhờ sự quan tâm của mẹ từ những ngày còn ở tiểu học. Mỗi lần đi học về mẹ thường hỏi hôm nay con có nghĩ ra được câu hỏi nào thông minh hay không. (Bình luận- nhiều bậc cha mẹ VN chỉ quan tâm con hôm nay được mấy điểm).

2-Sau khi thuyết trình, nhà toán học Chirac hỏi : Ai có câu hỏi gì không. Một bạn trẻ giơ tay, được chỉ định, đã nói : Thưa ngài, tôi không hiếu cái chỗ ngài chứng minh từ X ra S. Chirac ra hiệu cho bạn trẻ ngồi xuống và nói: Câu của bạn vừa rồi là một lời thú nhận chứ không phải câu hỏi. Có ai hỏi gì không.

Trong cuộc đời và trên Facebook tôi thường gặp một số câu hỏi mà buộc lòng phải từ chối không trả lời vì câu hỏi không rõ ràng hoặc quá đơn giản (chứng tỏ người hỏi chưa suy nghĩ kỹ, loại trừ một vài câu thiếu thiện chí, khiêu khích hoặc bịp bợm).   
Đặt câu hỏi cho người khác cũng giống như đặt bài toàn hoặc đặt câu đố là phải làm rõ cái đã biết, đã cho và cái cần biết (các cái này phài có liên hệ với nhau), lại phải biết trình bày dưới dạng câu hỏi (phân biệt câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán---), để người nghe biết được nội dung hỏi và điều cần trả lời. Khi được hỏi, trước hết nên nhanh chóng càm nhận ý đồ của người hỏi là thiện chí hay không thiện chí để có phương án trả lời. A- Thiện chí là khi người hỏi có vấn đề chưa biết, hỏi để biết. B- Không (hoặc thiếu) thiện chí là câu hỏi nhằm khiêu khích, đùa cợt hoặc vì một mục đích thiếu trong sáng nào đó. Ngoài ra có loại câu hỏi tầm phào, hỏi cho có chuyện (Không phải A cũng không phải B, hỏi theo phép lịch sự dởm hoặc đùa cho vui). Việc cảm nhận này đòi hỏi có sự nhạy bén, sự tinh tế.

Với câu hỏi thiện chí cần hiểu kỹ câu hỏi, nếu có chỗ nào chưa rõ thì nên hỏi lại để làm rõ (tránh việc hỏi một đàng, trả lời một nẻo khác, lạc đề) và trả lời chân thành theo sự hiểu biết. Nếu chưa biết hoặc biết chưa đầy đủ thì công nhận, chớ vì sĩ diện, chớ vì dấu dốt mà trả lời liều. Với câu hỏi thiếu thiện chí thì cần thận trọng, chớ mắc lừa trả lời vào nội dung câu hỏi mà nên tìm cách nào đó khôn ngoan hơn. Với câu hỏi tầm phào thì cũng có thể chọn cách trả lời tầm phào.

Xin kể thêm câu chuyện. Em hỏi : Người ta nói viên là thế nào anh nhỉ. Anh trả lời : Viên là từ để chỉ người làm việc gì đó, thí dụ tuyên truyền viên là người làm tuyên truyền, vệ sinh viên là người làm vệ sinh. Em : Dạ em hiểu rồi ạ, như vậy thịt băm viên là người băm thịt. Anh ??

Học suy nghĩ chính là chịu khó suy nghĩ để cho việc đó trở thành thói quen hàng ngày. Suy nghĩ là cần nhưng phải là suy nghĩ đúng. Để biết một suy nghĩ đã đúng chưa thường có một số cách kiểm tra. A- Với vấn đề có tính khoa học, cách kiểm tra là xem sự suy nghĩ có dựa trên những chứng cứ xác thực và đầy đủ không, cách lập luận trong suy nghĩ có chặt chẽ, có phù hợp phương pháp khoa học không, các kết luận rút ra có đáng tin không. B- Với vấn đề liên quan đến con người, đến xã hội, ngoài việc xem xét đầy đủ chứng cứ và phương pháp như trên (để bảo đảm tính hợp lý) còn xem các kết luận rút ra có hợp tình, hợp đạo đức, hợp pháp không.

Việc kiểm tra trước hết phải tự mình thực hiện một cách trung thực, khách quan, nếu còn nghi ngại thì nên trình bày, trao đổi với người thân, bạn bè (phải là người có hiểu biết) để nhận được sự góp ý hoặc phản biện.

Người ta cho rằng những người học giỏi toán thường có suy nghĩ sắc sảo và đúng. Điều đó là có thật nhưng không hoàn toàn đúng. Có những người không hề giỏi toán mà vẫn có những suy nghĩ tuyệt vời, cũng như có người thật giỏi toán mà vẫn vụng về trong cuộc sống. Môn học liên quan nhiều đến suy nghĩ là môn Logic hình thức. (khi có ai nói cái gì đó không chặt chẽ, không hợp lý thường được nhận xét là không logic. Logic hình thức dạy người ta cách suy nghĩ, cách lập luận đúng qui luật). Tiêu chuẩn để phân biệt mức độ đúng sai là so sánh với thực tế, dùng thực tế để kiểm nghiệm.  
Điều nên tránh trước tiên là thói lười suy nghĩ, sau là cách suy nghĩ không đúng vì bị sự vô minh lấn át (Vô minh là thuật ngữ của Nhà Phật chỉ sự nhầm lẫn, thiếu sáng suốt, do chủ quan, do ngu dốt, do thiên vị, do thành kiến, do cuồng tín, do mê muội v.v---).

Học suy nghĩ để củng cố, để nâng cao, để mở rộng sự hiểu biết, nhưng kiến thức là vô hạn, vậy mỗi người tùy vào khả năng, điều kiện, hoàn cảnh của mình để biết mức độ mình có thể đạt đến. Trong cuộc sống có những việc làm, với tư cách người thợ, để làm tốt rất cần biết rõ, biết chắc chắn làm như thế nào, làm thành thạo mà có thể không cần hiểu sâu về bản chất, không cần biết tại sao, chỉ cần làm theo mẫu. Việc làm như thế là lao động đơn giản, rất cần để làm tăng sản phầm cho xã hội nhưng chưa có sáng tạo. Trong việc học kiến thức, để trả lời câu hỏi tại sao, nguyên nhân từ đâu thì nhiều khi cũng không thể trả lời đến tận cùng gốc rễ mà chỉ có thể truy tìm đến một mức độ nào đó có thể chấp nhận. Có nhiều câu hỏi dạng : tại sao có A- trả lời là tại B; hỏi ở đâu ra B- trả lời là từ C; hỏi cái gì sinh ra C- là D; hỏi tiếp D sinh ra từ đâu- từ E----Cứ truy như thế cho đến lúc không thể trả lời và công nhận là Trời sinh ra thế. Vậy khi truy tìm nguyên nhân thường phải dừng lại ở một mức độ nào đó đủ để hiểu được bản chất. Để sinh ra một kết quả A thực ra không phải chỉ có một nguyên nhân B mà có nhiều, đó là B1, B2, B3,-- ,Bn. Trong các B đó có cái chính, cái phụ, có cái rõ ràng, cái ẩn giấu, có cái trực tiếp, cái gián tiếp. Suy nghĩ để phân biệt những điều như thế không phải chuyện dễ.

Học suy nghĩ là khó, nhưng không quá khó, vấn đề là phải thấy rõ sự cần thiết, sự ích lợi để chịu khó suy nghĩ từ việc đơn giản đến phức tạp, tạo thành thói quen suy nghĩ hàng ngày. Khi đã thành thói quen thì mọi việc sẽ trở nên dễ.

Có thể có bạn cho rằng công việc, cuộc sống của bạn không cần suy nghĩ vì mọi việc đã rõ ràng. Điều ấy có thể đúng một phần cho một vài công việc nào đó trong hiện tại, còn nói chung ai rồi cũng có những vấn đề cần suy nghĩ để lựa chọn (trừ những người bị bệnh tâm thần, mất trí).

**V- PHÊ PHÁN VÀ QUÁT MẰNG ĐỂ GIÁC NGỘ KẺ ĐỊNH GIẾT MÌNH**

(Tường thuật và trích đoạn tiểu thuyết CHIN MƯƠI BA của Victo Huygo- Mục X quyển II, và mục I quyển III, có tựa đề HALMALO)

Nước Pháp, năm 1793. Cuộc chiến giữa phe Bảo hoàng và phe Cách mạng đang ở cao trào. Ông già De Lantenac, một thủ lĩnh quan trọng của phe Bảo hoàng, khâm mạng của Đức Vua, đang tạm lánh ở nước Anh, quyết định trở về Pháp để trực tiếp chỉ huy cuộc chiến. Ông vượt biển vào một đêm tối trời trên một tàu chiến với vài trăm quân lính và nhiều khẩu pháo.

Trên biển, gặp gió to, sóng dữ, chiến hạm bị nhồi lắc rất mạnh. Một khẩu pháo, được cố định vào thành tàu, bị tuột xích và tự do lăn bánh trên sàn. Theo đà rung lắc của tàu, khẩu pháo tông húc về mọi phía, va đập vào mọi thứ, làm hư hại nặng con tàu và nhiều khẩu pháo khác mà không có cách gì ngăn cản được.

Sự cố quá nguy hiểm xảy ra do sơ suất của một pháo thủ trong việc dùng dây xích cố định pháo. Nhưng rồi chính pháo thủ này đã anh dũng liều mình, lợi dụng được thời cơ, chèn giữ được khẩu pháo, cứu được con tàu. Anh pháo thủ được De Lantenac gắn huân chương và ngay sau đó bị chính ông ra lệnh xử bắn.

Trời gấn sáng. Trên biển xuất hiện Hạm đội của phe Cách mạng. Khả năng xẩy ra giao tranh và bị tiêu diệt là khó tránh. Thuyền trưởng quyết định dùng một xuồng nhỏ, chọn một người chèo lái, đưa ngài De Lantenac vượt biển về Pháp. Một thủy thủ xin tình nguyện và được chọn.

Giữa biển khơi, lúc mờ sáng, trên con thuyền chỉ có một ông già hai tay không và một thủy thủ cường tráng. Sau đây là cuộc đối đáp giữa hai người.

Thủy thủ nói :

— Tôi là em của người mà ông đã ra lệnh bắn chết.

Lão già từ từ ngẩng đầu lên.

Người vừa nói với lão trạc ba mươi tuổi. Trán anh ta rám nắng biển; đôi mắt kỳ dị, đó là cái nhìn tinh khôn của người thủy thủ với con mắt chất phác của người dân quê. Anh ta nắm chắc hai mái chèo trong tay. Trông có vẻ hiền lành.

Ở thắt lưng anh ta có một con dao găm, hai khẩu súng lục và một chuỗi tràng hạt.

— Ngươi là ai? - Lão già hỏi.

— Tôi vừa nói với ông xong.

— Ngươi muốn gì ta?

Anh thủy thủ buông mái chèo, khoanh tay và trả lời.

— Giết ông.

— Tùy ý ngươi - Lão già trả lời.

Anh thủy thủ cao giọng bảo:

— Ông chuẩn bị đi.

— Để làm gì?

— Để chết.

— Sao vậy? - Lão già hỏi lại.

Im lặng một lát. Người thủy thủ hình như bị câu hỏi làm cho sững sờ giây lát. Anh ta nhắc lại:

— Tôi bảo là tôi muốn giết ông.

— Và ta hỏi ngươi rằng tại sao vậy?

Một tia sáng lóe trong đôi mắt anh thủy thủ:

— Vì ông đã giết anh tôi.

Lão già vẻ bình tĩnh, bảo:

— Lúc đầu ta đã thưởng cho anh ngươi.

— Đúng, trước thưởng rồi sau lại giết.

— Không phải ta giết hắn.

— Vậy ai giết?

— Lỗi lầm của hắn.

Anh lính thủy, mồm há hốc nhìn lão già, rồi đôi lông mày anh ta nhíu lại dữ tợn.

— Ngươi tên là gì? - Lão già hỏi.

— Halmalo. Nhưng ông sắp chết bởi tay tôi thì cũng chẳng cần biết tên tôi làm gì.

Vừa lúc ấy mặt trời mọc. Một tia nắng rọi thẳng vào mặt người lính thủy, soi sáng rực bộ mặt man rợ của anh ta. Lão già ngắm nghía anh ta hết sức chăm chú.

Tiếng đại bác vẫn kéo dài, bây giờ đã ngắt quãng và nấc lên như người hấp hối (từ trận chiến trên biển giữa hạm đội và chiếc tàu đã bị hư hỏng). Một đám khói lớn ùn xuống phía chân trời. Chiếc xuồng mà người lái đã buông chèo đang dạt theo làn sóng.

Người lính thủy tay phải rút một khẩu súng lục ở thắt lưng ra, tay trái cầm chuỗi tràng hạt.

Lão già đứng thẳng dậy hỏi:

— Ngươi có tin ở Chúa không?

— Chúa Cha chúng ta ở trên trời - Người lính thủy trả lời.

Và anh ta làm dấu.

— Ngươi còn mẹ không?

— Có.

Anh ta làm dấu lần thứ hai. Xong anh ta bảo:

— Thế thôi. Tôi để cho ngài một phút nữa, thưa đức ông.

Rồi anh ta nạp đạn.

— Tại sao ngươi gọi ta là đức ông?

— Vì ngài là một lãnh chúa. Trông thì biết.

— Ngươi cũng có một lãnh chúa chứ?

— Vâng. Một lãnh chúa lớn. Ai sống mà không có lãnh chúa.

— Lãnh chúa của ngươi nay ở đâu?

— Tôi không rõ. Ngài đã xuất ngoại. Ngài tên là hầu tước De Lantenac, tử tước De Fontenay, vương hầu xứ Bretagne, ngài là lãnh chúa vùng Bảy Khu Rừng. Tôi chưa hề thấy mặt ngài, nhưng ngài vẫn là chúa của tôi.

— Vậy nếu ngươi trông thấy mặt ngài, ngươi có vâng lệnh ngài không?

— Cố nhiên, không vâng lệnh ngài chẳng hóa ra tôi là kẻ vô đạo ư? Người ta phải vâng lệnh Chúa Trời, lại phải vâng lệnh đức vua cũng như Chúa Trời, rồi lại phải vâng lệnh lãnh chúa cũng như đức vua. Nhưng vấn đề không phải ở chỗ đó, ngài đã giết anh tôi, thì tôi phải giết ngài.

Lão già trả lời:

— Trước hết, ta giết anh ngươi, ta đã làm đúng.

Người lính thủy nắm chặt khẩu súng lục.

— Nào - Anh ta bảo.

— Được - Lão già nói.

Rồi, vẫn thản nhiên, lão hỏi:

— Cha cố đâu?

Người lính thủy nhìn lão.

— Cha cố ư?

— Phải, cha cố. Ta đã cho mời cha cố rửa tội cho anh ngươi, ngươi cũng phải mời một cha cố cho ta.

— Tôi không có cha cố - Người lính thủy trả lời.

Và anh ta lại tiếp:

— Giữa biển làm gì có cha cố?

Tiếng súng nổ từng hồi của trận giao chiến nghe cứ xa dần. Lão già nói:

— Những kẻ đang chết ngoài kia vẫn có cha cố.

— Đúng thế - Anh lính thủy lẩm bẩm - Họ có cha tuyên úy.

Lão già nói tiếp:

— Ngươi làm mất linh hồn ta, điều đó thật nghiêm trọng.

Người lính thủy cúi đầu, nghĩ ngợi.

Lão già lại tiếp:

— Làm mất linh hồn ta, ngươi cũng làm mất linh hồn ngươi. Nghe đây, ta thương hại ngươi. Ngươi muốn làm gì thì làm. Còn ta, vừa rồi ta đã làm nhiệm vụ của ta, trước hết thưởng cho anh ngươi và sau đó giết hắn, và giờ đây, ta làm nhiệm vụ cố cứu vớt linh hồn của ngươi. Nghĩ kỹ đi. Việc này có quan hệ đến ngươi. Có nghe những tiếng súng nổ lúc này không? Ở nơi kia có những người tử trận, có những người tuyệt vọng đang hấp hối, có những người chồng sẽ không bao giờ thấy mặt vợ, có những người cha sẽ không còn trông thấy mặt con, những người em cũng như ngươi sẽ không còn thấy mặt anh. Vậy do lỗi lầm của ai? Lỗi tại anh ngươi cả. Ngươi tin ở Chúa, có phải không? Vậy thì ngươi nên biết rằng lúc này, Chúa đang đau khổ! Chúa đau khổ vì người con rất ngoan đạo là đức vua nước Pháp, cũng như Chúa Jésus là con của Chúa, người con ấy giờ đây đang bị cầm tù ở trong tháp Temple; Chúa đau khổ vì giáo hội xứ Bretagne; Chúa đau khổ vì các nhà thờ lớn bị tấn công, vì các bản thánh kinh bị xé nát, vì các nhà nguyện bị xúc phạm; Chúa đau khổ vì các cha cố bị sát hại. Vừa qua chúng ta đã làm gì trên con tàu mà giờ này đang chìm xuống đáy biển? Chúng ta đi cứu Chúa. Nếu anh ngươi là tôi ngoan của Chúa, nếu anh ngươi làm tròn nhiệm vụ của một con người khôn ngoan và có ích thì cái tai họa về khẩu pháo đã chẳng xảy ra, con tàu đã không bị hư nát để không bị lạc hướng, đã không rơi vào hạm đội ma quỷ kia, và có lẽ giờ đây, chúng ta đã đổ bộ lên nước Pháp. Tất cả chúng ta, trong tư thế những chiến binh và thủy thủ anh dũng, gươm trong tay, cờ trắng phấp phới, đông đảo, mãn nguyện, vui sướng và chúng ta còn có thể tới giúp đỡ những người dân quê hiền lành vùng Vendée, để cứu nước Pháp, cứu đức vua, cứu Chúa. Đó là việc chúng ta vừa làm, đó là việc chúng ta sẽ làm, đó là việc mà còn lại mình ta, ta sắp làm. Nhưng ngươi chống lại những việc đó. Trong khi bọn phản đạo chống lại các cha cố, bọn nghịch tặc chống lại đức vua, quỷ Satan chống lại Chúa, ngươi đã đứng về phía quỷ Satan. Anh ngươi là kẻ thứ nhất giúp bọn ma quỷ, ngươi là kẻ thứ hai. Anh ngươi đã mở đầu và ngươi đang làm nốt. Ngươi đứng về phía bọn tặc đạo chống lại ngai vàng, bọn phản đạo chống lại giáo hội. Ngươi định triệt mất cái phương sách cuối cùng của Chúa. Bởi vì ta, người thay mặt đức vua, nếu ta không còn nữa, thì xóm làng còn bị thiêu hủy, các gia đình còn phải khóc than, các cha cố còn phải đổ máu, xứ Bretagne còn bị đau thương, đức vua còn bị cầm tù và chúa Jésus còn nguy nan. Và ai sẽ gây ra cảnh đó? Chính ngươi. Mặc, đó là việc của ngươi. Ta tưởng trông cậy ở ngươi một việc làm trái lại kia. Ta đã lầm. À đúng rồi, ngươi có lý, ta đã giết anh ngươi. Anh ngươi đã tỏ ra can đảm, ta đã thưởng cho hắn, hắn đã phạm lỗi, ta đã phạt hắn. Anh ngươi không làm tròn bổn phận, còn ta, ta không làm sai bổn phận. Điều ta đã làm, ta còn làm nữa. Và ta thề trước bà thánh Anne D’Auray rằng, trong trường hợp tương tự, ta cũng có thể giết con trai ta. Bây giờ, ngươi làm chủ tình thế. Phải, ta thương hại ngươi. Ngươi đã lừa dối chỉ huy. Ngươi, một tín đồ Cơ Đốc, ngươi không có lòng tin; ngươi, dân xứ Bretagne, ngươi không còn chút danh dự nào; ta được ủy thác cho ngươi, con người trung nghĩa, nhưng lại được ngươi đón nhận bằng một tấm lòng phản trắc; ngươi giết ta để đáp lại những người mà ngươi đã hứa cứu thoát ta. Ngươi có biết ngươi sắp giết ai không? Chính là giết ngươi đấy. Ngươi cướp của đức vua tính mạng ta rồi ngươi dâng kiếp vĩnh cửu của ngươi cho ma quỷ. Nào, hãy phạm tội ác đi, được lắm. Ngươi coi rẻ phần được an nghỉ trên thiên đường. Nhờ ngươi ma quỷ sẽ thắng, nhờ ngươi, nhà thờ sẽ còn đổ, nhờ ngươi, bọn vô đạo còn tiếp tục nung chuông để đúc đại bác; đem vật dùng để cứu rỗi linh hồn mà bắn giết người trần gian. Và trong lúc ta đang nói đây thì cái chuông đã từng rung lên trong lần rửa tội lúc sinh ra ngươi, có lẽ đang giết mẹ ngươi. Nào, hãy tiếp tay cho ma quỷ đi. Chớ chùn tay. Đúng, ta đã kết tội anh ngươi, nhưng nên hiểu rằng như thế là tuân theo ý Chúa. A! Ngươi dám phán xét những phương tiện của Chúa! Ngươi sẽ còn phán xét cả sấm sét trên thiên đình nữa chăng? Khốn nạn, ngươi sẽ bị sấm sét phán xét. Hãy coi chừng việc ngươi sắp làm. Ngươi có biết là ta có Chúa phù hộ không? Cứ làm đi. Muốn làm gì thì làm. Ngươi cứ vứt ta vào địa ngục rồi ngươi cũng nhảy theo ta. Quyền đó ở trong tay ngươi. Kẻ chịu trách nhiệm trước Chúa sẽ là ngươi. Ta và ngươi lúc này đối diện với nhau trong vực thẳm. Hãy tiếp tục, làm cho xong, kết thúc đi. Ta già rồi và ngươi còn trẻ; ta tay không và ngươi có vũ khí; giết ta đi.

Trong lúc lão già đứng tuôn ra những lời ấy, tiếng nói sang sảng át cả tiếng sóng biển, những đợt sóng nhấp nhô làm cho lão thấp thoáng lúc trong bóng tối, lúc ngoài ánh sáng; người lính thủy, mặt tái ngắt; trên trán anh ta mồ hôi nhỏ giọt; anh ta run như chiếc lá; chốc chốc, anh ta hôn chuỗi hạt; khi lão già nói xong, anh ta vứt khẩu súng lục và quỳ xuống. Anh ta kêu lên:

— Xin đức ông tha cho con! Tha lỗi cho con; đức ông nói như Chúa phán. Con có lỗi. Anh con đã có lỗi. Con sẽ làm tất cả để chuộc tội cho anh con. Đức ông cứ tùy ý sử dụng con. Đức ông ban mệnh lệnh đi. Con xin vâng theo.

— Ta tha thứ cho ngươi - Lão già nói.

**VI- THUYẾT PHỤC NGƯỜI CANH GIỮ**

(Tường thuật và lược trích từng đoạn từ tiểu thuyết BA NGƯỜI LÍNH NGỰ LÂM của Alexandre Dumas, bản dịch của Hoàng Hà Vũ, chương 50 đến 58 )

Milady là một cô người Pháp, rất xinh đẹp và thông minh, được Giáo chủ Richelieu cử sang Anh làm do thám. Milady bị Hầu tước De Winter cho người bắt về giam giữ tại lâu đài của ông.

Trung úy Felton, một sĩ quan được cho là rất trung thành, rất đáng tin cây, có năng lực và tận tụy được giao nhiệm vụ chỉ huy tốp lính canh giữ, giám sát phòng giam ở tầng cao của lâu đài.

Khi giao việc cho Felton Hầu tước căn dặn: Hãy nhìn người đàn bà này, rất đẹp phải không, nhưng là một vẻ đẹp chết chóc cho những ai đem lòng say mê nó hoặc bị nó rắp tâm quyến rủ. Bới thế, tuy mới 25 tuổi nhưng hồ sơ tội ác của người đàn bà này đã xếp kín một ngăn tủ tòa án. Mọi thứ trên người cô ta được mang ra làm vũ khí để đạt mục đích. Từ nụ cười lả lơi, ánh mắt đong đưa đến thân xác khêu gơi…đều trao hết cho kẻ mà sau khi nhận sẽ trở thành nạn nhân của cô ta….Người đàn bà kia sẽ không buông tha anh đâu, nhất là khi thấy anh trẻ trung, non nớt thế này. Nhẹ thì sẽ khiến anh làm theo mọi ý muốn của cô ta, nặng thì….cắt cổ anh cũng chẳng ghê tay đâu, bạn trẻ của tôi ạ. Felton, ta đã lôi anh ra khỏi nghèo khó, đã cất nhắc anh lên hàng sĩ quan với lon trung úy, đã một lần cứu anh thoát chết, hẳn anh không quên trận chiến đó chứ…Ta không chỉ là người bảo hộ cho anh mà còn là bạn anh, không chỉ là ân nhân mà còn là như cha anh nữa. Nay, người đàn bà này vượt biển sang đây là để mưu hại ta và một người còn quan trọng hơn ta. Song nhờ ơn Chúa ta đã tóm được con rắn độc và đã nhốt nó vào cái lồng kiên cố này. Những việc còn lại ta giao cho anh đấy, Felton, bạn ta và con trai ta. Hãy bảo vệ ta và quan trọng không kém là bảo vệ chính mình. Hãy hứa với ta là con rắn độc này sẽ phải nhận sự trừng phạt tương xứng với những tội ác mà nó gây ra”.

“Thưa Hầu tước, tôi hứa”.

Felton chỉ nói có vậy mà khiến Milady rùng mình. Nó có sức nặng hơn ngàn lần những thưa gửi, thề thốt đi kèm.

Hầu tước De Winter gật dầu, vẻ hài lòng “Con rắn độc Milady sẽ không được nhích một bước ra khỏi căn phòng này với bất kỳ lý do nào, và cũng không được liên hệ với bất cứ ai ngoài anh, hiểu chưa, anh Felton”

“Thưa Hầu tước, tôi hiểu”

Người quan trọng hơn ta mà Hầu tước nói tới là Quận công Buckingham, nhân vật cao cấp của triều đình nước Anh.

Chỉ qua vài quan sát Milady biết rằng Felton theo Thanh giáo. Cô nàng tìm cách gián tiếp thể hiện là tín đồ rất mộ đạo của Tôn giáo này, nhưng bên ngoài lại cố giữ bí mật việc đó và cũng không để lộ việc cô đã biết tôn giáo của Felton. Vào thời gian này Thanh giáo đang bị kỳ thị. Cô định dùng lòng tin tôn giáo để lung lạc chàng sĩ quan trẻ tuổi.

Quận công Buckingham là cấp trên của Hầu tước, Felton là tay chân thân tín của Hầu tước, nhưng Felton lại oán hận Buckingham vì ông chống lại Thanh giáo.

De Winter cho người đưa cho Milady quyển Kinh Misa, cô không nhận, hé lộ rằng không cùng tôn giáo với Hầu tước. Felton hỏi : “ Bà thuộc về giáo phái nào”. Milady trả lời : “Tôi sẽ nói với ông vào ngày mà tôi đã sẵn sàng chết vì đức tin của mình”.

Rồi bằng mưu mẹo hát Thánh thi và cầu kinh, Milady bí mật tỏ cho Felton biết cô có cùng tôn giáo với anh. Khi tiếp xúc với De Winter, bị hầu tước chê bai về tôn giáo, Milady nói xúc phạm đến hầu tước, nhưng cố ý để cho Felton nghe được : “Cái bổn phận hèn hạ, vô luân mà cũng dám khoe khoang ra….Phải, ông thì hợp với những thứ đê tiện đó lắm”. Một lần khác, trước mặt Hầu tước, Milady chắp tay, ngước mắt lên trời, nói: “Ôi, lạy Chúa! Chúa ơi, Xin hãy tha cho con người ấy cũng như chính con đã tha thứ cho ông ta”.

Nghe được những lời như thế trong lòng Felton nảy sinh những ngờ vực.

Trong đêm, khi Milady hát các bài Thánh thi của Thanh giáo thì Felton bị kích thích và hỏi: “Tại sao bà lại hát lên những lời ca ấy với cái giọng mê muội đó”. Nữ tù nhân trả lời “ Xin lỗi ông sĩ quan, tôi đã không để ý rằng bản thánh thi này không phù hợp với nơi đây. Có lẽ rằng tôi đã xúc phạm đến Đạo giáo của ai đó. Song tôi xin thề là không cố tình làm vậy. Tôi xin được ông tha thứ cho”

Felton nói: “Vâng, đúng là bà đã khiến không ít người trong lâu đài phải thở dài, có người còn nhỏ nước mắt…”. Milady thầm thì : “Vâng từ nay tôi sẽ không hát ca gì nữa, thưa ông”.

Felton cuống quýt xua tay, nói: “ Không cần phải thế, có ai cấm bà đâu. Bà chỉ cần hát nho nhỏ thôi, nhất là khi màn đêm buông xuống”.

Milady cầu nguyện cốt cho Felton nghe được: “Lạy Chúa! Người biết rõ khổ đau con mang vì lẽ thánh nào, xin người hãy tiếp cho con sức mạnh để gánh chịu khổ đau ấy….Lạy thánh thần trả hận! Lạy thánh thần nhân từ, Người nỡ nào để mặc con người đó hoàn thành những ý đồ ghê tởm của hắn ư”.

Khi đã phần nào tranh thủ được cảm tình của Felton, cô úp mở cho anh rằng cô không phải là tội nhân mà là nạn nhân, vì để bảo vệ danh dự đã dám chống lại sự xúc phạm của những người cậy quyền thế. Rồi cô bí mật dàn dựng trò chuẩn bị treo cổ tự vẫn. Felton phát hiện, tưởng cô định tự tử thật. Milady nói “Khi bị ép buộc chọn lựa tự sát và chịu ô nhục thì tự sát là tuẩn đạo, thưa ông”.

Felton: “Bà nói quá nhiều, nhưng lại là quá ít. Nhân danh Chúa, xin bà hãy nói ra, hãy giải thích cho rõ.

Milady: “Tôi kể ông nghe những nỗi bất hạnh của tôi để rồi ông sẽ bảo đấy là những chuyện bịa ư?. Tôi chia sẻ với ông những dự định của tôi để ông tố cáo với những kẻ đã bắt bớ, ngược đã tôi?. Không đâu, thưa ông. Vả chăng, sự sống hay chết của một kẻ khốn khổ bị kết án thì can gì đến ông?. Chẳng là ông chỉ phải chịu trách nhiệm về phần xác của tôi hay sao? Thế thì miễn là ông trình ra được một xác chết và người ta xác nhận đấy là xác của tôi, thế thì họ sẽ không làm khó hoặc đòi hỏi gì ở ông đâu, có khi ông còn được ban thưởng gấp đôi là khác”.

Felton kêu lên: “Tôi ư?, Thưa bà?. Bà nghĩ rằng tôi sẽ đổi sinh mạng của bà lấy tiền thưởng ư?. Ôi, bà không biết đã nói gì đâu”.

Biết rằng Felton đã phần nào có cảm tình với mình, đang có tâm trí và trái tim rối bời, Milady tiến lại gần Felton, thốt lên những lời dữ dội bằng giọng du dương, nhưng lần này mang một âm sắc khủng khiếp.

*Hãy cứ nộp nạn nhân cho Baal*

*Hãy ném cho* sư *tử người tuẫn đạo*

*Chúa sẽ làm ngươi phải ăn năn*

*Từ vực thẳm Người sẽ nghe lời ta kêu khóc.*

Felton sững người, chắp tay lại, kêu lên: “ Nàng là ai, nàng là ai. Nàng là sứ giả của Chúa hay sai nha từ địa ngục, là thiên thần hay ác quỷ”.

Milady dịu giọng: “Ngài không nhận ra tôi ư, tôi không phải thiên thần, cũng không phải ác quỷ. Tôi là đứa con của trần thế, là người chị em có cùng tín ngưỡng với ngài, chỉ vậy mà thôi”.

“Vâng, vâng, ta đã ngờ là thế và giờ đây thì ta tin chắc”.

“Ngài tin, song ngài vẫn đồng lõa với đứa con của Belial mà người ta gọi là hầu tước De Winter. Ngài tin nhưng ngài vẫn bỏ mặc tôi trong tay kẻ thù của tôi, cũng là kẻ thù của nước Anh, kẻ thù của Chúa!. Ngài tin, vậy mà ngài nộp tôi cho kẻ làm nhơ bẩn thế gian này bởi tà thuyết và sự đồi trụy của y, ngài nộp tôi cho tên đê tiện mà những kẻ đui mù gọi là quận công Buckingham, còn các tín đồ thực sự gọi là kẻ chống Chúa”.

“Ta nộp nàng cho Buckingham ư?. Không, nàng đang nói xằng gì thế…Xin nàng hãy nói đi, nói ra hết cả. Giờ ta đã thấu hiểu nàng”.

Felton, một đàng thì nghe De Winter kể tội Milady chống lại Buckingham, đàng khác lại cảm tình với cô nàng vì cùng tôn giáo và đang chịu bất hạnh.

Sau vài câu chuyện nữa, Felton nói: “Ôi!, hoặc bà là quỷ dữ, hoặc ngài Hầu tước, ân nhân của tôi, người cha đáng kính của tôi là một con quái vật. Tôi mới biết bà có bốn ngày, nhưng tôi đã yêu kính ngài ấy suốt bốn năm qua. Vậy nên tôi có thể phân vân giữa hai người lắm chứ. Xin bà đừng lo ngại những điều tôi vừa nói. Tôi chỉ muốn được tin chắc. Đêm nay, sau nửa đêm tôi sẽ đến đây gặp bà và bà hãy làm cho tôi tin”.

Milady xua tay : “Ôi không, ngài Felton, người anh em giáo hữu của tôi, sự hi sinh này quá lớn, ngài sẽ phải trả giá quá nhiều. Tôi đã thua rồi, ngài đừng nhảy xuống vực thẳm cùng tôi. Cái chết xác tín hơn là sự sống và thây ma câm lặng của tôi sẽ giúp ngài tin hơn ngàn vạn lời một nữ tù nhân có thể nói”.

Sau vài câu trao qua đổi lại Felton ra đi và nửa đêm trở lại.

Milady nói với giọng nghiêm trang, u buồn: “Felton, ngài hãy hình dung như em gái của ngài đang kể những chuyện này đây. Thuở ấy em còn thơ trẻ, không may lại có chút nhan sắc nên năm lần bảy lượt bị người ta giăng bẫy, em chống cự lại, cạm bẫy và bạo lực liền tăng gấp đôi. Nhưng em vẫn chống lại. Họ bèn lăng mạ tôn giáo mà em phụng sự, phỉ báng cả đức Chúa mà em tôn thờ vì em đã dám kêu cứu đức Chúa cùng tôn giáo cứu giúp. Em vẫn không quy phục. Do không thể làm hại phần hồn họ khiến thân xác em nhơ nhuốc mãi mãi…”

Milady kể rằng nàng đã bị đánh thuốc mê, đưa vào nhốt trong phòng kín của lâu đài, bị làm nhục khi còn mê và cả sau khi tỉnh lại. Từ tủi nhục đến căm thù, cô quyết trả thù, đã dùng dao đâm tên đàn ông khi nó sấn vào ôm cô. Nhưng nó đã mặc áo giáp đề phòng, hằn nói : “*Nàng muốn giết ta ư hở nàng giai nhân Thanh giáo. Này thế thì không phải ghét bỏ nữa mà là vô ơn đấy…”*

Tên đàn ông là một vương tôn công tử, hắn mua chuộc bằng sự giàu sang để đổi lấy sự im lặng của cô, nhưng Milady không chịu. Hắn dọa: “Coi chừng đấy, ta có một biện pháp tối hậu, đừng để ta phải dùng đến nó để khóa miệng nàng lại, hoặc chí ít để không ai tin lời nàng.

Sau nhiều đoạn đấu khẩu qua lại hắn bỏ đi và rồi trở lại, dẫn theo một đao phủ. Tên này quật ngã nàng ra và dùng một thanh sắt nung đỏ áp lên vai nàng. Đó là dấu vết ô nhục có hình tượng một bông hoa huệ.

Milady vén áo, để lộ dấu bông hoa huệ rồi giải thich: “Nếu là dấu sắt nung của nước Anh chúng sẽ phải đưa em ra trước tòa để buộc tội, và em sẽ công khai khiếu nại trước tất cả tòa án trong vương quốc. Song, nếu là dấu sắt nung của nước Pháp thì…ôi thôi. Dấu sắt nung của Pháp thì em đã thực sự bị đóng dấu ô nhục mất rồi.

Bị vặn hỏi tên người đã hại cô, Milady kêu lên: “Sao kia, anh trai của em. Lẽ nào em phải nói ra tên hắn một lần nữa ư, anh không đoán ra kẻ đó là ai. Kẻ thủ ác thực sự, kẻ đã tàn phá nước Anh, bách hại những tín đồ chân chính, kẻ đê tiện đánh cắp danh tiết của biết bao phụ nữ, kẻ hứa hẹn bảo vệ người Tin lành rồi phản bội họ…”

Felton gầm lên: “Buckingham. Đúng Buckingham rồi”. Sau một lúc, anh lẩm bẩm: “Nhưng tại sao Hầu tước De Winter, người bảo bọc của ta, người giống như cha ta lại xen vào chuyện này.”

Milady kể về mối tình, cuộc hôn nhân với chồng cô là Lãnh chúa De Winter, em trai của Hầu tước. Chồng chết khi hai người đang ở Pháp, để lại cho cô toàn bộ gia tài ở Anh. Cô phải từ Pháp sang Anh để tiếp nhận. Buckingham biết chuyện, đã bôi nhọ cô với Hầu tước, một người đã có sẵn thành kiến rằng em dâu là một kẻ ô nhục bị đóng dấu. Hầu tước đã cho người đón đường bắt cô.

Trong lúc hai người đang chuyện trò thì De Winter đến. Sau một tràng cười mỉa mai, ông nói: “ Ai chà, màn cuối của bi kịch đây rồi!, Feiton, đấy anh xem, kịch đã diễn gần trọn, thế mà có giọt máu nào chảy ra đâu.

Milady đối đáp: “Thưa Hầu tước, ngài nhầm. Máu sẽ đổ và cầu cho máu sẻ tưới lên những kẻ gây nên đổ máu.

Milady cầm dao tự đâm vào ngực.

May thay, hay nói đúng hơn, khéo thay, con dao trúng phải khung sắt tấm áo nịt ngực của phụ nữ thời bấy giờ, lưỡi dao trượt đi, làm rách áo, đâm vào thịt giữa hai giẻ sườn. Áo của nàng loang đầy máu. Hầu tước lệnh cho Felton đi khỏi nơi đó, gọi người đàn bà vẫn hầu hạ Milady và để mặc hai người ở đấy. Ông cũng cho người cưỡi ngựa đi mời thầy thuốc. Vết thương không nặng lắm.

Felton và lính canh cũ bị đổi đi. An ninh được tăng cường.

Trong lúc Milady vô cùng hoảng hốt và tuyệt vọng thì giữa đêm Felton đến, cưa song sắt cửa số. Nàng chui qua và thấy viên sĩ quan đang treo mình lơ lửng trên vực thẳm bằng chiếc thang dây.

Vượt qua khó khăn và nguy hiểm hai người ra đến bờ biển, lên chiếc thuyền con, chèo ra một chiếc tàu. Felton nói: “Thuyền trưởng, đây là người tôi nói với ông. Nhiệm vụ của ông là đưa bà ấy đến Pháp an toàn.

Thuyền trưởng: “Để đổi lấy một ngàn đồng Pistol”

“Tôi đã trả trước ông năm trăm”

“Đúng vậy”.

“Năm trăm còn lại ông sẽ nhận khi chúng ta đến Boulogne”.

“Một cách an toàn, thưa bà, đúng như tên tôi là Jack Butler vậy”.

“Nếu được như thế tôi sẽ trao ông một ngàn pistol thay vì năm trăm”.(hết chuyện kể).

Lời bình của NĐC: Nếu Milady đưa tiền hoặc sắc đẹp ra để mua chuộc, để cầu xin thì không thể nào làm cho Felton xiêu lòng.

**VII-Phản biện trong Tam Quốc**

**Bài 1- Hịch kể tội Tào Tháo (hồi 22)**

Tào Tháo nhân danh phò vua nhà Hán cất quân đánh dẹp các thế lực cát cứ địa phương như Công Tôn Toản, Lã Bố, Viên Thuật, Viên Thiệu v.v….

Trước khi khỏi binh chống lại Tào Tháo, người cát cứ Kinh Châu là Viên Thiệu sai thư ký Trần Lâm làm bài hịch. Đó là văn bản phản biện lại lời tuyên bố của Tháo nhân danh Triều đình nhà Hán.

Bài hịch như sau:

“Thường nghe rằng: minh quân nhân nguy để bày kế; trung thần lo nạn để lập công. Bởi thế, phải có người phi thường, mới lập được việc phi thường; có việc phi thường, mới có công phi thường. Cái công phi thường ấy, vốn không phải người thường có thể làm nổi.

“Trước kia nhà Tần vua yếu, Triệu Cao lộng quyền, hống hách trong triều, một tay tác oai tác phúc. Người bấy giờ bị ức hiếp, không ai dám nói cầu gì, đến nỗi có biến ở cung Vọng Di tổ tông nhà nó bị tiêu diệt, để tiếng nhơ nhuốc đến ngày nay, làm gương cho đời.

“Cuối đời Lã hậu, Sản, Lộc, chuyên chính, trong giữ hai đạo quân, ngoài thống lĩnh nước Lương, nước Triệu; chuyên quyền ỷ thế, xử việc ở trong cấm sảnh, kẻ dưới lăng loàn, người trên suy yếu, bốn bể ai cũng lo sợ. Bởi thế Giáng hầu và Chu Hữu hầu tức giận nổi dậy giết sạch kẻ bạo nghịch, lập vua Thái tông nhờ thế đạo vương hưng thịnh, sáng sủa và rõ rệt, ấy tức là cái nêu cao lập công của kẻ đại thần.

“Tư không là Tào Tháo ngày nay: Ông nó là trung thường thị tên Đằng, cùng với bọn Tả Quan, Từ Hoàng hưng yêu tác quái, tham lam rông rỡ, nát đạo hại dân. Bố nó là Tung, làm con nuôi của Đằng, nhân có nhờ đút lót mà được chức vị, xe vàng khiêng ngọc, đem nộp cửa quyền, trộm giữ ngôi cao, làm nghiêng đổ quyền lớn. Đến Tháo: nòi giống sót của hoạn quan, vốn không có đức hạnh, gian giảo độc ác, thích gây ra sự biến loạn, vui mừng thấy sự tai vạ.

“Mạc Phủ đây thống suất hùng binh, quét trừ kẻ hung nghịch, gặp khi Đổng Trác lấn quan hại nước, bèn chống gươm khua trống, phát lịnh ra cõi Đông Hạ, thu dụng anh hùng, bỏ nết xấu để dùng được việc, cho nên mới cùng Tháo hợp mưu, trao cho chức tì tướng, tưởng là tài ưng khuyển có thể dùng được. Không ngờ nó ngu dại, kém mưu lược, khinh thường sự tiến quân và lui quân, đến nỗi thất bại làm tổn thiệt quân sĩ.

“Mạc Phủ lại chia thêm cho quân tinh nhuệ, sửa sang bù đắp cho nó, tâu xin cho nó sang Đông Quận lĩnh chức thứ sử ở Duyện Châu; thân dê chó đội lốt hổ, để nó có chút quyền hành, mong rằng nó sẽ có phen báo thù được trận thua trước như quân Tần báo thù được nước Tấn khi xưa. Nhưng Tháo lại thừa thế bạt hổ, bạo ác càn rỡ, tàn dân, hại người lương thiện. Vì thế quan thái thú Cửu Giang là Biên Nhượng, tài cán giỏi giang, thiên hạ biết tiếng, nói thẳng lòng ngay, không a siểm ai, cũng bị nó hãm hại, đầu phải bêu, vợ con phải tàn sát. Từ đó, sĩ phu ai cũng tức tối, nhân dân lại càng oán ghét; một người vung cánh tay cả châu cùng hưởng ứng; cho nên thân nó bị thua ở Từ Châu, đất nó bị cướp về tay Lã Bố; bơ vơ cõi Đông, không nơi nương tựa, Mạc Phủ nghĩ đến nghĩa gốc mạnh cành yếu và thương nó, không buộc nó vào đảng của kẻ phản nghịch, cho nên lại giương cờ, mặc áo giáp, cất quân sang đánh. Chiêng trống vang lừng, Lã Bố tan vỡ, cứu cho nó khỏi chết, và khôi phục lại chức phương bá cho nó, thế là Mạc Phủ ta tuy không có công gì với dân Duyện Châu, nhưng thực là làm phúc cho Tào Tháo to lắm. Đến khi loan giá trở về, giặc cướp quấy rối (loạn Thôi, Dĩ), bấy giờ Ký Châu đang có việc đề phòng ở cõi bắc, ta chưa rờ ra ngoài được, cho nên sai tùng sự trung lang là Từ Huân sang truyền cho Tháo phải sửa sang chốn giao miếu, giúp đỡ vua nhỏ. Nhưng Tháo dám rông rỡ làm càn, hiếp vua thiên đô, khinh nhờn nhà vua, nát phép loạn kỷ, ngồi giữ cả việc ba đài chuyên chế triều chính, muốn thưởng ai thì thưởng, muốn giết ai thì giết; yêu ai thì người ấy sung sướng đến cả năm ngành; ghét ai thì người ấy phải chết cả ba họ; ai bàn tán phải trái thì trị tội công khai, ai thầm vụng chê bai, thì bị giết ngầm ngấm. Vì thế trăm quan buộc miệng, đường sá đưa mắt nhìn nhau. Còn các quan thượng thư thì chỉ nhớ buổi vào triều đến hội cho có mặt; công khanh thì chỉ gọi là có chức phẩm mà thôi!

“Cho nên quan thái uý là Dương Bưu, từng giữ hai chức tư không và tư đồ, nhất phẩm trong nước, Tháo nhân thế mang lòng ganh ghét, vu cho tội trạng, đánh đập tàn nhẫn, đủ cả năm thứ hình cụ; tự ý làm càn, không nghĩ đến phép nước.

“Quan nghị lang là Triều Ngạn, lời ngay nói thẳng, có thể nghe theo, vì thế vua nghe nói động lòng, thay đổi nét mặt, tỏ ý khen thưởng, nhưng Tháo định che lấp lẽ phải, chặn lắp đường nói năng của mọi người, tự tiện bắt Triệu Ngạn giết đi, không tâu vua biết.

“Lương Hiếu vương, là anh em ruột với tiên đế, lăng mộ của người là nơi tôn quý, dẫu đến cây cối trên mả, cũng phải kính cẩn gìn giữ, thế mà Tháo đem tướng sĩ, khai quật phá áo quan, bỏ lộ thây, cướp lấy vàng báu, đến nỗi vua phải chảy nước mắt, dân sĩ phải đau lòng.

“Nó lại đặt ra quan trung lang tướng, đào mả quan hiệu uý bới vàng; đi đến đâu tàn hại đến đó, xương trong mả phải bới ra cả ngoài. Nó ở ngôi Tam công, làm việc trộm cướp, nhơ cả nước, khổ đến dân, làm hại cả người sống lẫn người chết. Vả lại chính sự tế toái thảm khốc, luật lệ bày ra thật nhiều, khác gì dò bẫy đầy cả khe, hang hố lấp cả đường, giơ tay mắc phải lưới, đụng chân vấp phải cạm. Cho nên ở Duyện, Dự có những người đau buồn, kinh đô có những nhời than vãn. Xem hết cả sử sách xưa nay, những kẻ làm tôi vô đạo, tham tàn ác nghiệt, đến Tháo là cùng.

“Mạc Phủ ta đang phòng ngoại gian, chưa kịp dạy bảo nó, và cũng có ý khoan dung, mong cho nó tu tỉnh lại. Nhưng nó bụng dạ sài lang, mang tâm gây vạ, muốn đạp đổ cột rường, làm cho nhà Hán suy yếu, trừ giết kẻ trung chính chuyên làm kẻ kiêu hùng.

“Trước kia ta gióng trống sang mặt bắc, đánh Công Tôn Toản, quân cường khấu nghịch tặc cự nhau với quân ta một năm, Tháo nhân quân ta chưa đánh được, ngầm đưa thư cho Toản, ngoài mặt giả làm giúp quân ta, kì thực nó định đánh úp quân ta, may được người mang thư tiết lộ mưu gian, Toản phải thua chết. Cho nên nhuệ khí của nó phải nhụt và mưu đồ của nó cũng không thành.

“Nay nó đóng giữ Ngao Xương, chẹn sông giữ biển, muốn đem cánh tay con bọ ngựa chặn đường của xe thần sét.

“Mạc Phủ nay phụng oai linh nhà Hán, dẹp yên bờ cõi, kích dài trăm vạn, ngựa khoẻ nghìn đàn, đem những tướng mạnh như Trung Hoàng, Hạ Dục, Ô Hoạch; dùng cái thế cung cứng nỏ bền, từ Minh Châu vượt núi Thái Hàng; từ Thanh Châu qua sông Tế, sông Luỹ, đại quân qua sông Hoàng Hà đánh mặt trước; quân Kinh Châu xuống đất Uyển, Diệp đánh mặt sau. Sấm vang, hổ sợ, khác gì cầm bó lửa đốt mớ bòng bong, dốc nước bể tưới đống tro tàn, còn cái gì không bị tiêu diệt?

“Vả lại quân sĩ của Tháo người nào có thể đánh trận được toàn là người ở U, Ký, hoặc là quân sĩ của bộ hạ cũ, đều oán giận muốn về quê hương, rỏ nước mắt trông về phía bắc. Còn như dân ở Duyện, Dự và quân sót của Lã Bố, Trương Dương, đều là bị ức hiếp, tạm bợ đi theo nó, vết thương chưa khỏi, quân nọ quân kia thù địch lẫn nhau. Nếu ta lên núi cao đánh tiếng trống, phất cờ trắng chiêu hàng, thế tất đất lở ngói tan, không đợi lưỡi gươm phải dây máu mới dẹp yên được.

“Hiện nay nhà Hán suy đồi, kỷ cương trễ nải, triều đình không có một người phù tá nào giỏi, chân tay của vua không có thể đánh dẹp được giặc; trong kinh đô, những người lão luyện, đều phải cúi đầu khép cánh, không biết trông cậy vào đâu; tuy có kẻ trung nghĩa cũng bị nó ức hiếp, không làm thế nào thổ lộ được khí tiết của mình?

“Vả lại Tháo sai bảy trăm binh lính bộ hạ của nó, vây chốn cung khuyết, ngoài mặt giả làm giữ gìn cho vua, kì thực là nó giam cấm vua. Chúng ta sợ rằng cái mầm thoán nghiệp, nảy ra từ đó. Ấy thực là buổi óc gan lầm đất của trung thần và cái hội lập công của hào kiệt, chúng ta chẳng nên gắng sức dư!

“Tháo nó lại mạo làm chiếu vua, sai sứ cất quân. Ta sợ những châu quận ở xa, tưởng là chiếu của vua thực, cấp quân cho nó, thế là trái với lòng dân và vào hùa với quân phản nghịch, phi cả tiếng mình, lại để thiên hạ chê cười. Những bậc minh triết, tất không làm thế.

“Nay mai, quân U, Tinh, Thanh, Ký, bốn châu cùng tiến lên. Thư ta đưa đến Kinh Châu, xin phải cất quân ngay, cùng quan Kiến trung tướng quân (Trương Tú) họp lại làm cho thanh thế được mạnh.

“Các châu quận cũng nên họp sẵn nghĩa binh, dàn khắp bờ cõi, thị võ dương oai, cùng giúp nền xã tắc. Thế là cái công phi thường sẽ được rõ rệt dựng nên.

“Ai mà lấy được đầu Tào Tháo sẽ được phong tước hầu năm nghìn hộ, thưởng tiền năm nghìn vạn quan.

“Những bộ khúc tướng tá ai chịu quy hàng, đều tha tội hết. Mở rộng ân tín, ban bố phong thưởng. Nay làm tờ hịch này báo cáo thiên hạ, để ai nấy đều biết mà vua đang có lệnh nguy cấp.

“Cấp cấp như luật lệnh!”

Thiệu xem hịch xong mừng lắm, liền sai sứ giả đưa đi khắp cả châu huyện và yết thị các nơi cửa ải, bến đò. Bài hịch truyền tận Hứa Đô. Bấy giờ Tào Tháo đang bị chứng nhức đầu, nằm trên giường. Tả hữu đem bài hịch vào trình. Tháo xem xong rợn tóc rùng mình, mồ hôi toát ra như tắm, khỏi cả nhức đầu, từ giường vùng dậy, ngoảnh lại hỏi Tào Hồng:

- Ai làm bài hịch này?

Hồng nói:

- Bài ấy nghe đâu của Trần Lâm soạn.

Tháo cười nói:

- Có văn hay phải có võ lược đi kèm, văn Trần Lâm, tuy hay nhưng võ lược của Viên Thiệu lại dở, thì làm thế nào!. Bèn họp các mưu sĩ bàn việc nghênh địch.

**Bài 2- Khổng Minh mắng Vương Lãng (hồi 93)**

Khổng Minh kéo quân Thục đến Kỳ Sơn để đánh Ngụy. Vua Ngụy Tào Tuấn cử Đại tướng Tào Chân cùng quân sư Vương Lãng đem binh chống cự. Khi đã dừng binh hạ trại xong Vương Lãng nói với Tào Chân :

- Ngày mai nên sắp xếp đội ngũ chỉnh tề, dàn bày tinh kỳ rợp đất. Lão phu chỉ dùng một câu chuyện, tự khắc Gia Cát Lượng phải chắp tay lạy hàng, quân Thục không đánh cũng phải tan.

Chân mừng lắm, đêm ấy truyền lệnh: Ngày mai, canh tư ăn cơm, sáng sớm binh mã đã phải đông đủ, thanh thế uy nghi, cờ quạt, chiêng trống có thứ tự đâu ra đấy. Bấy giờ, sai người đưa chiến thư trước. Hôm sau hai bên dàn thành thế trận ở trước Kỳ Sơn. Quân Thục thấy quân Ngụy hùng tráng lắm, khác hồi Hạ Hầu Mậu nhiều. Trong quân dứt ba hồi trống, tư đồ Vương Lãng cưỡi ngựa đi ra. Mé trên thì Tào Chân, mé dưới thì Quách Hoài. Hai tướng tiên phong đứng áp hai góc trận.

Quân thám mã ra trước trận gọi to lên rằng:

- Mời chủ tướng bên kia ra nói chuyện!

Trận bên Thục mở cửa cờ, Quan Hưng, Trương Bào chia làm tả hữu đi ra, kìm ngựa đứng hai góc trận. Rồi có một đội kiêu tướng đứng dàn thành hai hàng; Khổng Minh ngồi một chiếc xe bốn bánh, quạt lông, khăn lượt, áo trắng dải thâm, phớn phở ung dung đi ra.

Khổng Minh trông sang trận Ngụy, thấy trước trận che cái lọng, trên cờ đề tên họ rõ ràng. Một người ở giữa, đầu bạc phơ phơ, biết là quân sư Vương Lãng, mới đẩy xe ra, sai tên tiểu mã truyền rằng:

- Hán thừa tướng ra nói chuyện với tư đồ đây.

Vương Lãng giật ngựa đi ra. Khổng Minh ngồi trên xe chắp tay chào. Vương Lãng cũng nghiêng mình đáp lễ.

Lãng nói:

- Lâu nay nghe đại danh của ngài, nay được họp mặt, thật là may lắm! Ngài đã là người biết mệnh trời, hiểu việc đời, cớ sao lại cất quân vô danh làm vậy?

Khổng Minh đáp:

- Ta phụng chiếu ra đánh giặc, sao gọi là vô danh?

Lãng nói:

- Số trời mỗi lúc một khác, thần khí thay đổi mà về người có đức, đó là lẽ tự nhiên. Tự đời Hoàn, Linh trở đi, giặc Khăn Vàng nổi loạn, thiên hạ long lở. Đến đời Sơ Bình, Kiến An, Đổng Trác nổi nghịch. Thôi Dĩ lại nối theo làm càn. Viên Thuật tiếm hiệu ở Thọ Xuân, Viên Thiệu xưng hùng ở Nghiệp Thượng. Lưu Biểu chiếm giữ ở Kinh Châu, Lã Bố lừng lẫy ở Từ Quận. Trộm giặc dấy lên như ong, gian hùng bay ra như cắt. Xã tắc nguy như chồng quả trứng, sinh dân khổ như dốc ngược đầu. May có Thái tổ Võ Hoàng Đế ta, quét sạch sáu cõi, cuốn hết tám phương, muôn dân dốc lòng, bốn phương ngóng đức. Đó không phải là lấy quyền thế ăn hiếp gì ai, thực là lòng trời cho đấy! Thế tổ Văn Hoàng Đế nối giữ nghiệp lớn, ngồi trong nước, coi trị muôn phương há chẳng phải là lòng trời ru? Nay ông cậy tài to, ôm chí lớn, ứng trời hợp người phép Nghiêu Thuấn trị Trung Nguyên để giữ vạn nhà, tự ví mình với Quản, Nhạc, sao lại muốn nghịch lẽ trời, trái tình người mà làm thế ru? Há chẳng nghe có câu rằng: "Thuận với trời thì thịnh, nghịch với trời thì nguy!" ư? Nay Đại Ngụy ta, giáp binh trăm vạn, tướng tá nghìn viên. Cái thứ đom đóm lập lòe trong đám cỏ hôi, địch nổi sao được vầng trăng vằng vặc giữa trời. Ông nên quay gươm cởi giáp, đem lễ lại hàng, không đến nỗi mất vị phong hầu đâu mà sợ, để cho nước được yên, dân được vui, thế chẳng hay lắm ru?

Khổng Minh nghe xong, cười ầm lên nói rằng:

- Ta tưởng ngươi là một vị lão thần nhà Hán, có lời cao luận gì chăng? Ai ngờ ăn nói ngu dốt làm vậy! Ta có một lời này, các quân nín lặng mà nghe:

Khi xưa về đời Hoàn, Linh, nhà Hán suy đốn. Kẻ hoạn quan gây vạ, nước loạn, mất mùa, bốn phương xao xuyến. Sau giặc Khăn Vàng, kế đến giặc Đổng Trác, Thôi Dĩ, hiếp vua Hán đế, tàn ngược kẻ sinh dân. Chốn miếu đường, đồ mục nát làm quan; nơi điện bệ, giống cầm thú ăn lộc. Những kẻ nết muông ruột chó, nhung nhúc đầy triều; những phường gối tớ mặt mo, nghênh ngang quyền chính. Vì thế xã tắc đổ nát, sinh dân lầm than. Ta biết ngươi vốn người ở bến Đông Hải, trước đỗ hiếu liêm, được vào làm quan. Đáng lẽ phải phò vua giúp nước, yên nhà Hán dựng lại họ Lưu mới phải, không ngờ ngươi lại giúp giặc, đồng mưu cướp ngôi. Tội nhiều, ác nặng, trời tất không dong. Người trong thiên hạ, ai cũng muốn xé xác ngươi ra. Nay may lòng trời chưa nỡ tuyệt nhà Viêm Hán, Chiêu liệt Hoàng Đế lại kế thống ở Tây Xuyên. Ta nay phụng mệnh tự quân, cất quân đánh giặc. Ngươi là đứa xiểm nịnh, thì chỉ nên giúp mình rụt cổ, cầu lấy cơm áo cho đủ là xong; sao dám ra chỗ trận mạc, nói năng càn rỡ, đổ tại số trời làm vậy? Quân sất phu đầu bạc, thằng lão tặc râu trắng kia! Nay mai ngươi cũng sắp đến suối vàng, còn mặt mũi nào trông trông thấy hai mươi bốn vua nhà Hán nữa? Lão tặc bước ngay, bảo quân phản thần ra đây, cùng với ta quyết trận sống chết.

Vương Lãng nghe xong, khí uất đầy ruột, kêu hú lên một tiếng, ngã lăn xuống đất mà chết.

**VIII - Phản biện của “người chăn trâu”**

**Chuyện 1- Đào Duy Từ**

Ống sinh năm 1572 ở Thanh Hóa vào thời vua Lê chúa Trịnh. Duy Từ học giỏi, có tài năng nhưng không được vua chúa dùng vì cha làm nghề ca hát. Năm 1625 Duy Từ trốn váo Nam. Ban đầu ở chăn trâu cho nhà phú hộ Chúc Trịnh Long, bạn của Trần Đức Hòa là quan lớn, cận thần của Chúa Nguyễn Phúc Nguyên.

Một hôm Chúc Trịnh Long mở tiệc mời các bậc trí thức bàn luận văn chương. Duy Từ xin phép được đứng dưới thềm để nghe. Gặp đoạn thú vị Duy Từ vỗ tay khen hay. Quan khách hỏi, người đứng dưới thềm là ai mà cũng biết thưởng thức văn chương. Chủ nhà nói rằng đó là người ở chăn trâu. Một ông khách bảo: Chăn trâu thì biết gì mà dám đàm đạo.

Duy Từ cung kính phản biện rằng : Chăn trâu có kẻ là tiểu nhân, nhưng cũng có người là quân tử.

Bị hỏi vặn ai là tiểu nhân, ai là quân tử, Duy Từ nói, tiểu nhân thì nhiều, còn quân tử ví như Bách Lý Hề thời Tần Mục Công, như Ninh Thích thời Tề Hoàn Công. Họ đã giúp các vị ấy làm nên nghiệp bá .

Quan khách nghe nói vậy, ngạc nhiên, cho gọi Duy Từ lên, cùng đàm đạo văn chương. Sau đó chủ nhà đưa Từ lên làm thư ký và được Trần Đức Hòa đón về làm gia sư rồi tiến cử lên chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Sau khi tự mình phỏng vấn, kiểm tra, chúa biết Duy Từ thật sự có tài năng, liền phong chức quan to. Đào Duy Từ trở thành khai quốc công thần lớn của Nhà Nguyễn. Ông mất năm 1635 (hưởng thọ 63 tuổi), để lại công trạng hiển hách và nhiều tác phẩm, trong đó nổi tiếng là tập sách binh thư Hổ Trướng Khu cơ và bài văn Ngọa Long Cương.

**Chuyện 2- Bách Lý Hề**

Ông là người nước Sở, sinh trước Công nguyên, thới Xuân Thu thuộc Đông Chu.Liệt quốc. Bách Lý Hề có tài năng, rất muốn đem tài ra phò vua giúp nước nhưng nhà quá nghèo, không tìm được cơ hội. Ông được vợ khuyến khích nên quyết chí bỏ nhà ra đi tìm minh chủ. Người bạn là Kiển Thúc khuyên rằng, phải rất thận trọng để tìm được người xứng đáng, vì nếu bị nhầm, vội theo người kém tài, thiếu đức thì rồi sẽ hối tiếc, sẽ phạm phải một trong 2 tội khi người đó bị thất bại. Tội quá ngu khi vẫn trung thành với kẻ không ra gì hoặc tội bất trung phản chủ khi họ gặp nạn.

Biết thế, nhưng Bách Lý Hề không chọn được minh chủ, đành phải nhận làm quan cho vua nước Ngu. Vì kém trí tuệ và và tham lam mà vua Ngu bị đánh đổ, mất nước. Bách Lý Hề bị bắt rồi bỏ trốn, nhưng lại bị quân nước Sở tóm được, bắt làm việc giữ ngựa, chăn trâu.

Lúc này vua nước Tần là Mục Công đang cầu hiền tài. Có người mách là nên tìm Bách Lý Hề đang chăn trâu ở nước Sở. Tần mục Công đã nhờ người lập mưu đón được họ Bách đưa về. Sau khi kiểm tra, biết là người giỏi và đã ngoài 70 tuổi, vua Tần nói rằng, tiếc thay ông đã quá già. Bách Lý Hề phản biện:

Nếu đại vương sai tôi đuổi con thú dữ, phá núi, đào sông thì tôi đã già, nhưng nếu để tôi ở trong màn trướng lo toan việc nước thì tôi còn trẻ hơn Thái Công gần 10 tuổi (\*).

Tần Mục Công đã dùng ông vào chức quan to, ông đã giúp Tần trở thành bá chủ, đã đón vợ con về đoàn tụ. Vua nước Sở hối hận là đã có được người tài giỏi mà không biết dùng, lại bắt đi chăn trâu, giữ ngựa.

(\*) Ghi chú : Thái Công, tên là Khương Tử Nha, lúc trên 80 tuổi, ngồi câu trên sông Vị, được Chu Công đón về tổ chức cuộc chiến lật đổ Trụ Vương, lập nên Nhà Chu kéo dài trên tám trăm năm.

**Chuyện 3- Ninh Thích**

Ông là người tài giỏi ở nước Vệ, sinh trước Công nguyên, thời đầu của Đông Chu Liệt quốc. Vua nước Vệ vì ngu và tham mà không dùng được ông. Được tin Tề Hoàn Công là đấng minh chủ, lại có Quản Trọng và Thấp Bằng là những người giỏi giúp sức nên ông sang nước Tề tìm cách tiến thân.

Nước Tề vừa trải qua cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Đầu tiên Quản Trọng theo Công Tử Củ là anh, đánh nhau với Tiểu Bạch là em. Đã có lần Quản Trọng bắn Tiểu Bạch một mũi tên khiến Tiểu Bạch suýt chết và hận thù đến xương tủy. Kết quả cuộc chiến Tiểu Bạch thắng, Củ bị chết. Tiểu Bạch trở thành Tề Hoàn Công, rất muốn giết Quản Trọng, nhưng khi biết Quản trọng là người tài giỏi nên xóa hết hận thù, thu nạp và phong chức Thừa tướng đứng đầu trăm quan, trên cả Thấp Bằng là người đã theo Tiểu Bạch từ trước.

Ninh Thích đến Tề, chưa tìm được cơ hội nên đi chăn trâu cho người ta kiếm kế sinh nhai. Một hôm biết được Quản Trọng và Tề Hoàn công sẽ đi qua vùng ấy nên Ninh Thích đem trâu đến chăn gần đường để đợi. Khi Quản Trọng ngồi xe đi qua Ninh Thích hát to một bài. Quản Trọng nghe được, đoán biết là người tài, cho người mang rượu thịt đến biếu. Ninh Thích cám ơn và tỏ ý muốn được tiếp kiến. Quản Trọng đã cho đón Ninh Thích và hai người trò chuyện thân mật. Qua trò chuyện Quản biết Ninh là người tài giỏi, dặn rằng ta viết một phong thư tiến cử ông với Chúa Công, ông giữ lấy, vài hôm nữa Chúa công qua đây sẽ đem trình để được thu nhận.

Khi Tề Hoàn Công đi qua Ninh Thích hát một bài có ý phê phán triều chính. Hát rằng :

Kìa sông Thương Lang, đá trắng lởm chởm,

Có con cá chép dài một thước hơn.

Nghiêu Thuấn thái bình đã không được gặp,

Áo cộc che thân độ đến ngang lưng,

Ta cho trâu ăn từ tối đến đêm.

Đêm tối mờ mờ, bao giờ thấy sáng!

Tề Hoàn Công nghe thấy lấy làm giận, sai quân đòi đến. Hoàn Công hỏi họ tên rồi bảo:  
- Nhà ngươi là đứa chăn trâu, sao dám gièm chê việc chính trị?

Ninh Thích đáp : Tôi có dám gièm chê chính trị đâu.

Hoàn Công nói:

- Ngày nay trên thì có thiên tử nhà Chu trị vì, dưới thì các chư hầu theo lịnh. Nhân dân vui vẻ, cây cỏ tốt tươi, dẫu đời Nghiêu Thuấn thái bình chẳng qua cũng chỉ như thế. Vậy mà nhà ngươi dám bảo rằng: "Nghiêu Thuấn thái bình đã không được gặp", lại bảo: "Đêm tối mờ mờ, bao giờ thấy sáng". Thế không phải gièm chê chính trị là gì?

Ninh Thích thưa (phản biện) :

- Tôi nghe nói đời Nghiêu Thuấn mưa gió thuận hòa, dân gian không phải lo sợ gì, chỉ việc cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống. Đời bây giờ trái lại, giềng mối đổ nát, giáo hóa suy đồi, thế mà bảo "Nghiêu Thuấn thái bình" thì thật tôi không hiểu được. Vả lại đời Nghiêu Thuấn trừ bốn kẻ hung ác mà thiên hạ được yên. Từ bấy giờ không phải nói mà dân tin, không phải giận mà dân sợ. Nay chúa công mới hội chư hầu, đã thấy nước Tống bội ước, nước Lỗ hiếp thề, chinh chiến quanh năm. Tôi lại nghe nói vua Nghiêu bỏ con là Đan Chu mà nhường thiên hạ cho ông Thuấn, Thuấn không chịu nhận bỏ trốn ra Nam Hà, trăm họ rủ nhau mà theo Thuấn. Bấy giờ ông Thuấn bất đắc dĩ mới lên nối ngôi. Nay chúa công giết anh ruột mà cướp nước, lại mượn uy thiên tử để sai khiến các chư hầu. Vậy thì tôi không biết có phải là lối vái nhường nhau như vua Nghiêu, vua Thuấn ngày xưa không?

Tề Hoàn Công nổi giận, quát:- Đứa thất phu dám nói càn!

Liền truyền quân sĩ dẫn ra chém.

Ninh Thích bị trói dẫn đi, nhưng vẫn nghiễm nhiên, không sợ hãi, ngửa mặt lên trời nói: "Ngày xưa vua Kiệt giết Long Bàng, vua Trụ giết Tỷ Can, nay tôi cùng với hai ông ấy kể là ba người".

Quan Đại phu là Thấp Bằng thưa với Tề Hoàn Công:

- Người ấy không xu phụ quyền thế, không sợ uy nghiêm, chẳng phải là kẻ chăn trâu tầm thường đâu. Chúa công chớ nên giết.

Tề Hoàn Công sực nghĩ lại, cơn giận đã nguôi, bước tới mở trói cho Ninh Thích và nói:

- Ta thử nhà ngươi đó thôi, nhà ngươi thật là người khí phách.

Ninh Thích bấy giờ mới đem bức thư giới thiệu của Quản Di Ngô dâng lên. Tề Hoàn Công xem xong, mỉm cười bảo:

- Đã có bức thư của Trọng Phụ, sao không đưa ngay.

Ninh Thích thưa:

- Tôi nghe nói vua hiền chọn người mà dùng, tôi hiền chọn chúa mà thờ. Nếu chúa công ghét người thẳng, ưa người nịnh mà nhân lên cơn giận giết tôi, thì tôi thà chết đi, chớ quyết không đưa thư của quan Tể tướng làm gì nữa.

Tề Hoàn Công bằng lòng lắm, truyền cho ngồi một chiếc xe sau. Tối hôm ấy, khi đóng quân lại nghỉ, Hoàn Công sài thắp đèn lên tự đi tìm mũ áo. Có tên cận thần là Thụ Điêu hỏi:

- Chúa công cho tìm mũ áo có phải muốn phong cho Ninh Thích chăng?

- Phải.

Thụ Điêu thưa:

- Từ nước ta sang Vệ cũng chẳng xa bao nhiêu, sao chúa công không cho người sang hỏi dò xem. Nếu thực là hiền, bấy giờ sẽ phong tước cho, có chi mà vội.  
Tề Hoàn Công nói:

- Người này là một bực đại tài không câu nệ những điều nhỏ nhặt. Hoặc giả khi ở nước Vệ, cũng có vài điều lỗi nhỏ, nếu dò hỏi biết những điều lỗi ấy chẳng lẽ lại phong tước cho. Còn nếu bỏ đi không dùng thì đáng tiếc lắm.

Nói xong, ngay đêm hôm ấy phong cho Ninh Thích làm quan Đại phu, để cùng với Quản Di Ngô trông coi quốc chính.

**IX - Ba bài phản biện của Phan Khôi**

**Bài 1- Bác cái thuyết** **“Nước Pháp giúp nước Nam về hồi cuối thế kỷ XVIII”**

*Thấy*[*bài của M. Trần Huy Liệu biện luận về quốc sử*](http://www.websurf.in/browse.php/TysYOvKW/vhyxUOnd/sSXt1S40/1GLTCYZB/VrssfrTq/doWsQrno/WoO2mZ1l/pgLzPTpV/QRPy0Q_3/D_3D/b29/)*đã đăng ở bổn báo số trước có nhiều chỗ sai lầm thái quá và lại có giọng tự phụ vô cùng, tỏ ra trình độ học thức có lẽ còn thấp kém thua một kẻ sơ học, nên ông C.D. không buồn trả lời; song nay ông viết bài này cũng tựa như là trả lời gián tiếp cho M. Trần Huy Liệu vậy*.

                                                                                                                          Đ.P.

            (*Tòa kiểm duyệt bỏ hết một đoạn*).

Sử sách còn rành rành ra đó, không ai bịt mắt ai được, mà cũng không ai bưng mồm ai được, có người nói bướng thì phải có người cãi lại. Sự cải lại ấy không phải là hiếu thắng: chỉ vì, một là yêu lẽ thật, hai là muốn trừ cái hại cho nước về sau.

Về cái thuyết "nước Pháp giúp nước Nam" nầy, tôi có thể dẫn chứng trong nhiều sách của người Pháp người Nam chép ra mà đoán là lời không thật. Tiếc thay, trong khi có một cớ riêng buộc tôi phải vội vàng viết bài bác luận nầy thì trong tay tôi không có đủ sách mà tra khảo, cho nên chứng cứ không được dồi dào lắm. Dầu vậy, một chút chơn thực cũng đủ đánh đổ muôn vàn cái giả dối.

Việc nầy quan hệ với nước Nam nhiều hơn, cho nên phải lấy sử sách của người Nam chép ra làm chủ yếu.

Sách *Đại Nam chánh biên liệt truyện* về truyện Bá Đa Lộc chép rằng:

"Năm Giáp Thìn (1784), mùa thu, vua (Gia Long) lấy quân Xiêm về đánh Gia Định, bị thua. Vua lại trở qua nước Xiêm, sai người sang Chơn Bôn vời Bá Đa Lộc về phò Hoàng tử Cảnh qua Tây cầu viện. Ở Tây bốn năm, người Tây không có thể giúp được ; năm Kỷ Dậu (1789) khi vua đã lấy lại Gia Định rồi, Bá Đa Lộc bèn đem Hoàng tử Cảnh trở về".

(Xem *Đại Nam chánh biên liệt truyện* cuốn 28, tờ 8).

Sách *Quốc triều chánh biên toát yếu*, về năm Quý Mão (1783) vào năm vua Cao hoàng tức vị tại Gia Định được bốn năm, chép rằng:

"Vua nghe Bá Đa Lộc ở Chơn Bôn (đất Xiêm), sai người đi mời về. Bá Đa Lộc là người nước Pháp, thường đi truyền đạo trong các xứ Chơn Lạp và Gia Định, đã từng đến yết kiến vua, vua lấy khách lễ mà đãi. Lúc đó mời đến, vua bảo rằng: Vận nước ta đương hồi khốn khó, giặc giã chưa yên, thầy cũng vẫn biết; bây giờ thầy có thể vì ta đi sứ bên nước Tây, nói với họ đem binh qua giúp ta không? Bá Đa Lộc bằng lòng xin đi, và hỏi lấy gì làm con tin. Vua đáp rằng: Con trai ta là Cảnh, lên bốn tuổi, nay ta đem nó mà phó cho thầy, thầy hãy giữ gìn lấy nó, đường sá xa xuôi, nếu gặp sự ruổi ro gì thì bảo hộ nó một chút. Bá Đa Lộc vâng lời.

Vua cùng bà phi gạt lệ mà đưa đi. Vua có sai phó vệ uý là Phạm Văn Nhân và Cai cơ là Nguyễn Văn Liêm đi với".

Về năm Giáp Thìn (1784), chép rằng:

"Phạm Văn Nhân, Nguyễn Văn Liêm cùng Bá Đa Lộc phò Hoàng tử Cảnh qua Đại Tây Dương, đến Tiểu Tây Dương, nghe bên Đại Tây trong nước có việc, bèn trú lại tại thành Phong-ti-thê-gi (Pondichéry)."

Về năm Bính Ngọ (1786), chép rằng:

"Bá Đa Lộc đem Hoàng tử Cảnh qua Đại Tây, còn Phạm Văn Nhân, Nguyễn Văn Liêm trở về Mang-cốc tâu cho vua biết."

(Vì bấy giờ vua Cao hoàng đã chạy qua trú ngụ bên nước Xiêm.)

Về năm Kỷ Dậu (1789), chép rằng:

"Tháng Sáu, Hoàng tử Cảnh ở Tây về. Số là Bá Đa Lộc đem Hoàng tử Cảnh đi cầu viện, hơn hai năm mới đến nước Tây. Vua nước ấy lấy vương lễ mà đãi Hoàng tử. Song nhơn vì trong nước có việc ! bèn cho kẻ thuộc hạ là Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Văn Chấn theo Bá Đa Lộc đưa Hoàng tử về. Về đến nơi, vua cả mừng, Thắng và Chấn(\*) xin ở lại làm tôi tớ, vua bổ cho chức cai đội và ban cho một ngàn quan tiền".

(Nhẫn lên xem *Quốc triều chánh biên toát yếu* cuốn 1, tờ 6-7, 9-10, 17)

Cứ như hai sách đó, dầu rằng biên chép sơ lược quá, song cũng đã là rõ ràng. Nói rằng "người Tây không có thể giúp được" và nói rằng "nhơn vì trong nước có việc bèn sai người đưa Hoàng tử về" thì đủ biết lúc bấy giờ nước Pháp không có đem binh lính hay là khí giới gì qua giúp cho vua Gia Long hết. Nếu quả nước Pháp đã có giúp gì cho vua An Nam ít nữa cũng phải có chép lấy một vài lời, chứ không có lẽ nào bỏ qua đi được.

Tuy vậy, chúng ta lấy con mắt nhà sử học mà xét thì hai cái chứng cớ ấy cũng chưa đủ lấy làm tin, vì thường tình cũng có lấy sự mang ơn kẻ khác làm xấu hổ, hoặc giả nước Pháp có giúp thật mà sử gia An Nam giấu đi để có phi ơn, cũng chưa biết chừng.

Nếu vậy thì, bước tới một bước nữa, chúng ta hãy tra xem sách của chính tay người Pháp viết ra.

Sách *Việt Nam cận thế sử* (*Histoire moderne du Pays d'Annam*) của ông văn khoa tấn sĩ Charles B. Maybon chép việc nầy đầu đuôi rõ lắm song sự tích khí dài không thể dịch y theo nguyên văn mà lục ra đây được, vậy xin tóm tắt lại như dưới nầy.

Nguyên khi Cao hoàng sai giám mục d'Adran (tức Bá Đa Lộc) phò Hoàng tử Cảnh qua Pháp thì có phó cho một bức thơ, trong có 14 khoản đại lược nói nhờ nước Pháp giúp cho 1500 quân và tàu bè súng ống thuốc đạn thì ngài sẽ nhường cho nước Pháp cửa Hàn, đảo Côn Lôn và để quyền buôn bán trong nước mình riêng cho nước Pháp chớ không cho nước nào khác bên Âu châu dự vào.

Giám mục d'Adran ở nước An Nam ra đi ngày tháng chạp năm 1785 đến cuối tháng hai năm sau thì đến Ấn Độ tại Pondichéry. Bấy giờ Coutenceau des Algrains làm tổng đốc cai trị năm tỉnh của Pháp ở Ấn Độ, giám mục liền nói ngay với ông nầy xin đem quân sang giúp Cao hoàng. Coutenceau từ chối rằng việc ấy phải chờ lịnh vua Pháp chớ mình không giám tự chuyên. Rồi d'Adran với Hoàng tử trú lại ở đó. Sau đó Charpentier de Cossigny sang thay cho Coutenceau cũng không chịu nhận lời d'Adran, chỉ cho tàu chở cả bọn d'Adran về Pháp mà thôi.

Đầu tháng hai năm 1787 thì d'Adran tới cửa biển Lorient nước Pháp rồi đến Paris. Giám mục đưa Hoàng tử(\*\*) đi dự các hội hè và đến đâu cũng cổ động rằng việc giúp vua An Nam là việc nghĩa và cũng có lợi. Người vận động đến các quan lớn trong triều, nên không bao lâu thì được vào yết kiến vua Louis XVI. Người hết sức nói cho vua nghe việc cứu vua nước Nam là phải, thì vua nhận lời. Tháng 11 năm ấy vua Louis XVI ký tờ Pháp Việt giao ước tại Versailles, song cái quyền thi hành tờ giao ước ấy cũng ví rằng ông nầy ở đó thì rõ việc nước Nam hơn.

Cũng trong lúc ấy bộ ngoại giao nước Pháp có viết thơ cho De Conway mà dặn rằng nhà vua đã giao việc nầy cho thì phải cẩn thận, nhứt là nhà vua đương túng bấn về đường tài chánh mà định bỏ ra 20 vạn đồng bạc để làm việc nầy thì khí nguy hiểm; vậy phải liệu cử binh mà có lợi thì hãy cử không thì thôi, đừng làm gì si sứt đến món tiền hai mươi vạn ấy.

Giám mục d'Adran và Hoàng tử Cảnh ở Pháp về, ngày 18 tháng 5 năm 1788 thì đến Pondichéry. Giám mục đến yết kiến De Conway, xin cấp tiền công cho mình và hoàng tử để tiêu dùng thì ông ấy không cho; và xin phái một chiếc tàu nhỏ đi báo tin cho Cao hoàng thì cũng trớ(\*\*\*) và không chịu. Từ đó hai người không ưa nhau. Khi nào d'Adran nói đến việc cử binh giúp vua An Nam thì De Conway cũng kiếm lời nói trớ đi, nhứt định không chịu.

Tháng ba năm 1789, d'Adran có được một bức thơ ở Nam Kỳ gởi sang nói rằng: "Bây giờ Nguyễn chúa đã lấy được năm tỉnh phía Nam rồi, có nhiều tàu chiến và có thể mộ thêm bảy tám vạn binh; song ngài chỉ ước ao có một đạo binh lớn nào đến làm thanh viện, cho lòng dân thêm vững". D'Adran bèn viết thơ xin De Conway gởi cho Cao hoàng một chiếc tàu to, mấy chiếc tàu nhỏ, một trăm lính pháo thủ, sáu khẩu súng lớn và thuốc đạn, và có nói rằng, về tổn phí các món trên đó, Nguyễn chúa sẽ chịu cho. Song De Conway cũng không nghe.

De Conway lại còn viết thơ về bộ ngoại giao mà bác lời d'Adran đi. Vì vậy nên triều đình Pháp mới quyết định không thi hành tờ giao ước ấy nữa. Việc ấy có chứng đành rành. Một là lời phê của quan Thượng ngoại giao phê trong tờ bẩm của ông Moracin ngày 20 tháng 7 năm 1788 rằng: "Tôi đã thay mặt Hoàng thượng tư cho ông De Conway hoãn việc cử binh qua Nam Kỳ rồi". Hai là bức thơ của Cao hoàng gởi sang Pháp, về đầu năm 1790 trong đó cảm ơn vua Louis XVI có lòng tốt giúp ngài, song lại nói cho vua biết rằng quan tổng đốc Pháp ở Ân Độ là người do dự không chịu thi hành các khoản mà vua đã hứa giúp ngài."

(Nhẫn lên lấy ở thiên thứ V và thứ VI trong sách *Việt Nam cận thế sử*).

Thế là việc Cao hoàng sai Bá Đa Lộc phò Hoàng tử Cảnh sang cầu viện bên nước Pháp rút lại không hiệu quả gì cả. Sách của ông Charles Maybon chép đây có kỹ lưỡng hơn, song đến chỗ kết cục thì cũng không trái với sử sách của người An Nam làm ra.

Đến như cái công của Giám mục Bá Đa Lộc đối với Nguyễn triều thì chúng tôi không hề chối. Chúng tôi cũng nhìn nhận rằng khi Bá Đa Lộc ở Ấn Độ về, có đem theo các người Tây và tàu bè, súng ống, thuốc đạn để giúp vua Cao hoàng.

Sử An Nam chép việc nầy rời rạc và không rõ ràng lắm, không thể trưng dẫn được; song sách của ông Maybon thì chép rõ. Cứ theo sách ấy thì lúc bấy giờ Bá Đa Lộc nhờ mấy nhà buôn Pháp ở Pondichéry và Ile de France giúp tiền cho, lại hồi đó vua Cao hoàng cũng đã có tiền để mà chi dụng về việc quân phí, nên người mới mua được tàu bè súng ống và đưa lần lần về Nam Kỳ.

Đầu hết có tàu La Dryade đến tại đảo Côn Lôn, chở một ngàn khẩu súng mua cho đức Cao hoàng. Sau có chiếc La Garonne và chiếc Le Robuste ở Ile de France chở súng đến; trong tàu Garonne có hai khẩu súng đại bác. Vào mùa thu năm 1789 có chiếc Le Moyse và chiếc Saint-Esprit chở thuốc đạn và lương thực đến Nam Kỳ. Tháng bảy năm ấy, Giám mục Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh cũng đáp tàu Méduse về tới nơi.

Bá Đa Lộc có rủ được nhiều người Pháp cùng đến, lắm người đương có chơn trong đạo hải quân Pháp mà cũng bỏ, đi theo người. Trước hết có Victor Olivier đến ngày 19 tháng 9 năm 1788 theo vua Cao hoàng. Sau có những ông J. Baptiste Guillon, Guillaume, Guilloux, Théodore Lebrun, Magon de Médine, Julien Girard, L'Isle Sellé Vannier, de Forsans, Laurent Barisy và hai người thầy thuốc là Desperles và Despiau. Có công nhứt là D'Ayot, ông nầy có rủ anh mình là Félix đến nữa. (Nhẫn lên lấy ở thiên thứ VII trong sách *Việt Nam cận thế sử* ).

Bấy giờ thế Tây Sơn đã rúng lắm và kế đến Nguyễn Huệ đau chết, vua Cao hoàng đã đắc thắng luôn mà lại nhờ có các người Tây và khí giới tàu bè ấy nữa, nên dễ mà đánh lấy lại đất cũ của chúa Nguyễn và thống nhứt nước Nam.

Vậy thì, nhơn thấy giám mục Bá Đa Lộc nhờ tiền của mấy nhà buôn Pháp hoặc lấy tiền của vua Gia Long gởi sang mà mua tàu súng và mộ người Pháp về giúp vua để đánh lại Tây Sơn, rồi nói rằng đó là nước Pháp giúp, có được không? Không được, vì đó là mấy mươi người riêng của nước Pháp giúp, chứ không phải chính nước Pháp giúp. Mấy mươi người ấy hoặc có vì lòng háo nghĩa chăng nữa, song đã không phụng mạng bổn quốc mình, ăn lương của vua Cao hoàng mà đi đánh giặc mướn, thì người ta chỉ coi như một bọn lính thuê mà thôi.

*(Tòa kiểm duyệt bỏ hết một đoạn)*

Nói rằng nước Pháp giúp đi nữa, thì sự giúp ấy cũng chỉ giúp vua Gia Long mà thôi, nào có giúp gì cho nước An Nam mà hòng kể công với dân An Nam? Vì bấy giờ, cuộc loạn trong nước Nam chỉ là một cuộc nội tranh, bên nào thắng thì làm vua đó thôi, còn dân An Nam vẫn cứ làm dân, và nước An Nam cũng không hề bị mất mà.

Trái lại, phỏng khiến nước Pháp bấy giờ quả quyết thi hành theo như giao ước mà đem quân sang giúp Cao hoàng, thì có lẽ nước Nam lại vong quốc ngay bởi nước Pháp trong lúc đó chưa biết chừng. Ừ, quả vậy thì cái công ơn ấy mới lớn cho! Mà cái giả thuyết ấy có lẽ lắm, vì về việc nước Pháp không giúp cho đây, một nhà trứ thuật người Pháp là ông Faure có lấy làm tiếc mà nói mấy lời như vầy: "Giá phỏng bấy giờ chánh phủ Pháp sẵn lòng giúp Giám mục d'Adran thì có lẽ ông ấy đã lập nên cho nước Pháp thành cuộc bảo hộ ở nước Nam từ cuối thế kỷ XVIII rồi, không cần về sau phải dùng đến binh lực mới thành công được."

Cứ lời ấy mà suy, thì sự giúp nhau lại là sự nguy hiểm lắm. Mà phải, tổ tiên An Nam chúng tôi đã hiểu thấu điều đó nên có đặt ra câu cách ngôn mà dặn dò chúng tôi rằng đừng có "rước voi về giày mồ"! [...]

Nước Nam còn được tự chủ già nửa thế kỷ rồi mới bị nước Pháp chinh phục, sự ấy người An Nam ta nên cảm ơn ai? Có lẽ nên cảm ơn bộ ngoại giao về đời vua Louis XVI và quan Tổng đốc ở Ấn Độ bấy giờ là ông De Conway mà thôi. Còn những ông giám mục Bá Đa Lộc, chúa tàu Long, chúa tàu Phụng, vân vân, đối với nước An Nam, dân An Nam thật không có một mảy ân tình chi hết, dầu mà mỗi năm đến ngày mồng 2 tháng năm, Nam triều có làm lễ kỷ niệm các ông ấy tại nhà chung Phú Cam rất trọng thể.

Bây giờ chúng tôi lại cảm ơn ai nữa? Chúng tôi lại còn cảm ơn ông Charles B.Maybon, vì ông đã viết bộ *Việt Nam cận thế sử*, mà lưu lại những tài liệu chơn thật về cuộc Pháp-Việt giao thiệp hơn một thế kỷ về trước cho chúng tôi, nhờ những tài liệu ấy, chúng tôi có thể đánh đổ những sự giả dối của mấy nhà làm sử bất công ngày nay vậy.

**C.D.**

*Đông Pháp thời báo*, Sài Gòn,

                                                      s.720 (15.5.1928) ; s.721 (19.5.1928)

-----------------

\* Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Chấn là những người Pháp; sách *Quốc triều chính biên…*ghi theo họ tên đã Việt hoá của họ sau khi họ đã trở thành cận thần của vua Gia Long;

\*\* bản gốc là *Hoàng nữ*, hẳn do in sai, ở đây sửa lại;

\*\*\* *trớ:* tránh, lảng; *nói trớ đi:* nói lảng đi (*Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, sđd.)

**Bài 2- Cái dốt của triều đình Huế**

Mấy lâu tại triều đình Huế có đặt một sở biên tập để làm một bộ *Hán Việt từ điển*.

Họ đã bắt đầu xuất bản một tập rồi.

Tập *Hán Việt từ điển* nầy chính nhà biên tập tự gọi là bản thảo, chứ chưa phải sách. Chúng tôi tạm gọi là sách, là vì nó đã in ra và đóng lại thành tập.

Trong số 20 của tập ấy có lắm cái quái hiện hình ra mà chúng tôi đã xem thấy.

Trong số 20 nầy thấy mấy người đứng tên biên tập khác với mấy người đứng ở các số trước, nhứt là ông Hồ Đắc Hàm, thay cho ông Nguyễn Bá Trác, làm chủ sở biên tập.

Vậy thì, trong số nầy nếu có điều chi sai lầm, người ta sẽ đổ trách nhiệm cho ông Hồ Đắc Hàm chớ ai?

Chúng tôi nói câu ấy là có ý kêu oan cho ông Hồ, vì ông có quen làm những việc như là việc biên tập từ điển đâu, mà bắt ông ra làm chủ, rồi đổ vãi trách nhiệm cho ông!

Những việc của các quan Nam triều làm ra, quá nửa là việc để cho người ta phì cười!

Tợ hồ như mấy người biên tập *Hán Việt từ điển* số 20 nầy không hiểu chữ "Từ điển" nghĩa là gì, nhứt là không hiểu chữ "Từ" nghĩa là gì.

Tôi xin cắt nghĩa:

Từ điển khác với Tự điển. Tự điển mỗi điều(\*) chỉ có một chữ, mà từ điển mỗi điều phải từ hai chữ sắp lên đến sáu bảy chữ. ấy là vì chữ "Từ" khác với chữ "Tự" "Từ" nghĩa là lời, "Tự" nghĩa là chữ, hiệp nhiều chữ lại mới thành lời.

Nhưng không phải hễ thấy lời nào có nhiều chữ mà cho là "từ" hết thảy được đâu. Phải biết thế nào mới gọi là "từ " được.

Từ (lời) là hiệp mấy tự (chữ) lại mà thành ra, để chỉ tên một sự vật hoặc một danh lý, để biểu thị một ý tưởng hoặc một tình cảm của người ta; song, tuy có nhiều chữ mà đã thành ra như một chữ, và nó có cái vẻ đặc biệt, gần gần như là một cái điển cố vậy. Tức trong tiếng Pháp gọi là expression(\*).

Phải lấy ví dụ cho rõ hơn. Vậy như: *Thiên mã*  thì gọi là từ được, mà *tẫn mã*  hay *dịch mã*  thì không gọi là từ được.

Bởi vì, đời vua Võ Đế nhà Hán có được một con ngựa bên Tây Vực hay lắm, bèn đặt tên là thiên mã, nghĩa là con ngựa của trời, thế thì *thiên mã* là tên đặc biệt, cho nên gọi là từ. Và chữ *thiên mã* ấy đáng để vào từ điển, vì sau nầy có con ngựa nào hay như con ngựa ấy thì người ta có thể dựa theo đó mà gọi nó là *thiên mã* được. Còn *tẫn mã* là ngựa cái, *dịch mã* là ngựa trạm, chẳng qua lấy chữ *tẫn* chữ *dịch* ghép với chữ *mã*mà thôi, là phổ thông, không phải là đặc biệt, cho nên không gọi là từ được, và không đáng đem vào từ điển.

Ấy vậy mà trong số 20 của tập *Hán Việt từ điển* nầy có nhiều chữ không đáng gọi là từ và không đáng thu vào Từ điển như cái ví dụ "tẩn mã" và "dịch mã" ấy.

Đại để như: về chữ *hưu*, điều thứ 4: *Hưu mộc sở*; về chữ *Nễ*, điều thứ 4: *Nễ môn Hoàng đế*, đều không phải là từ, mà các ổng cũng cứ việc thu vào.

Nếu là Từ điển mà thu vào những chữ như vậy thì giấy nào mà chứa cho hết, in mấy mươi đời cho rồi?

Tuy nhiên, mấy điều đó chưa dốt mấy, điều nầy mới là dốt, mới là cực dốt!

Về chữ *Hưu,* điều thứ 5, tôi xin chép y theo nguyên văn như vầy:

**Hưu số hoang đường**: Số tốt rộng lớn. **Vương đào, Trang xuân**: Cây đào bà Vương, cây xuân ông Trang, số tốt rộng lớn (bài tụng của Dực Tôn chúc bà Chương hoàng hậu trong lúc lục tuần đại khánh tiết, ý muốn chúc cho số bà được rộng lớn lâu dài như cây đào bà Vương và cây xuân ông Trang) *(Đại Nam chính biên hậu phi liệt truyện*).

Thiệt rõ ra là các ông biên tập *Hán Việt từ điển* bướng quá, bậy quá, và dốt quá!

Có đời nào ai lại cắt nghĩa chữ *hưu số* là "số tốt" và chữ *hoang đường* là "rộng lớn" bao giờ? Có sách nào, có từ điển nào cắt nghĩa chữ *hoang đường* là "rộng lớn", xin hỏi các ông?

Xin các ông chịu khó mà nghe tôi:

Đó không phải là "hưu số hoang đường" như các ông đọc bậy đâu, mà chính nó là "*hưu sổ* *hoang đường*".

*Hưu sổ* nghĩa là đừng kể. "*Vương đào Trang xuân hưu sổ hoang đường*" nghĩa là: đừng kể chuyện hoang đường như chuyện cây đào của Tây Vương Mẫu và cây xuân của Trang Tử.

Giá phỏng các ông cắt được đúng nghĩa như tôi, là điều nầy cũng không đáng đem vào Từ điển, vì nó không phải là từ, huống chi các ông lại cắt nghĩa bậy nữa!

Các ông quả là to gan dám cắt nghĩa bậy một câu văn của vua Dực Tôn(\*\*) mà đem in ra! Chớ nào viện đô sát ở đâu? Chớ nào các quan ngự sử ở đâu?

Chúng tôi chỉ trích như vậy, các ông chắc không còn chỗ nào cãi được nữa, các ông sẽ nói mềm mỏng rằng đó chẳng qua là bản thảo, còn đợi các nhà văn học phủ chính lại nữa.

Các ông nói phải! Chúng tôi chẳng có trách nữa làm chi.

Song le, chúng tôi chỉ lấy lòng chơn thành mà trách các quan Nam triều sao có chuẩn ra mỗi năm hai ngàn đồng bạc để cho các ông vẽ cua vẽ còng như vậy? Ừ! Tiền cứ ăn, viết bậy cứ viết rồi thiếu chi người phủ chính!

Người An Nam ta từ Nam chí Bắc chán biết cái dốt của các ông biên tập *Hán Việt từ điển* bây giờ, chẳng dấu làm chi; song các quan Nam triều nếu còn muốn giữ thể diện cho triều đình đôi chút thì nên chú ý đến việc nầy, kẻo ngoại quốc người ta cười lắm. Vì có lẽ các ngài không thèm ngó đến tập *Hán Việt từ điển*, không hề biết nó mặt ngắn hay mặt dài, song chúng ta biết rằng các ông cố đạo cho bộ sách ấy là quan hệ lắm, thường xem xét đến luôn.

**C.D.**

đăng trong mục "Câu chuyện hằng ngày"

*Đông Pháp thời báo*, Sài Gòn, s.717 (8.5.1928)

-----------

\* *expression* (tiếng Pháp): thành ngữ, từ tổ cố định;

\*\* vua Dực Tôn (đúng ra là Dực Tông) tức là Nguyễn Phúc Thì tự Hồng Nhậm (1829-1883), lên ngôi Hoàng đế Đại Nam với niên hiệu Tự Đức (1848-1883), khi mất được đặt miếu hiệu Dực Tông.

**Bài 3- Sự dùng người của chánh phủ**

 Vẫn biết việc chánh trị của chánh phủ Pháp là theo lối pháp trị, chớ không theo lối “nhân trị” như triều đình An Nam ngày xưa. Theo lối pháp trị thì đã có hiến pháp và pháp luật làm thầy cho nên trong sự dùng người, cứ quý hồ người nào làm được việc thì thôi chớ không cần đến cái tư cách riêng của người ấy cho lắm. Hay là, muốn nói cho dễ hiểu hơn thì nói rằng trong sự dùng người chỉ trọng về đằng *tài* chớ ít trọng về đằng *đức.*

Vẫn biết vậy rồi, nhưng mà đối với dân tộc Việt Nam trong sự cai trị, chưa có thể rặt ròng khuynh hướng về phương diện ấy được đâu; nói trắng ra tức là chưa có thể chuyên dùng lối pháp trị.

Người Việt Nam trải lâu đời ở dưới quyền quân chủ, ở dưới quyền Nho giáo, ai nấy đều trông lên ông quan mà tôn là một hạng người “dĩ đức hóa dân”; chẳng những coi quan trên như cha mẹ mà thôi, lại cũng coi như thầy dạy nữa. Cho nên, một ông chủ tỉnh (Administrateur de la province), theo con mắt người Pháp thì chỉ coi như một ông quản lý của một nhà buôn; song theo con mắt người An Nam, thì coi là quan hệ với mình lắm, là cha mẹ và thầy mình.

Theo ý chúng tôi thì làm dân đời nay mà đối với quan lại, còn có cái quan niệm ấy, là không tốt. Song sự ấy chúng tôi đem mà bàn luận ở đây[(\*)](http://www.websurf.in/browse.php/TysYOvKW/vhyxUOnd/sSXt1S40/1GLTCYZB/VrssfrTq/doWsRrrM/XI_2Bcgr/x5oAD7IR/Z4LA7n_2/F1qZdbCD/B1qMXo6B/b29/). Ở đây chúng tôi chỉ vạch đến chỗ ấy ra, là cốt muốn cho chánh phủ chớ[(\*)](http://www.websurf.in/browse.php/TysYOvKW/vhyxUOnd/sSXt1S40/1GLTCYZB/VrssfrTq/doWsRrrM/XI_2Bcgr/x5oAD7IR/Z4LA7n_2/F1qZdbCD/B1qMXo6B/b29/) rằng trong khi dân An Nam còn có cái quan niệm “coi quan như cha mẹ và thầy” đó, thì còn cần phải dùng lối nhân trị nghĩa là chánh phủ dùng người ra làm quan, cần phải trọng bên đức hơn bên tài.

Có một lúc, bị tình thế ép buộc, chánh phủ dùng người không cần “đức”, là lúc xứ nầy mới bị chinh phục vừa xong, người hiền trốn lánh không chịu ra, mà muôn việc không thể bỏ, thì lúc bấy giờ có tên thợ rèn đã được làm Tổng đốc, tên buôn gà đã được làm tri huyện. Cái chế độ dụng nhân ấy tạm thi hành trong hai lần lấy thành Hà Nội (1873 và 1882) nên mới có câu đối rằng: “Dã tượng tích vi tổng đốc; mại kê kim tác huyện quan”[(\*\*)](http://www.websurf.in/browse.php/TysYOvKW/vhyxUOnd/sSXt1S40/1GLTCYZB/VrssfrTq/doWsRrrM/XI_2Bcgr/x5oAD7IR/Z4LA7n_2/F1qZdbCD/B1qMXo6B/b29/).

Chúng tôi đã nói là “tạm hành”, vì biết sự đó là bởi cực chẳng đã, hồi nhà nước cần có người để sai sử, mà không có người, thì cũng phải dùng đỡ vậy thôi. Sau khi đó, trong nước được bình yên, nhà nước lại lấy nhân tài ở trong khoa cử hoặc học đường ra mà dùng.

Tuy vậy, chúng tôi cũng còn thấy những người xuất thân đê tiện mà được lên làm quan sang. Một anh lý trưởng đã nhảy lên ngôi tứ trụ. Vài anh bồi cũng đã nhờ có tài năng mọn mạy chi đó mà anh thì làm đến thượng thơ, anh thì làm đến tuần phủ. Còn mấy ông do chưn thông ngôn ký lục mà bây giờ cũng “vị cực nhân thần”, thì đem sánh với những hạng trên kia, thiệt đã xứng đáng lắm, chúng tôi còn nói năng chi.

Chúng tôi không hiểu làm sao đến ngày nay là ngày cuộc bảo hộ đã yên rồi, mà nhà nước lại còn đem cái “chế độ tạm” hồi trước ra mà thi hành lại? Sự dùng người lộn xộn như vậy thiệt là làm mích lòng dân nhiều lắm; mà sự làm mích lòng dân, ai dám bảo là sự không có hại gì cho chánh phủ ư?

Trước hết là đối với bọn sĩ phu. Bọn nầy, thầy của họ là Khổng Tử, Mạnh Tử, có cái chí khí tự trọng tự cao, ít hay chịu khuất, mà khi thấy anh bồi hay chú xã nhảy lên làm thầy họ, thì họ chịu sao nổi? Nhà nước chớ ngó thấy một vài kẻ ở trong đám nhà nho ra, cũng lòn lỏi nơi cửa quyền để nuôi cái thân cho mập, mà tưởng lầm rằng hết thảy sĩ phu trong nước đều phục cái chế độ ấy. Không đâu; sĩ phu họ vẫn không chịu được cái lối dùng người đó, mà nhiều sự phiến động cũng có một phần bởi cái duyên cớ ấy mà ra vậy.

Cho đến hạng dân hèn đi nữa, cũng đừng nên thấy họ ngu dốt mà tưởng rằng bất kỳ ông quan nào, hễ có bằng sắc của nhà nước thì họ cuối đầu vâng phục hết đâu. Cái người làm cha mẹ, làm thầy họ, mà không đáng mặt, thì họ đâu có chịu? Há chẳng từng thấy có nhiều dân làng kiện quan, và đến nỗi có nhiều khi họ khiêng quan đem trả cho nhà nước sao? Hạng bình dân nầy dễ bị người ta khêu chọc lắm, hễ họ đã sẵn có sự bất bình rồi, thì gặp có dịp gì một chút, họ sẽ nổi lên làm quấy.

Dùng người không có đức không có tư cách ra để làm lớn dân, thì cái hại là vậy đó.

Hiện bây giờ đây, ở Bắc kỳ dân sự đương kêu rêu về ông Vi Văn Định là người Thổ mà làm Tuần phủ Thái Bình. Tờ báo Tây *Ami du Peuple* đã viết một bài kể tội ông quan nầy và một bạn đồng nghiệp chúng tôi là *Đuốc Nhà Nam*có dịch đăng cách mấy bữa trước.

Theo báo *Ami du Peuple* thì ông Vi Văn Định thiệt là người tàn ác hại dân nhiều bề, cho nên dân tỉnh Thái Bình mới có cuộc biểu tình ngày 1er Mai để phản đối ông ấy.

Chúng tôi chẳng biết cài tài ông Vi Văn Định có những gì, chỉ biết ông ấy là người kém về đức; vậy mà nhà nước dùng làm một ông quan chúa tỉnh, theo cái lý thuyết trên kia thì dân sự không phục tình mà phản đối là phải.

Ngoài cái vấn đề tài đức, lại còn cái vấn đề chủng tộc nữa. Thái Bình là một tỉnh lớn, thanh danh văn vật giữa trung châu Bắc kỳ, cả dòng giống An Nam chẳng có một người đủ gánh cái trách nhiệm chúa tỉnh hay sao, mà lại phải cầu đến một người tôi con của “ngài Điêu”[(1)](http://www.websurf.in/browse.php/TysYOvKW/vhyxUOnd/sSXt1S40/1GLTCYZB/VrssfrTq/doWsRrrM/XI_2Bcgr/x5oAD7IR/Z4LA7n_2/F1qZdbCD/B1qMXo6B/b29/) mới được? Nhà nước không nghĩ kỹ mà làm điều ấy, thiệt đã chích bụng người An Nam lắm đó.

Đối với dân Chàm, nhà nước cũng còn nể họ, huyện Tham Lý[(\*)](http://www.websurf.in/browse.php/TysYOvKW/vhyxUOnd/sSXt1S40/1GLTCYZB/VrssfrTq/doWsRrrM/XI_2Bcgr/x5oAD7IR/Z4LA7n_2/F1qZdbCD/B1qMXo6B/b29/) là huyện rặt những Chàm đó, vẫn dùng người Chàm làm tri huyện, thì nỡ nào lại dùng một người Thổ để ngồi trên dân An Nam?

Cái vấn đề chủng tộc tuy là quan hệ mà là đơn độc, vì chỉ có cái “ca” Vi Văn Định đây thì nó mới phát sanh. Còn cái vấn đề tài đức kia là phổ biến, vì nó bao hàm hết sự dùng người của chánh phủ, vậy nên chúng tôi xin chánh phủ để ý về chổ đó hơn khi bê một ông quan địa phương ra, phải nghĩ đến chỗ cái đức ông ấy có đủ cho dân tình phục không, chớ đừng kể nội một cái tài đủ cho chánh phủ.

Đã có một lần chúng tôi đem cái ý kiến trên nầy mà bày tỏ cho một vị thủ hiến bên Bảo hộ ở Trung kỳ nghe. Ngài dạy rằng đã biết vậy rồi, song trong quan trường An Nam ngày nay hình như ông nào cũng vậy đó, biết đâu kiếm cho ra người có đức mà dùng! Chúng tôi thưa lại như vầy: “Nếu quả như lời thượng quan nói đó thì “người” Việt Nam chúng tôi ngày nay đã hóa ra “ma” hết rồi sao? Không có lẽ”. Vị thủ hiến bèn gật đầu mỉn cười, và nói rằng: “Nhưng lại còn phải biết sự thay đổi là khó quá!” – Cái đó thì chúng tôi cũng biết rồi, khó quá![(\*\*)](http://www.websurf.in/browse.php/TysYOvKW/vhyxUOnd/sSXt1S40/1GLTCYZB/VrssfrTq/doWsRrrM/XI_2Bcgr/x5oAD7IR/Z4LA7n_2/F1qZdbCD/B1qMXo6B/b29/)

PHAN KHÔI

*Trung lập*, Sài Gòn, s.6157 (27.5.1930)